

DANH MỤC ĐỀ CHƯƠNG CHI TIẾT NGÀNH KẾ TOÁN

1.	81088 – TRIẾT HỌC MÁC – LÊ NIN	1
2.	81089 – KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊ NIN	14
3.	81090 – CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	28
4.	81003 – TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	44
5.	81091 – LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	60
6.	81005 – PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (GENERAL LAW)	75
7.	81087 – TIẾNG ANH 1	88
8.	81009 – TIẾNG ANH 2	104
9.	81010 – TIẾNG ANH 3	119
10.	81011 – TIẾNG ANH 4	134
11.	81036 – LÝ THUYẾT XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ TOÁN	145
12.	81017 – TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG	155
13.	81065 – TOÁN CAO CẤP C (CALCULUS C)	167
14.	81099 – GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH - HP 1	177
15.	81100 – GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH - HP 2	187
16.	81032 – GIÁO DỤC QP VÀ AN NINH - HP 3	198
17.	81033 – GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH - HP 4	208
18.	81106 – GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1 (CẦU LÔNG)	218
19.	81019 – GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (BÓNG CHUYỀN)	228
20.	81035 – TƯ DUY PHẢN BIỆN	238
21.	81031 – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	252
22.	41002 – KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH	263
23.	41005 – KỸ NĂNG LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	277
24.	41006 – NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN	288
25.	41007 – QUẢN TRỊ HỌC	298
26.	51042 – KINH TẾ VI MÔ	311
27.	41095 – TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ	323
28.	41060 – NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ	334
29.	51031 – KINH TẾ VĨ MÔ	346
30.	7340301 – MARKETING CĂN BẢN	358
31.	41087 – LUẬT KINH TẾ	372

32.	41008 – THUẾ.....	384
33.	41092 – KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1.....	394
34.	41092 – KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2.....	409
35.	41012 – KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ	426
36.	41020 – TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1	437
37.	41071 – TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 2.....	448
38.	41110 – NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	459
39.	81096 – KHỞI TẠO DOANH NGHIỆP	473
40.	41068 – KẾ TOÁN CHI PHÍ.....	485
41.	41115 – KẾ TOÁN QUẢN TRỊ (ACCA)	496
42.	41116 – KẾ TOÁN QUỐC TẾ.....	511
43.	41014 – KIỂM TOÁN CĂN BẢN	524
44.	41094 – THỰC HÀNH SỔ SÁCH VÀ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH	536
45.	41117 – THỰC HÀNH KHAI BÁO VÀ QUYẾT TOÁN THUẾ	550
46.	41118 – HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN	563
47.	41093 – THỰC HÀNH PHẦN MỀM KẾ TOÁN.....	576
48.	41066 – PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP.....	588
49.	41119 – QUẢN TRỊ CHI PHÍ	599
50.	41120 – KẾ TOÁN CÔNG.....	610
51.	41121 – KẾ TOÁN NGÂN HÀNG.....	624
52.	41122 – KẾ TOÁN XUẤT NHẬP KHẨU	636
53.	41123 – KẾ TOÁN XÂY DỰNG	647
54.	91013 – THỰC TẬP CUỐI KHÓA	659
55.	91010 – KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	668
56.	41124 – QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH CÁ NHÂN.....	677
57.	41126 – CƠ SỞ DỮ LIỆU.....	688
58.	41125 – KIỂM TOÁN NỘI BỘ	704

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81088 – TRIẾT HỌC MÁC – LÊ NIN

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (3; 0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Số tiết học lý thuyết và các hoạt động trực tiếp trên lớp: 45 tiết.
- Số tiết tự học theo hình thức E-Learning, bài tập: 0 tiết.
- Số giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ thứ: 1, năm thứ nhất, từ khóa D21.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt
- Tài liệu giảng dạy: Giáo trình, các học liệu (video, tài liệu đọc).

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Nguyễn Đăng Thành	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:

Email: thanh.nd@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Triết học Mác - Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Học phần gồm có 3 chương. Trong đó, chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của Triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, bao gồm vấn đề vật chất, ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm những vấn đề về hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, triết học về con người.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Trang bị những kiến thức cơ bản về điều kiện ra đời, phát triển và vai trò triết học nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng. Hiểu được những quan điểm cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng: về vật chất và ý thức, về phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trang bị những kiến thức cơ bản về hình thái kinh tế - xã hội, những quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển của xã hội loài người, về vai trò của đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội, về mối quan hệ giữa giai cấp - dân tộc - nhân loại, tồn tại xã hội - ý thức xã hội, về vai trò của lãnh tụ và quần chúng nhân dân trong cách mạng xã hội,...

Về kỹ năng:

Kỹ năng khai thác học liệu, khả năng vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề để giải quyết các vấn đề trong học tập, công việc, thực tiễn cuộc sống.

Về thái độ:

Thái độ tích cực về tính khoa học của môn học. Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải liên quan đến việc vận dụng tư duy triết học trong thực tế.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
--------------------------------------	------------------------------------	---

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Nắm vững những kiến thức cơ bản về điều kiện ra đời, phát triển và vai trò triết học nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng. Hiểu được những quan điểm cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng: về vật chất và ý thức, về phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trang bị những kiến thức cơ bản về hình thái kinh tế - xã hội, những quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển của xã hội loài người, về vai trò của đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội, về mối quan hệ giữa giai cấp - dân tộc - nhân loại, tồn tại xã hội - ý thức xã hội, về vai trò của lãnh tụ và quần chúng nhân dân trong cách mạng xã hội,...	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	Kỹ năng khai thác học liệu, khả năng vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề để giải quyết các vấn đề trong học tập, công việc, thực tiễn cuộc sống.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thái độ tích cực về tính khoa học của môn học. Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải liên quan đến việc vận dụng tư duy triết học trong thực tế.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
--------------------------------------	------------------------------------	---

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Nắm vững những kiến thức cơ bản về điều kiện ra đời, phát triển và vai trò triết học nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng. Hiểu được những quan điểm cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng: về vật chất và ý thức, về phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trang bị những kiến thức cơ bản về hình thái kinh tế - xã hội, những quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển của xã hội loài người, về vai trò của đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội, về mối quan hệ giữa giai cấp - dân tộc - nhân loại, tồn tại xã hội - ý thức xã hội, về vai trò của lãnh tụ và quần chúng nhân dân trong cách mạng xã hội,...	ELO1
Kỹ năng		
CELO2	Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm, tự học, khai thác học liệu, tìm kiếm thông tin dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	ELO5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thái độ tích cực về tính khoa học của môn học. Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải liên quan đến việc vận dụng tư duy triết học trong thực tế.	ELO11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81088	Triết học Mác - Lênin	H	N	N	N	H	N	N	N	N	N	H	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (suppoorted)

- H: *Đóng góp quan trọng (highly supported)*

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
 - + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.
 - + Nghe giảng và đặt câu hỏi
 - + Cố gắng trả lời câu hỏi;
 - + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
 - + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự các buổi thuyết giảng đúng giờ, đầy đủ.
- Sinh viên phải lập các nhóm học tập và cử 1 nhóm trưởng theo hướng dẫn của giảng viên (nếu giảng viên yêu cầu).
- Sinh viên phải khai thác học liệu: xem các video bài giảng, đọc các tài liệu do giảng viên cung cấp.
- Sinh viên phải làm các bài tập đúng hạn. Nếu quá hạn quy định sinh viên sẽ không được làm lại và bài đó không có điểm.
- Sinh viên phải tham dự kỳ thi cuối kỳ theo kế hoạch.
- Sinh viên đi học ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	- Bài kiểm tra thường xuyên (quiz, bài luận, nhóm). - Thi trắc nghiệm cuối kỳ - đề mở.	- Hàng tuần. - Cuối kỳ.
CELO 2	x	x	x	X	x	- Bài kiểm tra thường xuyên (quiz, bài luận, nhóm). - Thi trắc nghiệm cuối kỳ - đề mở.	- Hàng tuần. - Cuối kỳ.
CELO 3	x	x	x	X	x	- Bài kiểm tra thường xuyên (quiz, bài luận, nhóm).	- Hàng tuần.

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	10%	
3	Bản thu hoạch		
4	Thuyết trình		
5	Báo cáo		
6	Thi giữa học kỳ	20%	
7	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (tự luận)

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo(2021), Giáo trình Triết học Mác - Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.

10.2 Tài liệu học tập

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo(2021), Giáo trình Triết học Mác - Lênin (dành cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.

3. TS. Phạm Văn Sinh (2018), Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, NXB Chính trị quốc gia sự thật.

4. Johannes Hirschberger(2020), Lịch sử triết học tập 1,2, Công ty sách Thời đại & NXB Tri thức.

5. Tài liệu tham khảo trên một số website chính thống của Đảng và Nhà nước: www.dangcongsan.vn; www.tapchiconsan.vn; ...

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Học liệu (video, tài liệu đọc).

11. Nội dung chi tiết của học phần

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>Chương 1. Khái luận về Triết học và triết học Mác – Lênin (5 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p><i>1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học</i></p> <p>1.1.1. Khái lược về triết học</p> <p>1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>1.1.3. Biện chứng và siêu hình</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (10 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>1.1. Lịch sử triết học phương Đông</p> <p>1.2. Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	CELO 1, 2, 3
2	<p>Chương 1. Khái luận về Triết học và triết học Mác - Lênin (tt) (5 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p><i>1.2. Triết học Mác - Lênin vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội</i></p> <p>1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin</p> <p>1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin</p> <p>1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (10 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>1.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	CELO 1, 2, 3
3	<p>Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng (5 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p><i>2.1. Vật chất và ý thức</i></p> <p>2.1.1. Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất</p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</p> <p>2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (10 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>2.1. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	
4	<p>Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng (tt) (5 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>2.2. <i>Phép biện chứng duy vật</i></p> <p>2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (10 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>2.2. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	CELO 1, 2, 3
5	<p>Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng (tt) (5 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>2.3. <i>Lý luận nhận thức</i></p> <p>2.3.1. Quan điểm về nhận thức trong lịch sử triết học</p> <p>2.3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (10 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>2.3. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	CELO 1, 2, 3
6	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (5 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p><i>3.1. Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội</i></p> <p>3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội</p> <p>3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</p> <p>3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</p> <p>3.1.4. Sự phát triển của các HTKTXH là một quá trình lịch sử tự nhiên</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (10 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>3.1. Vận dụng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam</p> <p>3.2. Vận dụng quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	
7	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (tt) (5 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>3.2. <i>Giai cấp và dân tộc</i></p> <p>3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp</p> <p>3.2.2. Dân tộc</p> <p>3.2.3. Mối quan hệ giữa giai cấp - dân tộc - nhân loại</p> <p>3.3. <i>Nhà nước và cách mạng xã hội</i></p> <p>3.1.1. Nhà nước</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (10 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>3.3. Vai trò đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	CELO 1, 2, 3
8	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (tt) (5 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội (tt)</p> <p>3.1.2. Cách mạng xã hội</p> <p>3.4. Ý thức xã hội</p> <p>3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</p> <p>3.4.2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội</p> <p>3.4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (10 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>3.4. Từ quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về vai trò của cách mạng xã hội, liên hệ đến Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2, rubric 3.</p>	
9	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (tt) (5 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>3.5. Triết học về con người</p> <p>3.5.1. Con người và bản chất con người</p> <p>3.5. 2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người</p> <p>3.5.3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử</p> <p>3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (10 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>3.5. Vai trò của chủ tịch Hồ Chí Minh và quần chúng nhân dân Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p> <p>Ôn tập, trả kết quả điểm quá trình, giải đáp thắc mắc, ...</p>	CELO 1, 2, 3

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 08 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

TS. Trần Thanh Vũ**TRƯỞNG BỘ MÔN**

TS. Nguyễn Duy Dũng**GIẢNG VIÊN**

ThS. Nguyễn Đăng Thành

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81089 – KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊ NIN

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (2; 0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 0
- Giờ tự học của sinh viên: 60

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Sau khi học xong môn Triết học Mác - Lênin

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ thứ: 1, năm thứ 2, từ khóa D21.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt
- Tài liệu giảng dạy: Giáo trình, các học liệu (video, tài liệu đọc).

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị An	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0984636292

Email: an.lt@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Học phần được cấu trúc thành 6 chương. Trong đó, chương 1 giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của môn học; chương 2, 3, 4 tập trung nghiên cứu những quan điểm về kinh tế chính trị Mác - Lênin: lý luận giá trị lao động, quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, giai đoạn độc quyền và độc quyền nhà nước; chương 5,6 trình bày kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, những quan điểm, giải pháp về công nghiệp hóa hiện đại hóa và vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động và phát triển các hoạt động kinh tế trong lịch sử xã hội loài người, đặc biệt là về hàng hóa và các loại thị trường. Giúp người học hiểu được bản chất và các giai đoạn hình thành, phát triển của chủ nghĩa tư bản, học thuyết giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường và các quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Trang bị những kiến thức cơ bản về nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Nắm vững chủ trương về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Về kỹ năng:

Khả năng vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề để đánh giá, bình luận và đưa ra giải pháp cho các vấn đề kinh tế chính trị trong nước và quốc tế, các quy luật kinh tế và xu hướng vận động phát triển của Việt Nam, thế giới.

Về thái độ:

Tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước. Từ đó, phấn đấu học tập, rèn luyện trở thành người công dân tốt, người lao động tốt, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải liên quan đến việc vận dụng các kiến thức kinh tế chính trị vào trong thực tế.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	<p>Nắm vững những kiến thức cơ bản về sự vận động và phát triển các hoạt động kinh tế trong lịch sử xã hội loài người, đặc biệt là về hàng hóa và các loại thị trường. Giúp người học hiểu được bản chất và các giai đoạn hình thành, phát triển của chủ nghĩa tư bản, học thuyết giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường và các quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Trang bị những kiến thức cơ bản về nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Nắm vững chủ trương về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.</p>	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	<p>Khả năng vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề để đánh giá, bình luận và đưa ra giải pháp cho các vấn đề kinh tế chính trị trong nước và quốc tế, các quy luật kinh tế và xu hướng vận động phát triển của Việt Nam, thế giới.</p>	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	<p>Tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước. Từ đó, phấn đấu học tập, rèn luyện trở thành người công dân tốt, người lao động tốt, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải liên quan đến việc vận dụng các kiến thức kinh tế chính trị vào trong thực tế.</p>	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81089	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	H	N	N	N	H	N	N	N	N	N	S	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự các buổi thuyết giảng đúng giờ, đầy đủ.
- Sinh viên phải lập các nhóm học tập và cử 1 nhóm trưởng theo hướng dẫn của giảng viên (nếu giảng viên yêu cầu).
- Sinh viên phải khai thác học liệu: xem các video bài giảng, đọc các tài liệu do giảng viên cung cấp.
- Sinh viên phải làm các bài tập đúng hạn. Nếu quá hạn quy định sinh viên sẽ không được làm lại và bài đó không có điểm.
- Sinh viên phải tham dự kỳ thi cuối kỳ theo kế hoạch.
- Sinh viên đi học ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà

sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	X	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ trắc nghiệm - sinh viên được sử dụng tài liệu	- Cuối mỗi chương. - Hàng buổi. - Cuối kỳ.
CELO 2	x	x	X	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài kiểm tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ trắc nghiệm - sinh viên được sử dụng tài liệu	- Cuối mỗi chương. - Hàng buổi. - Cuối kỳ.
CELO 3	x	x	X	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài kiểm tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ trắc nghiệm - sinh viên được sử dụng tài liệu	- Cuối mỗi chương. - Hàng buổi. - Cuối kỳ.

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
----	------------	--------------	---------

1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	10%	
3	Bản thu hoạch		
4	Thuyết trình		
5	Báo cáo		
6	Thi giữa học kỳ	20%	
7	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021.

10.2 Tài liệu học tập

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (dành cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021

3. TS. Phạm Văn Sinh, Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2018.

4. Tài liệu tham khảo trên một số website chính thống của Đảng và Nhà nước: www.dangcongsan.vn; www.tapchicongsan.vn; ...

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Các video, tài liệu đọc có liên quan đến nội dung môn học

11. Nội dung chi tiết của học phần

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin (3 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p><i>1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin</i></p> <p><i>1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin</i></p> <p>1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p>1.2.2. Mục đích nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p>1.2.3. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p><i>1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin</i></p> <p>1.3.1. Chức năng nhận thức</p> <p>1.3.2. Chức năng thực tiễn</p> <p>1.3.3. Chức năng tư tưởng</p> <p>1.3.4. Chức năng phương pháp luận</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (6 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>1.1. Sự ra đời và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p> <p>Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường (2 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p><i>2.1. Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa</i></p> <p>2.1.1. Sản xuất hàng hóa</p> <p>2.1.2. Hàng hóa</p> <p>2.1.3. Tiền tệ</p> <p>2.1.4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu</p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>tổ khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (4 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>2.1. Dịch vụ và một số thị trường hàng hóa đặc biệt ở Việt Nam hiện nay</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	
2	<p>Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường (tt) (3 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>2.2. Thị trường và nền kinh tế thị trường</p> <p>2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của thị trường</p> <p>2.2.2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường</p> <p>2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường</p> <p>2.3.1. Người sản xuất</p> <p>2.3.2. Người tiêu dùng</p> <p>2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường</p> <p>2.3.4. Nhà nước</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (6 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>2.2. Biểu hiện và tác động của các quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p> <p>Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường (2 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>3.1. Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư</p> <p>3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư</p> <p>3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư</p> <p>3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư</p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (4 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>3.1. Bản chất bóc lột giai cấp công nhân của giai cấp tư sản.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	
3	<p>Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường (5 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>3.2. Tích lũy tư bản</p> <p>3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản</p> <p>3.2.2. Những nhân tố góp phần tăng quy mô tích lũy</p> <p>3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản</p> <p>3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường</p> <p>3.1.1. Lợi nhuận</p> <p>3.1.2. Lợi tức</p> <p>3.1.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (10 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>3.2. Bản chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại</p> <p>3.3. Đời sống của giai cấp công nhân hiện nay</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	CELO 1, 2, 3
4	<p>Chương 4. Cạnh tranh và độc quyền trong kinh tế thị trường (5 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường</p> <p>4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền</p> <p>4.1.2. Quan hệ cạnh tranh trong trạng thái độc quyền</p> <p>4.2. Lý luận của V.I.Lênin về các đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư</p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p><i>bản chủ nghĩa</i></p> <p>4.2.1. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền</p> <p>4.2.2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản</p> <p>4.3. <i>Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay; vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản</i></p> <p>4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền</p> <p>4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản</p> <p>4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (10 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>4.1. Mối quan hệ giữa chủ nghĩa tư bản độc quyền và sự ra đời của hệ thống các quốc gia thuộc địa</p> <p>4.2. Vai trò và hạn chế của chủ nghĩa tư bản hiện nay</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	
5	<p>Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam (5 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>5.1. <i>Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</i></p> <p>5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.2. <i>Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</i></p> <p>5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.3. <i>Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam</i></p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>5.3.1. Lợi ích kinh tế và các quan hệ lợi ích kinh tế</p> <p>5.3.2. Vai trò Nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (10 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>5.1. Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</p> <p>5.2. Vấn đề đảm bảo hài hòa lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2, rubric 3</p>	
6	<p>Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam (5 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p><i>6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</i></p> <p>6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa</p> <p>6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</p> <p><i>6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</i></p> <p>6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam</p> <p>6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học (10 giờ): sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>6.1. Vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư</p> <p>6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế với các vấn đề chính trị xã hội</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	CELO 1, 2, 3
	Ôn tập, trả kết quả điểm quá trình, giải đáp thắc mắc, ...	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết , Phòng học Tổ chức lớp học trên Microsoft Team, Trang học Elearning.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết



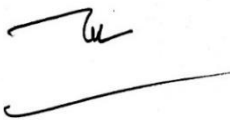
- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.

- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.

- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:

- + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
- + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi thay đổi theo mẫu mới.
- + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
- + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

<p>TRƯỞNG KHOA</p>  <p>TS. Trần Thanh Vũ</p>	<p>TRƯỞNG BỘ MÔN</p>  <p>TS. Nguyễn Duy Dũng</p>	<p>GIẢNG VIÊN</p>  <p>ThS. Lê Thị An</p>

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81090 – CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (2; 0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Số tiết lý thuyết và các hoạt động trực tiếp trên lớp: 30 tiết
- Số tiết lý thuyết học theo hình thức E-Learning, Ms teams, bài tập: 0 tiết
- Số giờ tự học của sinh viên: 60 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin

1.5. Học phần học trước: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ thứ: 2, năm 2, từ khóa D21.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt
- Tài liệu giảng dạy: Giáo trình, các học liệu (video, tài liệu đọc).

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Doãn Thị Huệ	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0385091343
Email: hue.dt@tkkt.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Học phần gồm có 7 chương trình bày về những quy luật cơ bản của sự ra đời, vận động và phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong đó, chương 1 trình bày khái quát về môn chủ nghĩa xã hội khoa học. Chương 2 nói về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Chương 3 đi vào phân tích về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ở các chương 4, chương 5, chương 6, chương 7 trình bày về những vấn đề chính trị xã hội có tính chất quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự vận dụng ở Việt Nam, bao gồm: dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học. Qua đó, sinh viên nhận thức được các vấn đề của thực tiễn xã hội trong công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước Việt Nam hiện nay.

Về kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự học, khai thác học liệu, tư duy biện chứng, tư duy phản biện cho sinh viên, giải quyết các vấn đề trong học tập, công việc, thực tiễn cuộc sống. Vận dụng những kiến thức môn học để học tập các môn tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và các môn chuyên ngành.

Về thái độ:

Thái độ tích cực về lý tưởng và con đường đi lên xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội Việt Nam, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức lối sống tốt, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải liên quan đến việc vận dụng các kiến thức chủ nghĩa xã hội khoa học vào trong thực tế.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Nắm vững những lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học. Qua đó, sinh viên nhận thức được các vấn đề của thực tiễn xã hội trong công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước Việt Nam hiện nay.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự học, khai thác học liệu, tư duy biện chứng, tư duy phản biện cho sinh viên, giải quyết các vấn đề trong học tập, công việc, thực tiễn cuộc sống. Vận dụng những kiến thức môn học để học tập các môn tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và các môn chuyên ngành.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thái độ tích cực về lý tưởng và con đường đi lên xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội Việt Nam, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức lối sống tốt, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải liên quan đến việc vận dụng các kiến thức chủ nghĩa xã hội khoa học vào trong thực tế.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
CELO1	Nắm vững những lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học. Qua đó, sinh viên nhận thức được các vấn đề của thực tiễn xã hội trong công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước Việt Nam hiện nay.	ELO1
Kỹ năng		
CELO2	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự học, khai thác học liệu, tư duy biện chứng, tư duy phản biện cho sinh viên, giải quyết các vấn đề trong học tập, công việc, thực tiễn cuộc sống. Vận dụng những kiến thức môn học để học tập các môn tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và các môn chuyên ngành.	ELO5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thái độ tích cực về lý tưởng và con đường đi lên xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội Việt Nam, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức lối sống tốt, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải liên quan đến việc vận dụng các kiến thức chủ nghĩa xã hội khoa học vào trong thực tế.	ELO11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81090	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H	N	N	N	H	N	N	N	N	N	S	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự các buổi thuyết giảng đúng giờ, đầy đủ.
- Sinh viên phải lập các nhóm học tập và cử 1 nhóm trưởng theo hướng dẫn của giảng viên (nếu giảng viên yêu cầu).
- Sinh viên phải khai thác học liệu: xem các video bài giảng, đọc các tài liệu do giảng viên cung cấp.
- Sinh viên phải làm các bài tập đúng hạn. Nếu quá hạn quy định sinh viên sẽ không được làm lại và bài đó không có điểm.
- Sinh viên phải tham dự kỳ thi cuối kỳ theo kế hoạch.
- Sinh viên đi học ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1				x	x	- Bài kiểm tra thường xuyên (trắc nghiệm, bài luận, bài nhóm). - Thi trắc nghiệm cuối kỳ. - đề mở.	- Hàng tuần. - Cuối kỳ.
CELO 2				x	x	- Bài kiểm tra thường xuyên (trắc nghiệm, bài luận, bài nhóm). - Thi trắc nghiệm cuối kỳ - đề mở.	- Hàng tuần. - Cuối kỳ.
CELO 3				x	x	- Bài kiểm tra thường xuyên (trắc nghiệm, bài luận, bài nhóm). - Thi trắc nghiệm cuối kỳ - đề mở.	- Hàng tuần. - Cuối kỳ.

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	10%	
3	Bản thu hoạch		
4	Thuyết trình		
5	Báo cáo		

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
6	Thi giữa học kỳ	20%	
7	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

10.1 Giáo trình

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia sự thật.

10.2 Tài liệu học tập

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc Đại học hệ chuyên Lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật.
3. Một số website chính thống phục vụ cho môn học: www.dangcongsan.vn; www.tapchicongsan.org.vn; www.chinhphu.vn

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Học liệu (video, tài liệu đọc).

11. Nội dung chi tiết của học phần

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>A- Các nội dung chính (4,5 tiết)</p> <p>I. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời CNXHKKH 2. Vai trò của Các Mác và Ăngghen <p>II. Các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXHKKH</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển CNXHKKH 2. Lênin vận dụng và phát triển CNXHKKH trong điều kiện mới 3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của CNXHKKH từ sau khi Lênin qua đời đến nay <p>III. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đối tượng nghiên cứu của CNXHKKH 2. Phương pháp nghiên cứu của CNXHKKH 3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH <p>Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>I. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân 2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (0,5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tự học theo hướng dẫn của giảng viên. <p>Giáo trình chính:</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021</p> <p>Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ</i></p>	<p>CELO 1, 2, 3</p> <p>Phụ lục 3b</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p><i>nghĩa xã hội khoa học</i> (Dành cho bậc Đại học hệ chuyên Lý luận chính trị), Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021.</p> <p>- Một số website chính thống phục vụ cho môn học: www.dangcongsan.vn; www.tapchicongsan.org.vn; www.chinhphu.vn</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3.</p>	
2	<p>Chương 2 : (tiếp theo)</p> <p>A-Các nội dung chính (4.5 tiết)</p> <p>I. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân</p> <p>2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>II. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay</p> <p>1. Giai cấp công nhân hiện nay</p> <p>2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay</p> <p>III. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam</p> <p>1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam</p> <p>2. Nội dung sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay</p> <p>3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay</p> <p>Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>I. Chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Chủ xã hội chủ nghĩa, giai đoạn đầu của hình thái KT - XH Cộng sản chủ nghĩa.</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (0,5 tiết)</p> <p>- Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)</p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>- Sinh viên tự học theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>Giáo trình chính</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021</p> <p>Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc Đại học hệ chuyên Lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021.</p> <p>- Một số website chính thống phục vụ cho môn học: www.dangcongsan.vn; www.tapchicongsan.org.vn; www.chinhphu.vn</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3.</p>	
3	<p>Chương 3 : (tiếp theo)</p> <p>A-Các nội dung chính (4.5 tiết)</p> <p>I. Chủ nghĩa xã hội</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội 3. Những đặc trưng cơ bản của CNXH <p>II. Thời kỳ quá độ lên chủ xã hội chủ nghĩa</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH 2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <p>III. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đặc điểm quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa 2. Những đặc trưng của CNXH và phương hướng xây dựng CNXH ở VN hiện nay <p>Chương 4: Dân chủ Xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Xã hội chủ nghĩa</p> <p>I. Dân chủ Xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Xã hội chủ nghĩa</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (0,5 tiết)</p> <p>- Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)</p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>- Sinh viên tự học theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>Giáo trình GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021</p> <p>Giáo trình và tài liệu tham khảo khác GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc Đại học hệ chuyên Lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021.</p> <p>- Một số website chính thống phục vụ cho môn học: www.dangcongsan.vn; www.tapchicongsan.org.vn; www.chinhphu.vn</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập: <i>Phương pháp đánh giá:</i> Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3</p>	
4	<p>Chương 4: (Tiếp theo)</p> <p>A- Các nội dung chính (3.5 tiết)</p> <p>I. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa 2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>II. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của NN xã hội chủ nghĩa 2. Mối quan hệ giữa dân chủ XHCN và nhà nước XHCN</p> <p>III. Dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam 1. Dân chủ XHCN ở Việt Nam 2. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam 3. Phát huy dân chủ XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay</p> <p>Chương 5: Cơ cấu xã hội, giao cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>I. Cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH 1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội 2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai</p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (0,5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. <p>Kiểm tra quá trình: 1 tiết</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tự học theo hướng dẫn của giảng viên. <p>SV sẽ chuẩn bị các nội dung dưới dạng powerpoint theo mỗi nhóm dưới sự hướng dẫn của GV nhằm phục vụ cho buổi học online của tuần thứ 5 kế tiếp.</p> <p>Giáo trình</p> <p style="padding-left: 40px;">GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021</p> <p>Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <p style="padding-left: 40px;">GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc Đại học hệ chuyên Lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số website chính thống phục vụ cho môn học: www.dangcongsan.vn; www.tapchicongsan.org.vn; www.chinhphu.vn <p>C. Đánh giá kết quả học tập:</p> <p><i>Phương pháp đánh giá:</i> Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3.</p>	
5	<p>Chương 5: (Tiếp theo)</p> <p>A-Các nội dung chính (5 tiết)</p> <p>II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>III. Cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam 2.Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam <p>Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>I. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc 2. Xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc <p>II. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo 2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay <p>GV sẽ gọi từng nhóm SV trình bày và thuyết trình powerpoint về nội dung đã được giao chuẩn bị từ trước (ở tuần thứ 4).</p> <p>-GV sẽ tổ chức, điều khiển và nhận xét, tổng kết các nội dung bài học trên cơ sở nội dung SV vừa thuyết trình.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)</p> <p>- Sinh viên tự học theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>Giáo trình</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021</p> <p>Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc Đại học hệ chuyên Lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021.</p> <p>- Một số website chính thống phục vụ cho môn học: www.dangcongsan.vn; www.tapchicongsan.org.vn; www.chinhphu.vn</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3.</p>	
6	<p>Chương 6: (Tiếp theo)</p> <p>A-Các nội dung chính (4 tiết)</p> <p>III. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay <p>Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ</p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>nghĩa xã hội</p> <p>I. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm gia đình 2. Vị trí của gia đình trong xã hội 3. Chức năng cơ bản của gia đình <p>II. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở kinh tế - xã hội 2. Cơ sở chính trị - xã hội 3. Cơ sở văn hóa 4. Chế độ hôn nhân tiên bộ <p>III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH 2. Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình 3. Biến đổi các mối quan hệ gia đình 4. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình VN trong thời kỳ quá độ lên CNXH <p>- Hệ thống lại nội dung cơ bản của môn học : 1 tiết</p> <p>- Công bố điểm quá trình</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)</p> <p>- Sinh viên tự ôn tập nội dung môn học theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>Giáo trình chính</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021</p> <p>Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc Đại học hệ chuyên Lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021.</p> <p>- Một số website chính thống phục vụ cho môn học: www.dangcongsan.vn; www.tapchicongsan.org.vn; www.chinhphu.vn</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập:</p>	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<i>Phương pháp đánh giá:</i> Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3.	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết, hệ thống hạ tầng (internet) phục vụ học theo hình thức E-Learning tốt.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



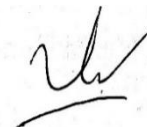
TS. Trần Thanh Vũ

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Duy Dũng

GIẢNG VIÊN



ThS. Doãn Thị Huệ

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81003 – TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (2; 0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Số tiết lý thuyết trên lớp: 6 tiết.
- Số tiết học E-Learning: 21 tiết.
- Số giờ tham quan học tập ở bảo tàng: 3 giờ.
- Số giờ tự học của sinh viên: 60 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ thứ: 1, năm thứ nhất. Khóa D22

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt
- Tài liệu giảng dạy: Giáo trình, các học liệu (video, tài liệu đọc).

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Doãn Thị Huệ	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận	Điện thoại liên hệ: 0385091343

An, Thuận Giao, Bình Dương	
Email: hue.dt@kttk.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	
Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng cộng sản và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Sinh viên trình bày khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn học, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.

Về kỹ năng:

Sinh viên thực hiện kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự học, khai thác học liệu, tư duy độc lập, phân tích, đánh giá; Vận dụng những quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh để đưa ra những lập luận và giải pháp cho một số vấn đề về kinh tế, chính trị - xã hội, văn hóa trong phạm vi ngành nghề.

Về thái độ:

Thể hiện thái độ tích cực về lý tưởng, con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, có phẩm chất đạo đức và lối sống tốt, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải liên quan đến việc vận dụng các kiến thức về tư tưởng Hồ Chí Minh vào trong thực tế.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Nắm vững khái niệm, đối tượng và phương	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	pháp nghiên cứu của môn học, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.	
Kỹ năng		
CELO2	Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự học, khai thác học liệu, tư duy độc lập, phân tích, đánh giá; Vận dụng những quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh để đưa ra những lập luận và giải pháp cho một số vấn đề về kinh tế, chính trị - xã hội, văn hóa trong phạm vi ngành nghề.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện thái độ tích cực về lý tưởng, con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, có phẩm chất đạo đức và lối sống tốt, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải liên quan đến việc vận dụng các kiến thức về tư tưởng Hồ Chí Minh vào trong thực tế.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Nắm vững khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn học, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư	ELO1

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.	
Kỹ năng		
CELO2	Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự học, khai thác học liệu, tư duy độc lập, phân tích, đánh giá; Vận dụng những quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh để đưa ra những lập luận và giải pháp cho một số vấn đề về kinh tế, chính trị - xã hội, văn hóa trong phạm vi ngành nghề.	ELO5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện thái độ tích cực về lý tưởng, con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, có phẩm chất đạo đức và lối sống tốt, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải liên quan đến việc vận dụng các kiến thức về tư tưởng Hồ Chí Minh vào trong thực tế.	ELO11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H	N	N	N	H	N	N	N	N	N	S	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- Thuyết giảng những nội dung chính của học phần theo nội dung chi tiết trình bày trong Mục 8 và các tài liệu học tập đã cung cấp cho sinh viên.

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1		x		X	x	- Bài quiz thường xuyên. Thi trắc nghiệm cuối kỳ; đề mở.	- Hàng tuần. Cuối kỳ.
CELO 2		x		X	x	- Bài quiz thường xuyên. Thi trắc nghiệm cuối kỳ; đề mở.	- Hàng tuần. Cuối kỳ.
CELO 3		x		X	x	- Bài quiz thường xuyên. Thi trắc nghiệm cuối kỳ; đề mở.	- Hàng tuần. Cuối kỳ.

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	10%	
3	Bản thu hoạch		
4	Thuyết trình		
5	Báo cáo		
6	Thi giữa học kỳ	20%	
7	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
		<i>học</i>			<i>học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề;	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
	tích và áp dụng sáng tạo	không có/ ít thể hiện sáng tạo	

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.

10.2 Tài liệu học tập

2. PGS. TS. Bùi Đình Phong (2009), Trí tuệ và bản lĩnh văn hóa Hồ Chí Minh, NXB Công An Nhân Dân.
3. PGS. TS. Nguyễn Thanh, TS. Lê Xuân Nam, ThS. Hoàng Xuân Sơn, ThS. Đỗ Minh Tú (2012), Tìm hiểu Tư tưởng Hồ Chí Minh - Hỏi và trả lời, NXB Thời Đại.

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Video clip và slide bài giảng trên hệ thống Elearning của Nhà Trường.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Hồ Chí Minh</p> <p>A. Nội dung chính trên lớp (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương chi tiết học phần. - Hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập. 	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>I. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>II. Đối tượng nghiên cứu</p> <p>III. Phương pháp nghiên cứu</p> <p>1. Cơ sở phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2. Một số phương pháp cụ thể</p> <p>IV. Ý nghĩa của việc học môn học tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận</p> <p>2. Giáo dục định hướng thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước</p> <p>3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác</p>	
	<p>Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</p>	
	<p>A. Các nội dung chính (3 tiết)</p> <p>I. Cơ sở hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1. Cơ sở thực tiễn</p> <p>2. Cơ sở lý luận</p> <p>3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh</p> <p>II. Quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm đường cứu nước mới</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: 1 tiết</p> <p>- Bài tập theo hướng dẫn của GV.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà (15 giờ)</p> <p>- Ý nghĩa của việc học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên.</p> <p>Giáo trình</p> <p><i>Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</i></p> <p>10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <p>- <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</i></p> <p>- <i>Hồ Chí Minh - tiểu sử, Song Thành, XNB lý luận chính</i></p>	Phụ lục 3b

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p><i>trị (2006)</i> - 130 câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại tướng.GS.TS.Tô Lâm, NXB Chính trị quốc gia sự thật (2020).</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3. Ghi chú: cuối buổi học, GV sẽ thông báo tới SV các lớp về việc tổ chức “Hội thi theo dấu chân Người“ trong môn học, nhằm giúp các em SV hiểu về Hội thi, tự nguyện tham gia...</p>	
2	<p>Chương 2: (Tiếp theo)</p> <p>A. Các nội dung chính (4 tiết)</p> <p>II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Thời kỳ 1911-1920: Hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản 3. Thời kỳ 1920-1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 4. Thời kỳ 1930-1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo 5. Thời kỳ 1941-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta <p>III. Giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đối với cách mạng Việt Nam 2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại <p>Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</p> <p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vấn đề độc lập dân tộc 2. Về cách mạng giải phóng dân tộc <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: 1 tiết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập theo hướng dẫn của GV - B. Các nội dung cần tự học ở nhà (15 giờ) - Tìm đọc thêm tư liệu về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh <p>Giáo trình</p> <p><i>Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang</i></p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p><i>Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</i></p> <p>10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</i> - <i>Hồ Chí Minh - tiểu sử, Song Thành, XNB lý luận chính trị (2006)</i> - <i>130 câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại tướng.GS.TS.Tô Lâm, NXB Chính trị quốc gia sự thật (2020).</i> <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.</p>	
3	<p>Chương 3 : (tiếp theo)</p> <p>A- Các nội dung chính (4 tiết)</p> <p>II.Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <p>III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội 2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc 3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội <p>IV. Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa 3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa“ trong nội bộ 	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân</p> <p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: 1 tiết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập theo hướng dẫn của GV. - B. Các nội dung cần tự học ở nhà (15 giờ) - Tìm hiểu thêm về những giá trị dân chủ, nhân văn tốt đẹp giữa xã hội xã hội chủ nghĩa so với xã hội tư bản chủ nghĩa. <p>Giáo trình</p> <p><i>Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</i></p> <p>10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</i> - <i>Hồ Chí Minh - tiểu sử, Song Thành, XNB lý luận chính trị (2006)</i> - <i>130 câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại tướng.GS.TS.Tô Lâm, NXB Chính trị quốc gia sự thật (2020).</i> <p>C. Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.</p> <p>Ghi chú: Khoa Đại cương tổ chức thi trắc nghiệm kiến thức vòng sơ khảo cho tất cả SV đang học môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh.</p>	
4	<p>Chương 4: (Tiếp theo)</p> <p>A- Các nội dung chính (1 tiết)</p> <p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh</p> <p>II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhà nước dân chủ 2. Nhà nước pháp quyền 3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh <p>III. Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng</p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Đảng và xây dựng Nhà nước</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 2. Xây dựng Nhà nước <p>Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế</p> <p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc 2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc <p>Nội dung học: 5 tiết</p> <p>GV sẽ gọi từng nhóm SV trình bày và thuyết trình powerpoint về nội dung đã được giao chuẩn bị từ trước (ở buổi học tuần thứ 3).</p> <p>-GV sẽ tổ chức, điều khiển và nhận xét, tổng kết các nội dung bài học trên cơ sở nội dung SV vừa thuyết trình..</p> <p>- B. Các nội dung cần tự học ở nhà (15 giờ)</p> <p>- Tìm hiểu thêm và lấy dẫn chứng về nội dung xây dựng Đảng, Nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>Giáo trình</p> <p><i>Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</i></p> <p>10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <p>- <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</i></p> <p>- <i>Hồ Chí Minh - tiểu sử, Song Thành, XNB lý luận chính trị (2006)</i></p> <p>- <i>130 câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại tướng. GS.TS. Tô Lâm, NXB Chính trị quốc gia sự thật (2020).</i></p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.</p>	
5	<p>Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế</p> <p>A-Các nội dung chính (4 tiết)</p> <p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>4. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc- mặt trận dân tộc thống nhất</p> <p>5. phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế 2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức 3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế <p>III. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của đảng 2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công- nông- trí dưới sự lãnh đạo của đảng 3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế <p>Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người</p> <p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: 1 tiết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập theo hướng dẫn của GV. - B. Các nội dung cần tự học ở nhà (15 giờ) <p>Tìm hiểu thêm và lấy các dẫn chứng chứng minh tính vững chắc của khối đại đoàn kết dân tộc; tình đoàn kết hữu nghị nhân dân Việt Nam với các nước trên thế giới giai đoạn hiện nay.</p> <p>Giáo trình</p> <p><i>Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</i></p> <p>10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</i> - <i>Hồ Chí Minh - tiểu sử, Song Thành, XNB lý luận chính trị (2006)</i> - <i>130 câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng</i> 	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p><i>Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại tướng.GS.TS.Tô Lâm, NXB Chính trị quốc gia sự thật (2020).</i></p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3. Ghi chú: Khoa Đại cương phối hợp với các phòng ban, các khoa kết hợp tổ chức vòng chung kết “Hội thi theo dấu chân Người”</p>	
6	<p>Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người</p> <p>A-Các nội dung chính (4 tiết) I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người IV. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 2. Xây dựng đạo đức cách mạng</p> <p>Hệ thống lại các nội dung cơ bản của môn học: 1 tiết - Công bố điểm quá trình. - B. Các nội dung cần tự học ở nhà (15 giờ) Tìm hiểu thêm về: Phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở địa phương. Sinh viên tự ôn tập môn học để thi cuối kỳ Tài liệu: - Bộ Giáo dục và Đào tạo, GS.TS.Mạch Quang Thắng (chủ biên), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, (2021) - Nguyễn Văn Đạo (Chủ biên), <i>Hướng dẫn học tập môn Tư</i></p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<i>tướng Hồ Chí Minh</i> , Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, (2021) C. Đánh giá kết quả học tập: <i>Phương pháp đánh giá:</i> Rubric 2, Rubric 3.	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Duy Dũng

GIẢNG VIÊN



ThS. Doãn Thị Huệ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81091 – LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (2; 0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Số tiết lý thuyết trên lớp: 6 tiết.
- Số tiết học E-Learning: 21 tiết.
- Số giờ tham quan học tập ở bảo tàng: 3 giờ.
- Số giờ tự học của sinh viên: 60 giờ.

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Sinh viên học xong học phần Giáo dục chính trị

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ thứ: 1, năm thứ nhất, từ khóa D21.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt
- Tài liệu giảng dạy: Giáo trình, các học liệu (video, tài liệu đọc).

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Doãn Thị Huệ	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0385091343

<i>Email: hue.dt@kkt.edu.vn</i>	<i>Trang web:</i>
Cách liên lạc với giảng viên:	
Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Học phần gồm Chương nhập môn và 3 chương: Chương 1: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến nay. Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối lãnh đạo cũng như những thành tựu của Đảng từ khi Đảng ra đời cho đến nay.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Sinh viên có những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực, trong từng giai đoạn khác nhau của đất nước. Nắm được những thắng lợi quan trọng cũng như những thành tựu nổi bật trên các lĩnh vực của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng từ khi Đảng ra đời cho đến nay.

Về kỹ năng:

Thực hiện kỹ năng tư duy độc lập, khả năng tự học, phân tích và vận dụng sáng tạo những chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, công tác.

Về thái độ:

Nâng cao nhận thức, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, củng cố niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải liên quan đến việc vận dụng các kiến thức về lịch sử Đảng vào trong thực tế.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Nắm vững những kiến thức cơ bản có hệ	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	thống về đường lối lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực, trong từng giai đoạn khác nhau của đất nước. Nắm được những thắng lợi quan trọng cũng như những thành tựu nổi bật trên các lĩnh vực của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng từ khi Đảng ra đời cho đến nay.	
Kỹ năng		
CELO2	Thực hiện kỹ năng tư duy độc lập, khả năng tự học, phân tích và vận dụng sáng tạo những chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, công tác.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Nâng cao nhận thức, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, củng cố niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải liên quan đến việc vận dụng các kiến thức về lịch sử Đảng vào trong thực tế.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Nắm vững những kiến thức cơ bản có hệ thống về đường lối lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực, trong từng giai đoạn khác nhau của đất nước. Nắm được những thắng lợi quan trọng cũng như những thành tựu nổi	ELO1

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	bật trên các lĩnh vực của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng từ khi Đảng ra đời cho đến nay.	
Kỹ năng		
CELO2	Thực hiện kỹ năng tư duy độc lập, khả năng tự học, phân tích và vận dụng sáng tạo những chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, công tác.	ELO5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Nâng cao nhận thức, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, củng cố niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải liên quan đến việc vận dụng các kiến thức về lịch sử Đảng vào trong thực tế.	ELO11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81091	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	H	N	N	N	H	N	N	N	N	N	S	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- Thuyết giảng những nội dung chính của học phần theo nội dung chi tiết trình bày trong Mục 8 và các tài liệu học tập đã cung cấp cho sinh viên;

- Hướng dẫn sinh viên chuẩn bị bài, thực hiện các bài tập và nội dung thảo luận; tổ chức thảo luận, sửa bài tập theo các nội dung đã yêu cầu chuẩn bị.

- Hướng dẫn và tổ chức cho sinh viên tham quan Bảo tàng Chứng tích chiến tranh.

7.2 Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu, xem các video clip bài giảng của giảng viên, chuẩn bị những nội dung thảo luận với giảng viên và cả lớp.

- Sinh viên nghe giảng, thảo luận và làm bài tập.

- Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các môn học khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đáp ứng mục tiêu môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải biết cách khai thác học liệu trên E-learning: xem các video clip bài giảng, đọc các tài liệu do giảng viên cung cấp.

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, như làm bài tập, đọc trước tài liệu đã hướng dẫn trong lịch trình giảng dạy. Sinh viên phải nghiêm túc thực hiện các bài tập trong mỗi buổi học và bài thi kết thúc học phần.

- Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm từ 6 -10 SV theo yêu cầu ở mỗi lớp), cử 1 nhóm trưởng.

- Sinh viên phải tham dự các buổi học trên lớp đúng giờ, đầy đủ theo thời khóa biểu. thực hiện đúng nội quy lớp học. Sinh viên đi học ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo đến Khoa đào tạo.

- Sinh viên bắt buộc phải tham quan bảo tàng và thực hiện các nội quy của bảo tàng trong quá trình tham quan.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x			x	x	- Bài quiz thường xuyên. - Thuyết trình,	- Hàng tuần. Cuối kỳ.

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						thảo luận. Thi trắc nghiệm cuối kỳ; đề mở.	
CELO 2	x			x	x	- Bài quiz thường xuyên. - Thuyết trình, thảo luận. Thi trắc nghiệm cuối kỳ; đề mở.	- Hàng tuần. - Cuối chương. Cuối kỳ.
CELO 3	x			x	x	- Bài quiz thường xuyên. - Thuyết trình. - Bài tập nhóm.	- Hàng tuần. - Cuối kỳ.

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	10%	
3	Bản thu hoạch		
4	Thuyết trình		
5	Báo cáo		
6	Thi giữa học kỳ	20%	
7	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, NXB Chính trị quốc gia sự thật.

10.2 Tài liệu học tập

2. PGS.Lê Mậu Hãn, TS.Võ Văn Bé (2019), Các Đại hội và các Hội nghị Trung ương Đảng (1930-2018), NXB. Chính trị quốc gia

3. Trần Thái Bình (2021), Võ Nguyên Giáp - Hào khí trăm năm, NXB. Trẻ

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Video clip bài giảng, slide bài giảng trên hệ thống elearning của Nhà trường.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo	

<p>giành chính quyền (1930-1945)</p> <p>A-Các nội dung chính (4 tiết)</p> <p>I.Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2 năm 1930)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bối cảnh lịch sử 2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng <p>II. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội nghị thành lập Đảng 2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Ý nghĩa lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng <p>Ghi chú: cuối buổi học đầu tiên, GV sẽ thông báo cho sinh viên các lớp biết về việc khoa Đại cương sẽ tổ chức chương trình tham quan bảo tàng Chứng tích chiến tranh hoặc tham gia vào chương trình “Về nguồn”...</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (1 Tiết)</p> <p>- Bài tập theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>B-Các nội dung cần tự học: 15 giờ</p> <p>Tìm hiểu thêm nội dung của Cương lĩnh chính trị 3/2 và ý nghĩa lịch sử ra đời Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>-Giáo trình chính:</p> <p>+PGS.TS.Nguyễn Trọng Phúc (Chủ tịch hội đồng biên soạn) <i>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>-Giáo trình và tài liệu tham khảo khác:</p> <p>+PGS.Lê Mậu Hãn, TS.Võ Văn Bé, <i>Các Đại hội và các Hội nghị Trung ương Đảng (1930-2018)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, 2019.</p> <p>+Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), <i>Hướng Dẫn Ôn Thi Hiệu Quả Môn Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam</i> (Dùng cho sinh viên Đại học không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Đại học Sư phạm, 2021</p> <p>+TS. Lê Trung Kiên, <i>Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Người</i></p>	<p>CELO 1, 2, 3</p>
---	---------------------

	<p><i>anh hùng huyền thoại, , Nxb. Hồng Đức ,2018.</i></p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.</p>	
2	<p>Chương I : (Tiếp theo)</p> <p>A – Các nội dung chính (4 Tiết)</p> <p>II.Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935 2. Phong trào dân chủ 1936-1939 3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách Mạng Tháng Tám năm 1945 <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (1 Tiết)</p> <p>- Bài tập theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>B-Các nội dung cần tự học: 15 giờ</p> <p>-Tìm hiểu thêm nội dung, ý nghĩa, bài học kinh nghiệm của Cách Mạng Tháng Tám năm 1945 và liên hệ, vận dụng vào thực tiễn lãnh đạo của Đảng ta trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.</p> <p>- SV sẽ chuẩn bị các nội dung dưới dạng powerpoint theo mỗi nhóm dưới sự hướng dẫn của GV nhằm phục vụ cho buổi học online của tuần thứ 3 kế tiếp.</p> <p>-Giáo trình chính:</p> <p>+PGS.TS.Nguyễn Trọng Phúc (Chủ tịch hội đồng biên soạn) <i>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>-Giáo trình và tài liệu tham khảo khác:</p> <p>+PGS.Lê Mậu Hãn, TS.Võ Văn Bé, <i>Các Đại hội và các Hội nghị Trung ương Đảng (1930-2018)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, 2019.</p> <p>+Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), <i>Hướng Dẫn Ôn Thi Hiệu</i></p>	CELO 1, 2, 3

	<p><i>Quả Mên Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam</i> (Dùng cho sinh viên Đại học không chuyên lí luận chính trị), Nxb. Đại học Sư phạm, 2021</p> <p>+TS. Lê Trung Kiên ,<i>Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Người anh hùng huyền thoại</i>, , Nxb. Hồng Đức ,2018.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.</p>	
	<p>Chương 2 : (tiếp theo)</p>	
3	<p>A- Các nội dung chính (5 tiết)</p> <p>I.Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946) 2.Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi 1951-1954 4.Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ <p>Nội dung học: 5 tiết</p> <p>GV sẽ gọi từng nhóm SV trình bày và thuyết trình powerpoint về nội dung đã được giao chuẩn bị từ trước (ở buổi học tuần thứ 2).</p> <p>-GV sẽ tổ chức, điều khiển và nhận xét, tổng kết các nội dung bài học trên cơ sở nội dung SV vừa thuyết trình.</p> <p>B-Các nội dung cần tự học: 15 giờ</p> <p>Tìm hiểu thêm nội dung, ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ và vai trò to lớn của Đại tướng Võ Nguyên Giáp; Nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Giơnevơ.</p> <p>-Giáo trình chính:</p> <p>+PGS.TS.Nguyễn Trọng Phúc (Chủ tịch hội đồng biên soạn) <i>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lí luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>-Giáo trình và tài liệu tham khảo khác:</p> <p>+PGS.Lê Mậu Hãn, TS.Võ Văn Bé, <i>Các Đại hội và các Hội nghị Trung ương Đảng (1930-2018)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, 2019.</p>	CELO 1, 2, 3

	<p>+Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), <i>Hướng Dẫn Ôn Thi Hiệu Quả Môn Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam</i> (Dùng cho sinh viên Đại học không chuyên lí luận chính trị), Nxb. Đại học Sư phạm, 2021</p> <p>+TS. Lê Trung Kiên, <i>Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Người anh hùng huyền thoại</i>, Nxb. Hồng Đức, 2018.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.</p>	
4	<p>Chương II: (Tiếp theo)</p> <p>A – Các nội dung chính (4 tiết)</p> <p>II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam- Bắc 1954-1965 2. Lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975 3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975 <p>Ghi chú: kiểm tra quá trình</p> <p>Hoặc tổ chức cho SV tham gia hoạt động tham quan thực tế và nộp bài thu hoạch.</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (1 Tiết)</p> <p>- Bài tập theo hướng dẫn của giảng viên</p> <p>B-Các nội dung cần tự học: 15 giờ</p> <p>Tìm hiểu thêm nội dung, ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ trên không; Nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Paris</p> <p>-Giáo trình chính:</p> <p>+PGS.TS.Nguyễn Trọng Phúc (Chủ tịch hội đồng biên soạn) <i>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>- Giáo trình và tài liệu tham khảo khác:</p> <p>+PGS.Lê Mậu Hãn, TS.Võ Văn Bé, <i>Các Đại hội và các Hội nghị Trung ương Đảng (1930-2018)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, 2019.</p> <p>+Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), <i>Hướng Dẫn Ôn Thi Hiệu Quả Môn Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam</i> (Dùng cho sinh</p>	CELO 1, 2, 3

	<p>viên Đại học không chuyên lí luận chính trị), Nxb. Đại học Sư phạm, 2021</p> <p>+TS. Lê Trung Kiên ,<i>Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Người anh hùng huyền thoại</i>, , Nxb. Hồng Đức ,2018.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.</p>	
5	<p>Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới 1975- đến nay</p> <p>A- Các nội dung chính (4 tiết)</p> <p>I. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 - 1986</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986 <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận : (1 tiết)</p> <p>- Bài tập theo hướng dẫn của giảng viên</p> <p>B-Các nội dung cần tự học: 15 giờ</p> <p>Tìm hiểu trước nội dung Đại hội Đảng lần thứ VI – đến Đại hội Đảng lần thứ XIII, tìm ra đặc điểm nổi bật của mỗi Đại hội.</p> <p>-Giáo trình chính:</p> <p>+PGS.TS.Nguyễn Trọng Phúc (Chủ tịch hội đồng biên soạn) <i>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>-Giáo trình và tài liệu tham khảo khác:</p> <p>+PGS.Lê Mậu Hãn, TS.Võ Văn Bé, <i>Các Đại hội và các Hội nghị Trung ương Đảng (1930-2018)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, 2019.</p> <p>+Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), <i>Hướng Dẫn Ôn Thi Hiệu Quả Môn Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam</i> (Dùng cho sinh viên Đại học không chuyên lí luận chính trị), Nxb. Đại học</p>	CELO 1, 2, 3

	<p>Sư phạm, 2021</p> <p>+TS. Lê Trung Kiên ,<i>Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Người anh hùng huyền thoại</i>, , Nxb. Hồng Đức ,2018.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.</p>	
6	<p>Chương 3: (Tiếp theo)</p> <p>A-Các nội dung chính (4 tiết)</p> <p>II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1986 đến nay</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội 1986-1996 2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996-2018 3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới <p>Hệ thống lại kiến thức, nội dung cơ bản của môn học: 1 tiết</p> <p>Công bố điểm quá trình</p> <p>B-Các nội dung cần tự học: 15 giờ</p> <p>Sinh viên tự ôn thi cuối kỳ</p> <p>Tìm hiểu thêm nội dung Đại hội Đảng lần thứ VI – đến Đại hội Đảng lần thứ XIII, ý nghĩa và kết quả đạt được của mỗi Đại hội.</p> <p>-Giáo trình chính:</p> <p>+PGS.TS.Nguyễn Trọng Phúc (Chủ tịch hội đồng biên soạn) <i>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>-Giáo trình và tài liệu tham khảo khác:</p> <p>+PGS.Lê Mậu Hãn, TS.Võ Văn Bé, <i>Các Đại hội và các Hội nghị Trung ương Đảng (1930-2018)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, 2019.</p> <p>+Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), <i>Hướng Dẫn Ôn Thi Hiệu Quả Môn Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam</i> (Dùng cho sinh viên Đại học không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Đại học Sư phạm, 2021</p> <p>+TS. Lê Trung Kiên ,<i>Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Người anh hùng huyền thoại</i>, , Nxb. Hồng Đức ,2018.</p>	CELO 1, 2, 3

	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.	
--	---	--

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Duy Dũng

GIẢNG VIÊN



ThS. Doãn Thị Huệ

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81005 – PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (GENERAL LAW)

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (2 Lý thuyết)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: Không
- Giờ tự học của sinh viên: 60 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Học kỳ II năm 1, từ khóa D21.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Nguyễn Duy Dũng	Học hàm, học vị: Cử nhân
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0989807928
Email: dung.nd@kttk.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản về các vấn đề: Nhà nước và Pháp luật; quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; pháp chế xã hội chủ nghĩa; một số ngành luật cơ bản: Luật Nhà nước - Hiến pháp 2013, Luật Hành chính, Luật Lao động, Luật Dân sự, Luật Hình sự và một số chuyên đề tự chọn.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Hiểu kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực pháp Luật đại cương, nắm được sự ra đời, hình thức của nhà nước và pháp luật. Nắm vững quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật xã hội chủ nghĩa. Nắm được cơ cấu của Bộ máy nhà nước ta, các chế định trong luật Hiến pháp. Hiểu được vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý đặc biệt là nắm vững cấu thành của vi phạm pháp luật, chế định luật hành chính và các hành vi tham nhũng. Nắm được một số chế định của các ngành luật cơ bản như luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật lao động... để có cơ sở vận dụng vào thực tế.

Về kỹ năng:

Biết vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết các vấn đề liên quan đến các quy định pháp luật của các ngành luật cơ bản như luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật lao động...

Về thái độ:

- Xây dựng ý thức tuân thủ pháp luật, các quy định chuẩn mực và giữ gìn đạo đức trong nghề nghiệp của mình.
- Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải hoặc không lường trước được trong thực tế cần phải áp dụng các kiến thức về pháp luật đã được trang bị.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO1	Hiểu kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực pháp Luật đại cương, nắm được sự ra đời, hình thức của nhà nước và pháp luật. Nắm vững quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật xã hội chủ nghĩa. Nắm được cơ cấu của Bộ máy nhà nước ta, các chế định trong luật Hiến pháp 2013. Hiểu được vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý đặc biệt là nắm vững cấu thành của vi phạm pháp luật, chế định luật hành chính và các hành vi tham nhũng. Nắm được một số chế định của các ngành luật cơ bản như luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật lao động... để có cơ sở vận dụng vào thực tế.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	Biết vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết các vấn đề liên quan đến các quy định pháp luật của các ngành luật cơ bản như luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật lao động...	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Xây dựng ý thức tuân thủ pháp luật, các quy định chuẩn mực và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.	Vận dụng
CELO4	Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải hoặc không lường trước được trong thực tế cần phải áp dụng các kiến thức về pháp luật đã được trang bị.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực pháp Luật đại cương, nắm được sự ra đời, hình thức của nhà nước và pháp luật. Nắm vững quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật xã hội chủ nghĩa. Nắm được cơ cấu của Bộ máy nhà nước ta, các chế định trong luật Hiến pháp 2013. Hiểu được vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý đặc biệt là nắm vững cấu thành của vi phạm pháp luật, chế định luật hành chính và các hành vi tham nhũng. Nắm được một số chế định của các ngành luật cơ bản như luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật lao động... để có cơ sở vận dụng vào thực tế.	ELO 1
Kỹ năng		
CELO2	Biết vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết các vấn đề liên quan đến các quy định pháp luật của các ngành luật cơ bản như luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật lao động...	ELO 5, 10
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Xây dựng ý thức tuân thủ pháp luật, các quy định chuẩn mực và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.	ELO 10
CELO4	Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải hoặc không lường trước được trong thực tế cần phải áp dụng các kiến thức về pháp luật đã được trang bị.	ELO 11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
081005	Pháp luật đại cương	H	N	N	N	H	N	N	N	N	H	H	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

+ Yêu cầu sinh viên chuẩn bị giáo trình tham khảo, tài liệu mà giảng viên đã cung cấp thông tin (Mục 6.3, 7.1) theo những nội dung học tập (mục 8.1) và xây dựng kế hoạch học tập theo tiến độ.

+ Thuyết giảng những nội dung chính của học phần theo nội dung chi tiết trình bày trong Mục 8 và các tài liệu học tập đã cung cấp cho sinh viên. Trong đó, thực hiện giảng dạy theo hình thức tập trung (trên lớp truyền thống/trên MS Teams) đối với 40% tổng thời lượng môn học, hướng dẫn sinh viên tự học theo hình thức elearning thông qua hệ thống học trực tuyến của nhà trường đối với 60% tổng thời lượng còn lại.

+ Hướng dẫn sinh viên tìm và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự nội dung học tập mà giảng viên yêu cầu theo từng bài học.

+ Hướng dẫn sinh viên chuẩn bị bài, thực hiện bài tập và nội dung thảo luận thuyết trình nhóm theo tình huống cụ thể trong thực tiễn.

+ Tổ chức thảo luận, sửa bài tập theo các nội dung đã yêu cầu chuẩn bị.

+ Sinh viên được khuyến khích sử dụng tổng hợp kiến thức từ các môn học khác có liên quan và những trải nghiệm thực tiễn để đề xuất giải pháp cho vấn đề nghiên cứu (giả định) được đặt ra.

7.2 Phương pháp học tập

+ Sinh viên phải chuẩn bị tài liệu tham khảo, tìm tài tài liệu và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự nội dung học tập mà giảng viên đã yêu cầu chỉ định bắt buộc khi giới thiệu môn học.

+ Sinh viên tự đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; Làm bài tập và chuẩn bị những nội dung thảo luận với giảng viên và trước lớp.

+ Sinh viên xem các clip hướng dẫn học tập, tài liệu học tập mà giảng viên đăng tải trên trang elearning để tự học và làm bài tập do giảng viên giao.

+ Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận, giải quyết bài tập cá nhân/nhóm mà giảng viên cung cấp; được quyền đặt câu hỏi, nêu tình huống giả định hoặc thực tiễn.

+ Nhóm sinh viên tìm hiểu bài tập nhóm được giảng viên giao, thực hiện phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong nhóm, giải bài tập theo tình huống (case study/bài tập).

+ Nhóm sinh viên làm bài thuyết trình bằng powerpoint theo đề tài mà giảng viên yêu cầu và thuyết trình trước lớp để giảng viên cho ý kiến nhận xét, trao đổi, hoàn thiện.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

+ Sinh viên cần đọc tài liệu, giáo trình và chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tham dự lớp học đầy đủ và cần tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp, phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi liên quan đến các nội dung học và làm bài tập nhóm ở nhà để tự củng cố kiến thức.

+ Các nội dung thực hiện, làm bài tập cá nhân/nhóm sẽ được thực hiện trong quá trình học, sau khi kết thúc nội dung của từng phần chương; hoặc cả chương cụ thể do giảng viên yêu cầu. Sinh viên bắt buộc tham gia, thực hiện đủ các bài tập cá nhân/nhóm, bài thuyết trình nhóm trên lớp và bài kiểm tra giữa kỳ. Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu SV vắng quá 20% sẽ bị cấm thi lần 1.

+ Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý;

+ Phải đi học đúng giờ theo quy định. Nếu đi trễ quá 10 phút sinh viên không được vào lớp;

+ Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm khoảng 6 SV), cử 1 nhóm trưởng;

+ Làm các bài kiểm tra, bài tập trên E-learning đúng thời hạn nếu sinh viên không làm bài thì sẽ không có điểm.

+ Theo dõi các thông tin và thông báo của giảng viên trên trang E-Learning hàng ngày để thực hiện đúng các yêu cầu mà giảng viên đã giao.

+ Tham dự thi cuối khóa (thi kết thúc học phần) là điều kiện bắt buộc. Không tham dự xem như không đạt yêu cầu.

+ Sinh viên cần tuân thủ nghiêm túc Nội quy lớp học, quy chế kiểm tra và thi theo quy định của Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	CÔNG CỤ ĐÁNH	THỜI
--------------	-----------------------------	---------------------	-------------

đầu ra học phần (CELOs)	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ	GIA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận

		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. TS. Lê Minh Toàn, Pháp luật đại cương, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2019.

10.2. Tài liệu học tập

2. GS. TSKH. Đào Trí Úc và GS. TS. Hoàng Thị Kim Quế (đồng chủ biên), Giáo trình Đại cương về nhà nước và pháp luật, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2017.

3. PGS.TS Bùi Anh Thủy chủ biên, Hướng dẫn học tập Pháp luật đại cương, NXB Đại học quốc gia TP.HCM, 2020.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	học. - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo	
1	Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước (3 tiết) 1.1. Nguồn gốc Nhà nước 1.2. Nhà nước, đặc trưng và các kiểu nhà nước 1.3. Hình thức Nhà nước 1.4. Bản chất và chức năng của Nhà nước 1.5. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Các nội dung chính SV tự học ở nhà (6 giờ): - Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của nhà nước - Tìm hiểu bản chất, chức năng của nhà nước	CELO 1, 2, 4
1	Chương 2: Những vấn đề cơ bản về pháp luật (3 tiết) 2.1. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật 2.2. Thuộc tính của pháp luật 2.3. Chức năng của pháp luật và các kiểu pháp luật Các nội dung chính SV tự học ở nhà (6 giờ): - Nghiên cứu nắm được nguồn gốc, sự ra đời của pháp luật, vai trò của Pháp luật.	CELO 1, 2, 3
2	Chương 3: Vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa (3 tiết) 3.1. Vi phạm pháp luật 3.2. Trách nhiệm pháp lý 3.3. Pháp chế xã hội chủ nghĩa Các nội dung chính SV tự học ở nhà (6 giờ): - Thẩm quyền ban hành các loại văn bản QPPL	CELO 1, 2, 3, 4
3	Chương 4: Luật hiến pháp Việt Nam (3 tiết) 4.1. Khái niệm luật hiến pháp 4.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà (6 giờ):</p> <p>Đọc Giáo trình Pháp luật đại cương, tập trung vào các nội dung dự kiến được giảng dạy trên lớp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ chính trị, quyền của con người.... - Vị trí, tính chất pháp lý, chức năng và cơ cấu tổ chức của Quốc hội. Chính phủ, Chủ tịch nước, HĐND và UBND các cấp, Tòa án nhân dân các cấp và Viện kiểm sát nhân dân các cấp. 	
3	Chương 5: Luật hành chính và Tổ tụng hành chính (3 tiết)	CELO 1, 2, 4
	<p>5.1. Khái niệm luật hành chính</p> <p>5.2. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính, vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính</p> <p>5.3. Cán bộ, công chức</p> <p>5.4. Viên chức</p> <p>5.5. Tổ tụng hành chính</p>	
	<p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà (6 giờ):</p> <p>Đọc Giáo trình Pháp luật đại cương, tập trung vào các nội dung dự kiến được giảng dạy trên lớp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ chính trị, quyền của con người..... - Vị trí, tính chất pháp lý, chức năng và cơ cấu tổ chức của Quốc hội. Chính phủ, Chủ tịch nước, HĐND và UBND các cấp, Tòa án nhân dân các cấp và Viện kiểm sát nhân dân các cấp. 	
4	Chương 6: Luật phòng, chống tham nhũng (3 tiết)	CELO 1, 2, 3, 4
	<p>6.1. Khái niệm tham nhũng</p> <p>6.2. Nguyên nhân và hậu quả của việc tham nhũng</p> <p>6.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng</p> <p>6.4. Trách nhiệm của công dân trong phòng, chống tham nhũng</p> <p>6.5. Giới thiệu luật phòng, chống tham nhũng</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ</p>	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (6 giờ):	
	- Hiểu được các quan hệ hành chính thường gặp.	
5	Chương 7: Luật hình sự và tố tụng hình sự (3 tiết)	CELO 1, 2, 3, 4
	7.1. Luật hình sự 7.2. Luật tố tụng hình sự	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (6 giờ):	
	- Nắm được phạm trù tội phạm và chế định hình phạt trong BLHS	
5	Chương 8: Luật dân sự và tố tụng dân sự (2 tiết)	CELO 1, 2, 3, 4
	8.1. Luật dân sự 8.2. Luật tố tụng dân sự	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (6 giờ):	
	- Tìm hiểu một số chế định cơ bản của luật dân sự	
6	Chương 9: Luật lao động và bảo hiểm xã hội (3 tiết)	CELO 1, 2, 3, 4
	9.1. Những quy định chung 9.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động 9.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà:	
	Đọc Giáo trình Pháp luật đại cương, tập trung vào các nội dung dự kiến được giảng dạy trên lớp, gồm: - Quyền và nghĩa vụ của người lao động - Một số chế định của luật lao động.	
6	Chương 10: Luật kinh doanh (3 tiết)	CELO 1, 2, 3, 4
	10.1. Pháp luật về các loại hình doanh nghiệp 10.2. Pháp luật về phá sản doanh nghiệp 10.3. Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh 10.4. Pháp luật thương mại 10.5. Luật cạnh tranh	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (6 giờ):	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	- Đọc, nghiên cứu kỹ các ngành luật đã được giới thiệu trên lớp	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết, quy mô từ 50 - 80 sinh viên.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn,...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ:
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



Trần Thanh Vũ

PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN



Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



Nguyễn Duy Dũng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

81087 – TIẾNG ANH 1

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (2 TC lý thuyết + 1 TC thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết:

1.5. Học phần học trước:

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 1 năm 1

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Tiếng Anh.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Ngoại ngữ
- Khoa: Khoa đại cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu 1

Họ và tên: <i>Trần Thị Tuyết Mai</i>	Học hàm, học vị: <i>Thạc sĩ</i>
Địa chỉ cơ quan: <i>333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương</i>	Điện thoại liên hệ: <i>0907626647</i>
Email: <i>mai.ttt@kkt.edu.vn</i>	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

Giảng viên cơ hữu 2

Họ và tên: Ngô Thị Thùy Trang	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0934786369
Email: trang.ntt@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

Giảng viên thỉnh giảng (nếu có)

Họ và tên: Hoàng Tiểu Nga	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0908311658
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật trình độ sơ cấp và cách thức làm bài thi TOEIC:

- Kiến thức cơ bản: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng:
- + Từ vựng cơ bản: hoạt động hàng ngày, nghề nghiệp, cảm xúc,...
- + Ngữ pháp cơ bản: thì trong tiếng anh, danh từ đếm được và không đếm được,...
- Kiến thức/kỹ năng mở rộng: thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề.
- Học phần này cũng nhằm góp phần chuẩn bị một số kiến thức và năng lực ngôn ngữ cho sinh viên học tiếp môn tiếng Anh TOEIC 2,3.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Chương trình học phần Tiếng anh TOEIC 1 được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng sử dụng trong giao tiếp hàng ngày,

cũng như một số lượng nhất định những từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC. Nhớ cách phát âm đúng các từ thông dụng, kiến thức ngữ pháp, từ vựng, cách viết đoạn văn, kỹ năng đọc trong các chủ đề đã học. Hiểu các dạng câu hỏi đặc biệt, câu hỏi có mục đích đặc biệt và cách trả lời câu hỏi có trong phần 1, phần 2, phần 5 và phần 6 của bài thi TOEIC.

Về kỹ năng:

- Kỹ năng phối hợp với các thành viên trong lớp trong vai trò nhóm trưởng hoặc thành viên để thực hiện các yêu cầu do giảng viên Tiếng Anh nêu ra.

- Tăng cường kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh với các thành viên trong lớp, với giảng viên và hiểu biết thêm nhiều nét văn hóa tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh.

- Người học được rèn luyện các kỹ năng nghe- nói- đọc- viết ở trình độ sơ cấp, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của nhà Trường. Các kỹ năng ngôn ngữ nói, viết với các chủ đề hàng ngày; kỹ năng tả tranh, nghe và hỏi đáp; kỹ năng đọc và điền từ vào chỗ trống và kỹ năng đọc hiểu. Từ đó giúp sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc và giao tiếp.

Về thái độ:

Bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm; giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO 1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng sử dụng trong giao tiếp hàng ngày, cũng như một số lượng nhất định những từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC. Nhớ cách phát âm đúng các từ thông dụng, kiến thức ngữ pháp, từ vựng, cách viết đoạn văn, kỹ năng đọc trong các chủ đề đã học. Hiểu các dạng câu hỏi đặc biệt, câu hỏi có mục đích đặc biệt và cách trả lời câu hỏi có trong phần 1, phần 2, phần 5 và phần 6 của bài thi TOEIC.	Vận dụng
Kỹ năng		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO 2	Kỹ năng phối hợp với các thành viên trong lớp trong vai trò nhóm trưởng hoặc thành viên để thực hiện các yêu cầu do giảng viên Tiếng Anh nêu ra.	Vận dụng
CELO 3	Tăng cường kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh với các thành viên trong lớp, với giảng viên và hiểu biết thêm nhiều nét văn hóa tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh.	
CELO 4	Người học được rèn luyện các kỹ năng nghe- nói- đọc- viết ở trình độ sơ cấp, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của nhà Trường. Các kỹ năng ngôn ngữ nói, viết với các chủ đề hàng ngày; kỹ năng tranh, nghe và hỏi đáp; kỹ năng đọc và điền từ vào chỗ trống và kỹ năng đọc hiểu. Từ đó giúp sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc và giao tiếp.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO 5	Bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm; giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO 1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng sử dụng trong giao tiếp hàng ngày, cũng như một số lượng nhất định những từ vựng thường gặp trong bài thi	ELO 1

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	TOEIC.Nhớ cách phát âm đúng các từ thông dụng, kiến thức ngữ pháp, từ vựng, cách viết đoạn văn, kỹ năng đọc trong các chủ đề đã học.Hiểu các dạng câu hỏi đặc biệt, câu hỏi có mục đích đặc biệt và cách trả lời câu hỏi có trong phần 1, phần 2, phần 5 và phần 6 của bài thi TOEIC.	
Kỹ năng		
CELO 2	Kỹ năng phối hợp với các thành viên trong lớp trong vai trò nhóm trưởng hoặc thành viên để thực hiện các yêu cầu do giảng viên Tiếng Anh nêu ra.	ELO 6
CELO 3	Tăng cường kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh với các thành viên trong lớp, với giảng viên và hiểu biết thêm nhiều nét văn hóa tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh.	ELO 7
CELO 4	Người học được rèn luyện các kỹ năng nghe-nói- đọc- viết ở trình độ sơ cấp, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của nhà Trường. Các kỹ năng ngôn ngữ nói, viết với các chủ đề hàng ngày; kỹ năng tả tranh, nghe và hỏi đáp; kỹ năng đọc và điền từ vào chỗ trống và kỹ năng đọc hiểu. Từ đó giúp sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc và giao tiếp.	ELO 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO 5	Bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm; giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.	ELO 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
-----------	---------------	---

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập về nhà	Thảo luận, phát biểu trong lớp	Chuyên cần	Kiểm tra giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Oral test Paper test	- 2/3 học phần - Cuối học phần
CELO 2	x	x	x	x	x		
CELO 3	x	x	x	x	x		
CELO 4	x	x	x	x	x		
CELO 5	x	x	x	x	x		

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần, thảo luận, phát biểu trong lớp, bài tập về nhà	10 %	
2	Thi giữa học kỳ	30 %	
3	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (oral test, paper test)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Oral test	30	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Paper test	70	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế và của bài thi TOEIC quốc tế.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi trắc nghiệm

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Dạng trắc nghiệm	Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài thi theo dạng bài thi TOEIC quốc tế.	Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài thi theo dạng bài thi TOEIC quốc tế.	Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài thi theo dạng bài thi TOEIC quốc tế.

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1. Giáo trình chính:

1. Park Hye Young (2019) Jeon Ji Won, ABC Toeic - RC (Revised & Updated), Nhà xuất bản Tổng hợp TP HCM.
2. Lee Soo-Yong (2019), *ABC Toeic Listening Comprehension : Revised & Updated*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP HCM.

10.2. Tài liệu học tập: Tài liệu bổ trợ và slides bài giảng do giảng viên phụ trách biên soạn.

10.3. Giáo trình và tài liệu tham khảo:

3. Yuki Wen & Chloe Chang (năm 2020), *My First TOEIC Class - Starter for Beginner Level*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP HCM.

11. Nội dung chi tiết của học phần, tiến độ giảng dạy và hoạt động dạy-học:

* RC: ABC TOEIC reading comprehension

* LC: ABC TOEIC Listening comprehension

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>Giới thiệu môn học RC Section 1 + LC</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu môn học - Giới thiệu đề cương chi tiết - Phổ biến định dạng đề thi giữa kỳ, cuối kỳ - Bài giảng: RC: Section 1 + LC - Grammar: Chapter 1: Sentence Structure - Listening: Part 1: Photographs: chapter 1(p.19) - Grammar: Chapter 2: Nouns and Pronouns (p.39-47) - Listening: - Part 1: Photographs: chapter 2 (p.43) - Part 2: Questions - Responses: Chapter 1: WHO (p.71) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi 	CELO 1, 2, 3, 4
2	<p>RC Section 1 + LC phần tiếp theo</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RC Section 1 + LC - Grammar: Chapter 3: Adjectives and Adverbs (p.55-63) Chapter 4: Tenses (p.71-78) - Listening: Part 2: Questions - Responses: Chapter 2: WHERE (p.85) Chapter 3: WHEN (p. 99) Chapter 4: Tenses (tiếp theo) Chapter 5: Active and Passive Voices (p.85 -90) - Listening:Part 2: Questions - Responses: Chapter 4: WHY (p.115) Chapter 5: WHAT (p.129) 	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập 	
3	<p>RC Section 1 + LC phần tiếp theo</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RC Section 1 - Grammar: Chapter 6: To infinitives (p.97 - 102) Chapter 7: Gerunds (p. 109 - 113) - Listening: Part 2: Questions - Responses: Chapter 6: BE/ DO/ HAVE (p.145) Chapter 7: MODAL VERBS (p.161) - Grammar: Chapter 7: Gerunds (tiếp theo) Chapter 8: Participles (p. 121 - 125) - Listening: Part 3: Short Conversation - Questions with WHERE AND WHAT (p.181) - Questions with WHO/WHAT, WHEN AND HOW (p.195) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập 	CELO 1, 2, 3, 4
4	<p>RC Section 1 - 2 + LC phần tiếp theo</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RC Section 1 + LC - Grammar: Chapter 8: Participles (tiếp theo) Chapter 9: Conjunctions (p.133 -137) - Listening: Part 3: Short Conversation - Questions with WHY (p.207) - Grammar: 	CELO 1, 3, 4, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Chapter 10: Prepositions (p.145 - 150) Chapter 11: Relative Pronouns and Relative Adverbs (p.157 - 160) - Listening: Part 3: Short Conversation Chapter 3: Questions with WHY (p.207) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập	
5	RC Section 1 - 2 + LC phần tiếp theo A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết) - Bài giảng: RC Section 1 - Grammar: Chapter 11: Relative Pronouns and Relative Adverbs (tiếp theo) Chapter 12: Subjunctive Mood (p.169 - 174) - Listening: Part 4: Short Talks - Questions with WHERE AND WHAT (p.221) - Grammar: Chapter 13: Agreement (p.181 -185) - Listening: Part 4: Short Talks - Questions with WHO, WHEN AND HOW (p.235) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập	CELO 1, 2, 4, 5
6	RC Section 2 + LC phần tiếp theo A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết) - Bài giảng: RC Section 2 + LC - Grammar: Chapter 13: Agreement (p.181 -185) - Listening: Part 4: Short Talks - Questions with WHO, WHEN AND HOW (p.235)	CELO 1, 2, 3, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Chapter 14: Question Types (p.194 - 202) <ul style="list-style-type: none"> - Listening: Part 4: Short Talks - Questions with HOW AND WHY (p.249) Chapter 15: Text Types (p.206 -214) <ul style="list-style-type: none"> - Listening: Part 4: Short Talks Chapter 3: Questions with HOW AND WHY (tiếp theo) <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi 	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	RC Section 1 + LC Nội dung tự học : thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên: (15 giờ) <ul style="list-style-type: none"> - RC: Section 1 + LC - Grammar: Chapter 1: Sentence Structure - Listening: Part 1: Photographs: chapter 1(p.19) - Grammar: Chapter 2: Nouns and Pronouns (p.39-47) - Listening: <ul style="list-style-type: none"> - Part 1: Photographs: chapter 2 (p.43) - Part 2: Questions - Responses: Chapter 1: WHO (p.71) 	CELO 1, 2, 3, 4
2	RC Section 1 + LC phần tiếp theo Nội dung tự học : thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên, thảo luận nhóm: (15 giờ) <ul style="list-style-type: none"> - RC Section 1 + LC - Grammar: <ul style="list-style-type: none"> Chapter 3: Adjectives and Adverbs (p.55-63) Chapter 4: Tenses (p.71-78) - Listening: Part 2: Questions - Responses: 	CELO 1, 2, 3, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Chapter 2: WHERE (p.85) Chapter 3: WHEN (p. 99) Chapter 4: Tenses (tiếp theo) Chapter 5: Active and Passive Voices (p.85 -90) - Listening:Part 2: Questions - Responses: Chapter 4: WHY (p.115) Chapter 5: WHAT (p.129)	
3	RC Section 1 + LC phần tiếp theo Nội dung tự học : thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên, thảo luận nhóm: (15 giờ) - RC Section 1 - Grammar: Chapter 6: To infinitives (p.97 - 102) Chapter 7: Gerunds (p. 109 - 113) - Listening:Part 2: Questions - Responses: Chapter 6: BE/ DO/ HAVE (p.145) Chapter 7: MODAL VERBS (p.161) - Grammar: Chapter 7: Gerunds (tiếp theo) Chapter 8: Participles (p. 121 - 125) - Listening: Part 3: Short Conversation - Questions with WHERE AND WHAT (p.181) - Questions with WHO/WHAT, WHEN AND HOW (p.195)	CELO 1, 2, 3, 4
4	RC Section 1 - 2 + LC phần tiếp theo Nội dung tự học : thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên: (15 giờ) - RC Section 1 + LC - Grammar: Chapter 8: Participles (tiếp theo) Chapter 9: Conjunctions (p.133 -137) - Listening: Part 3: Short Conversation - Questions with WHY (p.207) - Grammar: Chapter 10: Prepositions (p.145 - 150)	CELO 1, 3, 4, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Chapter 11: Relative Pronouns and Relative Adverbs (p.157 - 160) - Listening: Part 3: Short Conversation Chapter 3: Questions with WHY (p.207)	
5	RC Section 1 - 2 + LC phần tiếp theo Nội dung tự học : thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên: (15 giờ) - RC Section 1 - Grammar: Chapter 11: Relative Pronouns and Relative Adverbs (tiếp theo) Chapter 12: Subjunctive Mood (p.169 - 174) - Listening: Part 4: Short Talks - Questions with WHERE AND WHAT (p.221) - Grammar: Chapter 13: Agreement (p.181 -185) - Listening: Part 4: Short Talks - Questions with WHO, WHEN AND HOW (p.235)	CELO 1, 2, 3, 5
6	RC Section 2 + LC phần tiếp theo Nội dung tự học : thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên: (15 giờ) - RC Section 2 + LC - Grammar: Chapter 13: Agreement (p.181 -185) - Listening: Part 4: Short Talks - Questions with WHO, WHEN AND HOW (p.235) Chapter 14: Question Types (p.194 - 202) - Listening: Part 4: Short Talks - Questions with HOW AND WHY (p.249) Chapter 15: Text Types (p.206 -214) - Listening: Part 4: Short Talks - Questions with HOW AND WHY (tiếp theo)	CELO 1, 3, 4, 5

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học: phòng học lý thuyết, quy mô từ 50 - 80 sinh viên.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết: Biên soạn lần thứ 1

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.

- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.

- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:

+ Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.

+ Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.

+ Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.

+ Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Trần Thị Tuyết Mai

GIẢNG VIÊN



ThS. Ngô Thị Thùy Trang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81009 – TIẾNG ANH 2

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (2 TC lý thuyết + 1 TC thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 1

1.5. Học phần học trước: Tiếng Anh 1

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 2 năm 1

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Tiếng Anh

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: NN
- Khoa: Đại Cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: <i>Trần Thị Tuyết Mai</i>	Học hàm, học vị: <i>Thạc sĩ</i>
Địa chỉ cơ quan: <i>333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương</i>	Điện thoại liên hệ: <i>0907626647</i>
Email: <i>mai.ttt@kttk.edu.vn</i>	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh	

viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

Giảng viên cơ hữu 2

Họ và tên: Ngô Thị Thùy Trang	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0934786369
Email: trang.ntt@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

Giảng viên thỉnh giảng

Họ và tên: Hoàng Tiểu Nga	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0908311658
Email: nga.ht@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Học phần này nhằm giúp cho sinh viên củng cố kỹ năng làm bài thi TOEIC theo format mới, luyện tập lại những cấu trúc ngữ pháp cần thiết cho quá trình thi TOEIC. Những kiến thức cơ bản gồm: Listening, Reading cùng các cấu trúc ngữ pháp cũng như từ vựng.

Điều kiện tiên quyết: người học quen thuộc với cấu trúc đề thi và có thể nghe, trả lời các câu hỏi cơ bản của người dạy bằng tiếng Anh trong quá trình học. Ngoài ra học phần này giúp bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm; giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Học phần này nhằm giúp cho sinh viên củng cố kỹ năng làm bài thi TOEIC theo format mới, luyện tập lại những cấu trúc ngữ pháp cần thiết cho quá trình thi TOEIC.

Những kiến thức cơ bản gồm: Listening, Reading cùng các cấu trúc ngữ pháp cũng như từ vựng.

- Kiến thức cơ bản: Luyện tập 2 kỹ năng nghe và đọc hiểu sử dụng:
 - + Từ vựng cơ bản: các hoạt động thương mại, các hoạt động hằng ngày, các nơi công cộng, , ...
 - + Văn phạm cơ bản: danh từ , đại từ, các thì, thể chủ động, thể bị động, danh động từ, , ...
- Kiến thức nâng cao: Luyện tập 2 kỹ năng nghe và đọc hiểu sử dụng:
 - + Từ vựng nâng cao: tin nhắn điện thoại, các thông báo , quảng cáo ...
 - + Văn phạm nâng cao: phân từ, liên từ, giới từ, mệnh đề quan hệ sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ ...

Về kỹ năng:

- Kỹ năng phối hợp với các thành viên trong lớp trong vai trò nhóm trưởng hoặc thành viên để thực hiện các yêu cầu do giảng viên Tiếng Anh nêu ra.
- Tăng cường kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh với các thành viên trong lớp, với giảng viên và hiểu biết thêm nhiều nét văn hóa tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh.
- Người học được rèn luyện các kỹ năng nghe- nói- đọc- viết ở trình độ sơ cấp, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của nhà Trường. Các kỹ năng ngôn ngữ nói, viết với các chủ đề hàng ngày; kỹ năng tả tranh, nghe và hỏi đáp; kỹ năng đọc và điền từ vào chỗ trống và kỹ năng đọc hiểu. Từ đó giúp sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc và giao tiếp.

Về thái độ:

Bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm; giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO 1	Học phần này nhằm giúp cho sinh viên củng cố kỹ năng làm bài thi TOEIC theo format mới, luyện tập lại những cấu trúc ngữ pháp cần thiết cho quá trình thi TOEIC. Những kiến thức cơ bản gồm: Listening, Reading cùng các cấu trúc ngữ pháp cũng như từ vựng. Gồm phần kiến thức cơ bản và kiến thức nâng cao.	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kỹ năng		
CELO 2	Kỹ năng phối hợp với các thành viên trong lớp trong vai trò nhóm trưởng hoặc thành viên để thực hiện các yêu cầu do giảng viên Tiếng Anh nêu ra.	Vận dụng
CELO 3	Tăng cường kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh với các thành viên trong lớp, với giảng viên và hiểu biết thêm nhiều nét văn hóa tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh.	
CELO 4	Người học được rèn luyện các kỹ năng nghe- nói- đọc- viết ở trình độ sơ cấp, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của nhà Trường. Các kỹ năng ngôn ngữ nói, viết với các chủ đề hàng ngày; kỹ năng tranh, nghe và hỏi đáp; kỹ năng đọc và điền từ vào chỗ trống và kỹ năng đọc hiểu. Từ đó giúp sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc và giao tiếp.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO 5	Bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm; giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO 1	Học phần này nhằm giúp cho sinh viên củng cố kỹ năng làm bài thi TOEIC theo format	ELO 1

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	mới, luyện tập lại những cấu trúc ngữ pháp cần thiết cho quá trình thi TOEIC. Những kiến thức cơ bản gồm: Listening, Reading cùng các cấu trúc ngữ pháp cũng như từ vựng. Gồm phần kiến thức cơ bản và kiến thức nâng cao.	
Kỹ năng		
CELO 2	Kỹ năng phối hợp với các thành viên trong lớp trong vai trò nhóm trưởng hoặc thành viên để thực hiện các yêu cầu do giảng viên Tiếng Anh nêu ra.	ELO 6
CELO 3	Tăng cường kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh với các thành viên trong lớp, với giảng viên và hiểu biết thêm nhiều nét văn hóa tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh.	ELO 7
CELO 4	Người học được rèn luyện các kỹ năng nghe-nói- đọc- viết ở trình độ sơ cấp, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của nhà Trường. Các kỹ năng ngôn ngữ nói, viết với các chủ đề hàng ngày; kỹ năng tả tranh, nghe và hỏi đáp; kỹ năng đọc và điền từ vào chỗ trống và kỹ năng đọc hiểu. Từ đó giúp sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc và giao tiếp.	ELO 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO 5	Bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm; giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.	ELO 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81009	Tiếng Anh 2	H	N	N	N	N	H	H	H	N	N	N	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- + Thuyết giảng trên lớp và tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia liên quan đến nội dung bài giảng
- + Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng
- + Giảng online
- + Giao bài về nhà
- + Sinh viên thuyết trình

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi của giảng viên
- + Sinh viên tự học thông qua các trang web, tài liệu tham khảo mà giảng viên cung cấp.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Chuyên cần: sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học theo qui định.
- + Chuẩn bị bài: đọc trước bài giảng và các tài liệu có liên quan đến học phần.
- + Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	CÔNG CỤ ĐÁNH	THỜI ĐIỂM
-------	----------------------	--------------	-----------

đầu ra học phần (CELOs)	Làm bài tập về nhà	Thảo luận, phát biểu trong lớp	Chuyên cần	Kiểm tra giữa kỳ	Thi cuối kỳ	GIÁ	ĐÁNH GIÁ
CELO 1	x	x	x	x	x	Oral test Paper test	- 2/3 học phần - Cuối học phần
CELO 2	x	x	x	x	x		
CELO 3	x	x	x	x	x		
CELO 4	x	x	x	x	x		
CELO 5	x	x	x	x	x		

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần, thảo luận, phát biểu trong lớp, bài tập về nhà	10 %	
2	Thi giữa học kỳ	30 %	
3	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (oral test, paper test)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Oral test	30	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Paper test	70	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế và của bài thi TOEIC quốc tế.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

-Thi cuối kỳ dạng câu hỏi trắc nghiệm

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Dạng trắc nghiệm	Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài thi theo dạng bài thi TOEIC quốc tế.	Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài thi theo dạng bài thi TOEIC quốc tế.	Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài thi theo dạng bài thi TOEIC quốc tế.

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. Park Hye Young và Jeon Ji Won (Năm 2019), *Toeic Preparation LC + RC Volume 1*, Nhà xuất bản Tổng Hợp TP.Hồ Chí Minh

10.2 Tài liệu học tập

2. Tài liệu bổ trợ và slides bài giảng do giảng viên Nhà trường biên soạn.

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

3. Yuki Wen và Chloe Chang (năm 2020), *My First TOEIC Class Starter Plus*, Nhà xuất bản Tổng Hợp TP.Hồ Chí Minh

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Listening Comprehension & Reading Comprehension	CELO 1, 2, 3,

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu môn học - Giới thiệu đề cương chi tiết - Phổ biến định dạng đề thi giữa kỳ, cuối kỳ - Bài giảng: <ul style="list-style-type: none"> Part 1: Photo Descriptions: <ul style="list-style-type: none"> + Unit 1: Photos of People + Unit 2: Photo of Object & Scenes Part 5,6,7: Incomplete sentences, text completion, reading comprehension <ul style="list-style-type: none"> + Unit 1: Nouns and pronouns + Unit 2: Adjectives & Adverbs Part 2: Questions and Response <ul style="list-style-type: none"> + Unit 3: Information Questions (1) Part 5,6,7: Incomplete sentences, text completion, reading comprehension <ul style="list-style-type: none"> + Unit 3: Verb Tenses - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập kiểm tra cuối bài 	4
2	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: <ul style="list-style-type: none"> Part 2: Questions and Response <ul style="list-style-type: none"> + Unit 4: Information Questions (2) Part 5,6,7: Incomplete sentences, text completion, reading comprehension <ul style="list-style-type: none"> + Unit 4: Active Voice & Passive voice Listening part 2 (cont) <ul style="list-style-type: none"> + Unit 5: Yes/ No questions Reading Parts 5,6,7 <ul style="list-style-type: none"> +Unit 5: To-infinitives - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra 	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	- Sinh viên làm bài tập kiểm tra cuối bài	
3	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: <ul style="list-style-type: none"> Listening part 2 + Unit 6: Other types of questions Reading part 5,6,7 + Unit 6: Gerunds Listening part 3 + Unit 7: Business activities Reading part 5,6,7 + Unit 7: Participles - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối bài 	CELO 1, 2, 3, 4
4	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: <ul style="list-style-type: none"> Listening part 3 + Unit 8: Daily activities Reading part 5,6,7 Unit 8 Conjunctions Listening part 3 + Unit 9: At public places Reading part 5,6,7 + Unit 9: Preposition - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Bài kiểm tra cuối bài 	CELO 1, 2, 3, 4
5	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết)</p>	CELO 1, 3, 4, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: Listening part 4 Unit 10: Telephone Messages & Public Announcement Reading part 5,6,7 Unit 10 Relative pronouns and Relative adverbs Listening part 4 Unit 11: Advertisements & Radio broadcasts Reading part 5,6,7 Unit 11: Subjunctive Mood - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài kiểm tra cuối bài 	
6	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: Listening part 4 + Unit 12: Speeches & International Announcements Reading part 5,6,7 + Unit 12: Agreement Reading part 5,6,7 + Unit 12: Agreement (cont) + Review - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập cuối bài 	CELO 1, 2, 4, 5

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>Nội dung tự học : thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên: (15 giờ)</p> <p>Part 1: Photo Descriptions:</p>	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	+ Unit 1: Photos of People + Unit 2: Photo of Object & Scenes Part 5,6,7: Incomplete sentences, text completion, reading comprehension + Unit 1: Nouns and pronouns + Unit 2: Adjectives & Adverbs Part 2: Questions and Response + Unit 3: Information Questions (1) Part5,6,7: Incomplete sentences, text completion, reading comprehension + Unit 3: Verb Tenses	
2	Listening Comprehension & Reading Comprehension Nội dung tự học : thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên: (15 giờ) Part 2: Questions and Response + Unit 4: Information Questions (2) Part5,6,7: Incomplete sentences, text completion, reading comprehension + Unit 4: Active Voice & Passive voice Listening part 2 (cont) + Unit 5: Yes/ No questions Reading Parts 5,6,7 +Unit 5: To-infinitives	CELO 1, 2, 3, 5
3	Listening Comprehension & Reading Comprehension Nội dung tự học : thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên, thảo luận nhóm: (15 giờ) Listening part 2 + Unit 6: Other types of questions Reading part 5,6,7 + Unit 6: Gerunds Listening part 3 + Unit 7: Business activities	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Reading part 5,6,7 + Unit 7: Participles	
4	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>Nội dung tự học : thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên: (15 giờ)</p> <p>Listening part 3 + Unit 8: Daily activities Reading part 5,6,7 Unit 8 Conjunctions Listening part 3 + Unit 9: At public places Reading part 5,6,7 + Unit 9: Preposition</p>	CELO 1, 3, 4, 5
5	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>Nội dung tự học : thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên, thảo luận nhóm: (15 giờ)</p> <p>Listening part 4 Unit 10: Telephone Messages & Public Announcement Reading part 5,6,7 Unit 10 Relative pronouns and Relative adverbs Listening part 4 Unit 11: Advertisements & Radio broadcasts Reading part 5,6,7 Unit 11: Subjunctive Mood</p>	CELO 1, 2, 3, 5
6	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>Nội dung tự học : thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên, thảo luận nhóm: (15 giờ)</p> <p>Listening part 4 + Unit 12: Speeches & International Announcements Reading part 5,6,7 + Unit 12: Agreement Reading part 5,6,7 + Unit 12: Agreement (cont)</p>	CELO 1, 3, 4, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	+ Review	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết, quy mô từ 50 - 80 sinh viên.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA




TS. Trần Thanh Vũ

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Trần Thị Tuyết Mai

GIẢNG VIÊN



ThS. Trần Thị Tuyết Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

81010 – TIẾNG ANH 3

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (2 TC lý thuyết + 1 TC thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 2

1.5. Học phần học trước: Tiếng Anh 1, 2

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ:

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Tiếng Anh

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: NN
- Khoa: Đại Cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Ngô Thị Thùy Trang, Số điện thoại:
0934786369, email: trang.ntt@kkt.edu.vn

- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: ThS. Trần Thị Tuyết Mai, Số điện thoại: 0907626647, email liên hệ: mai.ttt@kttk.edu.vn

- Giảng viên thỉnh giảng: ThS. Hoàng Tiểu Nga, Số điện thoại: 0908311658

2. Mô tả học phần

Học phần này nhằm nâng cao năng lực ngôn ngữ của sinh viên đã hoàn thành học phần tiếng Anh 2 đồng thời nâng cao các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho bài thi TOEIC. Sau khi hoàn thành xong học phần này sinh viên vẫn duy trì khả năng đọc, nghe và nói trong giao tiếp thông thường, có kiến thức tương đối sâu về bài thi TOEIC và kỹ năng làm bài thi TOEIC. Các em được kỳ vọng đạt khoảng TOEIC 300- 450.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Học phần này nhằm nâng cao năng lực ngôn ngữ của sinh viên đã hoàn thành học phần tiếng Anh 2 đồng thời nâng cao các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho bài thi TOEIC. Sau khi hoàn thành xong học phần này sinh viên vẫn duy trì khả năng đọc, nghe và nói trong giao tiếp thông thường, có kiến thức tương đối sâu về bài thi TOEIC và kỹ năng làm bài thi TOEIC. Gồm các kiến thức cơ bản và kiến thức nâng cao.

Kiến thức cơ bản: Luyện tập 2 kỹ năng nghe và đọc hiểu sử dụng:

+ Từ vựng cơ bản: các hoạt động thương mại, các hoạt động hằng ngày, các nơi công cộng, các vấn đề cá nhân, thiết bị văn phòng, ...

+ Văn phạm cơ bản: danh từ, đại từ, các thì, thể chủ động, thể bị động, danh động từ, tính từ sở hữu, ...

- Kiến thức nâng cao: Luyện tập 2 kỹ năng nghe và đọc hiểu sử dụng:

+ Từ vựng nâng cao: tin nhắn điện thoại, các thông báo, quảng cáo, các chuyển công tác, các cuộc họp thương mại ...

+ Văn phạm nâng cao: hiện tại phân từ và quá khứ phân từ, liên từ, giới từ, mệnh đề quan hệ sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, thể giả định ...

Về kỹ năng:

- Kỹ năng phối hợp với các thành viên trong lớp trong vai trò nhóm trưởng hoặc thành viên để thực hiện các yêu cầu do giảng viên Tiếng Anh nêu ra.

- Tăng cường kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh với các thành viên trong lớp, với giảng viên và hiểu biết thêm nhiều nét văn hóa tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh.

- Người học được rèn luyện các kỹ năng nghe- nói- đọc- viết ở trình độ sơ cấp, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của nhà Trường. Các kỹ năng ngôn ngữ nói, viết với các chủ đề hàng ngày; kỹ năng tả tranh, nghe và hỏi đáp; kỹ năng đọc và điền từ vào chỗ trống và kỹ năng đọc hiểu. Từ đó giúp sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc và giao tiếp.

Về thái độ:

Bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm; giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO 1	Học phần này nhằm nâng cao năng lực ngôn ngữ của sinh viên đã hoàn thành học phần tiếng Anh 2 đồng thời nâng cao các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho bài thi TOEIC. Sau khi hoàn thành xong học phần này sinh viên vẫn duy trì khả năng đọc, nghe và nói trong giao tiếp thông thường, có kiến thức tương đối sâu về bài thi TOEIC và kỹ năng làm bài thi TOEIC. Gồm các kiến thức cơ bản và kiến thức nâng cao.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO 2	Kỹ năng phối hợp với các thành viên trong lớp trong vai trò nhóm trưởng hoặc thành viên để thực hiện các yêu cầu do giảng viên Tiếng Anh nêu ra.	Vận dụng
CELO 3	Tăng cường kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh với các thành viên trong lớp, với giảng viên và hiểu biết thêm nhiều nét văn hóa tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh.	
CELO 4	Người học được rèn luyện các kỹ năng nghe- nói- đọc- viết ở trình độ sơ cấp, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của nhà Trường. Các kỹ năng ngôn ngữ nói, viết với các chủ đề hàng ngày; kỹ năng tả tranh, nghe và hỏi đáp; kỹ năng đọc và điền từ vào chỗ trống và kỹ năng đọc hiểu. Từ đó giúp sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong	

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	công việc và giao tiếp.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO 5	Bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm; giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO 1	Học phần này nhằm nâng cao năng lực ngôn ngữ của sinh viên đã hoàn thành học phần tiếng Anh 2 đồng thời nâng cao các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho bài thi TOEIC. Sau khi hoàn thành xong học phần này sinh viên vẫn duy trì khả năng đọc, nghe và nói trong giao tiếp thông thường, có kiến thức tương đối sâu về bài thi TOEIC và kỹ năng làm bài thi TOEIC. Gồm các kiến thức cơ bản và kiến thức nâng cao.	ELO 1
Kỹ năng		
CELO 2	Kỹ năng phối hợp với các thành viên trong lớp trong vai trò nhóm trưởng hoặc thành viên để thực hiện các yêu cầu do giảng viên Tiếng Anh nêu ra.	ELO 6
CELO 3	Tăng cường kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh với các thành viên trong lớp, với giảng viên và hiểu biết thêm nhiều nét văn hóa tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh.	ELO 7
CELO 4	Người học được rèn luyện các kỹ năng nghe-	ELO 8

	nói- đọc- viết ở trình độ sơ cấp, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của nhà Trường. Các kỹ năng ngôn ngữ nói, viết với các chủ đề hàng ngày; kỹ năng tả tranh, nghe và hỏi đáp; kỹ năng đọc và điền từ vào chỗ trống và kỹ năng đọc hiểu. Từ đó giúp sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc và giao tiếp.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO 5	Bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm; giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.	ELO 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81010	Tiếng Anh 3	H	N	N	N	N	H	H	H	N	N	N	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- + Thuyết giảng trên lớp và tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia liên quan đến nội dung bài giảng
- + Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng
- + Giảng online
- + Giao bài về nhà
- + Sinh viên thuyết trình

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi của giảng viên

+ Sinh viên tự học thông qua các trang web, tài liệu tham khảo mà giảng viên cung cấp.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Chuyên cần: sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học theo qui định.
- + Chuẩn bị bài: đọc trước bài giảng và các tài liệu có liên quan đến học phần.
- + Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Gia Định.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Làm bài tập về nhà	Thảo luận, phát biểu trong lớp	Chuyên cần	Kiểm tra giữa kỳ	Thi cuối kỳ	CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	ĐÁNH GIÁ
CELO 1	x	x	x	x	x	Oral test Paper test	- 2/3 học phần - Cuối học phần
CELO 2	x	x	x	x	x		
CELO 3	x	x	x	x	x		
CELO 4	x	x	x	x	x		
CELO 5	x	x	x	x	x		

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần, thảo luận, phát biểu trong lớp, bài tập về nhà	10 %	
2	Thi giữa học kỳ	30 %	
3	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ	Mức chất lượng
----------	----	----------------

	lệ (%)	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (oral test, paper test)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Oral test	30	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn
Paper test	70	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế và của bài thi TOEIC quốc tế.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Dạng trắc nghiệm	Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài thi theo dạng bài thi TOEIC quốc tế.	Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài thi theo dạng bài thi TOEIC quốc tế.	Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài thi theo dạng bài thi TOEIC quốc tế.

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. Park Hye Young và Jeon Ji Won (2019), *Toeic Preparation LC + RC Volume 2*, Nhà xuất bản Tổng Hợp TP.Hồ Chí Minh

10.2 Tài liệu học tập

2. Tài liệu hỗ trợ và slides bài giảng do giảng viên Nhà trường biên soạn.

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

3. Miles Craven (2019), *Pass the TOEIC TEST Introductory Course*, Nhà xuất bản Tổng Hợp TP.Hồ Chí Minh

11. Nội dung chi tiết của học phần

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Listening Comprehension & Reading Comprehension	CELO 1, 2, 3, 4
	B.Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2.5tiết) <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu môn học - Giới thiệu đề cương chi tiết - Phổ biến định dạng đề thi giữa kỳ, cuối kỳ - Bài giảng: <ul style="list-style-type: none"> Listening <ul style="list-style-type: none"> + Unit 1: part 1 Photos of People, part 3 Business Activities + Unit 2: part 2 Information questions (1), part 4 Voice messages Reading <ul style="list-style-type: none"> + Unit 1: part 5 Subject & verbs, part 6 Letters + Unit 2: part 5 tenses, part 7 emails - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: (2.5 tiết) <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập kiểm tra cuối bài 	
2	Listening Comprehension & Reading Comprehension	CELO 1, 2, 3, 4
	A.Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2.5 tiết)	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: Listening + Unit 3: part 1 Photos of two People, part 3 personnel issues Reading + Unit 3: part 5 Active voice & passive voice, part 6 notices - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: (2.5 tiết) - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập kiểm tra cuối bài 	
3	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: Listening + Unit 4: part 2 information question (2), part 4 public announcement Reading + Unit 4: part 5 nouns, pronouns and possessive adjectives, part 7 advertisement - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: (2.5 tiết) - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập kiểm tra cuối bài 	CELO 1, 2, 3, 4
4	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: 	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Listening + Unit 5: part 1 photos of more than two people, part 3 object & office equipment</p> <p>Reading + Unit 5: part 5 to infinitives, part 6 announcement</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận: (2.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập kiểm tra cuối bài 	
5	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: Listening + Unit 6: part 2 information question (3), part 3 commercial broadcasts Reading + Unit 6: part 5 gerunds, part 7 articles - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận: (2.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối bài 	CELO 1, 3, 4, 5
6	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: Listening + Unit 7: part 1 photos of objects/ scenes, part 3 	CELO 1, 2, 4, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	business events Reading + Unit 7: part 5 adjective, adverbs & comparisons, part 6 notes - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: (2.5 tiết) - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập kiểm tra cuối bài	
7	Listening Comprehension & Reading Comprehension A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2.5 tiết) - Bài giảng: Listening + Unit 8: part 2 Yes/ no questions (be), part 4 radio broadcasts Reading Part 5 Unit 8 participles and participial phrases, part 7 text messages & online chat messages - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: (2.5 tiết) - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Bài kiểm tra cuối bài	CELO 1, 2, 3, 4
8	Listening Comprehension & Reading Comprehension A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2.5 tiết) - Bài giảng: Listening + Unit 9: part 2 yes/ no questions, part 3 travel business trip	CELO 1, 2, 3, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Reading + Unit 9: part 5 conjunction, part 6 letters</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận: (2.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối bài 	
9	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: Listening Unit 10: part 2 negative questions&tag questions, part 4 business meetings Reading Part 5 Unit 10 Relative pronouns and Relative adverbs, part 7 double passages - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận: (2.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài kiểm tra cuối bài 	CELO 1, 2, 3, 4
10	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: Listening Unit 11: part 2 “or” questions & indirect questions, part 3 at public places Reading Part 5 Unit 11: Subjunctive Mood, part 6 articles - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi 	CELO 1, 3, 4, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận/thuyết trình: (2.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối bài 	
11	<p>Listening Comprehension & Reading Comprehension</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: Listening + Unit 12: part 2 statements, part 4 speeches & presentations Reading + Unit 12: part 5 prepositions, part 7 triple passages - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận: (2.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập cuối bài 	CELO 1, 2, 3, 5
12	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: Listening + Unit 12: part 5 prepositions, part 7 triple passages (cont) + Review - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận: (2.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra <p>Sinh viên làm bài tập cuối bài</p>	CELO 1, 3, 4, 5

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết, quy mô từ 50 - 80 sinh viên.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Trần Thị Tuyết Mai

GIẢNG VIÊN



ThS. Ngô Thị Thùy Trang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

81011 – TIẾNG ANH 4

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 2 TC
- Giờ học thực hành: 1 TC
- Giờ tự học của sinh viên: 90 tiết

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 3

1.5. Học phần học trước: Tiếng Anh 3

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 2 năm 2

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Tiếng Anh

1.8. Đơn vị phụ trách: Khoa

- Bộ môn/Ngành: Ngoại ngữ
- Khoa: Khoa Đại cương.

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu 1

Họ và tên: <i>Trần Thị Tuyết Mai</i>	Học hàm, học vị: <i>Thạc sĩ</i>
Địa chỉ cơ quan: <i>333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương</i>	Điện thoại liên hệ: <i>0907626647</i>
Email: <i>mai.ttt@kkt.edu.vn</i>	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

Giảng viên cơ hữu 2

Họ và tên: Ngô Thị Thùy Trang	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0934786369
Email: trang.ntt@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

Giảng viên thỉnh giảng

Họ và tên: Hoàng Tiểu Nga	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0908311658
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Mục tiêu của người học chứng chỉ tiếng Anh TOEIC là để có thể sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả trong môi trường làm việc hàng ngày, từ những tình huống giao tiếp cơ bản, đơn giản đến những tình huống phức tạp và chuyên môn hơn.

Hiện nay, phần lớn các công ty đều sử dụng bài thi TOEIC như một công cụ để đánh giá khả năng sử dụng tiếng Anh của cán bộ nhân viên và là tiêu chuẩn để tuyển dụng ứng viên. Vì vậy, việc học tiếng Anh theo chương trình TOEIC và việc thi chứng chỉ TOEIC đang rất được quan tâm.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

- Kiến thức:

Học phần này chú trọng vào việc củng cố, mở rộng kiến thức của sinh viên và phát triển những khả năng giao tiếp một cách hiệu quả theo chủ đề của giáo trình luyện thi TOEIC.

- Kỹ năng:

- Kỹ năng phối hợp với các thành viên trong lớp trong vai trò nhóm trưởng hoặc thành viên để thực hiện các yêu cầu do giảng viên Tiếng Anh nêu ra.
- Tăng cường kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh với các thành viên trong lớp, với giảng viên và hiểu biết thêm nhiều nét văn hóa tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh.
- Sinh viên nghe, viết, đọc, nói và phát âm đúng những từ, câu căn bản bằng tiếng Anh theo chủ đề của giáo trình luyện thi TOEIC. Biết ứng dụng các tình huống giao tiếp trong sinh hoạt hàng ngày bằng tiếng Anh. Từ đó giúp sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc và giao tiếp.

- Thái độ:

Bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm; giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO 1	Học phần này chú trọng vào việc củng cố, mở rộng kiến thức của sinh viên và phát triển những khả năng giao tiếp một cách hiệu quả theo chủ đề của giáo trình luyện thi TOEIC. Gồm các kiến thức cơ bản và kiến thức nâng cao.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO 2	Kỹ năng phối hợp với các thành viên trong lớp trong vai trò nhóm trưởng hoặc thành viên để thực hiện các yêu cầu do giảng viên Tiếng Anh nêu ra.	Vận dụng
CELO 3	Tăng cường kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh với các thành viên trong lớp, với giảng viên và hiểu biết thêm nhiều nét văn hóa tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh.	
CELO 4	Sinh viên nghe, viết, đọc, nói và phát âm đúng những từ, câu căn bản bằng tiếng Anh theo chủ đề của giáo trình luyện thi TOEIC. Biết ứng dụng các tình huống giao tiếp trong sinh hoạt hàng ngày bằng tiếng	

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	Anh. Từ đó giúp sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc và giao tiếp.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO 5	Bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm; giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO 1	Học phần này chú trọng vào việc củng cố, mở rộng kiến thức của sinh viên và phát triển những khả năng giao tiếp một cách hiệu quả theo chủ đề của giáo trình luyện thi TOEIC. Gồm các kiến thức cơ bản và kiến thức nâng cao.	ELO 1
Kỹ năng		
CELO 2	Kỹ năng phối hợp với các thành viên trong lớp trong vai trò nhóm trưởng hoặc thành viên để thực hiện các yêu cầu do giảng viên Tiếng Anh nêu ra.	ELO 6
CELO 3	Tăng cường kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh với các thành viên trong lớp, với giảng viên và hiểu biết thêm nhiều nét văn hóa tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh.	ELO 7
CELO 4	Sinh viên nghe, viết, đọc, nói và phát âm đúng những từ, câu căn bản bằng tiếng Anh theo chủ đề của giáo trình luyện thi TOEIC. Biết ứng dụng các tình huống giao tiếp trong	ELO 8

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	sinh hoạt hàng ngày bằng tiếng Anh. Từ đó giúp sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc và giao tiếp.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO 5	Bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm; giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.	ELO 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81011	Tiếng Anh 4	H	N	N	N	N	H	H	H	N	N	N	S

- *N*: Không đóng góp (*none supported*)
- *S*: Có đóng góp (*supported*)
- *H*: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

+ Thuyết giảng trên lớp và tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia liên quan đến nội dung bài giảng.

- + Giảng online
- + Giao bài về nhà
- + Sinh viên thuyết trình

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của giảng viên.
- + Sinh viên tự học thông qua các trang web, tài liệu tham khảo mà giảng viên cung cấp.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Chuyên cần: sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học theo qui định.

+ Chuẩn bị bài: đọc trước bài giảng và các tài liệu có liên quan đến học phần.

+ Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x		x	x	x	Oral test Paper test	- 2/3 học phần - Cuối học phần
CELO 2	x	x	x	x	x		
CELO 3	x	x	x	x	x		
CELO 4	x	x	x	x	x		
CELO 5	x	x	x	x	x		

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10	
2	Thảo luận		
3	Bản thu hoạch		
4	Thuyết trình		
5	Báo cáo		
6	Thi giữa học kỳ	30	
7	Thi cuối học kỳ	60	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ	Mức chất lượng
----------	----	----------------

	lệ (%)	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức.	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện.	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (oral test and paper test)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Oral test	30	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn
Paper test	70	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế và của bài thi TOEIC quốc tế.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn.

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Dạng trắc nghiệm	Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài thi theo dạng bài thi TOEIC quốc tế.	Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài thi theo dạng bài thi TOEIC quốc tế.	Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài thi theo dạng bài thi TOEIC quốc tế.

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. Lori (năm 2019), TNT TOEIC Intensive LC + RC, third Edition, nhà xuất bản Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh.

10.2 Tài liệu học tập

2. Slide bài giảng, tài liệu do Giảng viên biên soạn, lưu hành nội bộ và giáo trình chính.

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

3. Miles Craven, năm 2019, Pass the TOEIC TEST Intermediate Course, nhà xuất bản Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	1. Nouns (5 tiết) 2. Adjectives 3. Adverbs	1, 2, 3, 4
2	4. Sentence Patterns and Verb Types. (5 tiết) 5. Vocabulary practice: nouns/ Multiple passage Text Practise 6. Auxiliary verbs and Types of transitive verbs	1, 2, 3, 4
3	7. Verb tenses (5 tiết) 8. The passive voice 9. Pronouns	1, 2, 3, 4
4	10. Vocabulary practice: Adjectives/ Multiple passage Text Practise (5 tiết) 11. Conjunctions 12. Sentences with participles	1, 2, 3, 4
5	13. Relative Pronouns (5 tiết) 14. Omission of Relative Pronouns as subject + to be 15. Vocabulary practice: Transitive verbs/ Multiple passage Text Practise	1, 2, 3, 4
6	16. Adverbs of quantity and subject Agreement (5 tiết) 17. Comparatives and superlatives 18. Prepositions	1, 2, 3, 4

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>Nội dung tự học: thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên, thảo luận nhóm: (15 giờ)</p> <p>19. Nouns 20. Adjectives 21. Adverbs</p>	1, 2, 3, 4
2	<p>Nội dung tự học: thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên: (15 giờ)</p> <p>22. Sentence Patterns and Verb Types. (5 giờ) 23. Vocabulary practice: nouns/ Multiple passage Text Practise 24. Auxiliary verbs and Types of transitive verbs</p>	1, 2, 3, 4
3	<p>Nội dung tự học: thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên: (15 giờ)</p> <p>25. Verb tenses 26. The passive voice 27. Pronouns</p>	1, 2, 3, 4
4	<p>Nội dung tự học: thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên, thảo luận nhóm: (15 giờ)</p> <p>28. Vocabulary practice: Adjectives/ Multiple passage Text Practise 29. Conjunctions 30. Sentences with participles</p>	1, 2, 3, 4
5	<p>Nội dung tự học: thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên: (15 giờ)</p> <p>31. Relative Pronouns 32. Omission of Relative Pronouns as subject + to be 33. Vocabulary practice: Transitive verbs/ Multiple passage Text Practise</p>	1, 2, 3, 4
6	<p>Nội dung tự học: thực hành và làm bài tập theo hướng dẫn giáo viên, thảo luận nhóm: (15 giờ)</p> <p>34. Adverbs of quantity and subject Agreement 35. Comparatives and superlatives 36. Prepositions</p>	1, 2, 3, 4

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết, quy mô từ 50 - 80 sinh viên.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN





TS. Trần Thanh Vũ

ThS. Trần Thị Tuyết Mai

ThS. Ngô Thị Thùy Trang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81036 – LÝ THUYẾT XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ TOÁN

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (3 Lý thuyết)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: Không
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Học kỳ II năm 1, khóa D21.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: <i>Trần Thị Kim Thoa</i>	Học hàm, học vị: <i>Thạc sĩ</i>
Địa chỉ cơ quan: <i>333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương</i>	Điện thoại liên hệ: <i>0989807928</i>
Email: <i>thoa.ttk@kkt.edu.vn</i>	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung:

- Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên.
- Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên, xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số và kiểm định giả thiết.

Về kỹ năng:

- Phát triển khả năng phân tích, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán xác suất thống kê, biết cách áp dụng các công cụ xử lý và phân tích dữ liệu hiện đại.

Về thái độ:

- Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân và cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải hoặc không lường trước được trong thực tế cần phải áp dụng các kiến thức về xác suất thống kê để phân tích và đưa ra nhận định.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên, xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số và kiểm định giả thiết.	Vận dụng
Kỹ năng		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO2	Phát triển khả năng phân tích, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán xác suất thống kê, biết cách áp dụng các công cụ xử lý và phân tích dữ liệu hiện đại.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân và cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải hoặc không lường trước được trong thực tế cần phải áp dụng các kiến thức về xác suất thống kê để phân tích và đưa ra nhận định.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên, xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số và kiểm định giả thiết.	ELO 1
Kỹ năng		
CELO2	Phát triển khả năng phân tích, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán xác suất thống kê, biết cách áp dụng các công cụ xử lý và phân tích dữ liệu hiện đại.	ELO 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân và cộng đồng trước các vấn đề đã gặp phải hoặc không lường trước được trong thực tế cần phải áp dụng các kiến thức về xác suất thống kê để phân tích và đưa ra nhận định.	ELO 11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
08103 6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	H	N	N	N	N	N	N	N	S	N	S	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Làm bài kiểm tra (thi) giữa kỳ		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

- PGS. TS. Nguyễn Cao Văn (chủ biên) (2018), Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê toán, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Đinh Văn Gắng (2011), Bài tập xác suất và thống kê, NXB Giáo Dục Việt Nam

- Đặng Hùng Thắng (2010), Bài tập thống kê, NXB Giáo dục Việt Nam.

- Một số địa chỉ web hữu ích cho học phần:

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Slide Xác suất	https://tailieu.vn/doc/bai-giang-	29/05/2021

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
	thống kê	mon-xac-suat-thong-ke-ths-doan-vuong-nguyen-945151.html	
2	Bài giảng Xác suất thống kê	https://www.youtube.com/watch?v=GQ9zSqFVtpc&list=PLeZ69hpPOw9nOXs_ruJNvu-tSBa0hzWcJ&index=1	29/05/2021

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1	Chương 1: Bổ túc về giải tích tổ hợp (4 tiết)	CELO 1, 2, 3
	1.1. Biểu diễn tập hợp 1.2. Các phép toán tập hợp 1.3. Các quy tắc của phép đếm 1.4. Giải tích tổ hợp	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (6 giờ):	
	- Bài tập chương 1	
1-4	Chương 2: Xác suất (12 tiết)	CELO 1, 2, 3
	2.1. Hiện tượng ngẫu nhiên 2.2. Xác suất 2.3. Các công thức xác suất	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (12 giờ):	
	- Bài tập chương 2	
4	Chương 3: Đại lượng ngẫu nhiên (6 tiết)	CELO 1, 2, 3
	3.1. Khái niệm 3.2. Xác định đại lượng ngẫu nhiên 3.3. Các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (6 giờ):	
	- Bài tập chương 3	
5	Chương 4: Phân phối xác suất (5 tiết)	CELO 1, 2, 3
	4.1. Phân phối rời rạc 4.2. Các phân phối liên tục	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (6 giờ):	
	- Bài tập chương 4	
6-8	Chương 5: Mẫu thống kê và ước lượng tham số (10 tiết)	CELO 1, 2, 3
	5.1. Lý thuyết mẫu và lý thuyết ước lượng 5.2. Ước lượng điểm 5.3. Ước lượng khoảng	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (6 giờ):	
	- Bài tập chương 5	
8-9	Chương 6: Kiểm định giả thiết (8 tiết)	CELO 1, 2, 3
	6.1. Khái niệm 6.2. So sánh tham số từ bảng thống kê 6.3. So sánh hai tham số thống kê	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (6 giờ):	
	- Bài tập chương 6	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết, quy mô từ 50 - 80 sinh viên.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn,...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.

- + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
- + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Duy Dũng

GIẢNG VIÊN



ThS. Trần Thị Kim Thoa

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81017 – TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (2 Lý thuyết, 1 Thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Học kỳ I năm 1, từ khóa D21.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Nguyễn Kiều Oanh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0989807928
Email: oanh.nk@kktk.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Học phần gồm có 4 chương. Mục đích nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức toàn diện về tin học văn phòng. Chương 1: trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về phần cứng và phần mềm máy tính. Chương 2: thực hiện các thao tác trên hệ điều hành Windows. Chương 3: hướng dẫn soạn thảo và định dạng văn bản.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Kiến thức cơ bản về các linh kiện bên trong máy tính và các thiết bị ngoại vi phổ biến, các khái niệm cơ bản về máy tính. Hiểu về các phần mềm tin học phổ biến trong hệ điều hành Windows. Từ đó phát triển kiến thức về công nghệ thông tin, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu vào việc tổ chức, xử lý công tác trong doanh nghiệp.

Về kỹ năng:

- Biết cách sử dụng các phần mềm trên hệ điều hành Windows để giải quyết các yêu cầu tác nghiệp. Sử dụng tốt phần mềm Office văn phòng trong các công việc cụ thể trong học tập ... xác định vai trò của ngành công nghệ thông tin trong xã hội. Phát triển các kỹ năng thao tác, quản lý trên hệ điều hành Windows. Sử dụng thành thạo các phím tắt trên Windows và Office. Soạn thảo văn bản đẹp và khoa học.

Về thái độ:

- Thể hiện ý thức trách nhiệm trước các vấn đề đã gặp phải trong doanh nghiệp đòi hỏi cần phải áp dụng các kiến thức về tin học cơ bản để giải quyết.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức cơ bản về các linh kiện bên trong máy tính và các thiết bị ngoại vi phổ biến, các khái niệm cơ bản về máy tính. Hiểu về các phần mềm tin học phổ biến trong hệ điều hành Windows. Từ đó phát triển kiến	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	thức về công nghệ thông tin, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu vào việc tổ chức, xử lý công tác trong doanh nghiệp.	
Kỹ năng		
CELO2	Biết cách sử dụng các phần mềm trên hệ điều hành Windows để giải quyết các yêu cầu tác nghiệp. Sử dụng tốt phần mềm Office văn phòng trong các công việc cụ thể trong học tập ... xác định vai trò của ngành công nghệ thông tin trong xã hội. Phát triển các kỹ năng thao tác, quản lý trên hệ điều hành Windows. Sử dụng thành thạo các phím tắt trên Windows và Office. Soạn thảo văn bản đẹp và khoa học.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện ý thức trách nhiệm trước các vấn đề đã gặp phải trong DN đòi hỏi cần phải áp dụng các kiến thức về tin học cơ bản để giải quyết.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức cơ bản về các linh kiện bên trong máy tính và các thiết bị ngoại vi phổ biến, các khái niệm cơ bản về máy tính. Hiểu về các phần mềm tin học phổ biến trong hệ điều hành Windows. Từ đó phát triển kiến thức về công nghệ thông tin, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu vào việc tổ chức, xử lý công	ELO 3

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	tác trong doanh nghiệp.	
Kỹ năng		
CELO2	Biết cách sử dụng các phần mềm trên hệ điều hành Windows để giải quyết các yêu cầu tác nghiệp. Sử dụng tốt phần mềm Office văn phòng trong các công việc cụ thể trong học tập ... xác định vai trò của ngành công nghệ thông tin trong xã hội. Phát triển các kỹ năng thao tác, quản lý trên hệ điều hành Windows. Sử dụng thành thạo các phím tắt trên Windows và Office. Soạn thảo văn bản đẹp và khoa học.	ELO 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện ý thức trách nhiệm trước các vấn đề đã gặp phải trong DN đòi hỏi cần phải áp dụng các kiến thức về tin học cơ bản để giải quyết.	ELO 11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
081017	Tin học đại cương	N	N	H	N	N	N	N	N	H	N	S	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Làm bài kiểm tra (thi) giữa kỳ		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. Trần Đình Khang (chủ biên) (2019), Giáo trình tin học đại cương, NXB Bách Khoa Hà Nội.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. TS. Nguyễn Ngọc Cương (chủ biên) (2016), Giáo trình tin học cơ sở, NXB Thông tin và Truyền thông.

- Một số địa chỉ web hữu ích cho học phần:

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Đại cương về tin học	http://tailieu.vnuf2.edu.vn/claroline/backends/download.php?url=L1Rpbl9ob2NfRGFpX2N1b25nX0xIX1RodS5wZGY%3D&cidReset=true&cidReq=THDC_001	2021

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phân lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1	Chương 1. Nhập môn máy tính (5 tiết)	CELO 1, 2, 3
	<ul style="list-style-type: none"> 1.1. Các khái niệm 1.2. Phần cứng, phần mềm 	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	1.3. Các loại máy tính 1.4. Các thành phần chính của máy vi tính 1.5. Phần mềm máy tính 1.6. Giao diện người dùng 1.7. An ninh và an toàn dữ liệu 1.8. Vi rút máy tính 1.9. Các thiết bị nhập xuất chuẩn Các nội dung chính SV tự học ở nhà (10 giờ): 1.10. Các thiết bị khác 1.11. Thao tác khởi động, tắt máy đúng cách	
2	Chương 2. Microsoft windows (5 tiết) 2.1. Giới thiệu HĐH Microsoft Windows 2.2. Các thao tác cơ bản 2.3. Dùng các trình ứng dụng trong Windows 2.4. Làm việc với đĩa, thư mục và tập tin 2.5. Sử dụng trình ứng dụng Windows explorer 2.6. Xác lập các chương trình 2.7. Một số các tùy biến chương trình 2.8. Sử dụng bảng điều khiển Control panel Các nội dung chính SV tự học ở nhà (10 giờ): - Bài tập chương 2	CELO 1, 2, 3
3-4	Chương 3. Microsoft Word 2010 (10 tiết) 3.1. Tổng quan Microsoft Word 2010 3.2. Những điểm mới trong Microsoft Word 2010 3.3. Thao tác căn bản trên Word 2010 3.4. Thao tác với chuột và bàn phím 3.5. Chọn khối và thao tác trên khối 3.6. Thực hiện định dạng văn bản 3.7. Canh chỉnh văn bản 3.8. Thay đổi khoảng cách trong văn bản 3.9. Đánh dấu sự thay đổi và ghi chú trong tài liệu	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	3.10. Tắt chế độ theo dõi sự thay đổi 3.11. Thay đổi cách Word đánh dấu 3.12. Định dạng cột, tab, numbering 3.13. Chữ drop cap 3.14. Watermark (nền bảo vệ văn bản) 3.15. Tạo tiêu đề trên và dưới (header and footer) cho văn bản 3.16. Đánh số thứ tự cho trang văn bản 3.17. Định dạng trang văn bản 3.18. Thực hiện chèn các đối tượng 3.19. Thao tác với bảng biểu	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (20 giờ):	
	- Bài tập chương 3	
5-6	Chương 4: Các kỹ thuật nâng cao trong MS Word 2010 (10 tiết)	CELO 1, 2, 3
	4.1. Bảo vệ tài liệu Word 4.2. Tìm kiếm, thay thế. 4.3. Kiểm tra chính tả, ngữ pháp, từ đồng nghĩa, tự động chỉnh sửa, từ điển mặc định và công cụ đếm từ 4.4. In tài liệu Word 4.5. Trộn tài liệu (mail merge).	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (20 giờ):	
	- Bài tập chương 4	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
7-8	Chương 2: Làm bài tập tổng ôn kiến thức về Microsoft windows	CELO 1, 2, 3
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 10 tiết) - Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập. <p>Đánh giá kết quả học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm 	
9-10	<p>Chương 3: Làm bài tập thực hành về Microsoft Word 2010</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 10 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	CELO 1, 2, 3
11-12	<p>Chương 4: Làm bài tập thực hành về Các kỹ thuật nâng cao trong MS Word 2010</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 10 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	CELO 1, 2, 3

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Phòng thực hành máy tính.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, Laptop cá nhân, máy chủ, phần mềm Microsoft Office...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.

- + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
- + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
- + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN



TS. Trần Thanh Vũ



TS. Nguyễn Duy Dũng



ThS. Nguyễn Kiều Oanh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81065 – TOÁN CAO CẤP C (CALCULUS C)

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (3 Lý thuyết)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: Không
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Học kỳ I năm 1, từ khóa D21.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: <i>Trần Thị Kim Thoa</i>	Học hàm, học vị: <i>Thạc sĩ</i>
Địa chỉ cơ quan: <i>333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương</i>	Điện thoại liên hệ: <i>0359916707</i>
Email: <i>thoa.ttk@kkt.edu.vn</i>	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Toán cao cấp C bao gồm các kiến thức:

- Môn học trình bày các kiến thức về các hàm tuyến tính và các hàm số cơ bản khác; phép tính vi phân của hàm số một biến và nhiều biến; hệ phương trình tuyến tính và ma trận.
- Môn học cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng giải quyết các bài toán kinh doanh trong nhiều bối cảnh khác nhau dựa trên lý thuyết đã học như giải bài toán cân bằng cung cầu, phân tích hoà vốn, tối ưu một đại lượng kinh tế, phân tích một bài toán kinh doanh với ma trận dữ liệu cho trước, tính lãi đơn, lãi kép, giá trị tương lai và giá trị hiện tại của một niên kim, ước lượng sự thay đổi của một đại lượng kinh tế khi có sự thay đổi của một đại lượng khác và bài toán tỷ lệ liên quan.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Kiến thức cơ bản về vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến, phương trình vi phân, một số ứng dụng kiến thức toán trong kinh tế và nội dung cơ bản trong Đại số tuyến tính, giải tích một biến.

Về kỹ năng:

- Khả năng phân tích, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán về vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến, tích phân kép, phương trình vi phân và áp dụng kiến thức chuyên môn vào các bài toán kinh tế.

Về thái độ:

- Thể hiện ý thức trách nhiệm với các vấn đề đã gặp phải trong thực tế cần phải áp dụng các kiến thức về toán học cao cấp để phân tích và đưa ra nhận định.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO1	Kiến thức cơ bản về vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến, phương trình vi phân, một số ứng dụng kiến thức toán trong kinh tế và nội dung cơ bản trong Đại số tuyến tính, giải tích một biến.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	Khả năng phân tích, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán về vi phân hàm nhiều biến, tích phân kép, phương trình vi phân và áp dụng kiến thức chuyên môn vào các bài toán kinh tế.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện ý thức trách nhiệm với các vấn đề đã gặp phải trong thực tế cần phải áp dụng các kiến thức về toán học cao cấp để phân tích và đưa ra nhận định.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức cơ bản về vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến, phương trình vi phân, một số ứng dụng kiến thức toán trong kinh tế và nội dung cơ bản trong Đại số tuyến tính, giải tích một biến.	ELO 1
Kỹ năng		
CELO2	Khả năng phân tích, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán về vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến, tích	ELO 9

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	phân kép, phương trình vi phân và áp dụng kiến thức chuyên môn vào các bài toán kinh tế.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện ý thức trách nhiệm với các vấn đề đã gặp phải trong thực tế cần phải áp dụng các kiến thức về toán học cao cấp để phân tích và đưa ra nhận định.	ELO 11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
08106 5	Toán cao cấp C	H	N	N	N	N	N	N	N	S	N	S	N

- *N*: Không đóng góp (none supported)
- *S*: Có đóng góp (supported)
- *H*: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- Thuyết giảng;
- Tổ chức hoạt động cho học viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng;
- Hướng dẫn thảo luận theo nhóm và làm bài tập.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời câu hỏi;
- Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên;
- Sinh viên xem các video bài giảng có nội dung liên quan trên website, youtube, ...;
- Tham gia các hoạt động nhóm/cá nhân;
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học nếu vắng quá 4 buổi trừ 50% số điểm cuối khoá;

- Học tập theo phương pháp chủ động, tích cực tham gia thảo luận tại lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài và đưa ra thắc mắc (nếu có) để cả lớp cùng giải đáp;
- Sinh viên phải tự thành lập nhóm (từ 6 – 8 sinh viên), tự giác tổ chức các hoạt động nhóm để hoàn thành yêu cầu của giảng viên;
- Phải đi học đúng giờ theo quy định. Sinh viên đi học ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý;
- Tham dự thi cuối khoá là điều kiện bắt buộc.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Làm bài kiểm tra (thi) giữa kỳ		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
	tạo	sáng tạo	

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. Lê Đình Thúy (Chủ Biên)(2018), Giáo Trình Toán Cao Cấp Cho Các Nhà Kinh Tế, NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân.

10.2 Tài liệu học tập

2. GS. TS. Nguyễn Đình Trí (chủ biên), Toán học cao cấp Tập 1: Đại số và hình học giải tích, NXB Giáo Dục Việt Nam

- Một số địa chỉ web hữu ích cho học phần:

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Calculus: Early transcendental , 8th edition	https://tailieu.vn/doc/bai-giang-mon-xac-suat-thong-ke-ths-doan-vuong-nguyen-945151.html	29/05/2021
2	Bản dịch tiếng Việt: Giải tích 1 – Calculus 7ed, Đại học Duy Tân biên dịch	https://homeschool247.edu.vn/wp-content/uploads/2018/04/Calculus-6th-Edition-by-Stewart-Tieng-Viet.pdf	29/05/2021
3	Bài giảng Toán cao cấp C2	http://123doc.org/document/950523-toan-cao-cap-c2.htm	10/05/2021

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <p>- Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả.</p>	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	- Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo	
1-2	<p>Chương 1: Hàm tuyến tính & Ứng dụng trong kinh doanh (6 tiết)</p> <p>1.1. Phương trình tuyến tính và bất phương trình tuyến tính một biến 1.2. Hàm tuyến tính 1.3. Giải bất phương trình tuyến tính hai biến bằng đồ thị 1.4. Ứng dụng hàm tuyến tính</p> <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà (12 giờ):</p> <p>- Bài tập chương 1</p>	CELO 1, 2, 3
2-3	<p>Chương 2: Các hàm số phổ biến khác (6 tiết)</p> <p>2.1. Hàm bậc hai 2.2. Hàm đa thức và phân thức 2.3. Hàm mũ 2.4. Hàm logarit</p> <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà (12 giờ):</p> <p>- Bài tập chương 2</p>	CELO 1, 2
3-5	<p>Chương 3: Hệ phương trình tuyến tính và ma trận (12 tiết)</p> <p>3.1. Định nghĩa hệ phương trình tuyến tính 3.2. Giải hệ phương trình tuyến tính hai biến bằng đồ thị 3.3. Ma trận bổ sung và phép khử Gauss-Jordan 3.4. Các phép toán với ma trận 3.5. Ma trận nghịch đảo</p> <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà (24 giờ):</p> <p>- Bài tập chương 3</p>	CELO 1, 2, 3
5-7	<p>Chương 4: Toán tài chính (9 tiết)</p> <p>4.1. Lãi đơn 4.2. Lãi kép 4.3. Giá trị tương lai của chuỗi niên kim 4.4. Giá trị hiện tại của chuỗi niên kim</p> <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà (18 giờ):</p> <p>- Bài tập chương 4</p>	CELO 1, 2, 3
7-9	<p>Chương 5: Đạo hàm và ứng dụng (12 tiết)</p> <p>5.1. Đạo hàm và tỷ lệ biến thiên 5.2. Đạo hàm các hàm số cơ bản 5.3. Các quy tắc tính đạo hàm</p>	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	5.4. Vi phân 5.5. Đạo hàm ẩn 5.6. Ứng dụng của đạo hàm cấp một 5.7. Ứng dụng của đạo hàm cấp hai 5.8. Đạo hàm riêng của hàm nhiều biến	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (24 giờ):	
	- Bài tập chương 5	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết, quy mô từ 50 - 80 sinh viên.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn,...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN





ThS. Lê Thị Hiền

TS. Nguyễn Duy Dũng

ThS. Trần Thị Kim Thoa

KHOA KẾ TOÁN, TC-NH**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN****ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81099 – GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH - HP 1****1. Thông tin về học phần**

1.1. Số tín chỉ: 3 (3 Lý thuyết)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 0
- Giờ tự học của sinh viên: 90

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ:

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: <i>Bùi Xuân Tế</i>	Học hàm, học vị: <i>Thạc sĩ</i>
Địa chỉ cơ quan: <i>333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương</i>	Điện thoại liên hệ:
Email: <i>te.bx@kkt.edu.vn</i>	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui	

định.

2. Mô tả học phần

Môn học đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.

Về kỹ năng:

- Xác định ý thức trách nhiệm, biết vận dụng trong hoạt động thực tiễn góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- Xác lập phương pháp luận trong nghiên cứu các nội dung, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Về thái độ:

- Thái độ học tập nghiêm túc, hiệu quả và nhiệt tình tham gia vào các hoạt động, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trong các phong trào, hoạt động của tập thể.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng	
Kỹ năng		
CELO2	Xác định ý thức trách nhiệm, biết vận dụng trong hoạt động thực tiễn góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN	Vận dụng
CELO3	Xác lập phương pháp luận trong nghiên cứu các nội dung, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Thái độ học tập nghiêm túc, hiệu quả và nhiệt tình tham gia vào các hoạt động, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trong các phong trào, hoạt động của tập thể.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CĐR học phần (CELOs) với CĐR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực	1

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng	
Kỹ năng		
CELO2	Xác định ý thức trách nhiệm, biết vận dụng trong hoạt động thực tiễn góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN	7, 11
CELO3	Xác lập phương pháp luận trong nghiên cứu các nội dung, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay	7
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Thái độ học tập nghiêm túc, hiệu quả và nhiệt tình tham gia vào các hoạt động, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trong các phong trào, hoạt động của tập thể.	11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81099	Giáo dục QP và an ninh - HP 1	S	N	N	N	N	N	H	N	N	H	H	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

+ Thuyết giảng;

- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp;
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra;
- + Làm bài tập và thảo luận;

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế - Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						Thi cuối kỳ	
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. Nguyễn Đức Hạnh(2012), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh tập 1 (dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng), NXB Giáo Dục Việt Nam.

2. Nguyễn Đức Đăng(2012), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh tập 2 (dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng), Nxb Giáo dục Việt Nam.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

3. Vụ Giáo dục Quốc Phòng và An Ninh (2020), Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý, giảng viên giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh các trường cao đẳng sư phạm, cơ sở giáo dục đại học, trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh, Vụ Giáo dục Quốc Phòng và An Ninh.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <p>- Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả.</p>	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	- Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo	
1	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học (2 tiết)	CELO1
1-2	Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc (6 tiết)	CELO1
2-3	Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (4 tiết)	CELO 1, 2
3-4	Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (4 tiết)	CELO 1, 3, 4
5	Xây dựng lực lượng Vũ trang nhân dân Việt Nam (4 tiết)	CELO 1, 2
6-7	Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại (4 tiết)	CELO 1, 2, 3
8-9	Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam (6 tiết)	CELO 1, 2, 4

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học	CELO1
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)	
1-2	Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	CELO1
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)	
2-3	Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	CELO 1, 2
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ)	
3-4	Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	CELO 1, 3, 4
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ)	
5	Xây dựng lực lượng Vũ trang nhân dân Việt Nam	CELO 1, 2
	Thảo luận nhóm	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ)	
6-7	Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	CELO 1, 2, 3
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)	
8-9	Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	CELO 1, 2, 4
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Phòng lý thuyết, Phòng mô phỏng
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Thuyết trình, sử dụng bảng chiếu, trình bày powerpoint

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hiền

GIẢNG VIÊN



ThS. Bùi Xuân Tế

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81100 – GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH - HP 2

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (2 Lý thuyết)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 0
- Giờ tự học của sinh viên: 60

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ:

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Nguyễn Danh Lưu	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:
Email: luu.nd@kttk.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Giới thiệu Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Hiểu về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam XHCN, các kiến thức về chiến tranh công nghệ cao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.
- Nắm vững các nội dung công tác quốc phòng - an ninh vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn

Về kỹ năng:

Xây dựng niềm tin chiến thắng trong phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Về thái độ:

Thái độ học tập nghiêm túc, hiệu quả và nhiệt tình tham gia vào các hoạt động, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trong các phong trào, hoạt động của tập thể.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày được các âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam XHCN	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	Giải thích được chiến tranh công nghệ cao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam	Vận dụng
CELO3	Giải thích được các nội dung công tác quốc phòng - an ninh vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Thái độ học tập nghiêm túc, hiệu quả và nhiệt tình tham gia vào các hoạt động, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trong các phong trào, hoạt động của tập thể.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày được các âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam XHCN	1
Kỹ năng		
CELO2	Giải thích được chiến tranh công nghệ cao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam	7, 10
CELO3	Giải thích được các nội dung công tác quốc phòng - an ninh vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn	7, 10
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Thái độ học tập nghiêm túc, hiệu quả và nhiệt tình tham gia vào các hoạt động, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trong các phong trào, hoạt động của tập thể.	11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81100	Giáo dục QP và an ninh - HP	S	N	N	N	N	N	H	N	N	H	H	N

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	2												

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (suppoorted)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp;
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra;
- + Làm bài tập và thảo luận;

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. Nguyễn Đức Hạnh (2012), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh tập 1 (dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng), NXB Giáo Dục Việt Nam.

2. Nguyễn Đức Đăng (2012), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh tập 2 (dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng), NXB Giáo Dục Việt Nam.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

3. Vụ Giáo dục Quốc Phòng và An Ninh (2020), Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý, giảng viên giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh các trường cao đẳng sư phạm, cơ sở giáo dục đại học, trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh, Vụ Giáo dục Quốc Phòng và An Ninh.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	học. - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo	
1	Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam (4 tiết)	CELO 1
1-2	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng (6 tiết)	CELO 1, 2
3	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới (4 tiết)	CELO 1, 2
3-4	Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam (4 tiết)	CELO 1, 3, 4
4-5	Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội (4 tiết)	CELO 1, 2, 3
5	Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội (2 tiết)	CELO 1, 2, 4
5-6	Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (2 tiết)	CELO 1, 2
6	An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam (4 tiếp)	CELO 1, 2, 3

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	CELO 1, 2
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1-2	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng	CELO 1, 2
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	
3	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	CELO 1, 2, 3
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	
3-4	Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	CELO 1, 2, 4
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	
4-5	Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội	CELO 1, 2
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ)	
5	Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	CELO 1, 3, 4
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ)	
5-6	Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	CELO 1, 2
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ)	
6	An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	CELO 1, 2, 3
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ)	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Phòng lý thuyết, Phòng mô phỏng

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Thuyết trình, sử dụng bảng chiếu, trình bày powerpoint

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hiền

GIẢNG VIÊN



ThS. Nguyễn Danh Lưu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

81032 – GIÁO DỤC QP VÀ AN NINH - HP 3

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 1 (1 Lý thuyết)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 0
- Giờ tự học của sinh viên: 30

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Giáo dục quốc phòng và an ninh – HP 2

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ:

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Văn Hải	Học hàm, học vị: Cử nhân
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:
Email: hai.lv@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC). Giới thiệu chung về tổ chức lực lượng các

quân, binh chủng, theo các nhóm ngành khác nhau; lịch sử truyền thống quân, binh chủng; tham quan các học viện, nhà trường, đơn vị, bảo tàng.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc; hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, cứu thương.
- Trình bày được một số kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân; thuần thục kỹ năng cơ bản của người chiến sĩ bộ binh trong huấn luyện và chiến đấu, biết vận dụng trong hoạt động dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự và hoạt động thể thao quốc phòng; biết sử dụng một số loại vũ khí bộ binh, thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).

Về kỹ năng:

- Giải thích được về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, theo các nhóm ngành khác nhau; lịch sử truyền thống quân, binh chủng.

Về thái độ:

- Thái độ học tập nghiêm túc, hiệu quả và nhiệt tình tham gia vào các hoạt động, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trong các phong trào, hoạt động của tập thể.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày được những kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc; hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, cứu thương	
CELO2	Trình bày được một số kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân; thuần thục kỹ năng cơ bản của người chiến sĩ bộ binh trong huấn luyện và chiến đấu, biết vận dụng trong hoạt động dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự và hoạt động thể thao quốc phòng; biết sử dụng một số loại vũ khí bộ binh, thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO3	Giải thích được về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, theo các nhóm ngành khác nhau; lịch sử truyền thống quân, binh chủng	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng	1, 7

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc; hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, cứu thương	
CELO2	Trình bày được một số kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân; thuần thực kỹ năng cơ bản của người chiến sĩ bộ binh trong huấn luyện và chiến đấu, biết vận dụng trong hoạt động dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự và hoạt động thể thao quốc phòng; biết sử dụng một số loại vũ khí bộ binh, thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	1, 7
Kỹ năng		
CELO3	Giải thích được về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, theo các nhóm ngành khác nhau; lịch sử truyền thống quân, binh chủng	7, 10, 11
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.	7, 11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81032	Giáo dục QP và an ninh - HP 3	S	N	N	N	N	N	H	N	N	H	H	N

- *N: Không đóng góp (none supported)*
- *S: Có đóng góp (suppoorted)*
- *H: Đóng góp quan trọng (highly supported)*

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp;
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra;
- + Làm bài tập và thảo luận;

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế - Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	CÔNG CỤ	THỜI ĐIỂM
--------------	-----------------------------	----------------	------------------

đầu ra học phần (CELOs)	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ	ĐÁNH GIÁ	ĐÁNH GIÁ
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. Nguyễn Đức Hạnh (2012), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh tập 1 (dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng), NXB Giáo Dục Việt Nam.

2. Nguyễn Đức Đăng (2012), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh tập 2 (dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng), NXB Giáo Dục Việt Nam.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

3. Vụ Giáo dục Quốc Phòng và An Ninh (2020), Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý, giảng viên giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh các trường cao đẳng sư phạm, cơ sở giáo dục đại học, trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh, Vụ Giáo dục Quốc Phòng và An Ninh.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <p>- Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả.</p>	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	- Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo	
1	Sử dụng bản đồ địa hình quân sự (4 tiết)	CELO 1
1-2	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới (6 tiết)	CELO 1, 2
3	Ba môn quân sự phối hợp (2 tiết)	CELO 1, 2
	Trung đội bộ binh tiến công (2 tiết)	CELO 1, 3
	Trung đội bộ binh phòng ngự (1 tiết)	CELO 1, 3

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Sử dụng bản đồ địa hình quân sự	CELO 1, 3
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ)	
1-2	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	CELO 1, 3, 4
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	
3	Ba môn quân sự phối hợp	CELO 1, 2
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	
	Trung đội bộ binh tiến công	CELO 1, 2, 3
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	
	Trung đội bộ binh phòng ngự	CELO 1, 3, 4
	Thảo luận nhóm	
Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Phòng lý thuyết, Phòng mô phỏng
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Thuyết trình, sử dụng bảng chiếu, trình bày powerpoint

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hiền

GIẢNG VIÊN



CN. Lê Văn Hải

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

81033 – GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH - HP 4

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (1 Lý thuyết, 1 Thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 30
- Giờ tự học của sinh viên: 60

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Giáo dục quốc phòng và an ninh – HP 2

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ:

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Văn Hải	Học hàm, học vị: Cử nhân
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:
Email: hai.lv@kttk.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tiên công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC). Giới thiệu chung về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, theo các nhóm ngành khác nhau; lịch sử truyền thống quân, binh chủng; tham quan các học viện, nhà trường, đơn vị, bảo tàng.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc; hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, cứu thương.
- Trình bày được một số kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân; thuần thục kỹ năng cơ bản của người chiến sĩ bộ binh trong huấn luyện và chiến đấu, biết vận dụng trong hoạt động dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự và hoạt động thể thao quốc phòng; biết sử dụng một số loại vũ khí bộ binh, thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).

Về kỹ năng:

Giải thích được về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, theo các nhóm ngành khác nhau; lịch sử truyền thống quân, binh chủng.

Về thái độ:

Thái độ học tập nghiêm túc, hiệu quả và nhiệt tình tham gia vào các hoạt động, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trong các phong trào, hoạt động của tập thể.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày được những kiến thức chung về	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc; hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, cứu thương	
CELO2	Trình bày được một số kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân; thuần thục kỹ năng cơ bản của người chiến sĩ bộ binh trong huấn luyện và chiến đấu, biết vận dụng trong hoạt động dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự và hoạt động thể thao quốc phòng; biết sử dụng một số loại vũ khí bộ binh, thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO3	Giải thích được về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, theo các nhóm ngành khác nhau; lịch sử truyền thống quân, binh chủng	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc; hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, cứu thương	1, 7
CELO2	Trình bày được một số kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân; thuần thục kỹ năng cơ bản của người chiến sĩ bộ binh trong huấn luyện và chiến đấu, biết vận dụng trong hoạt động dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự và hoạt động thể thao quốc phòng; biết sử dụng một số loại vũ khí bộ binh, thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	1, 7
Kỹ năng		
CELO3	Giải thích được về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, theo các nhóm ngành khác nhau; lịch sử truyền thống quân, binh chủng	7, 10, 11
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.	7, 11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81033	Giáo dục QP và an ninh - HP 4	S	N	N	N	N	N	H	N	N	H	H	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp;
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra;
- + Làm bài tập và thảo luận;

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
----	------------	--------------	---------

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. Nguyễn Đức Hạnh (2012), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh tập 1 (dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng), NXB Giáo Dục Việt Nam.

2. Nguyễn Đức Đăng (2012), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh tập 2 (dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng), NXB Giáo Dục Việt Nam.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

3. Vụ Giáo dục Quốc Phòng và An Ninh (2020), Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý, giảng viên giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh các trường cao đẳng sư phạm, cơ sở giáo dục đại học, trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh, Vụ Giáo dục Quốc Phòng và An Ninh.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học. - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo	
1	Kỹ thuật bắn súng ngắn (2,5 tiết)	CELO 1
2	Thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam (2,5 tiết)	CELO 1, 2
3	Giới thiệu chung về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng (2,5 tiết)	CELO 1, 3, 4
4	Lịch sử, truyền thống quân, binh chủng (2,5 tiết)	CELO 1, 2, 3
5	Tham quan các học viện, nhà trường, đơn vị, bảo tàng (2,5 tiết)	CELO 1, 2, 4
6	Thu hoạch (2,5 tiết)	CELO 1, 3, 4

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Kỹ thuật bắn súng ngắn	CELO 1, 2
	Thực hành (20 tiết)	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	
2	Thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam	CELO 1, 2
	Thực hành (5 tiết)	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	
3	Giới thiệu chung về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng	CELO 1, 3, 4
	Thảo luận nhóm	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	
4	Lịch sử, truyền thống quân, binh chủng	CELO 1, 2, 3
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	
5	Tham quan các học viện, nhà trường, đơn vị, bảo tàng...	CELO 1, 2, 4
	Thực hành (2,5 tiết)	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	
6	Thu hoạch	CELO 1, 2, 3
	Làm bài thu hoạch (2,5 tiết)	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Phòng lý thuyết, Phòng mô phỏng
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Thuyết trình, sử dụng bảng chiếu, trình bày powerpoint

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hiền

GIẢNG VIÊN



CN. Lê Văn Hải

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81106 – GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1 (CẦU LÔNG)

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 1 (1 Thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 10 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 20 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 30

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Học kỳ 2 năm 1

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Giáo trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tài liệu giảng dạy, tài liệu đọc bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Hà Dương	Học hàm, học vị: Cử nhân
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0909.08.5353
Email: duong.lh@kkt.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

- Giới thiệu lịch sử phát triển, vị trí tác dụng của môn Cầu lông. Nguyên lý kỹ thuật trong thực hiện động tác Cầu lông.
- Tập luyện các bài tập bổ trợ nâng cao cảm giác, phản xạ chuyên môn.
- Giới thiệu các kỹ thuật đánh cầu khu vực phía trước (gần lưới), khu vực 2 bên dọc biên và khu vực cuối sân.
- Học và luyện tập kỹ thuật phát cầu, kỹ thuật di chuyển tiến đánh cầu thấp tay, di chuyển ngang đánh cầu ngang vai dọc 2 biên và di chuyển lùi đánh cầu trên đầu. Luật Cầu lông.
- Giới thiệu chiến thuật thi đấu đơn, đôi. Luyện tập thi đấu đơn, đôi.
- Luyện tập các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Hiểu được lịch sử ra đời và sự phát triển của môn cầu lông trên thế giới và Việt Nam. Nắm được nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông. Hiểu được các điều luật cơ bản, vận dụng vào trong quá trình tập luyện và thi đấu.

Về kỹ năng:

Sinh viên thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông, sử dụng thuần thục các kỹ năng đã được trang bị. Từ đó phát triển kỹ năng độc lập tác chiến và phối hợp nhóm trong tập luyện và thi đấu.

Về thái độ:

Có thói quen vận động, tự giác, tích cực tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe và hình thành thói quen tập thể dục thể thao suốt đời, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trong các phong trào thể dục thể thao của tập thể.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được lịch sử ra đời và sự phát triển	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	của môn cầu lông trên thế giới và Việt Nam. Nắm được nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông. Hiểu được các điều luật cơ bản, vận dụng vào trong quá trình tập luyện và thi đấu.	
Kỹ năng		
CELO2	Sinh viên thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông, sử dụng thuần thục các kỹ năng đã được trang bị. Từ đó phát triển kỹ năng độc lập tác chiến và phối hợp nhóm trong tập luyện và thi đấu.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Có thói quen vận động, tự giác, tích cực tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe và hình thành thói quen tập thể dục thể thao suốt đời, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trong các phong trào thể dục thể thao của tập thể.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được lịch sử ra đời và sự phát triển của môn cầu lông trên thế giới và Việt Nam. Nắm được nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông. Hiểu được các điều luật cơ bản, vận dụng vào trong quá trình tập luyện và thi đấu.	ELO 1
Kỹ năng		
CELO2	Sinh viên thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông, sử dụng thuần thục các kỹ	ELO 6

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	năng đã được trang bị. Từ đó phát triển kỹ năng độc lập tác chiến và phối hợp nhóm trong tập luyện và thi đấu.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Có thói quen vận động, tự giác, tích cực tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe và hình thành thói quen tập thể dục thể thao suốt đời, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trong các phong trào thể dục thể thao của tập thể.	ELO 11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81106	Giáo dục thể chất 1	S	N	N	N	N	S	N	N	N	N	S	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng những nội dung chính của học phần theo nội dung chi tiết;
- + Hướng dẫn sinh viên các kỹ thuật thực hành môn cầu lông;
- + Hướng dẫn một số luật cơ bản môn cầu lông.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tự đọc tài liệu, xem các video clip bài giảng của giảng viên.
- + Sinh viên nghe giảng, thực hành.
- + Sinh viên tự tập thêm ở nhà, nâng cao sức khỏe để đáp ứng mục tiêu môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Sinh viên nắm được các yếu lĩnh cơ bản của môn học, các bài tập và phương pháp tập luyện.
- + Tích cực tập luyện nâng cao trình độ trong và ngoài giờ lên lớp.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế - Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	- Kiểm tra thường xuyên hằng tuần vấn đáp - Thi thực hành - Kiểm tra thường xuyên vấn đáp - Điểm danh, quan sát, kiểm tra	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	- Kiểm tra thường xuyên hằng tuần vấn đáp - Thi thực hành - Kiểm tra thường xuyên vấn đáp - Điểm danh, quan sát, kiểm tra	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	- Kiểm tra thường xuyên hằng tuần vấn đáp - Thi thực hành - Kiểm tra thường xuyên vấn đáp - Điểm danh, quan sát, kiểm tra	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
----	------------	--------------	---------

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng thực hành

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Thi giữa kỳ	Thực hành tốt	Thực hành trung bình	Thực hành kém

- Thi cuối kỳ dạng thực hành

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Thi kết thúc học phần	Thực hành tốt	Thực hành trung bình	Thực hành kém

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. Hải Phong (2020), Học chơi cầu lông, Hải Phong, NXB Thể dục thể thao.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Hải Phong (2020), Học chơi cầu lông, Hải Phong, Thể dục thể thao.
3. Mai Duyên (2020), Chế độ dinh dưỡng và phương pháp tập luyện cho người chơi cầu lông, Dân Trí.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu
------	----------	-----------

		ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1	<p>Chương 1: Lịch sử hình thành quá trình phát triển môn Cầu lông (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử phát triển môn Cầu lông. Vị trí, tác dụng của môn Cầu lông. - Nguyên lý kỹ thuật trong thực hiện động tác Cầu lông. - Giới thiệu, làm quen sân bãi, dụng cụ. Các bài tập bổ trợ nâng cao cảm giác, phản xạ chuyên môn. 	CELO 1, 2, 3
1-2	<p>Chương 2: Kỹ thuật Cầu lông (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập bổ trợ nâng cao cảm giác, phản xạ chuyên môn. - Học kỹ thuật giao cầu. - Tập thể lực (chung, chuyên môn). 	CELO 1, 2, 3
2	<p>Chương 3: Luật thi đấu Cầu lông (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Cầu lông. - Ôn kỹ thuật giao cầu. - Giới thiệu các kỹ thuật đánh cầu khu vực phía trước (gần lưới). - Học đánh cầu thấp tay phía trước. 	CELO 1, 2, 3

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
3	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn kỹ thuật giao cầu. - Ôn kỹ thuật đánh cầu thấp tay phía trước - Giới thiệu các kỹ thuật đánh cầu 2 bên dọc biên khu vực giữa sân. - Học kỹ thuật đánh cầu ngang vai 2 bên dọc biên. Luật Cầu lông (điều 13, 14, 15). - Giới thiệu các kỹ thuật đánh cầu khu vực cuối sân. - Học kỹ thuật đánh cầu cao trên đầu. Luật Cầu lông (điều 13, 14, 15). - Tập thể lực (chung, chuyên môn). 	CELO 1, 2, 3

	Luyện tập, thực hành (5 tiết)	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (7 giờ)	
4	- Ôn kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phía trước, kỹ thuật đánh cầu ngang vai 2 bên dọc biên, kỹ thuật đánh cầu cao trên đầu. - Tập phối hợp các kỹ thuật động tác đã học. - Học luật thi đấu đơn (điều 6, 7, 8, 10). - Tập thể lực (chung, chuyên môn).	CELO 1, 2, 3
	Thực hành (15 tiết)	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (8 giờ)	
5	- Ôn kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phía trước, kỹ thuật đánh cầu ngang vai 2 bên dọc biên, kỹ thuật đánh cầu cao trên đầu. - Tập phối hợp các kỹ thuật động tác đã học. - Học luật thi đấu đôi (điều 6, 7, 8, 11). - Tập thể lực (chung, chuyên môn).	CELO 1, 2, 3
	Thực hành (15 tiết)	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (7 giờ)	
6	- Ôn tập các nội dung đã học (kỹ thuật, luật thi đấu, chiến thuật thi đấu).	CELO 1, 2, 3
	Thực hành (15 tiết)	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (8 giờ)	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: sân Cầu lông đảm bảo về chuyên môn
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Sân cầu lông, lưới, vợt, cầu, còi

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hiền

GIẢNG VIÊN



CN. Lê Hà Dương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81019 – GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (BÓNG CHUYỀN)

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (2 Thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 45
- Giờ tự học của sinh viên: 60

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Học kỳ 1 năm 2

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Giáo trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tài liệu giảng dạy, tài liệu đọc bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Hà Dương	Học hàm, học vị: Cử nhân
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0909.08.5353
Email: duong.lh@kkt.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và phương thức tập luyện cơ bản của môn thể thao bóng chuyền, bên cạnh đó với trọng tâm là trang bị cho người học hình thành những kỹ năng động tác cơ bản một môn thể thao và hệ thống các bài tập nhằm phát triển thể lực chung tạo tiền đề để nâng cao thành tích môn thể thao đó.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Hiểu được lịch sử hình thành, phát triển môn bóng chuyền, đặc điểm, tính chất, tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam. Nắm được xu thế phát triển của môn bóng chuyền hiện đại, đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao ở Việt Nam. Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền, một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền.

Về kỹ năng:

- Thực hiện tốt những kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền theo quy định trong chương trình. Từ đó phát triển kỹ năng phối hợp nhóm trong tập luyện và thi đấu.

Về thái độ:

- Có thói quen vận động, tự giác, tích cực tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe và hình thành thói quen tập thể dục thể thao suốt đời, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trong các phong trào thể dục thể thao của tập thể.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được lịch sử hình thành, phát triển môn bóng chuyền, đặc điểm, tính chất, tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam. Nắm được xu thế phát triển của môn bóng chuyền hiện đại, đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao ở Việt	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	Nam. Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền, một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền.	
Kỹ năng		
CELO2	Thực hiện tốt những kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền theo quy định trong chương trình. Từ đó phát triển kỹ năng phối hợp nhóm trong tập luyện và thi đấu.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Có thói quen vận động, tự giác, tích cực tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe và hình thành thói quen tập thể dục thể thao suốt đời, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trong các phong trào thể dục thể thao của tập thể.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được lịch sử hình thành, phát triển môn bóng chuyền, đặc điểm, tính chất, tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam. Nắm được xu thế phát triển của môn bóng chuyền hiện đại, đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao ở Việt Nam. Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền, một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền.	ELO 1
Kỹ năng		
CELO2	Thực hiện tốt những kỹ thuật cơ bản của	ELO 6

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	môn Bóng chày theo quy định trong chương trình. Từ đó phát triển kỹ năng phối hợp nhóm trong tập luyện và thi đấu.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Có thói quen vận động, tự giác, tích cực tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe và hình thành thói quen tập thể dục thể thao suốt đời, thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trong các phong trào thể dục thể thao của tập thể.	ELO 11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81019	Giáo dục thể chất 2	S	N	N	N	N	S	N	N	N	N	S	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng những nội dung chính của học phần theo nội dung chi tiết;
- + Hướng dẫn sinh viên các kỹ thuật thực hành môn bóng chày;
- + Hướng dẫn một số luật cơ bản môn bóng chày.
- + Thực hiện theo nhóm, cá nhân.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tự đọc tài liệu, xem các video clip bài giảng của giảng viên.
- + Sinh viên nghe giảng, thực hành.
- + Sinh viên tự tập thêm ở nhà, nâng cao sức khỏe để đáp ứng mục tiêu môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Sinh viên nắm được các yếu tố cơ bản của môn học, các bài tập và phương pháp tập luyện.
- + Tích cực tập luyện nâng cao trình độ trong và ngoài giờ lên lớp.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế - Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	- Kiểm tra thường xuyên hằng tuần vấn đáp - Thi thực hành - Kiểm tra thường xuyên vấn đáp - Điểm danh, quan sát, kiểm tra	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	- Kiểm tra thường xuyên hằng tuần vấn đáp - Thi thực hành - Kiểm tra thường xuyên vấn đáp - Điểm danh, quan sát, kiểm tra	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	- Kiểm tra thường xuyên hằng tuần vấn đáp - Thi thực hành - Kiểm tra thường xuyên vấn đáp - Điểm danh, quan sát, kiểm tra	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng thực hành

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Thi giữa kỳ	Thực hành tốt	Thực hành trung bình	Thực hành kém

- Thi cuối kỳ dạng thực hành

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Thi kết thúc học phần	Thực hành tốt	Thực hành trung bình	Thực hành kém

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. Trần Hùng (2014), Những nguyên tắc bóng chuyền cơ bản, NXB Bách Khoa Hà Nội

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Tổng cục Thể dục Thể thao (2018), Luật bóng chuyền và Luật bóng chuyền bãi biển, NXB Thể thao và Du lịch.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: Sự hình thành và phát triển môn bóng chuyền (2,5 tiết)	CELO 1, 2, 3
	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên lý kỹ thuật trong thực hiện động tác Bóng chuyền. - Giới thiệu, làm quen sân bãi, dụng cụ. Các bài tập bổ trợ nâng cao cảm giác, phản xạ chuyên môn. 	
	Chương 2: Các nguyên tắc tập luyện thể dục thể thao (2,5 tiết)	CELO 1, 2, 3
	<ul style="list-style-type: none"> - Các nguyên tắc tập luyện thể dục thể thao. 	
2-3	Chương 3: Các kỹ thuật trong Bóng chuyền (7,5 tiết)	CELO 1, 2, 3
	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay - Kỹ thuật chuyền bóng cao tay - Kỹ thuật di chuyển cơ bản - Kỹ thuật Phát bóng - Kỹ thuật đập và chắn bóng. 	
3	Chương 4: Luật thi đấu và chiến thuật thi đấu Bóng chuyền (2,5 tiết)	CELO 1, 2, 3
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bóng chuyền - Chiến thuật và Đấu tập 	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
4	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay. - Tập bổ trợ nâng cao cảm giác, phản xạ chuyên môn. - Tập thể lực (chung, chuyên môn). 	CELO 1, 2, 3
	Thực hành (5 tiết)	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	
5	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật chuyền bóng cao tay - Ôn kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) - Tập thể lực (chung, chuyên môn). 	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Thực hành (5 tiết)	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	
6	- Ôn kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (đệm bóng) - Ôn kỹ thuật chuyên bóng cao tay. - Tập thể lực (chung, chuyên môn).	CELO 1, 2, 3
	Thực hành (5 tiết)	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)	
7-8	- Ôn kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (đệm bóng) - Ôn kỹ thuật chuyên bóng cao tay. - Ôn kỹ thuật phát bóng - Tập thể lực (chung, chuyên môn).	CELO 1, 2, 3
	Thực hành (10 tiết)	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)	
9	- Ôn kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (đệm bóng) - Ôn kỹ thuật chuyên bóng cao tay. - Tập thể lực (chung, chuyên môn).	CELO 1, 2, 3
	Thực hành (5 tiết)	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (7 giờ)	
10 - 11	- Ôn kỹ thuật chuyên bóng cao tay. - Ôn kỹ thuật đập bóng và kỹ thuật chắn bóng.	CELO 1, 2, 3
	Thực hành (10 tiết)	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)	
12	- Ôn kỹ thuật phát bóng - Ôn một số luật thi đấu và ký hiệu của trọng tài	CELO 1, 2, 3
	Thực hành (5 tiết)	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (8 giờ)	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Sân học: Sân bóng chuyên, mặt sân bằng phẳng, đảm bảo về chuyên môn
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: sân bóng chuyên, lưới, bóng, còi.

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hiền

GIẢNG VIÊN



CN. Lê Hà Dương

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

81035 – TƯ DUY PHẢN BIỆN

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (1 tín chỉ lý thuyết + 1 Tín chỉ thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15 giờ
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 30 giờ
- Giờ tự học của sinh viên: 60 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 02

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: giảng bằng tiếng Việt và tài liệu học tập chính bằng tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành:
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Nguyễn Đăng Quang
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy:
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Môn học trang bị cho người học kiến thức để tư duy một cách rõ ràng, minh bạch, độc lập và phản biện cũng như khả năng vận dụng tư duy phản biện để phân tích, đánh giá, biện luận cho các tình huống trong thực tế. Môn học bao gồm các nội dung chính

bao gồm nhập môn tư duy phản biện, các lý thuyết lập luận, các dạng nghị luận, cách xác định lỗi lập luận và rèn luyện văn hóa phản biện cho SV trong cuộc sống. Bên cạnh đó, sinh viên được trang bị kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phản biện để giải quyết vấn đề.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Có tư duy một cách rõ ràng, minh bạch, độc lập và phản biện

Về kỹ năng:

Có các kỹ năng tư duy logic để giải quyết vấn đề phát sinh một cách hợp lý, sáng tạo; tự chủ;

Có kỹ năng làm việc nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra

Về thái độ:

Có thái độ phản biện đối với những vấn đề lý thuyết và thực tiễn, và ý thức học tập suốt đời

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày tầm quan trọng của việc tư duy một cách rõ ràng, minh bạch, độc lập và phản biện.	3
Kỹ năng		
CELO2	Áp dụng các quy luật tư duy logic để giải quyết vấn đề phát sinh một cách hợp lý, sáng tạo; tự chủ;	3
CELO3	Tổ chức làm việc nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Xây dựng thái độ phản biện đối với những vấn đề lý thuyết và thực tiễn, và ý thức học tập suốt đời	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày tầm quan trọng của việc tư duy một cách rõ ràng, minh bạch, độc lập và phản biện.	ELO1
Kỹ năng		
CELO2	Áp dụng các quy luật tư duy logic để giải quyết vấn đề phát sinh một cách hợp lý, sáng tạo; tự chủ;	ELO5
CELO3	Tổ chức làm việc nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra.	ELO6
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Xây dựng thái độ phản biện đối với những vấn đề lý thuyết và thực tiễn, và ý thức học tập suốt đời	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81035	Tư duy phản biện	S	N	N	N	H	H	N	N	N	N	N	H

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng trên lớp
- + Giảng online
- + Hướng dẫn làm bài tập
- + Giảng dạy theo tình huống

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

+ Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

+ Phải đi học đúng giờ theo quy định. Hạn chế tối đa việc đi trễ (Không quá 15 phút).

+ Chuẩn bị cho bài học: sinh viên phải đọc các tài liệu học tập, hoàn thành toàn bộ bài tập do giảng viên cung cấp.

+ Thái độ: tôn trọng sở hữu trí tuệ, tuân thủ nguyên tắc làm việc nhóm, qui định về thời gian nộp bài.

+ Tham gia thảo luận, giải quyết những tình huống mà giáo viên hoặc các bạn đưa ra một cách nghiêm túc

+ Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm 5 SV), cử 1 nhóm trưởng để thực hiện bài tập nhóm.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ			CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập (30%)	Kiểm tra cá nhân (20%)	Thi cuối kỳ (50%)		
CELO 1	x	x	x	- Tình huống nhóm	- Hàng tuần
CELO 2	x	x	x	- Kiểm tra tự luận giữa kỳ đề	- Tuần 6
CELO 3	x			đóng	- Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	- Thi trắc nghiệm + tự	

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ			CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập (30%)	Kiểm tra cá nhân (20%)	Thi cuối kỳ (50%)		
				luận cuối kỳ đề đóng	

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Làm bài tập	30%	
2	Kiểm tra cá nhân	20%	
3	Thi cuối kỳ	50%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá bài tiểu luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
Quản lý thời gian	10	Đúng quy định				Quá thời gian cho phép
Cấu trúc	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan	Tương đối trực quan	Khó theo dõi	Rất khó theo dõi
Sự phối hợp trong nhóm	10	Thực hiện theo phân công của nhóm, đạt chất lượng tốt	Thực hiện theo phân công của nhóm, còn chút sai sót	Thực hiện theo phân công của nhóm, còn sai sót nhiều	Nhóm ít phối hợp trong quá trình thực hiện dự án, chưa đạt chất lượng	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm
Nội dung	45	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn một sai sót quan trọng	Tương đối chính xác, còn nhiều sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
	5	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn theo đúng thể thức	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn nhưng chưa theo đúng thể thức	Ghi nguồn trích dẫn theo đúng thể thức nhưng còn sót 1 nguồn trích dẫn	Ghi thiếu nhiều nguồn trích dẫn hoặc không đúng thể thức	Không ghi nguồn trích dẫn
Khả năng nhìn nhận và giải quyết vấn đề	20	Nhìn nhận được vấn đề, giải quyết thỏa đáng	Nhìn nhận được vấn đề, giải quyết còn vài chỗ chưa thỏa đáng	Nhìn nhận được vấn đề, chỉ giải quyết được 1/3 yêu cầu	Nhìn nhận được vấn đề, chưa giải quyết đầy đủ	Không nhìn nhận được vấn đề, không giải quyết vấn đề

- Thi giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi trắc nghiệm & tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ 80% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	- Có đáp án chính xác từ 50-70% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ dưới 40% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. Zoe McKey (2018), *Tư Duy Phản Biện*, NXB Thế Giới.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Albert Rutherford (Mai dịch)(2021), *Nghệ thuật tư duy phản biện*, NXB Lao Động.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN TƯ DUY PHẢN BIỆN	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	A. Các nội dung chính trên lớp: (3 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (3 giờ) Giới thiệu môn học 1.1 Tư duy là gì? 1.2 Những dạng tư duy cơ bản 1.3 Tư duy phản biện là gì? 1.4 Những lợi ích của tư duy phản biện 1.5 Những rào cản đối với tư duy phản biện 1.6 Như thế nào là người có tư duy phản biện?	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc [1] (tr.2-22), [2], [3]	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra quá trình: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài kiểm tra cá nhân của sinh viên. - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Thi giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	vào câu hỏi trong bài thi.	
1+2	CHƯƠNG 2: LÝ THUYẾT LẬP LUẬN	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	A. Các nội dung chính trên lớp: (3 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (3 giờ) 2.1 Các quy luật cơ bản của tư duy. 2.2 Như thế nào là một suy luận. 2.3 Chứng minh và bác bỏ. 2.4 Suy luận diễn dịch và quy nạp.	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc [1] (tr.84-105), [2] (tr.19-45)	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra quá trình: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài kiểm tra cá nhân của sinh viên. - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Thi giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi.	
2	CHƯƠNG 3: CÁC DẠNG NGỤY BIỆN	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	A. Các nội dung chính trên lớp: (3 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (3 giờ) 3.1. Ngụy biện không tương hợp. 3.2. Ngụy biện tương hợp. 3.3. Xác định giả định và lỗi lập luận	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc [1] (tr.107-130)	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương:</p> <p><i>Phương pháp đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra quá trình: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài kiểm tra cá nhân của sinh viên. - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Thi giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi. 	
2+3	<p>CHƯƠNG 4: ĐỐI TƯỢNG PHẢN BIỆN VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ KỸ NĂNG PHẢN BIỆN</p>	
	<p>A. Các nội dung chính trên lớp: (3 giờ)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 giờ)</p> <p>4.1 Những lưu ý về phát triển khả năng phản biện của mỗi người</p> <p>4.2 Phản biện để tìm đúng vấn đề cần giải quyết</p> <p>4.3 Phản biện trên “mục tiêu, kết quả và hoạt động” của chính tôi hay của người khác</p> <p>4.4 Phản biện trên “mục tiêu, kết quả và hoạt động” của chính tôi hay của người khác</p> <p>4.5 Phản biện trên ý tưởng và tính khả thi</p> <p>4.6 Phản biện bằng Tư duy đa chiều</p>	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Đọc [1] (tr.155-182)</p>	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương:</p> <p><i>Phương pháp đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra quá trình: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài kiểm tra cá nhân của sinh viên. - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Thi giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi. 	
	<p>CHƯƠNG 5: RÈN LUYỆN VĂN HÓA PHẢN BIỆN</p>	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
3	A. Các nội dung chính trên lớp: (3 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (3 giờ) 5.1 Rèn luyện văn hóa phản biện và tranh biện.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc [1] (tr.182-207)	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra quá trình: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài kiểm tra cá nhân của sinh viên. - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Thi giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi.	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
4	CHƯƠNG 2: LÝ THUYẾT LẬP LUẬN	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 2.3 Chứng minh và bác bỏ. SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1], [2], [3]	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: kiểm tra cuối chương, thi giữa kỳ, thi cuối kỳ	
4+ 5	CHƯƠNG 2: LÝ THUYẾT LẬP LUẬN	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 2.4 Suy luận diễn dịch và quy nạp SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>huống giả định</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1], [2], [3]</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: kiểm tra cuối chương, thi giữa kỳ, thi cuối kỳ</p>	
5+6	<p>CHƯƠNG 3: CÁC DẠNG NGỤY BIỆN</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 3.1 Ngụy biện không tương hợp SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1], [2], [3]</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: kiểm tra cuối chương, thi giữa kỳ, thi cuối kỳ</p>	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
6	<p>CHƯƠNG 3: CÁC DẠNG NGỤY BIỆN</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 3.2 Ngụy biện tương hợp SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1], [2], [3]</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: kiểm tra cuối chương, thi giữa kỳ, thi cuối kỳ</p>	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
6+7	<p>CHƯƠNG 3: CÁC DẠNG NGỤY BIỆN</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 3.3 Xác định giả định và lỗi lập luận SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình</p>	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>huống giả định</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1], [2], [3]</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: kiểm tra cuối chương, thi giữa kỳ, thi cuối kỳ</p>	
7	<p>CHƯƠNG 4: ĐỐI TƯỢNG PHẢN BIỆN VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ KỸ NĂNG PHẢN BIỆN</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 4.3 Phản biện trên “mục tiêu, kết quả và hoạt động” của chính tôi hay của người khác 4.4 Phản biện trên “mục tiêu, kết quả và hoạt động” của chính tôi hay của người khác SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1], [2], [3]</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: kiểm tra cuối chương, thi giữa kỳ, thi cuối kỳ</p>	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
7+8	<p>CHƯƠNG 4: ĐỐI TƯỢNG PHẢN BIỆN VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ KỸ NĂNG PHẢN BIỆN</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 4.5 Phản biện trên ý tưởng và tính khả thi 4.6 Phản biện bằng Tư duy đa chiều SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1], [2], [3]</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: kiểm tra cuối chương, thi giữa kỳ, thi cuối kỳ</p>	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
8	CHƯƠNG 5: RÈN LUYỆN VĂN HÓA PHẢN BIỆN	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 5.2 Rèn luyện văn hóa phản biện SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1], [2], [3]	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: kiểm tra cuối chương, thi giữa kỳ, thi cuối kỳ	
8+9	CHƯƠNG 5: RÈN LUYỆN VĂN HÓA PHẢN BIỆN	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 5.3 Rèn luyện văn hóa phản biện SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1], [2], [3]	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: kiểm tra cuối chương, thi giữa kỳ, thi cuối kỳ	
9	CHƯƠNG 5: RÈN LUYỆN VĂN HÓA PHẢN BIỆN	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 5.4 Rèn luyện văn hóa phản biện SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1], [2], [3]	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: kiểm tra cuối chương, thi giữa kỳ, thi cuối kỳ	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bút lông, bảng, máy chiếu, loa

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021-2022.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được viết mới vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hiền

GIẢNG VIÊN



CN. Lê Hà Dương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81031 – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (1 Lý thuyết, 1 Thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 60 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Học kỳ I năm 3, từ khóa D21.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Nguyễn Thanh	Học hàm, học vị: PGS. TS.
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0903908545
Email: thanhng1992@yahoo.com.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Phần kiến thức đại cương về phương pháp nghiên cứu khoa học nhằm trang bị cho sinh viên những khái niệm liên quan đến nghiên cứu khoa học: khoa học và nghiên cứu khoa học, vấn đề nghiên cứu, lý thuyết nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu, vấn đề đạo đức trong nghiên cứu; giúp sinh viên có phương pháp tìm kiếm nguồn tư liệu thành văn.

Phần kiến thức hành nghiên cứu mang tính chuyên ngành: trang bị cho sinh viên cách viết và thực hành: viết đề cương nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu, viết báo cáo nghiên cứu, công bố kết quả nghiên cứu.

Học phần được cấu tạo thành 4 chương: Chương 1: Những vấn đề chung; Chương 2: Xây dựng đề cương nghiên cứu; Chương 3: Tổ chức nghiên cứu khoa học; Chương 4: Công bố kết quả nghiên cứu.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Hiểu biết kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học để có cơ sở vận dụng vào thực tế.

Về kỹ năng:

- Biết vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết các vấn đề thông qua việc lập kế hoạch nghiên cứu, xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu. Từ đó biết cách thiết lập đề cương nghiên cứu khoa học ứng dụng trong kinh tế.
- Biết cách sử dụng các chương trình phân tích, xử lý dữ liệu như Excel, Eviews... để giải quyết các yêu cầu đặt ra của đề tài nghiên cứu.

Về thái độ:

- Tuân thủ các quy định pháp luật và các giá trị đạo đức, tư tưởng Mác-Lênin trong đời sống đồng thời thể hiện được tinh thần trách nhiệm; khả năng chịu được áp lực trong công việc; trung thực; có tính kỷ luật trong môi trường học tập và làm việc; có ý thức tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
--------------------------------------	------------------------------------	---

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu biết kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học để có cơ sở vận dụng vào thực tế.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	Biết vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết các vấn đề thông qua việc lập kế hoạch nghiên cứu, xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu. Từ đó biết cách thiết lập đề cương nghiên cứu khoa học ứng dụng trong kinh tế.	Vận dụng
CELO3	Biết cách sử dụng các chương trình phân tích, xử lý dữ liệu như Excel, Eviews... để giải quyết các yêu cầu đặt ra của đề tài nghiên cứu.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Người học định hướng rõ ràng khi tiến hành nghiên cứu, có tinh thần tìm tòi, khám phá và ý thức học tập suốt đời.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu biết kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học để có cơ sở vận dụng vào thực tế.	ELO 1
Kỹ năng		
CELO2	Biết vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết các vấn đề thông qua việc lập kế hoạch nghiên cứu, xác định vấn đề và mục	ELO 5

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	tiêu nghiên cứu. Từ đó biết cách thiết lập đề cương nghiên cứu khoa học ứng dụng trong kinh tế.	
CELO3	Biết cách sử dụng các chương trình phân tích, xử lý dữ liệu như Excel, Eviews... để giải quyết các yêu cầu đặt ra của đề tài nghiên cứu.	ELO 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Người học định hướng rõ ràng khi tiến hành nghiên cứu, có tinh thần tìm tòi, khám phá và ý thức học tập suốt đời.	ELO 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81031	Phương pháp nghiên cứu khoa học	H	N	N	N	H	N	N	N	H	N	N	H

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi

- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3			x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4				x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Làm bài kiểm tra (thi) giữa kỳ		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình:

1. Vũ Cao Đàm (2021), Giáo Trình Phương Pháp Luận Nghiên Cứu Khoa Học, NXB Giáo dục Việt Nam.

10.2 Tài liệu học tập:

2. PGS.TS. Đinh Phi Hồ (2020), Phương pháp định lượng trong nghiên cứu quản trị kinh doanh và quản lý kinh tế, NXB Tài chính.

3. Nguyễn Tuấn Anh, Bùi Mạnh Hùng, Lê Thị Minh Phương (2021), Phương pháp nghiên cứu khoa học, NXB. Xây Dựng.

Một số địa chỉ web hữu ích cho học phần:

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học	http://eureka.khoahoctre.com.vn/eureka/ng-promotion/marketing-basics	04/04/2021
2	Tạp chí khoa học Việt Nam trực tuyến	http://www.vjol.info/index.php/index/about/	04/05/2021

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	
1	Chương 1: Những vấn đề chung (2,5 tiết)	CELO 1, 2, 4	
	1.1. Các khái niệm trong nghiên cứu khoa học 1.2. Chuẩn bị cho một cuộc nghiên cứu		
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (5 giờ):		
	- Tìm hiểu về ý nghĩa của Khoa học - Phân biệt phẩm chất, năng lực của người nghiên cứu và của người sinh viên		
1	Chương 2: Xây dựng đề cương nghiên cứu (2,5 tiết)	CELO 1, 2, 3	
	2.1. Định hình nghiên cứu khoa học 2.2. Lập đề cương nghiên cứu khoa học		
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (5 giờ):		
	- Xác định phạm vi và các lĩnh vực nghiên cứu khoa học. - Tìm hiểu ý nghĩa của nghiên cứu khoa học trong học tập và nghiên cứu của sinh viên		
2	Chương 3: Tổ chức nghiên cứu khoa học (5 tiết)	CELO 1, 2, 3, 4	
	3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu 3.2. Nguyên tắc làm việc 3.3. Quy trình nghiên cứu định tính 3.4. Các phương pháp và kỹ thuật thu thập thông tin định tính 3.5. Các phương pháp và kỹ thuật thu thập thông tin định lượng 3.6. Trình bày kết quả nghiên cứu		
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (10 giờ):		
	- Xác định 1 tên đề tài thuộc lĩnh vực kinh tế, xã hội. - Xác định giả thuyết nghiên cứu.		
	3	Chương 4: Công bố kết quả nghiên cứu (5 tiết)	CELO 1, 2, 3, 4
		4.1. Hướng dẫn cách viết một bài báo khoa học 4.2. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ kết quả nghiên cứu	
Các nội dung chính SV tự học ở nhà (10 giờ):			

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	- Lập đề cương nghiên cứu và hoàn thiện đề cương	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
4	Chương 2: Thực hành xây dựng đề cương nghiên cứu	CELO 1, 2, 3
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 tiết) - Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) - Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: - Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
5	Chương 3: Làm bài tập thực hành về Tổ chức nghiên cứu khoa học	CELO 1, 2, 3
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
6	Chương 4: Làm bài tập thực hành về Công bố kết quả nghiên cứu	CELO 1, 2, 3
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm.	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết, quy mô từ 50 - 80 sinh viên.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn,...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

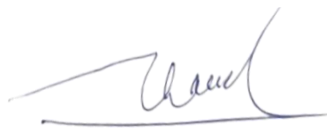
Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA




TS. Trần Thanh Vũ

TRƯỞNG BỘ MÔN



PGS. TS. Nguyễn Thanh

GIẢNG VIÊN



PGS. TS. Nguyễn Thanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
41002 – KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (1 tín chỉ lý thuyết + 1 Tín chỉ thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15 giờ
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 30 giờ
- Giờ tự học của sinh viên: 60 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 02

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: giảng bằng tiếng Việt và tài liệu học tập chính bằng tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành:
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Nguyễn Kiều Oanh.
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: ThS. Nguyễn Đăng Quang.

- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh. Học phần cung cấp các nguyên tắc giao tiếp sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ cụ thể trong doanh nghiệp thông qua việc ứng dụng lý thuyết giao tiếp vào những bối cảnh và công việc cụ thể như giao tiếp trên điện thoại, giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, giao tiếp bằng thư tín, email... và cách thức xây dựng báo cáo kinh doanh và các kỹ năng thuyết trình cần có phục vụ cho công việc.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Có kiến thức về kỹ năng giao tiếp phổ biến

Về kỹ năng:

Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan khi xử lý công việc và các vấn đề trong cuộc sống

Có kỹ năng làm việc nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra

Về thái độ:

Có trách nhiệm với các bên liên quan trong và ngoài tổ chức khi xử lý công việc

Có thói quen nghiêm túc trong học tập và khả năng tự học tập

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng kiến thức về kỹ năng giao tiếp phổ biến trong cuộc sống và công việc	3
Kỹ năng		
CELO2	Tổ chức làm việc nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra	3
CELO3	Vận dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan khi xử lý công việc và các vấn đề trong cuộc sống	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Thể hiện trách nhiệm với các bên liên quan	3

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	trong và ngoài tổ chức khi xử lý công việc	
CELO5	Hình thành thói quen nghiêm túc trong học tập và khả năng tự học tập	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng kiến thức về kỹ năng giao tiếp phổ biến trong cuộc sống và công việc	ELO2
Kỹ năng		
CELO2	Tổ chức làm việc nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra	ELO6
CELO3	Vận dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan khi xử lý công việc và các vấn đề trong cuộc sống	ELO7
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Thể hiện trách nhiệm với các bên liên quan trong và ngoài tổ chức khi xử lý công việc	ELO11
CELO5	Hình thành thói quen nghiêm túc trong học tập và khả năng tự học tập	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41002	Kỹ năng giao tiếp trong KD	N	H	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H

- N: Không đóng góp (none supported)

- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng những nội dung chính của học phần theo nội dung chi tiết trong các tài liệu học tập đã cung cấp cho sinh viên;
- + Hướng dẫn sinh viên chuẩn bị bài, thực hiện bài tập và nội dung thảo luận, thuyết trình;
- + Tổ chức thảo luận, sửa bài tập theo các nội dung đã yêu cầu chuẩn bị;
- + Hướng dẫn và tổ chức cho sinh viên thực hiện và tổ chức nhóm năng động, hiệu quả;
- + Hướng dẫn sinh viên đánh giá kết quả hoạt động nhóm của sinh viên.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.
- + Phải đi học đúng giờ theo quy định. Hạn chế tối đa việc đi trễ (Không quá 15 phút).
- + Chuẩn bị cho bài học: sinh viên phải đọc các tài liệu học tập, hoàn thành toàn bộ bài tập do giảng viên cung cấp.
- + Thái độ: tôn trọng sở hữu trí tuệ, tuân thủ nguyên tắc làm việc nhóm, qui định về thời gian nộp bài.
- + Tham gia thảo luận, giải quyết những tình huống mà giáo viên hoặc các bạn đưa ra một cách nghiêm túc
- + Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm 5 SV), cử 1 nhóm trưởng để thực hiện bài tập nhóm.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ			CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập nhóm (25%)	Tiểu luận cá nhân (25%)	Thi cuối kỳ (50%)		
CELO 1	x	x	x	- Tình huống nhóm - Tiểu luận cá nhân - Thi trắc nghiệm + tự luận cuối kỳ đề đóng	- Hàng tuần
CELO 2	x				
CELO 3	x	x	x		- Tuần 8
CELO 4	x	x	x		- Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x		

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Làm bài tập nhóm	25%	
2	Kiểm tra cá nhân	25%	
3	Thi cuối kỳ	50%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá bài tập nhóm

RUBRIC 1: Bài tập thảo luận và thuyết trình nhóm					
Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt Từ 8 – 10 đ	Khá Từ 6 – dưới 8 đ	Trung bình Từ 4 – dưới 6 đ	Kém dưới 4 đ
Nội dung	30	Đầy đủ	Khá đầy đủ, còn thiếu một số chi tiết	Thiếu một nội dung nào đó	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
Cấu trúc	10	Cấu trúc rất hợp lý	Cấu trúc khá hợp lý	Cấu trúc tương đối hợp lý	Cấu trúc chưa hợp lý
Kỹ năng trình bày	20	Lôi cuốn, thuyết phục	Rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn	Khó theo dõi nhưng vẫn có	Trình bày không rõ

RUBRIC 1: Bài tập thảo luận và thuyết trình nhóm					
Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt Từ 8 – 10 đ	Khá Từ 6 – dưới 8 đ	Trung bình Từ 4 – dưới 6 đ	Kém dưới 4 đ
			người nghe	thể hiểu được	ràng, khó hiểu
Tương tác với người nghe	10	Tương tác tốt, bao quát	khá tốt, khá bao quát	Thỉnh thoảng có tương tác nhưng chưa bao quát	Không hoặc rất ít tương tác với người nghe
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian, không bị quá giờ	Hoàn thành đúng thời gian, còn vài phần chưa cân đối	Hoàn thành đúng thời gian, nhưng chưa cân đối giữa các nội dung	Quá thời gian cho phép
Trả lời câu hỏi	10	Trả lời đầy đủ các vấn đề đặt ra, rõ ràng và chính xác	Trả lời đúng nội dung yêu cầu nhưng còn sai sót nhỏ	Trả lời đúng một số câu hỏi, còn sai sót quan trọng	Không trả lời được đa số câu hỏi
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm
Tổng	100				

- Tiểu luận cá nhân

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
Quản lý thời gian	10	Đúng quy định				Quá thời gian cho phép
Cấu trúc	10	Rất trực quan và	Khá trực quan	Tương đối trực quan	Khó theo dõi	Rất khó theo dõi

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
		thẩm mỹ				
Nội dung	45	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn một sai sót quan trọng	Tương đối chính xác, còn nhiều sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
	5	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn theo đúng thể thức	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn nhưng chưa theo đúng thể thức	Ghi nguồn trích dẫn theo đúng thể thức nhưng còn sót 1 nguồn trích dẫn	Ghi thiếu nhiều nguồn trích dẫn hoặc không đúng thể thức	Không ghi nguồn trích dẫn
Khả năng nhìn nhận và giải quyết vấn đề	30	Nhìn nhận được vấn đề, giải quyết thỏa đáng	Nhìn nhận được vấn đề, giải quyết còn vài chỗ chưa thỏa đáng	Nhìn nhận được vấn đề, chỉ giải quyết được 1/3 yêu cầu	Nhìn nhận được vấn đề, chưa giải quyết đầy đủ	Không nhìn nhận được vấn đề, không giải quyết vấn đề

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi trắc nghiệm & tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo
Các câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ 80% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	- Có đáp án chính xác từ 50-70% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ dưới 40% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. TS. Thái Trí Dũng (2009), Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh, NXB Thống Kê.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Đức Thành biên soạn (2019). Giao tiếp thông minh và tài ứng xử, NXB Hồng Đức.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	CHƯƠNG 1: Tổng quan về hoạt động giao tiếp	
	A. Các nội dung chính trên lớp: (3 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (3 giờ) Giới thiệu môn học 1.7 Giới thiệu chung về giao tiếp 1.8 Chức năng giao tiếp 1.9 Ý nghĩa của hoạt động giao tiếp 1.10 Tầm quan trọng của giao tiếp hiệu quả 1.11 Những thay đổi ở nơi làm việc. 1.12 Tầm quan trọng của giao tiếp.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc [1] (tr.2-22),	CELO5
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi.	
1+2	CHƯƠNG 2: Cấu trúc của hoạt động giao tiếp	CELO1
	A. Các nội dung chính trên lớp: (3 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (3 giờ) 2.5 Tiến trình giao tiếp 2.6 Phương tiện giao tiếp 2.7 Hoàn thiện giao tiếp	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>2.8 Giao tiếp là quá trình tác động qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc [1] (tr.84-105)</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: <i>Phương pháp đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Bài tiểu luận cá nhân - Thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi. 	
2	<p>CHƯƠNG 3: Cơ sở của hoạt động giao tiếp</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp: (3 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (3 giờ)</p> <p>3.1. Cơ sở tâm lý 3.2. Cơ sở văn hóa 3.3. Cơ sở xã hội 3.4. Những điểm kết nối của các cơ sở tâm lý, văn hóa, xã hội ảnh hưởng đến giao tiếp như thế nào</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc [1] (tr.107-130)</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: <i>Phương pháp đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Bài tiểu luận cá nhân - Thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi. 	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5</p>
2+3	<p>CHƯƠNG 4: Giao tiếp trong môi trường tổ chức</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp: (3 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (3 giờ)</p> <p>4.7 Giao tiếp nội bộ.</p>	<p>CELO1 CELO2 CELO3</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>4.8 Giao tiếp với bên ngoài.</p> <p>4.9 Giao tiếp trong nhóm</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc [1] (tr.155-182)</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: <i>Phương pháp đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Bài tiểu luận cá nhân - Thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi. 	<p>CELO4</p> <p>CELO5</p>
3	<p>CHƯƠNG 5: Các kỹ năng giao tiếp thông dụng trong kinh doanh</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp: (3 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (3 giờ)</p> <p>5.5 Kỹ năng lắng nghe</p> <p>5.6 Kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp</p> <p>5.7 Kỹ năng đặt câu hỏi để khai thác thông tin</p> <p>5.8 Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại</p> <p>5.9 Kỹ năng dung ánh mắt, nụ cười, cử chỉ</p> <p>5.10 Kỹ năng xử lý than phiền của khách hàng</p> <p>5.11 Kỹ năng từ chối đề nghị</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc [1] (tr.182-207)</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: <i>Phương pháp đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Bài tiểu luận cá nhân - Thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi. 	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p>

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
4	CHƯƠNG 2: Cấu trúc của hoạt động giao tiếp	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 2.2 Phương tiện giao tiếp SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1]	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ	
4+ 5	CHƯƠNG 2: Cấu trúc của hoạt động giao tiếp	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 2.3 Hoàn thiện giao tiếp SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1]	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ	
5+6	CHƯƠNG 3: Cơ sở của hoạt động giao tiếp	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 3.1. Cơ sở tâm lý 3.2. Cơ sở văn hóa SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1]	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ	
6	CHƯƠNG 3: Cơ sở của hoạt động giao tiếp	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 3.3. Cơ sở xã hội SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1]</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ</p>	
6+7	<p>CHƯƠNG 3: Cơ sở của hoạt động giao tiếp</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 3.4. Những điểm kết nối của các cơ sở tâm lý, văn hóa, xã hội ảnh hưởng đến giao tiếp như thế nào SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1]</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ</p>	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
7	<p>CHƯƠNG 4: Giao tiếp trong môi trường tổ chức</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 4.1 Giao tiếp nội bộ. 4.2 Giao tiếp với bên ngoài. SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1]</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ</p>	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
7+8	<p>CHƯƠNG 4: Giao tiếp trong môi trường tổ chức</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 4.3 Giao tiếp trong nhóm SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1]</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ</p>	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
8	CHƯƠNG 5: Các kỹ năng giao tiếp thông dụng trong kinh doanh	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 5.1 Kỹ năng lắng nghe 5.2 Kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1]	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ	
8+9	CHƯƠNG 5: Các kỹ năng giao tiếp thông dụng trong kinh doanh	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 5.4 Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại 5.5 Kỹ năng dung ánh mắt, nụ cười, cử chỉ SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1]	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ	
9	CHƯƠNG 5: Các kỹ năng giao tiếp thông dụng trong kinh doanh	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 5.6 Kỹ năng xử lý than phiền của khách hàng 5.7 Kỹ năng từ chối đề nghị SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1]	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bút lông, bảng, máy chiếu, loa

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021-2022

- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ

- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:

- + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
- + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi thay đổi theo mẫu mới.
- + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
- + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 08 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Cao Văn On

GIẢNG VIÊN



ThS. Nguyễn Kiều Oanh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

41005 – KỸ NĂNG LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (1 tín chỉ lý thuyết + 1 Tín chỉ thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15 giờ
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 30 giờ
- Giờ tự học của sinh viên: 60 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 02

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: giảng bằng tiếng Việt và tài liệu học tập chính bằng tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành:
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Nguyễn Đăng Quang
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: ThS. Nguyễn Kiều Oanh
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc. Học phần cung cấp quy trình lập kế hoạch và tổ chức

công việc và cách xây dựng lịch trình công việc hàng ngày hiệu quả và nhanh chóng, sắp xếp thực hiện công việc theo thứ tự ưu tiên.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Có kiến thức về kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc

Về kỹ năng:

Có kỹ năng làm việc nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra

Về thái độ:

Có trách nhiệm với các bên liên quan trong và ngoài tổ chức khi xử lý công việc

Có thói quen nghiêm túc trong học tập và khả năng tự học tập

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng kiến thức về kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc trong các hoạt động của tổ chức	3
Kỹ năng		
CELO2	Tổ chức làm việc nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện trách nhiệm với các bên liên quan trong và ngoài tổ chức khi xử lý công việc	3
CELO4	Hình thành thói quen nghiêm túc trong học tập và khả năng tự học tập	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
CELO1	Vận dụng kiến thức về kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc	ELO2
Kỹ năng		
CELO2	Tổ chức làm việc nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra	ELO6
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện trách nhiệm với các bên liên quan trong và ngoài tổ chức khi xử lý công việc	ELO11
CELO4	Hình thành thói quen nghiêm túc trong học tập và khả năng tự học tập	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41005	Kỹ năng giao tiếp trong KD	N	H	N	N	N	H	N	N	N	N	H	H

- *N*: Không đóng góp (*none supported*)
- *S*: Có đóng góp (*suppoorted*)
- *H*: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng những nội dung chính của học phần theo nội dung chi tiết trong các tài liệu học tập đã cung cấp cho sinh viên;
- + Hướng dẫn sinh viên chuẩn bị bài, thực hiện bài tập và nội dung thảo luận, thuyết trình;
- + Tổ chức thảo luận, sửa bài tập theo các nội dung đã yêu cầu chuẩn bị;
- + Hướng dẫn và tổ chức cho sinh viên thực hiện và tổ chức nhóm năng động, hiệu quả;
- + Hướng dẫn sinh viên đánh giá kết quả hoạt động nhóm của sinh viên.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp

+ Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi

+ Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

+ Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

+ Phải đi học đúng giờ theo quy định. Hạn chế tối đa việc đi trễ (Không quá 15 phút).

+ Chuẩn bị cho bài học: sinh viên phải đọc các tài liệu học tập, hoàn thành toàn bộ bài tập do giảng viên cung cấp.

+ Thái độ: tôn trọng sở hữu trí tuệ, tuân thủ nguyên tắc làm việc nhóm, qui định về thời gian nộp bài.

+ Tham gia thảo luận, giải quyết những tình huống mà giáo viên hoặc các bạn đưa ra một cách nghiêm túc

+ Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm 5 SV), cử 1 nhóm trưởng để thực hiện bài tập nhóm.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ			CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập nhóm (25%)	Tiểu luận cá nhân (25%)	Thi cuối kỳ (50%)		
CELO 1	x	x	x	- Tình huống nhóm - Tiểu luận cá nhân - Thi trắc nghiệm + tự luận cuối kỳ đề đóng	- Hàng tuần
CELO 2	x				
CELO 3	x	x	x		- Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x		

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Làm bài tập nhóm	25%	
2	Kiểm tra cá nhân	25%	
3	Thi cuối kỳ	50%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá bài tập nhóm

RUBRIC 1: Bài tập thảo luận và thuyết trình nhóm					
Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt Từ 8 – 10 đ	Khá Từ 6 – dưới 8 đ	Trung bình Từ 4 – dưới 6 đ	Kém dưới 4 đ
Nội dung	30	Đầy đủ	Khá đầy đủ, còn thiếu một số chi tiết	Thiếu một nội dung nào đó	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
Cấu trúc	10	Cấu trúc rất hợp lý	Cấu trúc khá hợp lý	Cấu trúc tương đối hợp lý	Cấu trúc chưa hợp lý
Kỹ năng trình bày	20	Lôi cuốn, thuyết phục	Rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn người nghe	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được	Trình bày không rõ ràng, khó hiểu
Tương tác với người nghe	10	Tương tác tốt, bao quát	khá tốt, khá bao quát	Thỉnh thoảng có tương tác nhưng chưa bao quát	Không hoặc rất ít tương tác với người nghe
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian, không bị quá giờ	Hoàn thành đúng thời gian, còn vài phần chưa cân đối	Hoàn thành đúng thời gian, nhưng chưa cân đối giữa các nội dung	Quá thời gian cho phép
Trả lời câu hỏi	10	Trả lời đầy đủ các vấn đề đặt ra, rõ ràng và	Trả lời đúng nội dung yêu cầu nhưng còn sai sót nhỏ	Trả lời đúng một số câu hỏi, còn sai sót quan trọng	Không trả lời được đa số câu hỏi

RUBRIC 1: Bài tập thảo luận và thuyết trình nhóm					
Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt Từ 8 – 10 đ	Khá Từ 6 – dưới 8 đ	Trung bình Từ 4 – dưới 6 đ	Kém dưới 4 đ
		chính xác			
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm
Tổng	100				

- Tiểu luận cá nhân

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
Quản lý thời gian	10	Đúng quy định				Quá thời gian cho phép
Cấu trúc	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan	Tương đối trực quan	Khó theo dõi	Rất khó theo dõi
Nội dung	45	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn một sai sót quan trọng	Tương đối chính xác, còn nhiều sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
	5	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn theo đúng thể thức	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn nhưng chưa theo đúng thể thức	Ghi nguồn trích dẫn theo đúng thể thức nhưng còn sót 1 nguồn trích dẫn	Ghi thiếu nhiều nguồn trích dẫn hoặc không đúng thể thức	Không ghi nguồn trích dẫn
Khả	30	Nhìn nhận	Nhìn nhận	Nhìn nhận	Nhìn nhận	Không nhìn

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
năng nhìn nhận và giải quyết vấn đề		được vấn đề, giải quyết thỏa đáng	được vấn đề, giải quyết còn vài chỗ chưa thỏa đáng	được vấn đề, chỉ giải quyết được 1/3 yêu cầu	được vấn đề, chưa giải quyết đầy đủ	nhận được vấn đề, không giải quyết vấn đề

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi trắc nghiệm & tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo
Các câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ 80% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	- Có đáp án chính xác từ 50-70% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ dưới 40% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. Phyllis Korkki- Trần Phương Thảo Dịch(2019), Kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc hiệu quả, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

10.2 Tài liệu học tập

2. Nguyễn Hiến Lê (2018), Tổ chức công việc theo khoa học - Những điều mọi doanh nghiệp cần thực hiện, NXB Hồng Đức.

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	CHƯƠNG 1: Kỹ năng lập kế hoạch	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	A. Các nội dung chính trên lớp: (3 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (3 giờ) Giới thiệu môn học 1.13 Kế hoạch là gì? 1.14 Cách lập một bản kế hoạch 1.15 Phân loại kế hoạch 1.16 Lập kế hoạch tài chính cá nhân	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc [1] (tr.4-34)	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Bài tiểu luận cá nhân - Thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi.	
2	CHƯƠNG 2: Kỹ năng tổ chức công việc	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	A. Các nội dung chính trên lớp: (3 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (3 giờ) 2.9 Khái niệm tổ chức công việc 2.10 Tổ chức công việc bộ phận 2.11 Tổ chức công việc cá nhân	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc [1] (tr.35-81)	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Bài tiểu luận cá nhân - Thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi.	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
3	CHƯƠNG 3: Kỹ năng quản lý thời gian	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	A. Các nội dung chính trên lớp: (3 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (3 giờ) 3.1. Giá trị của thời gian 3.2. Các cách quản lý thời gian 3.3. Công cụ quản lý thời gian	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc [1] (tr.82-121)	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Bài tiểu luận cá nhân - Thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi.	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
4	CHƯƠNG 1: Kỹ năng lập kế hoạch	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 1.2 Cách lập một bản kế hoạch 1.3 Phân loại kế hoạch SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1]	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ	
5	CHƯƠNG 1: Kỹ năng lập kế hoạch	CELO1 CELO2
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ)	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>1.4 Lập kế hoạch tài chính cá nhân</p> <p>SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1]</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ</p>	<p>CELO3 CELO4 CELO5</p>
6	<p>CHƯƠNG 2: Kỹ năng tổ chức công việc</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 2.2 Tổ chức công việc bộ phận</p> <p>SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1]</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ</p>	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5</p>
7	<p>CHƯƠNG 2: Kỹ năng tổ chức công việc</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 2.3 Tổ chức công việc cá nhân</p> <p>SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1]</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ</p>	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5</p>
8	<p>CHƯƠNG 3: Kỹ năng quản lý thời gian</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 3.2. Các cách quản lý thời gian</p> <p>SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ)</p>	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Đọc [1] C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ	
9	CHƯƠNG 3: Kỹ năng quản lý thời gian A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 giờ) 3.3. Công cụ quản lý thời gian SV làm bài tập, thuyết trình và thực hành, thảo luận tình huống giả định B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) Đọc [1] C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: bài tập nhóm, bài tiểu luận cá nhân, thi cuối kỳ	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bút lông, bảng, máy chiếu, loa

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021-2022.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được viết mới vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết theo mẫu mới./.


Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Cao Văn On

GIẢNG VIÊN



ThS. Nguyễn Đăng Quang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
41006 – NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (3 tín chỉ lý thuyết)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 giờ
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 135 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 04

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: giảng bằng tiếng Việt và tài liệu học tập chính bằng tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Lê Thị Hậu
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy:
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; Các phương pháp kế toán và việc vận dụng

các phương pháp kế toán vào quá trình kế toán các hoạt động chủ yếu của một loại hình đơn vị cụ thể.

Dữ liệu kế toán là cơ sở để đề ra các quyết định trong bất kỳ tổ chức nào. Vì vậy, có được những kiến thức và hiểu biết cơ bản về kế toán trên phương diện lý thuyết cũng như ứng dụng có ý nghĩa quan trọng đối với nhiều người hành nghề trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và áp dụng của kế toán tài chính để họ có thể hiểu được dữ liệu kế toán được xử lý và sử dụng như thế nào trong việc đề ra các quyết định trong các doanh nghiệp. Nội dung chính của học phần bao gồm cân bằng kế toán và quy trình (xử lý thông tin) kế toán, phương pháp kế toán các yếu tố cơ bản của quá trình kinh doanh, công việc kế toán cuối kỳ, và trình bày các yếu tố cơ bản trên các báo cáo tài chính.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Có kiến thức về bản chất, đặc điểm, vai trò của kế toán, các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận.

Có kiến thức vững chắc về từng bước của chu trình kế toán.

Về kỹ năng:

Có các kỹ năng về kỹ thuật kế toán trong từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn.

Về thái độ:

Có thái độ tuân thủ pháp luật và chuẩn mực kế toán

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Phân tích bản chất của các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận và nội dung từng bước của chu trình kế toán.	4
Kỹ năng		
CELO2	Vận dụng các kỹ thuật kế toán trong từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO3	Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực kế toán	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Phân tích bản chất và nội dung từng bước của chu trình kế toán.	ELO2
Kỹ năng		
CELO2	Vận dụng tư duy phân tích để thực hiện các kỹ thuật kế toán trong từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn.	ELO9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực kế toán	ELO10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41006	Nguyên lý kế toán	N	H	N	N	N	N	N	N	H	H	N	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng trên lớp
- + Giảng online
- + Hướng dẫn làm bài tập

- + Giảng dạy theo tình huống

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

+ Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

+ Phải đi học đúng giờ theo quy định. Hạn chế tối đa việc đi trễ (Không quá 15 phút).

+ Chuẩn bị cho bài học: sinh viên phải đọc các tài liệu học tập, hoàn thành toàn bộ bài tập do giảng viên cung cấp.

+ Thái độ: tôn trọng sở hữu trí tuệ, tuân thủ nguyên tắc làm việc nhóm, qui định về thời gian nộp bài.

+ Tham gia thảo luận, giải quyết những tình huống mà giáo viên hoặc các bạn đưa ra một cách nghiêm túc

+ Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm 5 SV), cử 1 nhóm trưởng để thực hiện bài tập nhóm.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ			CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập (30%)	Kiểm tra cá nhân (20%)	Thi cuối kỳ (50%)		
CELO 1	x	x	x	- Tình huống nhóm	- Hàng tuần
CELO 2	x	x	x	- Kiểm tra tự luận giữa kỳ đề	- Tuần 6

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ			CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập (30%)	Kiểm tra cá nhân (20%)	Thi cuối kỳ (50%)		
				đóng	- Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	- Thi trắc nghiệm + tự luận cuối kỳ đề đóng	

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Làm bài tập	30%	
2	Kiểm tra cá nhân	20%	
3	Thi cuối kỳ	50%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá bài tiểu luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
Quản lý thời gian	10	Đúng quy định				Quá thời gian cho phép
Cấu trúc	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan	Tương đối trực quan	Khó theo dõi	Rất khó theo dõi
Sự phối hợp trong nhóm	10	Thực hiện theo phân công của nhóm, đạt chất lượng tốt	Thực hiện theo phân công của nhóm, còn chút sai sót	Thực hiện theo phân công của nhóm, còn sai sót nhiều	Nhóm ít phối hợp trong quá trình thực hiện dự án, chưa đạt chất lượng	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm
Nội dung	45	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài	Tương đối chính xác, khoa học,	Tương đối chính xác, còn nhiều sai sót	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
			sai sót nhỏ	còn một sai sót quan trọng	quan trọng	sai sót quan trọng
	5	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn theo đúng thể thức	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn nhưng chưa theo đúng thể thức	Ghi nguồn trích dẫn theo đúng thể thức nhưng còn sót 1 nguồn trích dẫn	Ghi thiếu nhiều nguồn trích dẫn hoặc không đúng thể thức	Không ghi nguồn trích dẫn
Khả năng nhìn nhận và giải quyết vấn đề	20	Nhìn nhận được vấn đề, giải quyết thỏa đáng	Nhìn nhận được vấn đề, giải quyết còn vài chỗ chưa thỏa đáng	Nhìn nhận được vấn đề, chỉ giải quyết được 1/3 yêu cầu	Nhìn nhận được vấn đề, chưa giải quyết đầy đủ	Không nhìn nhận được vấn đề, không giải quyết vấn đề

- Thi giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi trắc nghiệm & tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo
Các câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ 80% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	- Có đáp án chính xác từ 50-70% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ dưới 40% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. PGS. TS. Võ Văn Nhị (chủ biên)(2018), Nguyên lý kế toán, NXB Tài chính.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. PGS. TS. Trần Văn Thuận(2021), Nguyên lý kế toán (Dùng cho các ngành kế toán, kiểm toán, ngân hàng, tài chính, kinh tế và quản trị kinh doanh), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN	CELO1 CELO3
	1.1.Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của kế toán 1.2.Bản chất của kế toán 1.3.Đối tượng của kế toán. 1.4.-Các quy định và nguyên tắc kế toán 1.5.Hệ thống phương pháp kế toán 1.6.Môi trường kế toán Nội dung làm bài tập/thảo luận: (2 tiết) - Làm bài tập số 1,2,3,4 - Thảo luận nhóm	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Phân biệt tài sản và nguồn vốn theo các tình huống cho sẵn - Làm từ bài 5 đến bài 7 câu 1,2, bài 8 câu 1	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
2	CHƯƠNG 2: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	CELO1 CELO3
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 tiết) 2.1. Một số vấn đề chung về báo cáo tài chính 2.2. Bảng báo cáo tình hình tài chính Nội dung làm bài tập/thảo luận: (1 tiết) - Làm bài tập số 7 câu 3, bài 8 câu 2, Thảo luận nhóm Làm bài kiểm tra cá nhân chương 2 trên E-learning	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc trước tài liệu chương 2 - Làm bài tập 9.	
3	CHƯƠNG 2: (TIẾP THEO)	CELO1 CELO2 CELO3
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 tiết) 2.3. Báo cáo kết quả kinh doanh Nội dung làm bài tập/thảo luận: (1 tiết) - Hướng dẫn làm bài tập tại lớp: Bài trên slide	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc trước tài liệu chương 3 - Làm bài tập về nhà: 14, 15	
4	CHƯƠNG 3: TÀI KHOẢN KẾ TOÁN VÀ GHI SỔ KÉP	CELO1 CELO2 CELO3
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 tiết) 3.1. Tài khoản 3.2. Ghi sổ kép Nội dung làm bài tập/thảo luận: (1 tiết) - Hướng dẫn làm bài tập: Làm bài tập 17, 18a,b,c	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc trước tài liệu chương 3 - Làm bài tập: 20, 21	
5	CHƯƠNG 3: (TIẾP THEO)	CELO1 CELO2 CELO3
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 tiết) 3.3. Kế toán tổng hợp và Kế toán chi tiết 3.4. Kiểm tra số liệu ghi chép trên các tài khoản	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn làm bài tập tại lớp: 23, 24, 25. - Kiểm tra giữa kỳ <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập 26, 27, 28 	
6	<p>CHƯƠNG 4 : : TÍNH GIÁ CÁC ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 tiết)</p> <p>4.1 Khái niệm và ý nghĩa của tính giá các đối tượng kế toán 4.2 Các nguyên tắc tính giá các đối tượng kế toán</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn thảo luận tại lớp các bài tập trên slide <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước tài liệu chương 4 	<p>CELO1 CELO2 CELO3</p>
7	<p>CHƯƠNG 4: (TIẾP THEO)</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 tiết)</p> <p>4.3 Phương pháp tính giá một số đối tượng chủ yếu</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập số 32 - Thảo luận nhóm <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập 33, 34 	<p>CELO1 CELO2 CELO3</p>
8	<p>CHƯƠNG 5 : CHỨNG TỪ KẾ TOÁN VÀ KIỂM KÊ</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (2.5 tiết)</p> <p>5.1 Chứng từ kế toán 5.2. Kiểm kê</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (0.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn thảo luận tại lớp 	<p>CELO1 CELO2 CELO3</p>
9	<p>CHƯƠNG 6 : KẾ TOÁN CÁC NGHIỆP VỤ KINH TẾ CHỦ YẾU.</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 tiết)</p> <p>6.1. Kế toán quá trình cung cấp 6.2. Kế toán quá trình sản xuất (theo phương pháp KKTX) 6.3. Kế toán quá trình tiêu thụ</p>	<p>CELO1 CELO2 CELO3</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (1 tiết)</p> <p>- Làm từ bài tập tình huống 46, 47,48,49</p> <hr/> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>- - Xử lý một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu của doanh nghiệp thông qua tình huống cho sẵn.</p> <p>-Tổng ôn tập</p>	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bút lông, bảng, máy chiếu, loa.

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021-2022.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Lê Thị Hậu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

41007 – QUẢN TRỊ HỌC

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (3;0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 giờ
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- 1.4. Học phần tiên quyết: không
- 1.5. Học phần học trước: không
- 1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 03
- 1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: giảng bằng tiếng Việt và tài liệu học tập chính bằng tiếng Việt
- 1.8. Đơn vị phụ trách:
- Bộ môn/Ngành:
 - Khoa: Quản trị
- 1.9. Giảng viên phụ trách học phần
- Giảng viên phụ trách chính: TS. Nguyễn Tường Dũng
 - Giảng viên cùng tham gia giảng dạy:
 - Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Nhà quản trị ở bất kỳ tổ chức nào (kinh doanh, phi kinh doanh) và ở bất cứ lĩnh vực nào (nguồn nhân lực, sản xuất, tài chính, marketing...) đều thực thi hoạt động quản trị thông qua tiến trình, bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra. Học phần này cung cấp kiến thức để người học hiểu rõ công việc nhà quản trị thực hiện tiến trình quản trị để đạt mục tiêu một cách hữu hiệu và hiệu quả trong bối cảnh môi trường mà nó hoạt động.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Có kiến thức về các nguyên tắc quản trị.

Về kỹ năng:

Có các kỹ năng về làm việc nhóm.

Về thái độ:

Có thái độ và ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề trong doanh nghiệp.

Có tinh thần khởi nghiệp và học hỏi không ngừng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng kiến thức và nguyên tắc quản trị	3

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	để giải quyết các vấn đề thực tế tại doanh nghiệp thông qua các câu hỏi ứng dụng và bài tập tình huống trong môn học.	
Kỹ năng		
CELO2	Tổ chức làm việc nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề trong doanh nghiệp	3
CELO4	Xây dựng tinh thần khởi nghiệp và học hỏi không ngừng	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng kiến thức và nguyên tắc quản trị để giải quyết các vấn đề thực tế tại doanh nghiệp thông qua các câu hỏi ứng dụng và bài tập tình huống trong môn học.	ELO2
Kỹ năng		
CELO2	Tổ chức làm việc nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra.	ELO6
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề trong doanh nghiệp	ELO11
CELO4	Xây dựng tinh thần khởi nghiệp và học hỏi không ngừng	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41007	Quản trị học	N	H	N	N	N	H	N	N	N	N	H	H

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng trên lớp
- + Giảng online
- + Hướng dẫn làm bài tập
- + Giảng dạy theo tình huống

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

+ Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

+ Phải đi học đúng giờ theo quy định. Hạn chế tối đa việc đi trễ (Không quá 15 phút).

+ Chuẩn bị cho bài học: sinh viên phải đọc các tài liệu học tập, hoàn thành toàn bộ bài tập do giảng viên cung cấp.

+ Thái độ: tôn trọng sở hữu trí tuệ, tuân thủ nguyên tắc làm việc nhóm, qui định về thời gian nộp bài.

+ Tham gia thảo luận, giải quyết những tình huống mà giáo viên hoặc các bạn đưa ra một cách nghiêm túc

+ Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm 5 SV), cử 1 nhóm trưởng để thực hiện bài tập nhóm.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ			CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập nhóm (25%)	Kiểm tra cá nhân (25%)	Thi cuối kỳ (50%)		
CELO 1	x	x	x	- Tình huống nhóm	- Hàng tuần
CELO 2	x	x	x	- Kiểm tra tự luận giữa kỳ đề đóng	- Tuần 7
CELO 3	x	x	x	- Thi trắc nghiệm + tự luận cuối kỳ đề đóng	- Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Làm bài tập nhóm	25%	
2	Kiểm tra cá nhân	25%	
3	Thi cuối kỳ	50%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá bài tiểu luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
Quản lý thời gian	10	Đúng quy định				Quá thời gian cho phép
Cấu trúc	10	Rất trực	Khá trực	Tương đối	Khó theo dõi	Rất khó

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
		quan và thẩm mỹ	quan	trực quan		theo dõi
Sự phối hợp trong nhóm	10	Thực hiện theo phân công của nhóm, đạt chất lượng tốt	Thực hiện theo phân công của nhóm, còn chút sai sót	Thực hiện theo phân công của nhóm, còn sai sót nhiều	Nhóm ít phối hợp trong quá trình thực hiện dự án, chưa đạt chất lượng	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm
Nội dung	45	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn một sai sót quan trọng	Tương đối chính xác, còn nhiều sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
	5	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn theo đúng thể thức	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn nhưng chưa theo đúng thể thức	Ghi nguồn trích dẫn theo đúng thể thức nhưng còn sót 1 nguồn trích dẫn	Ghi thiếu nhiều nguồn trích dẫn hoặc không đúng thể thức	Không ghi nguồn trích dẫn
Khả năng nhìn nhận và giải quyết vấn đề	20	Nhìn nhận được vấn đề, giải quyết thỏa đáng	Nhìn nhận được vấn đề, giải quyết còn vài chỗ chưa thỏa đáng	Nhìn nhận được vấn đề, chỉ giải quyết được 1/3 yêu cầu	Nhìn nhận được vấn đề, chưa giải quyết đầy đủ	Không nhìn nhận được vấn đề, không giải quyết vấn đề

- Thi giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi trắc nghiệm & tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo
Các câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ 80% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	- Có đáp án chính xác từ 50-70% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ dưới 40% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. TS. Trần Dục Thức (chủ biên)(2021), Giáo trình Quản trị học, NXB Tài chính.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Trần Đăng Khoa (chủ biên)(2020), Quản trị học (Tóm tắt lý thuyết và câu hỏi trắc nghiệm), NXB Tài chính

3. PGS. TS. Trần Anh Tài (2017), Quản trị học, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Giới thiệu chung về môn học (thông tin trong Đề cương chi tiết) và tổ chức lớp học (lập nhóm)	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>PHẦN 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ</p> <p>CHƯƠNG 1. NHÀ QUẢN TRỊ VÀ CÔNG VIỆC QUẢN TRỊ</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhà quản trị là ai và làm việc ở đâu? 2. Công việc quản trị là gì? 3. Tại sao cần học quản trị? 4. Các yếu tố quan trọng nào đang ảnh hưởng và làm thay đổi quản trị? <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 19) - Bài tập tình huống: “<i>Building a better boss</i>” (Trang 22). <p>B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc sách giáo trình [1] chương 1 <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); - Thi giữa kỳ (Rubric 3); - Thi cuối kỳ (Rubric 4). 	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4</p>
1	<p>CHƯƠNG 2. MÔI TRƯỜNG CỦA QUẢN TRỊ</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Môi trường bên ngoài là gì và tại sao nó lại quan trọng? 2. Môi trường bên ngoài ảnh hưởng đến nhà quản lý như thế nào? 3. Văn hóa tổ chức là gì và ảnh hưởng đến nhà quản lý như thế nào? <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 50) - Bài tập tình huống: “<i>Getting back on Target</i>” (Trang 52). <p>B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc sách giáo trình [1] chương 2 <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p>	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); - Thi giữa kỳ (Rubric 3); - Thi cuối kỳ (Rubric 4). 	
2	<p>PHẦN 2. HOẠCH ĐỊNH CHƯƠNG 3. CƠ SỞ CỦA RA QUYẾT ĐỊNH <i>(SV tự học theo học liệu E-learning buổi thứ 4)</i></p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhà quản lý tạo quyết định như thế nào? 2. Ba cách tiếp cận mà nhà quản lý có thể sử dụng để đưa ra quyết định là gì? 3. Nhà quản lý thường phải xử lý những loại quyết định gì và điều kiện ra quyết định như thế nào? 4. Các nhà quản lý phải đối mặt với những vấn đề ra quyết định đương đại nào? <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 112) - Bài tập tình huống: “<i>Big Brown Numbers</i>” (Trang 114). <p>B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc sách giáo trình [1] chương 4 <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); - Thi giữa kỳ (Rubric 3); - Thi cuối kỳ (Rubric 4). 	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4</p>
3	<p>CHƯƠNG 4. CƠ SỞ CỦA HOẠCH ĐỊNH</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lập kế hoạch là gì và tại sao nhà quản lý cần lập kế hoạch? 2. Các nhà quản lý cần biết gì về quản trị chiến lược? 3. Các nhà quản lý thiết lập mục tiêu và phát triển kế hoạch như thế nào? 4. Nhà quản lý phải đối mặt với những vấn đề đương đại nào? 	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>khi lập kế hoạch?</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 152) - Bài tập tình huống: “<i>Crisis Planning at Livestrong Foundation</i>” (Trang 156). <p>B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà:</p> <p>Đọc sách giáo trình [1] chương 5</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); - Thi giữa kỳ (Rubric 3); - Thi cuối kỳ (Rubric 4). 	
4	<p>PHẦN 3. TỔ CHỨC</p> <p>CHƯƠNG 5. CẤU TRÚC VÀ THIẾT KẾ TỔ CHỨC</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sáu yếu tố chính trong thiết kế tổ chức là gì? 2. Những yếu tố dự phòng nào ảnh hưởng đến sự lựa chọn cấu trúc? 3. Một số thiết kế tổ chức phổ biến là gì? 4. Những thách thức thiết kế tổ chức ngày nay là gì? <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 187) - Bài tập tình huống: “<i>A New Kind of Structure</i>” (Trang 192). <p>B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà:</p> <p>Đọc sách giáo trình [1] chương 6</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên cần (Rubric 1); • Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); • Thi giữa kỳ (Rubric 3); • Thi cuối kỳ (Rubric 4). 	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
5	CHƯƠNG 6. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ol style="list-style-type: none"> Quy trình quản lý nguồn nhân lực là gì và yếu tố nào ảnh hưởng đến nó? Nhà quản lý xác định và lựa chọn nhân viên có năng lực như thế nào? Nhân viên được cung cấp các kỹ năng và kiến thức cần thiết như thế nào? Giữ chân nhân viên giỏi: hai cách mà các tổ chức thực hiện điều này. Các nhà quản lý đối mặt với những vấn đề HRM đương đại nào? Nội dung thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 223) Bài tập tình huống: “<i>Résumé Regrets</i>” (Trang 226). 	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà: Đọc sách giáo trình [1] chương 7	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> Chuyên cần (Rubric 1); Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); Thi giữa kỳ (Rubric 3); Thi cuối kỳ (Rubric 4). 	
6	PHẦN 4. LÃNH ĐẠO CHƯƠNG 7. LÃNH ĐẠO VÀ SỰ TIN CẬY <i>(SV tự học theo học liệu E-learning buổi thứ 12)</i>	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ol style="list-style-type: none"> Các lý thuyết ban đầu về lãnh đạo cho biết điều gì về khả năng lãnh đạo? Các lý thuyết về lãnh đạo theo tình huống cho biết điều gì? Quan điểm về lãnh đạo ngày nay như thế nào? Tại sao sự tin cậy là trọng yếu cho khả năng lãnh đạo? Nội dung thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 383) 	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>- Bài tập tình huống: “<i>Serving Up Leaders</i>” (Trang 386).</p> <p>B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà: Đọc sách giáo trình [1] chương 12</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên cần (Rubric 1); • Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); • Thi cuối kỳ (Rubric 4). 	
7	<p>CHƯƠNG 8. HIỂU NHÓM VÀ QUẢN LÝ NHÓM LÀM VIỆC</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhóm là gì và các nhóm trải qua những giai đoạn phát triển nào? 2. Năm khái niệm chính về hành vi của nhóm 3. Làm thế nào để nhóm trở thành nhóm hiệu quả? 4. Những vấn đề hiện tại nào mà người quản lý phải đối mặt trong việc quản lý nhóm? <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 319) - Bài tập tình huống: “<i>Rx: Teamwork</i>” (Trang 322). <p>B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà: Đọc sách giáo trình [1] chương 10</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên cần (Rubric 1); • Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); • Thi cuối kỳ (Rubric 4). 	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
8	<p>CHƯƠNG 9. QUẢN LÝ TRUYỀN THÔNG VÀ THÔNG TIN <i>(SV tự học theo học liệu E-learning)</i></p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Làm thế nào để các nhà quản lý giao tiếp hiệu quả? 2. Công nghệ ảnh hưởng đến giao tiếp của người quản lý như thế nào? 3. Các vấn đề giao tiếp mà các nhà quản lý phải đối mặt ngày 	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>nay là gì?</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 412) - Bài tập tình huống: “ <i>Banning E-Mail. Banning Voice Mail</i>” (Trang 416). <p>B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà:</p> <p>Đọc sách giáo trình [1] chương 13</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên cần (Rubric 1); • Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); • Thi cuối kỳ (Rubric 4). 	
9	<p>PHẦN 5. KIỂM SOÁT</p> <p>CHƯƠNG 10. CƠ SỞ CỦA KIỂM SOÁT</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kiểm soát là gì và tại sao nó lại quan trọng? 2. Điều gì xảy ra khi nhà quản lý kiểm soát? 3. Người quản lý nên kiểm soát cái gì? 4. Các vấn đề kiểm soát đương đại nào mà các nhà quản lý phải đối mặt? <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 442) - Bài tập tình huống: “<i>Top Secret</i>” (Trang 445). <p>B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà:</p> <p>Đọc sách giáo trình [1] chương 14</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên cần (Rubric 1); • Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); • Thi cuối kỳ (Rubric 4). 	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p>

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bút lông, bảng, máy chiếu, loa

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA**PHÓ BỘ MÔN****GIẢNG VIÊN**



TS. Trần Thanh Vũ**ThS. Cao Văn On****ThS. Nguyễn Đăng Quang**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

51042 – KINH TẾ VI MÔ

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 03 (3;0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập: 03

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45
- Giờ học thực hành, thảo luận nhóm:
- Giờ tự học của sinh viên: 90

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
--	--

Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: toán cao cấp

1.5. Học phần học trước:

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: lý thuyết tài chính tiền tệ

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: ngôn ngữ giảng dạy bằng tiếng Việt, tài liệu giảng dạy bài giảng powerpoint giảng viên trong bộ môn biên soạn dựa và giáo trình chính.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Cơ sở ngành kinh tế
- Khoa: Kế toán – Tài chính – Ngân hàng.

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Nguyễn Thị Sơn	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0919843634
Email: nguyenthison2001@yahoo.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

Giảng viên thỉnh giảng (nếu có)

Họ và tên: Trần Dương Minh Chuyên	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0903687402
Email: tdmchuyen@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Kiến thức học phần Kinh tế vi mô nhằm giúp sinh viên nắm được những vấn đề kinh tế cơ bản về thị trường, cung, cầu và giá cả hàng hóa. Trong đó, học phần sẽ nhấn mạnh đến vai trò và việc đưa ra quyết định của các doanh nghiệp trong các loại thị trường khác nhau để tối đa hoá lợi nhuận, cũng như là dưới góc độ của cá nhân người

tiêu dùng để tối đa hoá hữu dụng. Bên cạnh đó, học phần cũng tập trung phân tích các chính sách can thiệp của chính phủ vào thị trường và sự ảnh hưởng của nó đối với người tiêu dùng, nhà sản xuất cũng như xã hội. Kinh tế vi mô là môn cơ sở của các ngành thuộc khối kinh tế, cung cấp kiến thức căn bản làm nền tảng quan trọng giúp sinh viên tiếp cận các môn chuyên ngành sau này

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về kinh tế vi mô với các khái niệm như cầu, cung, giá thị trường, độ co giãn..., các nguyên tắc lựa chọn hợp lý của người tiêu dùng và người sản xuất, để sinh viên biết và dùng đúng các thuật ngữ chuyên môn.

- Hiểu bản chất nhiều vấn đề kinh tế về diễn biến trên thị trường và chính sách can thiệp của chính phủ được đề cập trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Về kỹ năng:

- Biết cách phân tích và giải thích diễn biến giá thị trường của các loại hàng hoá, hiểu và biết cách phân tích các chính sách can thiệp vào thị trường của chính phủ.
- Biết cách lựa chọn mua sắm hàng hoá của người tiêu dùng và cách ra quyết định về giá, sản lượng và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường có cơ cấu khác nhau.
- Áp dụng kiến thức nền tảng của kinh tế học vi mô cho các học phần chuyên ngành sau này.

Về thái độ:

- Có ý thức học tập nghiêm túc, khoa học bởi đây là vấn đề không dễ dàng tiếp cận.
- Rèn luyện khả năng tự học, phân tích, làm việc nhóm
- Yêu thích môn học bởi lẽ kinh tế vi mô là môn học cơ sở trong hệ thống khối kinh tế. Môn học này giúp học tốt các môn học tiếp theo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO1	<p>Vận dụng những kiến thức căn bản về kinh tế vi mô với các khái niệm như cầu, cung, giá thị trường, độ co giãn..., các nguyên tắc lựa chọn hợp lý của người tiêu dùng và người sản xuất, để sinh viên biết và dùng đúng các thuật ngữ chuyên môn.</p> <p>Hiểu bản chất nhiều vấn đề kinh tế về diễn biến trên thị trường và chính sách can thiệp của chính phủ được đề cập trên các phương tiện thông tin đại chúng.</p>	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	<p>Vận dụng tư duy phân tích và giải thích diễn biến giá thị trường của các loại hàng hoá, hiểu và biết cách phân tích các chính sách can thiệp vào thị trường của chính phủ.</p> <p>Kết nối giữa nguyên tắc lựa chọn mua sắm hàng hoá của người tiêu dùng và cách ra quyết định về giá, sản lượng và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường có cơ cấu khác nhau trên cơ sở đó tham mưu cùng với ban giám đốc hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh cho tổ chức mình.</p>	Vận dụng
CELO3	<p>Vận dụng công thức tính giá, sản lượng cân bằng, độ co giãn cung và cầu theo giá, giải bài toán tiêu dùng tối ưu, sản xuất tối ưu, tối đa lợi nhuận cho từng loại thị trường.</p>	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	<p>Có năng lực tự nghiên cứu, tự học, làm việc nhóm, luôn cập nhật những diễn biến mới của thị trường, kiến thức kinh tế xã hội để từ đó thích nghi tốt, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.</p>	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng những kiến thức căn bản về kinh tế vi mô với các khái niệm như cầu, cung, giá thị trường, độ co giãn..., các nguyên tắc lựa chọn hợp lý của người tiêu dùng và người sản xuất, để sinh viên biết và dùng đúng các thuật ngữ chuyên môn. Hiểu bản chất nhiều vấn đề kinh tế về diễn biến trên thị trường và chính sách can thiệp của chính phủ được đề cập trên các phương tiện thông tin đại chúng.	2
Kỹ năng		
CELO2	Vận dụng tư duy phân tích và giải thích diễn biến giá thị trường của các loại hàng hoá, hiểu và biết cách phân tích các chính sách can thiệp vào thị trường của chính phủ. Kết nối giữa nguyên tắc lựa chọn mua sắm hàng hoá của người tiêu dùng và cách ra quyết định về giá, sản lượng và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường có cơ cấu khác nhau trên cơ sở đó tham mưu cùng với ban giám đốc hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh cho tổ chức mình.	5,6
CELO3	Vận dụng công thức tính giá, sản lượng cân bằng, độ co giãn cung và cầu theo giá, giải bài toán tiêu dùng tối ưu, sản xuất tối ưu, tối đa lợi nhuận cho từng loại thị trường.	9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có năng lực tự nghiên cứu, tự học, làm việc nhóm, luôn cập nhật những diễn biến mới của thị trường, kiến thức kinh tế xã hội để từ	8,11,12

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	đó thích nghi tốt, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.	

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
051042	Kinh tế vi mô	N	H	N	N	H	N	N	N	N	N	H	N

- N: Không đóng góp (*none supported*)
- S: Có đóng góp (*supported*)
- H: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng trên lớp
- + Giảng online
- + Giao bài về nhà

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Chuyên cần: sinh viên phải tham sự ít nhất 80% số lượng tiết giảng
- + Chuẩn bị bài: đọc trước bài giảng và các tài liệu có liên quan.
- + Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	5%	
2	Thảo luận	5%	
3	Bản thu hoạch	5%	
4	Thuyết trình	5%	
5	Báo cáo	0%	
6	Thi giữa học kỳ	20%	

7	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ câu hỏi tự luận

Dạng câu	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
----------	---------	-------------	-----------------

hỏi	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. PGS. TS. Lê Bảo Lâm (2020), Kinh tế vi mô, NXB Kinh Tế TP.HCM.

10.2 Tài liệu tham khảo khác

2. N.Gregory Mankiw (2014), Kinh tế học vi mô - NXB Kinh tế TP.HCM.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1	<p>Chương 1: Khái quát về kinh tế học (5 giờ)</p> <p>1.1. Khái quát kinh tế học</p>	CELO 1, 2, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	1.2. Ba vấn đề trung tâm mọi nền kinh tế 1.3. Thị trường và sơ đồ chu chuyển kinh tế	
2	Chương 2: Cầu, cung và cân bằng thị trường (10 giờ) 2.1. Cầu 2.2. Cung 2.3. Cân bằng thị trường và sự hình thành giá cả 2.4 Sự thay đổi trạng thái cân bằng của thị trường 2.5. Sự co giãn của cung và cầu 2.6 Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường	CELO 1, 2, 4
4	Chương 3: Lý thuyết và sự lựa chọn của người tiêu dùng (5 giờ) 3.1 Lý thuyết hữu dụng 3.2 Phân tích tiêu dùng cân bằng bằng đường bàng quan và đường ngân sách	CELO 1, 2, 4
5	Chương 4: Lý thuyết về sản xuất và chi phí (10 giờ) 4.1. Lý thuyết sản xuất 4.2. Lý thuyết chi phí 4.3. Vấn đề tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp	
7	Chương 5: Thị trường cạnh tranh hoàn toàn (5 giờ) 5.1 Đặc trưng 5.2 Phân tích trong ngắn hạn 5.3 Phân tích trong dài hạn	CELO 1, 2, 4
8	Chương 6: Thị trường độc quyền hoàn toàn (5 giờ) 6.1 Khái quát về thị trường độc quyền hoàn toàn 6.2 Đường cầu, doanh thu biên và tổng doanh thu của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn 6.3 Cân bằng trong ngắn hạn 6.4 Cân bằng trong dài hạn 6.5 Chính sách can thiệp của Chính phủ và chiến lược phân biệt giá	CELO 1, 2, 4
9	Chương 7: Thị trường cạnh tranh không hoàn toàn (5	CELO 1, 2, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	giờ)	
	7.1 Thị trường cạnh tranh độc quyền 7.2 Thị trường thiếu số độc quyền (độc quyền nhóm)	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	CHƯƠNG 1. Khái quát về kinh tế học	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (5 giờ) - Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: - Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm thảo luận theo nhóm.	
2-3	Chương 2: Cầu Cung, Cân bằng thị trường	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
4	Chương 3: : Lý thuyết và sự lựa chọn của người tiêu dùng làm bài tập xác định điều kiện tiêu dùng tối ưu	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (15giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
5-6	Chương 4:Lý thuyết về sản xuất và chi phí Làm bài tập xác định điều kiện sản xuất tối ưu, tính giá và sản lượng theo từng tiêu chí: tối đa lợi nhuận, hòa vốn.	CELO 1, 2, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	
7	<p>Chương 5: Thị trường cạnh tranh hoàn toàn Làm bài tập xác định giá và sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp ở thị trường cạnh tranh hoàn toàn.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p>	CELO 1, 2, 4
8	<p>Chương 6: Thị trường độc quyền hoàn toàn làm bài tập xác định giá và sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp ở thị trường độc quyền hoàn toàn.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p>	CELO 1, 2, 4
9	<p>Chương 7: Thị trường cạnh tranh không hoàn toàn làm bài tập xác định giá và sản lượng tối đa hóa lợi nhuận, tối đa hóa doanh thu của doanh nghiệp ở thị trường độc quyền nhóm, cạnh tranh độc quyền.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p>	CELO 1, 2, 4

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: trang bị đủ số lượng bàn ghế, đèn, quạt phù hợp với từng qui mô lớp học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng, máy chiếu, Micro, hệ thống loa – âm thanh, wifi.

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021-2022.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 năm 2021.

- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Bổ sung thêm nội dung Rubric đánh giá học phần và cập nhật giáo trình chính xuất bản năm 2019./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Sơn

GIẢNG VIÊN



ThS. Nguyễn Thị Sơn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

41095 – TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (3; 0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Kinh tế vi mô

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Học kỳ 1 năm 2

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Bộ môn tín dụng ngân hàng
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: <i>Huỳnh Kim Trọng</i>	Học hàm, học vị: <i>Thạc sĩ</i>
Địa chỉ cơ quan: <i>333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương</i>	Điện thoại liên hệ: <i>0357656063</i>
Email: <i>trong.hk@kkt.edu.vn</i>	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về tiền tệ, về tín dụng. Trên cơ sở đó tạo nền tảng cần thiết cho người học có thể tiếp nhận những thức kiến thức chuyên sâu trong các học phần tiếp theo về ngân hàng thương mại và các định chế tài chính không nhận tiền gửi, về tổng quan tài chính và thị trường tài chính, về bảo hiểm, về tài chính doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Trình bày được bản chất, chức năng của tiền tệ; Phân biệt được các loại hình tín dụng; Phân biệt chức năng và nghiệp vụ của ngân hàng thương mại; Phân biệt bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ; Trình bày được khái niệm và vai trò tài chính doanh nghiệp.

Về kỹ năng:

- Có khả năng phân tích và đánh giá các nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại, cung cấp được thông tin thích hợp cho nhà quản trị đưa ra quyết định trong ngắn hạn; Định giá bán sản phẩm sản xuất hàng loạt, dịch vụ và sản phẩm mới; Trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Về thái độ:

- Thái độ học tập nghiêm túc, hiệu quả và nhiệt tình tham gia vào các hoạt động nhóm trong quá trình học tập.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày được bản chất, chức năng của tiền tệ; Phân biệt được các loại hình tín dụng; Phân biệt chức năng và nghiệp vụ của ngân hàng thương mại; Phân biệt bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ; Trình bày được khái niệm và vai trò tài chính doanh nghiệp	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	Có khả năng phân tích và đánh giá các nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại, cung cấp được thông tin thích hợp cho nhà quản trị đưa ra quyết định trong ngắn hạn; Định giá bán sản phẩm sản xuất hàng loạt, dịch vụ và sản phẩm mới; Trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp; Vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong các bối cảnh đa dạng	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với xã hội	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày được bản chất, chức năng của tiền tệ; Phân biệt được các loại hình tín dụng; Phân biệt chức năng và nghiệp vụ của ngân	2

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	hàng thương mại; Trình bày các nghiệp vụ ngân hàng trung ương; Trình bày bản chất và vai trò tài chính nhà nước; Phân biệt bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ; Trình bày được khái niệm và vai trò tài chính doanh nghiệp	
Kỹ năng		
CELO2	Có khả năng phân tích và đánh giá các nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại, cung cấp được thông tin thích hợp cho nhà quản trị đưa ra quyết định trong ngắn hạn; Định giá bán sản phẩm sản xuất hàng loạt, dịch vụ và sản phẩm mới; Trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp; Vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong các bối cảnh đa dạng	5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với xã hội	11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41095	Tài chính tiền tệ	N	H	N	N	H	N	N	N	N	N	H	N

- N: Không đóng góp (*none supported*)
- S: Có đóng góp (*supported*)
- H: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

+ Thuyết giảng;

- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp;
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra;
- + Làm bài tập và thảo luận;

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

- Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	X	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						Thi cuối kỳ	
CELO 2	x	X	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	X	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
	tạo	sáng tạo	

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. GS.TS Cao Thị Ý Nhi, TS. Đặng Anh Tuấn (2018), Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ, Đại học Kinh tế Quốc dân.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Nguyễn Văn Ngọc (2021), Tiền Tệ Ngân Hàng Và Thị Trường Tài Chính, Đại học Kinh tế Quốc dân

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học. - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo	
1	Chương 1: Đại cương tiền tệ (5 tiết)	CELO2,5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	1.1 Khái niệm và bản chất tiền tệ 1.2 Sự phát triển của các hình thái tiền tệ 1.3 Các chức năng của tiền 1.4 Các chế độ tiền tệ 1.5 Một số học thuyết tiền tệ	
2	Chương 2: Tín dụng (5 tiết)	CELO2,5
	2.1 Khái niệm và bản chất tín dụng 2.2 Chức năng của tín dụng 2.3 Các hình thức tín dụng 2.4 Lãi suất và lợi tức tín dụng	
3	Chương 3: Ngân hàng thương mại và các định chế tài chính không nhận tiền gửi (5 tiết)	CELO2,5
	3.1 Tổng quan về hệ thống ngân hàng 3.2 Khái niệm và chức năng của ngân hàng thương mại 3.3 Nghiệp vụ của ngân hàng thương mại 3.4 giới thiệu một số định chế tài chính trung gian phi ngân hàng	
4	Chương 4: Ngân hàng Trung ương (2,5 tiết)	CELO2,5
	4.1. Khái niệm ngân hàng trung ương 4.2 Chức năng của ngân hàng trung ương 4.3 Các nghiệp vụ của ngân hàng trung ương	
4-5	Chương 5: Tổng quan tài chính và thị trường tài chính (5 tiết)	CELO2,5
	5.1 Tổng quan về tài chính 5.2 Hệ thống tài chính 5.3 Tổng quan về thị trường tài chính 5.4 Phân loại thị trường tài chính 5.5 Các công cụ của thị trường tài chính	
5	CHƯƠNG 6: Tài chính công (2,5 tiết)	CELO2,5
	6.1 Bản chất và vai trò của tài chính nhà nước 6.2 Khái niệm và vai trò của ngân sách nhà nước	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	6.3 Thu chi ngân sách nhà nước	
6	Chương 7: Bảo hiểm (2,5 tiết)	CELO2,5
	7.1 Các khái niệm 7.2 Phân loại bảo hiểm 7.3 Vai trò của bảo hiểm	
	Chương 8: Tài chính doanh nghiệp (2,5 tiết)	CELO2,5
	8.1 Khái niệm và vai trò của tài chính doanh nghiệp 8.2 Nguồn vốn và tài sản 8.3 Thu nhập và chi phí của doanh nghiệp 8.4 Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1-2	Chương 3: Ngân hàng thương mại và các định chế tài chính không nhận tiền gửi	CELO2,5
	Thảo luận nhóm	
	Làm bài tập tạo tiền trong ngân hàng thương mại	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (30 giờ)	
3-4	Chương 5: Tổng quan tài chính và thị trường tài chính	CELO2,5
	Thảo luận nhóm	
	Định giá bán sản phẩm sản xuất hàng loạt, dịch vụ và sản phẩm mới	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (30 giờ)	
5-6	Chương 8: Tài chính doanh nghiệp	CELO2,5
	Thảo luận nhóm	
	Trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (30 giờ)	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng lý thuyết, phòng mô phỏng quy mô 50 sinh viên

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu, loa tại các phòng học

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.

- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.

- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:

- + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
- + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
- + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
- + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2022

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Trương Văn Cường

GIẢNG VIÊN



ThS. Huỳnh Kim Trọng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
41060 – NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (2 Lý thuyết, 1 Thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Học kỳ I năm 2, khóa D22.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Trần Dương Minh Chuyên	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0989807928
Email: chuyen.tdm@tkkt.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những lý luận về khoa học thống kê như mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của các hiện tượng kinh tế-xã hội số lớn gắn liền với những điều kiện về không gian và thời gian cụ thể. Trên cơ sở đó tập trung vào nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế-xã hội.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Kiến thức cơ bản trong thống kê, hiểu về nội dung, ý nghĩa, phương pháp phân tích được thống kê sử dụng. Từ đó kết nối toàn diện các kiến thức kinh tế, quản trị kinh doanh, tài chính và kế toán làm nền tảng phục vụ cho việc tiếp cận chuyên sâu các vấn đề đa dạng về kế toán và hoạt động kinh doanh tại DN.

Về kỹ năng:

Biết cách sử dụng các phần mềm để tính các chỉ tiêu đánh giá, sử dụng các phương pháp cơ bản và xây dựng các mô hình của thống kê vào thực tế để có thể quản lý và xử lý số liệu, phân tích, đánh giá các vấn đề, phục vụ cho công tác quản lý đạt hiệu quả cao hơn.

Về thái độ:

Thể hiện ý thức trách nhiệm trước các vấn đề đã gặp phải trong doanh nghiệp đòi hỏi cần phải áp dụng các kiến thức về thống kê kinh tế để giải quyết.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức cơ bản trong thống kê, hiểu về nội dung, ý nghĩa, phương pháp phân tích được thống kê sử dụng. Từ đó kết nối toàn diện các kiến thức kinh tế, quản trị kinh doanh, tài chính và kế toán làm nền tảng phục vụ cho việc tiếp cận chuyên sâu các vấn đề đa dạng về kế toán và hoạt động	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	kinh doanh tại DN.	
Kỹ năng		
CELO2	Biết cách sử dụng các phần mềm để tính các chỉ tiêu đánh giá, sử dụng các phương pháp cơ bản và xây dựng các mô hình của thống kê vào thực tế để có thể quản lý và xử lý số liệu, phân tích, đánh giá các vấn đề, phục vụ cho công tác quản lý đạt hiệu quả cao hơn.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện ý thức trách nhiệm trước các vấn đề đã gặp phải trong DN đòi hỏi cần phải áp dụng các kiến thức về thống kê kinh tế để giải quyết.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức cơ bản trong thống kê, hiểu về nội dung, ý nghĩa, phương pháp phân tích được thống kê sử dụng. Từ đó kết nối toàn diện các kiến thức kinh tế, quản trị kinh doanh, tài chính và kế toán làm nền tảng phục vụ cho việc tiếp cận chuyên sâu các vấn đề đa dạng về kế toán và hoạt động kinh doanh tại DN.	ELO 3
Kỹ năng		
CELO2	Biết cách sử dụng các phần mềm để tính các chỉ tiêu đánh giá, sử dụng các phương pháp	ELO 9

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	Cơ bản và xây dựng các mô hình của thống kê vào thực tế để có thể quản lý và xử lý số liệu, phân tích, đánh giá các vấn đề, phục vụ cho công tác quản lý đạt hiệu quả cao hơn.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO3	Thể hiện ý thức trách nhiệm trước các vấn đề đã gặp phải trong DN đòi hỏi cần phải áp dụng các kiến thức về thống kê kinh tế để giải quyết.	ELO 11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
41060	Nguyên lý thống kê kinh tế	N	H	N	N	N	N	N	N	N	H	N	S	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Làm bài kiểm tra (thi) giữa kỳ		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
	tạo	sáng tạo	

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. Hoàng Khắc Lịch (chủ biên) (2021), Giáo trình nguyên lý thống kê kinh tế (Với sự hỗ trợ của SPSS), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Anderson, Sweeney, Williams, Hoàng Trọng (chủ biên dịch)(2018), Thống kê trong kinh tế và kinh doanh, Đại học Kinh tế TP.HCM.

- Một số địa chỉ web hữu ích cho học phần:

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Nguyên lý thống kê kinh tế	https://sites.google.com/site/h0angm3n/kinh-te-va-quan-tri-kinh-doanh/nguyen-ly-thong-ke-kinh-te	2021

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phân lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1	Chương 1: Đối tượng của thống kê học (3 tiết)	CELO 1, 2, 3
	1.1 Sự ra đời và phát triển của thống kê học	
	1.2 Đối tượng của thống kê học	
	1.3 Một số khái niệm thường dùng trong thống kê	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (3 giờ):	
	- Các câu hỏi chương 1	
1	Chương 2: Quá trình nghiên cứu thống kê (3 tiết)	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	2.1. Điều tra thống kê 2.2. Phân tích thống kê 2.3. Tổng hợp thống kê Các nội dung chính SV tự học ở nhà (3 giờ): - Xây dựng một phương án điều tra thống kê nhằm thu thập thông tin về một vấn đề mà mình quan tâm.	
2	Chương 3: Phân tổ thống kê (3 tiết) 3.1. Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tổ thống kê 3.2. Những vấn đề chủ yếu của phân tổ thống kê 3.3. Dãy số phân tổ Các nội dung chính SV tự học ở nhà (3 giờ): - Bài tập chương 3	CELO 1, 2, 3
2	Chương 4: Thống kê các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội (5 tiết) 4.1. Số tuyệt đối 4.2. Số tương đối 4.3. Số bình quân 4.4. Mode 4.5. Trung vị Các nội dung chính SV tự học ở nhà (5 giờ): - Bài tập chương 4	CELO 1, 2, 3
3	Chương 5: Dãy số biến động theo thời gian (8 tiết) 5.1. Khái niệm, ý nghĩa của dãy số thời gian 5.2. Các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian 5.3. Các phương pháp biểu hiện xu hướng biến động của hiện tượng qua dãy số thời gian Các nội dung chính SV tự học ở nhà (8 giờ): - Bài tập chương 5	CELO 1, 2, 3
5	Chương 6: Chỉ số (5 tiết) 6.1 Khái niệm, ý nghĩa và tác dụng của chỉ số 6.2 Khái niệm, ý nghĩa và tác dụng của chỉ số 6.3 Phương pháp tính chỉ số 6.4 Hệ thống chỉ số Các nội dung chính SV tự học ở nhà (5 giờ):	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	- Bài tập chương 6	
6	Chương 7: Điều tra chọn mẫu (3 tiết)	CELO 1, 2, 3
	7.1. Khái niệm và ưu nhược điểm của điều tra chọn mẫu 7.2. Những vấn đề lý luận về điều tra chọn mẫu 7.3. Một số phương pháp chọn mẫu thường dùng trong thống kê	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà (3 giờ):	
	- Bài tập chương 7	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
7	Chương 3: Làm bài tập tổng ôn kiến thức về Phân tổ thống kê	CELO 1, 2, 3
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 tiết) - Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ) - Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: - Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
8-9	Chương 4: Làm bài tập thực hành về Thống kê các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội	CELO 1, 2, 3
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 10 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
10-11	Chương 5: Làm bài tập thực hành về Dãy số biến động theo thời gian	CELO 1, 2, 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 10 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	
12	<p>Chương 6 & 7: Làm bài tập thực hành về Chỉ số và Điều tra chọn mẫu</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	CELO 1, 2, 3

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Phòng thực hành máy tính.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, Laptop cá nhân, máy chủ, phần mềm Microsoft Office...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

PHÓ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN



TS. Trần Thanh Vũ



ThS. Nguyễn Thị Sơn



ThS. Trần Dương Minh Chuyên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
51031 – KINH TẾ VĨ MÔ

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 03

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận 15 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 tiết

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô

1.5. Học phần học trước:

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 4

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: học phần môn kinh tế vĩ mô được giảng dạy bằng tiếng Việt – Tài liệu giảng dạy theo giáo trình chính

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: cơ sở ngành kinh tế
- Khoa: khoa kế toán – tài chính- ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Nguyễn Thị Sơn	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0919843634
Email: nguyenthison2001@yahoo.com	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

Giảng viên thỉnh giảng (nếu có)

Họ và tên: Trần Dương Minh Chuyên	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0903687402
Email: tdmchuyen@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	
Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Kiến thức môn Kinh tế Vĩ mô nhằm giúp sinh viên nắm được những vấn đề kinh tế vĩ mô cơ bản như: lạm phát, thất nghiệp, tổng cung, tổng cầu và giá cả hàng hóa dịch vụ. Phân tích các chính sách can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế và sự ảnh hưởng của nó đối với người tiêu dùng, nhà sản xuất cũng như xã hội. Kinh tế vĩ mô là môn cơ sở của các ngành thuộc khối kinh tế, cung cấp kiến thức căn bản làm nền tảng quan trọng giúp sinh viên tiếp cận các môn chuyên ngành sau này (Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế công, Lý thuyết tài chính – tiền tệ...).

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản và các nguyên lý chung của Kinh tế Vĩ mô.
- Trang bị cho sinh viên các nguyên lý vận hành của nền kinh tế ở mức độ vĩ mô thông qua phân tích một số mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản
- Hiểu bản chất nhiều vấn đề kinh tế vĩ mô và chính sách can thiệp của chính phủ được đề cập trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Hiểu bản chất nhiều vấn đề kinh tế vĩ mô và chính sách can thiệp của chính phủ được đề cập trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Về kỹ năng:

- Biết cách phân tích và giải thích diễn biến nền kinh tế vĩ mô, hiểu và biết cách phân tích các chính sách can thiệp của chính phủ đối với nền kinh tế vĩ mô.

- Áp dụng kiến thức nền tảng của kinh tế học vĩ mô cho các học phần chuyên ngành sau này.

Về thái độ:

- Có ý thức học tập nghiêm túc, khoa học bởi đây là vấn đề không dễ dàng tiếp cận.
- Rèn luyện khả năng tự học, phân tích, làm việc nhóm
- Yêu thích môn học bởi lẽ kinh tế vĩ mô là môn học cơ sở trong hệ thống khối kinh tế. Môn học này giúp học tốt các môn học tiếp theo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng cơ sở lý thuyết về kinh tế nói chung và kinh tế vĩ mô nói riêng để giải thích những biến động nền kinh tế thời điểm hiện tại, trên cơ sở đó đưa ra các dự báo, đồng thời đề xuất các giải pháp và chính sách vĩ mô cho tổ chức cũng như nhà hoạch định chính sách .	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	Vận dụng tư duy phân tích lý giải những biến động nền kinh tế ở phạm vi vĩ mô và kỹ năng dự báo, tham mưu trong bối cảnh đa dạng.	Vận dụng
CELO3	Vận dụng công thức tính các chỉ tiêu vĩ mô: tỷ lệ tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp, sản lượng cân bằng.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có năng lực tự định hướng, tìm tòi, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi nền kinh tế thế giới và khu vực để từ đó thích ứng tốt, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng cơ sở lý thuyết về kinh tế nói chung và kinh tế vĩ mô nói riêng để giải thích những biến động nền kinh tế thời điểm hiện tại, trên cơ sở đó đưa ra các dự báo, đồng thời đề xuất các giải pháp và chính sách vĩ mô cho tổ chức cũng như nhà hoạch định chính sách	2
Kỹ năng		
CELO2	Vận dụng tư duy phân tích lý giải những biến động nền kinh tế ở phạm vi vĩ mô và kỹ năng dự báo, tham mưu trong bối cảnh đa dạng.	5,6
CELO3	Vận dụng công thức tính các chỉ tiêu vĩ mô: tỷ lệ tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp, sản lượng cân bằng.	9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có năng lực tự định hướng, tìm tòi, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi nền kinh tế thế giới và khu vực để từ đó thích ứng tốt, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật	8,11,12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
051031	Kinh tế vĩ mô	N	H	N	N	H	N	N	N	N	N	H	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng trên lớp
- + Giảng online
- + Giao bài về nhà

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Chuyên cần: sinh viên phải tham sự ít nhất 80% số lượng tiết giảng
- + Chuẩn bị bài: đọc trước bài giảng và các tài liệu có liên quan.....
- + Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thuyết trình bài tiểu luận nhóm giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						Thuyết trình bài tiểu luận nhóm giữa kỳ Thi cuối kỳ	Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thuyết trình bài tiểu luận nhóm giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thuyết trình bài tiểu luận nhóm giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	5%	
2	Thảo luận	5%	
3	Bản thu hoạch	5%	
4	Thuyết trình	15%	
5	Báo cáo	10%	
6	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận

		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (thuyết trình và vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Thuyết trình và		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức,

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.		cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. TS. Nguyễn Như Ý, ThS. Trần Thị Bích Dung (2021), Kinh tế vĩ mô, NXB Kinh tế TP.HCM

10.2 Tài liệu tham khảo khác

2. N.Gregory Mankiw (2014), Kinh tế học vĩ mô, Hồng Đức.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <p>- Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá</p>	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo	
1	Chương 1: Khái quát về kinh tế vĩ mô (5 giờ) 1.1. Đối tượng của kinh tế vĩ mô 1.2. Mục tiêu của kinh tế vĩ mô 1.3. Các công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô 1.4. Tổng cung – Tổng cầu	CELO 1, 2, 4
2	Chương 2: Cách tính sản lượng quốc gia (5 giờ) 2.1. Tổng sản phẩm quốc nội GDP 2.2. Tổng sản phẩm quốc dân GNP 2.3. Các chỉ tiêu khác 2.4. Một số hạn chế của GDP và GNP 2.5. Vòng chu chuyển kinh tế	CELO 1, 2, 4
3	Chương 3: Tổng cầu và chính sách tài khóa, chính sách ngoại thương (10 giờ) 3.1. Giới thiệu các thành tố của tổng cầu 3.2. Xác định sản lượng cân bằng 3.3. Chính sách tài khóa 3.4. Chính sách ngoại thương	CELO 1, 2, 4
5	Chương 4: Thị trường tiền tệ (10 giờ) 4.1 Khái quát về tiền tệ và ngân hàng 4.2 Cung tiền 4.3 Cầu tiền 4.4 Cân bằng thị trường tiền tệ 4.5 Chính sách tiền tệ	CELO 1, 2, 4
7	Chương 5: Tổng cung – Tổng cầu (10 giờ) 5.1.Mô hình IS - LM 5.2.Tổng cầu AD 5.3. Tổng cung AS 5.4. Cân bằng nền kinh tế vĩ mô	CELO 1, 2, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
9	Chương 6: Lạm phát – Thất nghiệp (5 giờ)	CELO 1, 2, 4
	6.1. Lạm phát 6.2. Thất nghiệp 6.3 Môi quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: Khái quát về kinh tế vĩ mô: ôn lại kiến thức trọng tâm môn kinh tế vi mô	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) - Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: - Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm thảo luận theo nhóm.	
2	Chương 2: Cách tính sản lượng quốc gia	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
3-4	Chương 3: Tổng cầu và chính sách tài khóa, chính sách ngoại thương: làm bài tập tính sản lượng cân bằng và phân tích chính sách tài khóa, ngoại thương.	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
5-6	Chương 4: Thị trường tiền tệ Làm bài tập xác định lãi suất cân bằng, tính lượng cung tiền và phân tích chính sách	CELO 1, 2, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	tiền tệ.	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
7-8	Chương 5: Tổng cung – Tổng cầu Làm bài tập xác định phương trình đường IS – LM, phân tích tác động chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ làm thay đổi lãi suất và sản lượng cân bằng trong mô hình IS – LM.	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
9	Chương 6: Lạm phát và thất nghiệp Làm bài tập xác định tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp và phân tích các chính sách kiểm soát lạm phát, giảm tỷ lệ thất nghiệp.	CELO 1, 2, 4
	Nội dung cần tự học tại nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Trang bị đầy đủ máy chiếu, đèn, quạt, bàn ghế phù hợp với qui mô lớp học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Sơn

GIẢNG VIÊN



ThS. Nguyễn Thị Sơn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
7340301 – MARKETING CĂN BẢN

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 03

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 40 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận 05 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 tiết

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước:

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 4

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: học phần môn marketing căn bản được giảng dạy bằng tiếng Việt – Tài liệu giảng dạy theo giáo trình chính

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Marketing
- Khoa: khoa Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Nguyễn Kiều Oanh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:
Email: oanh.nk@kttk.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

Giảng viên thỉnh giảng (nếu có)

Họ và tên: Nguyễn Văn Hậu	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	
Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

- Marketing căn bản là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức môn học sinh viên có thể phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng. Môn học còn giúp cho người học nắm bắt được 4 phối thức trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chiến lược marketing hỗn hợp (Marketing Mix): chiến lược phát triển sản phẩm (Product), chiến lược định giá sản phẩm (Price), chiến lược phân phối (Place), chiến lược chiêu thị (Promotion). Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

3. Mục tiêu học phần**Về kiến thức:**

- Nắm vững các vấn đề lý thuyết căn bản như môi trường marketing, thông tin marketing, lựa chọn và thâm nhập môi trường mục tiêu.
- Hiểu và trình bày được các chiến lược trong hỗn hợp marketing, qui trình tổ chức thực hiện và kiểm soát hoạt động marketing.

Về thái độ:

- Hiểu rõ tầm quan trọng của môn học này và có động cơ học tập đúng đắn.
- Nghiêm túc học tập, hoàn thành các yêu cầu do giảng viên giao cho.
- Tự tin, chủ động, năng động, sáng tạo trong giờ học và trong các hoạt động thực tiễn.

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng cơ sở lý thuyết để giải thích được các khái niệm, các chiến lược 4Ps của marketing.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	Có khả năng nghiên cứu thị trường và phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu.	Vận dụng
CELO3	Khả năng vận dụng tư duy phân tích tham gia hoạch định, tổ chức thực hiện các chương trình Marketing..	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có năng lực tự định hướng, tìm tòi, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi nền kinh tế thế giới và khu vực để từ đó nhận định được tình hình thị trường, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức để duy trì mối quan hệ nội bộ, với khách hàng, có ý thức chấp hành pháp luật	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng cơ sở lý thuyết để giải thích được các khái niệm, các chiến lược 4Ps của marketing.	2
Kỹ năng		
CELO2	Có khả năng nghiên cứu thị trường và phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục	5,6

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	tiêu.	
CELO3	Khả năng vận dụng tư duy phân tích tham gia hoạch định, tổ chức thực hiện các chương trình Marketing..	9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có năng lực tự định hướng, tìm tòi, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi nền kinh tế thế giới và khu vực để từ đó nhận định được tình hình thị trường, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức để duy trì mối quan hệ nội bộ, với khách hàng, có ý thức chấp hành pháp luật	11,12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7340301	Marketing căn bản	N	H	N	N	N	H	N	N	N	N	H	H

- *N: Không đóng góp (none supported)*
- *S: Có đóng góp (suppoorted)*
- *H: Đóng góp quan trọng (highly supported)*

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

- Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:
- Thuyết giảng
- Hướng dẫn thảo luận theo nhóm
- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập/thuyết trình.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Tự đọc tài liệu liên quan theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia nghe giảng trên lớp, thảo luận nhóm.
- Tham gia thuyết trình

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Chuyên cần: sinh viên phải tham sự ít nhất 80% số lượng tiết giảng
- + Chuẩn bị bài: đọc trước bài giảng và các tài liệu có liên quan.....

+ Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thuyết trình bài tiểu luận nhóm giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thuyết trình bài tiểu luận nhóm giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thuyết trình bài tiểu luận nhóm giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thuyết trình bài tiểu luận nhóm giữa kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						Thi cuối kỳ	

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	5%	
2	Thảo luận	5%	
3	Bản thu hoạch	5%	
4	Thuyết trình	15%	
5	Báo cáo	10%	
6	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp, sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ	Mức chất lượng
----------	----	----------------

	lệ (%)	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (thuyết trình và vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Thuyết trình và Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình và tài liệu học tập

1. Don Sexton; Dịch: Hà Minh Hoàng, Huyền Trang (2019), Marketing căn bản - Marketing 101 - Tất cả các thông tin và chiến lược cần thiết để marketing thành công sản phẩm hoặc dịch vụ, NXB Lao động.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

3. Kotler Keller (2020), Quản trị Marketing, NXB Hồng Đức.
4. Philip Kotler, (2019), Kotler Bàn về tiếp thị - Làm thế nào để tạo lập, giành được và thống lĩnh thị trường, NXB Trẻ.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Chương/mục	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học. - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo	
1	Chương 1: Khái niệm về Marketing (5 giờ) 1. Sự ra đời và phát triển của Marketing 2. Các khái niệm cơ bản về Marketing 3. Phân biệt được Marketing truyền thống, Marketing hiện đại: Nền tảng và triết lý 4. Phân loại được Marketing 5. Tìm hiểu về thời gian bắt đầu áp dụng các hoạt động Marketing một cách có bài bản tại VN 6. Tìm hiểu dự kiến tương lai của Marketing	CELO 1, 2, 4

Buổi	Chương/mục	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
2	Chương 2: Môi trường Marketing (5 giờ)	CELO 1, 2, 4
	2.1. Các yếu tố môi trường vi mô: bên trong DN 2.2. Các yếu tố môi trường vi mô: bên ngoài DN 2.3. Phân tích SWOT 2.4. Những điểm khác biệt giữa hành vi của người tiêu dùng và của khách hàng tổ chức.	
3	Chương 3: Hành vi khách hàng (5 giờ)	CELO 1, 2, 4
	1. Thị trường tiêu dùng và hành vi người tiêu dùng 2. Thị trường tổ chức và hành vi khách hàng tổ chức 3. Những điểm khác biệt giữa hành vi của người tiêu dùng và của khách hàng tổ chức	
4	Chương 4: Nghiên cứu Marketing (5 giờ)	CELO 1, 2, 4
	4.1. Tổng quan về nghiên cứu Marketing 4.2. Các phương pháp nghiên cứu 4.3. Tiến trình nghiên cứu Marketing 4.4. Nghiên cứu một vấn đề nào đó liên quan đến thị trường	
5	Chương 5: Phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; Định vị trong thị trường (5 giờ)	CELO 1, 2, 4
	5.1. Khái niệm, Ý nghĩa và tác dụng của phân khúc thị trường 5.2. Tiêu thức phân khúc thị trường 5.3. Phân khúc thị trường 5.4. Lựa chọn thị trường mục tiêu 5.5. Định vị trong thị trường 5.6. Thực hiện phân khúc thị trường cho một số sản phẩm.	
6	Chương 6: Chiến lược sản phẩm (5 giờ)	CELO 1, 2, 4
	6.1. Khái niệm về sản phẩm 6.2. Các cấp độ của sản phẩm 6.3. Chức năng của bao bì 6.4. Chiến lược sản phẩm 6.5. Nghiên cứu chu kỳ sống của sản phẩm	

Buổi	Chương/mục	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	6.6. Chiến lược phát triển sản phẩm mới 6.7. Xây dựng ý tưởng phát triển sản phẩm mới	
7	Chương 7: Chiến lược giá (5 giờ)	CELO 1, 2, 4
	7.1. Tính chất tác động của giá 7.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá 7.3. Các phương pháp định giá 7.4. Chiến lược định giá điển hình 7.5. Chiến lược cạnh tranh phi giá 7.6. Chiến lược định giá cho sản phẩm mới 7.7. Tìm hiểu một số chiến lược định giá linh hoạt, định giá tâm lý... của các doanh nghiệp	
8	Chương 8: Chiến lược phân phối (5 giờ)	CELO 1, 2, 4
	8.1. Tầm quan trọng của phân phối 8.2. Khái niệm kênh phân phối 8.3. Cấu trúc kênh phân phối 8.4. Các trung gian trong kênh phân phối 8.5. Lựa chọn kênh phân phối 8.6. Tìm hiểu hệ thống phân phối thực tế của một doanh nghiệp bất kỳ	
9	Chương 9: Chiến lược xúc tiến (5 giờ)	CELO 1, 2, 4
	9.1. Vai trò của chiến lược xúc tiến - yểm trợ 9.2. Đặc trưng của một số công cụ xúc tiến 9.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược xúc tiến 9.4. Kinh phí dành cho chiến lược xúc tiến - yểm trợ 9.5. Lựa chọn phương tiện, hình thức quảng bá, xúc tiến 9.6. Hoạch định chương trình xúc tiến cho một sản phẩm.	
	Chương 10: Tổ chức thực hiện và kiểm soát Marketing	CELO 1, 2, 4
10 tự học	Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự đọc hiểu và làm bài thu hoạch.	
	10.1. Quy trình quản trị Marketing	

Buổi	Chương/mục	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	10.2. Lập kế hoạch 10.3. Tổ chức bộ phận Marketing trong doanh nghiệp 10.4. Triển khai thực hiện chiến lược Marketing 10.5. Kiểm soát và đánh giá tình hình thực hiện chiến lược Marketing 10.6. Tìm hiểu hình thức tổ chức Marketing của một vài doanh nghiệp trong thực tế	

11.2 Phần thực hành

Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
Chương 1: Khái niệm về Marketing – làm bài tập ôn các khái niệm về marketing, kiến thức marketing. Các nội dung cần tư học ở nhà: (5 giờ) - Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập. Đánh giá kết quả học tập: - Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	CELO 1, 2, 4
Chương 2: Môi trường Marketing - làm bài tập thảo luận phân tích môi trường marketing là gì? Các nội dung cần tư học ở nhà: (5 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập. Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	CELO 1, 2, 4
Chương 3: Hành vi khách hàng – Làm bài tập thảo luận nhóm phân tích giải thích hành vi khách hàng là gì? Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi khách hàng. Các nội dung cần tư học ở nhà: (5 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập. Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	CELO 1, 2, 4
Chương 4: Nghiên cứu Marketing – làm bài tập thảo luận nhóm trình bày tầm quan trọng của nghiên cứu marketing ? nghiên cứu marketing bao gồm những đối tượng nào?	CELO 1, 2, 4

Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
<p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (5 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p>	
<p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	
<p>Chương 5: Phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; Định vị trong thị trường – làm bài tập thảo luận nhóm giải thích tại sao doanh nghiệp phải lựa chọn thị trường mục tiêu ?</p>	CELO 1, 2, 4
<p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (5 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p>	
<p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	
<p>Chương 6: Chiến lược sản phẩm – thảo luận nhóm trình bày đặc điểm của chiến lược sản phẩm.</p>	CELO 1, 2, 4
<p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (5 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập</p>	
<p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	
<p>Chương 7: Chiến lược giá – Trình bày khái niệm chiến lược giá, qui trình định giá và cạnh tranh giá.</p>	CELO 1, 2, 4
<p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (5 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập</p>	
<p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	
<p>Chương 8: Chiến lược phân phối – Bài tập thảo luận trình bày chiến lược phân phối là gì? Cấu trúc kênh phân phối và cách thức lựa chọn kênh phân phối.</p>	CELO 1, 2, 4
<p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (5 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập</p>	
<p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	
<p>Chương 9: Chiến lược xúc tiến – bài tập thảo luận nhóm phân</p>	CELO 1, 2, 4

Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
tích chiến lược xúc tiến, qui trình và vận dụng vào thực tế như thế nào?	
Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập	
Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
Chương 10: Tổ chức thực hiện và kiểm soát Marketing – Làm bài thu hoạch theo sự phân công của giảng viên.	CELO 1, 2, 4
Các nội dung cần tư học ở nhà: (40 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Trang bị đầy đủ máy chiếu, đèn, quạt, bàn ghế phù hợp với qui mô lớp học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

PHÓ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN





TS. Trần Thanh Vũ

ThS. Cao Văn On

ThS. Nguyễn Kiều Oanh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

41087 – LUẬT KINH TẾ

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (3; 0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Số tiết lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Số tiết thực hành: 0
- Số giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Pháp luật đại cương

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ thứ: 2, năm thứ 2, từ khóa D21.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt
- Tài liệu giảng dạy: Giáo trình, các học liệu (video, tài liệu đọc).

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Nguyễn Duy Dũng	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:

Email: <i>dung.nd@kkt.edu.vn</i>	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật áp dụng cho lĩnh vực kinh doanh bao gồm : Kiến thức cơ bản về chủ thể kinh doanh (địa vị pháp lý các loại hình Doanh nghiệp); các hình thức đầu tư ; Hành vi kinh doanh, phương thức thực hiện hành vi kinh doanh; Hợp đồng trong kinh doanh, các chế tài áp dụng đối với các hành vi vi phạm pháp luật và vi phạm hợp đồng trong kinh doanh; Phá sản Doanh nghiệp; Giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực Luật doanh nghiệp, thủ tục thành lập, chuyển đổi, phá sản doanh nghiệp của các loại hình doanh nghiệp.

Biết cách nghiên cứu cách thức thành lập, chuyển đổi một doanh nghiệp trong kinh doanh thương mại.

Về kỹ năng:

Giải thích được các chủ thể trong kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật

Thực hiện được quy trình tiến hành một vụ giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại.

Về thái độ:

Nhận thức đầy đủ, rõ ràng yêu cầu tuân thủ pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.

Chủ động nâng cao kiến thức, tự học, tự nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực Luật doanh nghiệp, thủ tục thành lập, chuyển đổi, phá sản doanh nghiệp của các loại hình	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	doanh nghiệp.	
CELO2	Biết cách nghiên cứu cách thức thành lập, chuyển đổi một doanh nghiệp trong kinh doanh thương mại.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO3	Giải thích được các chủ thể trong kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật	Vận dụng
CELO4	Thực hiện được quy trình tiến hành một vụ giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Nhận thức đầy đủ, rõ ràng yêu cầu tuân thủ pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	Vận dụng
CELO6	Chủ động nâng cao kiến thức, tự học, tự nghiên cứu.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực Luật doanh nghiệp, thủ tục thành lập, chuyển đổi, phá sản doanh nghiệp của các loại hình doanh nghiệp.	ELO1
CELO2	Biết cách nghiên cứu cách thức thành lập, chuyển đổi một doanh nghiệp trong kinh doanh thương mại.	ELO1
Kỹ năng		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
CELO3	Giải thích được các chủ thể trong kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật	ELO5, 7
CELO4	Thực hiện được quy trình tiến hành một vụ giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại	ELO5, 7
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Nhận thức đầy đủ, rõ ràng yêu cầu tuân thủ pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	ELO10, 11
CELO6	Chủ động nâng cao kiến thức, tự học, tự nghiên cứu.	ELO10, 11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41087	Luật kinh tế	H	N	N	N	H	N	H	N	N	H	H	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (suppoorted)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- Thuyết giảng những nội dung chính của học phần theo nội dung chi tiết và các tài liệu học tập đã cung cấp cho sinh viên;
- Hướng dẫn sinh viên chuẩn bị bài, thực hiện bài tập và nội dung thảo luận;
- Tổ chức thảo luận theo các nội dung đã yêu cầu chuẩn bị.
- Giảng dạy trực tiếp/trực tuyến.

7.2 Phương pháp học tập

- Sinh viên tham gia nghe giảng, thuyết trình, thảo luận, giải quyết các vấn đề theo đề bài cho trước với giảng viên và cả lớp.
- Sinh viên tự đọc tài liệu và chuẩn bị những nội dung thuyết trình, thảo luận với giảng viên và cả lớp.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục.
- Phải đi học đúng giờ theo quy định. Nếu đi trễ quá 10 phút sinh viên không được vào lớp.
- Chỉ được sử dụng điện thoại trong lớp khi được giảng viên đồng ý. Không được nói chuyện và làm việc riêng. Tuân thủ quy định về 5S. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp, trừ điểm thái độ và thông báo để Khoa xử lý.
- Sinh viên cần chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tham dự lớp học đầy đủ và cần tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp, đảm bảo thời lượng tự học để củng cố kiến thức về môn học. Trong tất cả các buổi học trên lớp, sinh viên phải mang theo văn bản quy phạm pháp luật và có thể mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện tra cứu.
- Sinh viên phải nghiêm túc thực hiện bài báo cáo cá nhân, bài tập nhóm về nhà, bài tập tại lớp, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên vắng hoặc thiếu bài kiểm tra thường xuyên nào thì bài kiểm tra đó bị chấm 0 điểm.
- Theo dõi các thông tin và thông báo của giảng viên trên trang E-Learning hàng ngày để thực hiện đúng các yêu cầu mà giảng viên đã giao.
- Chia Nhóm sinh viên (từ 5 đến 10 người, tùy thuộc số lượng sinh viên trong lớp) để thực hiện các bài tập Nhóm. Khi làm việc theo Nhóm, sinh viên tự đánh giá mức độ của từng thành viên theo tỷ lệ % đóng góp vào bài làm. Giảng viên chấm điểm từng thành viên căn cứ vào mức độ đánh giá này.
- Sinh viên nghỉ học không xin phép quá 20% số buổi học sẽ không đủ điều kiện dự thi cuối kỳ.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	- Phát biểu, thảo luận, kiểm tra trắc	- Hàng tuần Cuối kỳ (50 phút)

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						nghiệm trên elearning. Thi trắc nghiệm cuối kỳ	
CELO 2	x	x	x	x	x	- Phát biểu, thảo luận, kiểm tra trắc nghiệm trên elearning. Thi trắc nghiệm cuối kỳ	- Hàng tuần Cuối kỳ (50 phút)
CELO 3	x	x	x	x	x	- Phát biểu, thảo luận, kiểm tra trắc nghiệm trên elearning. Thi trắc nghiệm cuối kỳ	- Hàng tuần Cuối kỳ (50 phút)
CELO 4	x	x	x	x	x	- Phát biểu, thảo luận, kiểm tra trắc nghiệm trên elearning. Thi trắc nghiệm cuối kỳ	- Hàng tuần Cuối kỳ (50 phút)
CELO 5	x	x	x	x	x	- Phát biểu, thảo luận. Chuyên cần	- Hàng tuần
CELO 6	x	x	x	x	x	- Phát biểu, thảo luận. Chuyên cần	- Hàng tuần

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. TS. Nguyễn Hợp Toàn (chủ biên)(2015), Giáo trình Pháp luật kinh tế, NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Nguyễn Văn Lộc (2020), Pháp lý trong kinh doanh Tập 1: Doanh nghiệp, Thế Giới.

3. Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội (2020), Giáo trình Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại, Nxb. Hồng Đức.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
	<p>Chương 1: Những vấn đề chung về luật kinh tế (thương mại) Việt Nam (4 tiết)</p>	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6
	<ul style="list-style-type: none"> 1.1. Khái niệm luật kinh tế 1.2. Những nội dung cơ bản của luật kinh tế 1.3. Chủ thể kinh doanh - đối tượng điều chỉnh chủ yếu của luật kinh tế 1.4. Nguồn của luật kinh tế và vai trò của luật doanh nghiệp trong nền kinh tế hội nhập 	
2	<p>Chương 2: Pháp luật về doanh nghiệp tư nhân - hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh (4 tiết)</p>	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6
	<ul style="list-style-type: none"> 2.1. Giới thiệu pháp luật về doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh 2.2. Doanh nghiệp Tư nhân 2.3. Hộ gia đình 2.4. Cá nhân kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh 	
3 - 4	<p>Chương 3: Pháp luật về doanh nghiệp (công ty) (10 tiết)</p>	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6
	<ul style="list-style-type: none"> 3.1. Khái quát về pháp luật doanh nghiệp 3.2. Công ty TNHH có hai thành viên trở lên 3.3. Công ty TNHH một thành viên 3.4. Công ty Cổ phần 3.5. Công ty Hợp danh 3.6. Nhóm công ty và tập đoàn kinh tế 	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
5	Chương 4: Pháp luật về doanh nghiệp nhà nước (4 tiết)	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6
	4.1. Bản chất của Doanh nghiệp Nhà nước 4.2. Tổ chức quản lý Công ty Nhà nước 4.3. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của Công ty Nhà nước 4.4. Chuyển đổi sở hữu Công ty Nhà nước	
5, 6	Chương 5: Pháp luật về doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (4 tiết)	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6
	5.1. Khái quát về sự phát triển của pháp luật đầu tư ở Việt Nam. 5.2. Một số quy định chung về Đầu tư 5.3. Quyền và Nghĩa vụ của nhà đầu tư. 5.4. Đầu tư ra nước ngoài	
6 - 7	Chương 6: Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh-thương mại (8 tiết)	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6
	6.1. Khái quát về Hợp đồng 6.2. Hợp đồng trong kinh doanh, thương mại 6.3. Hợp đồng vô hiệu 6.4. Kiểm tra giữa kỳ	
8	Chương 7: Pháp luật về phá sản doanh nghiệp (5 tiết)	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6
	7.1. Khái niệm chung về phá sản: 7.2. Pháp luật về phá sản ở Việt Nam 7.3. Thủ tục phá sản Doanh nghiệp, Hợp tác xã	
9	Chương 8: Phương thức giải quyết tranh chấp thương mại (5 tiết)	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6
	8.1. Khái niệm chung 8.2. Giải quyết tranh chấp thương mại bằng Trọng tài thương mại 8.3. Trình tự giải quyết tại hội đồng trọng tài của trung tâm trọng tài 8.4. Giải quyết tranh chấp kd, thương mại bằng tòa án	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>Chương 1: Chương 1: Những vấn đề chung về luật kinh tế (thương mại) Việt Nam</p> <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà: 1.4. Hiểu được khái niệm về luật kinh tế 1.5. Chủ thể kinh doanh- đối tượng điều chỉnh của luật kinh tế</p>	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6
2	<p>Chương 2: Pháp luật về doanh nghiệp tư nhân - hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh</p> <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà: Đọc và nghiên cứu nguồn gốc, sự ra đời của DNTN</p>	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6
3	<p>Chương 3: Pháp luật về doanh nghiệp (công ty)</p> <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà: 3.1. Các loại hình doanh nghiệp</p>	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6
4	<p>Chương 4: Pháp luật về doanh nghiệp nhà nước</p> <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà: Nghiên cứu bản chất, tổ chức quản lý doanh nghiệp nhà nước</p>	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6
5	<p>Chương 5: Pháp luật về doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p> <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà: 5.1. Pháp luật về đầu tư ở Việt Nam</p>	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6
6 - 7	<p>Chương 6: Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh-thương mại</p> <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà: 6.1. Cách soạn thảo hợp đồng trong KD-TM</p>	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6
8	<p>Chương 7: Pháp luật về phá sản doanh nghiệp</p> <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà: Hiểu được thủ tục, các bước phá sản ở Việt Nam</p>	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
9	Chương 8: Phương thức giải quyết tranh chấp thương mại	CELO1, 2, 3, 4, 5, 6
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà: Tìm hiểu các phương thức giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài và bằng tòa án	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Duy Dũng

GIẢNG VIÊN



TS. Nguyễn Duy Dũng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

41008 – THUẾ

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (3; 0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn: 0
- Giờ tự học của sinh viên: 90

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô, tài chính – tiền tệ, luật kinh tế

1.5. Học phần học trước:

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ:

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Bộ môn kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: ThS. Trương Văn Cường	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0903352460
Email: cuong.tv@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Học phần này giới thiệu cho sinh viên hệ thống thuế của Việt Nam, trình bày những kiến thức cơ bản về thuế trên góc độ lý thuyết (kinh tế, chính trị và pháp lý), hướng dẫn sinh viên phương pháp tính thuế và thảo luận các vấn đề liên quan đến thuế đối với cá nhân, doanh nghiệp và xã hội.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Hiểu được bản chất, vai trò, các yếu tố cơ bản của một sắc thuế và các sắc thuế hiện hành áp dụng tại Việt Nam.
- Hiểu được vai trò, đối tượng chịu thuế và người nộp thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, kê khai nộp thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác.

Về kỹ năng:

- Biết tính thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác.
- Biết kê khai thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác

Về thái độ:

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, trung thực, tỳ mĩ và chính xác.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày được khái niệm, bản chất, vai trò của thuế, phân loại thuế, các yếu tố cơ bản của một sắc thuế và hệ thống thuế tại Việt Nam.	Vận dụng
CELO2	Trình bày được khái niệm, đặc điểm, vai trò, đối tượng chịu thuế đối với các loại thuế: xuất – nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt,	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân.	
Kỹ năng		
CELO3	Tính toán được tiền thuế phải nộp đối với các loại thuế: xuất – nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân trong những tình huống cụ thể	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có khả năng hợp tác nhóm để đạt được các mục tiêu chung	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày được khái niệm, bản chất, vai trò của thuế, phân loại thuế, các yếu tố cơ bản của một sắc thuế và hệ thống thuế tại Việt Nam.	2
CELO2	Trình bày được khái niệm, đặc điểm, vai trò, đối tượng chịu thuế đối với các loại thuế: xuất – nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân	2
Kỹ năng		
CELO3	Tính toán được tiền thuế phải nộp đối với các loại thuế: xuất – nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân trong những tình huống cụ thể	9,10,11

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có khả năng hợp tác nhóm để đạt được các mục tiêu chung	11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41008	Thuế	N	H	N	N	N	N	N	N	H	H	H	N

- N: Không đóng góp (*none supported*)
- S: Có đóng góp (*supported*)
- H: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp;
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra;
- + Làm bài tập và thảo luận;

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;

- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ	Mức chất lượng
----------	----	----------------

	lệ (%)	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình và tài liệu học tập

1. TS. Phan Hữu Nghị, PGS. TS. Nguyễn Thị Bất đồng chủ biên(2020), Giáo trình Thuế, Đại học Kinh tế Quốc dân.

10.2. Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. TS Lê Quang Cường, TS. Nguyễn Kim Quyên đồng chủ biên(2015), Thuế 1, NXB Kinh tế TP.HCM.

- Luật thuế, Thông tư, Nghị định: mof.gov.vn
- Cục thuế TP. HCM: hcmtax.gov.vn
- Dịch vụ thuế điện tử: Thuedientu.gdt.gov.vn

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1	<p>Chương 1: Hệ thống kiến thức phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp và hướng dẫn lấy số liệu (5 tiết)</p> <p>1.1 Thuế và các khoản thu ngân sách khác 1.2 Vai trò kinh tế của thuế 1.3 Phân loại thuế 1.4 Những thành tố cơ bản của một sắc thuế 1.5 Hệ thống thuế Việt Nam</p>	CELO2,9
2-3	<p>Chương 2: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (7,5 tiết)</p> <p>2.1 Tổng quan về thuế xuất khẩu, nhập khẩu 2.2. Nội dung cơ bản của luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu</p>	CELO2,9,10
3-4	<p>Chương 3: Thuế tiêu thụ đặc biệt (7,5 tiết)</p> <p>3.1 Tổng quan về thuế tiêu thụ đặc biệt 3.2. Nội dung cơ bản của luật thuế tiêu thụ đặc biệt</p>	CELO2,9,10
5-6	<p>Chương 4: Thuế giá trị gia tăng (10 tiết)</p> <p>4.1 Tổng quan về thuế tiêu thụ đặc biệt 4.2 Nội dung cơ bản của luật thuế tiêu thụ đặc biệt</p>	CELO2,9,10

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
7-8	Chương 5: Thuế thu nhập doanh nghiệp (10 tiết)	CELO2,9,10,11
	5.1 Tổng quan về thuế thu nhập doanh nghiệp 5.2 Nội dung cơ bản của luật thuế thu nhập doanh nghiệp	
9	Chương 6: Thuế thu nhập cá nhân (5 tiết)	CELO2,9,10,11
	6.1 Tổng quan về thuế thu nhập cá nhân 6.2 Nội dung cơ bản của luật thuế thu nhập cá nhân	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: Hệ thống kiến thức phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp và hướng dẫn lấy số liệu	CELO2,9
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà: (10 giờ)	
2-3	Chương 2: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	CELO2,9,10
	Thảo luận nhóm	...
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà: (15 giờ)	
3-4	Chương 3: Thuế tiêu thụ đặc biệt	CELO2,9,10
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà: (15 giờ)	
5-6	Chương 4: Thuế giá trị gia tăng	CELO2,9,10
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà: (20 giờ)	
7-8	Chương 5: Thuế thu nhập doanh nghiệp	CELO2,9,10,11
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà: (20 giờ)	
9	Chương 6: Thuế thu nhập cá nhân	CELO2,9,10,11
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung chính SV tự học ở nhà: (10 giờ)	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Phòng lý thuyết, Phòng mô phỏng
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu, loa tại các phòng học

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Trương Văn Cường

GIẢNG VIÊN



ThS. Trương Văn Cường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

41092 – KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (3;0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:0
- Giờ tự học của sinh viên: 90

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Nguyên lý kế toán

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Không

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hậu	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0989807928
Email: hau.lt@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

Giảng viên thỉnh giảng (nếu có)

Họ và tên: Mai Hoàng Hạnh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:
Email: hanh.mh@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Học phần Kế toán tài chính 1 trang bị những kiến thức cơ bản của kế toán tài chính như: vai trò của kế toán, nguyên tắc kế toán, nội dung, yêu cầu, hình thức kế toán, quy định về lập, bảo quản, lưu trữ chứng từ, sử dụng tài khoản và mở sổ kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất. Nội dung của học phần này gồm các kiến thức cơ bản, tổng quát và chuyên sâu về kế toán tài chính áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh như: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, giúp người học nắm được những kiến thức và áp dụng vào thực tiễn, tiếp tục nghiên cứu các học phần chuyên ngành ở bậc cao hơn.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Trình bày được chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, nguyên tắc kế toán, phương pháp kế toán đối với kế toán tài sản cố định, kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán các khoản phải trả người lao động và các khoản trích theo lương, một số chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

Về kỹ năng:

- Biết xử lý chứng từ, sử dụng các tài khoản kế toán để ghi nhận các nghiệp vụ kế toán các yếu tố đầu vào của doanh nghiệp sản xuất và tập hợp các chi phí sản xuất phát sinh để tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất công nghiệp;
- Vận dụng được công thức tính chi phí sản xuất dở dang và tính giá thành sản phẩm;

Về thái độ:

- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	- Trình bày được chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, nguyên tắc kế toán, phương pháp kế toán đối với kế toán tài sản cố định, kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán các khoản phải trả người lao động và các khoản trích theo lương.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	- Biết xử lý chứng từ, sử dụng các tài khoản kế toán để ghi nhận các nghiệp vụ kế toán các yếu tố đầu vào của doanh nghiệp sản xuất và tập hợp các chi phí sản xuất phát sinh để tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất công nghiệp;	Vận dụng
CELO3	- Vận dụng được công thức tính chi phí sản xuất dở dang và tính giá thành sản phẩm;	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày được chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, nguyên tắc kế toán, phương pháp kế toán đối với kế toán tài sản cố định, kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán các khoản phải trả người lao động và các khoản trích theo lương.	4
Kỹ năng		
CELO2	Biết xử lý chứng từ, sử dụng các tài khoản kế toán để ghi nhận các nghiệp vụ kế toán các yếu tố đầu vào của doanh nghiệp sản xuất và tập hợp các chi phí sản xuất phát sinh để tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất công nghiệp;	5, 9
CELO3	Vận dụng được công thức tính chi phí sản xuất dở dang và tính giá thành sản phẩm;	9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật	10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41092	Kế toán tài chính 1	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H	N	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. TS Nguyễn Thị Kim Cúc (chủ biên) và các tác giả (2017) Tài liệu học tập kế toán tài chính quyển 2, NXB Kinh tế TP.HCM.

2. TS Nguyễn Thị Kim Cúc (chủ biên) và các tác giả (2016) Tài liệu học tập kế toán tài chính quyển 3, NXB Kinh tế TP.HCM.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

3. PGS. TS. Võ Văn Nhị (chủ biên)(2018), Kế toán tài chính, NXB Tài chính.

4. Bộ tài chính (2021), 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà xuất bản tài chính.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học. - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả.	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	- Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo	
	Chương 1: Tổng quan về kế toán tài chính (5 tiết)	CELO 1, 2, 4
	1.1 Vai trò của kế toán (nhắc lại NLKT) 1.1.1. Vai trò của kế toán trong quản lý 1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán tài chính trong doanh nghiệp	
	1.2 Môi trường pháp lý của kế toán (nhắc lại NLKT)	
	1.3 Các nguyên tắc kế toán cơ bản và các yếu tố của báo cáo tài chính và ghi nhận các yếu tố của báo cáo tài chính 1.3.1. Cơ sở dồn tích 1.3.2. Hoạt động liên tục 1.3.3. Giá gốc 1.3.4. Phù hợp 1.3.5. Nhất quán 1.3.6. Thận trọng 1.3.7. Trọng yếu	
	1.4 Sổ kế toán và hình thức kế toán 1.4.1. Hình thức Nhật ký chung 1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái 1.4.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ 1.4.4. Hình thức Nhật ký chứng từ 1.4.5. Kế toán trên máy vi tính	
	1.5. Các quy định về lập, bảo quản, lưu trữ chứng từ, sử dụng tài khoản và mở sổ kế toán 1.5.1. Quy định về lập, sử dụng, bảo quản và lưu trữ chứng từ kế toán 1.5.2. Quy định về sử dụng hệ thống tài khoản kế toán và ghi sổ kế toán	
2	Chương 2: Kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ (5 tiết)	CELO 1, 2, 4
	2.1 Những vấn đề chung về hàng tồn kho 2.1.1 Khái niệm, phân loại HTK 2.1.2 Nguyên tắc kế toán HTK 2.1.3 Phương pháp kế toán HTK (Giới thiệu về KKTX và	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	KKĐK)	
	2.2 Đặc điểm, yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp 2.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ 2.2.2. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ 2.2.3. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	
	2.3. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 2.3.1. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ 2.3.2. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	
	2.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 2.4.1. Chứng từ sử dụng 2.4.2. Phương pháp kế toán chi tiết	
	2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên 2.5.1. Tài khoản sử dụng 2.5.2. Kế toán nhập kho nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ 2.5.3. Kế toán xuất kho nguyên vật liệu 2.5.4. Đánh giá lại nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ 2.5.5. Kế toán xuất kho công cụ dụng cụ 2.5.6. Kế toán kết quả kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	
	2.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho 2.6.1. Một số quy định về dự phòng giảm giá hàng tồn kho 2.6.2. Tài khoản sử dụng 2.6.3. Phương pháp kế toán	
	2.7 Trình bày thông tin về nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ trên báo cáo tài chính	
3+4	Chương 3: Kế toán tài sản cố định (10 tiết)	CELO 1, 2, 4
	3.1 Những vấn đề chung 3.1.1 Khái niệm, tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ 3.1.2 Đặc điểm tài sản cố định	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	3.1.3 Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định 3.1.4 Phân loại tài sản cố định 3.1.5 Đánh giá tài sản cố định (Tính giá TSCĐ theo ghi nhận ban đầu: xác định nguyên giá do mua ngoài trong nước, nhập khẩu; tính giá TSCĐ sau ghi nhận ban đầu: giá trị còn lại)	
	3.2 Kế toán tài sản cố định 3.2.1 Kế toán tăng tài sản cố định hữu hình 3.2.1.1 Chứng từ kế toán, trình tự lập, xử lý và luân chuyển chứng từ. 3.2.1.2 Tài khoản sử dụng 3.2.1.3 Phương pháp kế toán (trình bày một số trường hợp tăng TSCĐ HH: mua trong nước, nhập khẩu, nhận vốn góp, xây dựng cơ bản hoàn thành) 3.2.2 Kế toán giảm tài sản cố định hữu hình 3.2.2.1 Các trường hợp giảm TSCĐ 3.2.2.2 Chứng từ kế toán 3.2.2.3 Tài khoản sử dụng 3.2.2.4 Phương pháp kế toán (trình bày một số trường hợp giảm TSCĐ HH cơ bản: bán, thanh lý TSCĐ, đem TSCĐ đi góp vốn) 3.3 Kế toán TSCĐ thuê ngoài 3.3.1. Kế toán TSCĐ thuê tài chính 3.3.2. Kế toán TSCĐ thuê hoạt động	
	3.4 Kế toán khấu hao tài sản cố định 3.4.1 Khái niệm 3.4.2 Nguyên tắc trích khấu hao tài sản cố định 3.4.3 Phương pháp tính khấu hao 3.4.4 Chứng từ sử dụng 3.4.5 Tài khoản sử dụng 3.4.6 Phương pháp kế toán	
	3.5 Kế toán sửa chữa tài sản cố định 3.5.1 Sửa chữa thường xuyên (tự sửa chữa, thuê ngoài sửa chữa)	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	3.5.2 Sửa chữa lớn (tự sửa chữa, thuê ngoài sửa chữa)	
	3.6 Trình bày thông tin về tài sản cố định trên báo cáo tài chính	
5+6	<p>Chương 4: Kế toán phải trả người lao động và các khoản trích theo lương (10 tiết)</p> <p>4.1 Những vấn đề chung</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Các hình thức trả lương, quỹ tiền lương</p> <p>4.1.3. Các khoản trích theo lương</p> <p>4.1.4. Ý nghĩa, yêu cầu và nhiệm vụ của kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong doanh nghiệp</p> <p>4.2 Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương</p> <p>4.2.1. Chứng từ sử dụng</p> <p>4.2.2. Thủ tục kế toán</p> <p>4.2.3. Tài khoản sử dụng</p> <p>4.2.4. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương (bao gồm cả kế toán trích trước lương nghỉ phép)</p> <p>4.3 Trình bày khoản phải trả người lao động và các khoản trích theo lương trên báo cáo tài chính.</p>	CELO 1, 2, 4
7+8	<p>Chương 5: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm (10 tiết)</p> <p>5.1 Những vấn đề chung</p> <p>5.1.1. Bản chất chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</p> <p>5.1.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</p> <p>5.1.3. Phân loại chi phí và giá thành sản phẩm</p> <p>5.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất</p> <p>5.2.2. Phương pháp tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất</p> <p>5.2.3. Kế toán các chi phí sản xuất</p> <p>5.2.3.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</p> <p>5.2.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp</p> <p>5.2.3.3. Kế toán chi phí sản xuất chung</p> <p>5.3 Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất</p>	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	5.3.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất 5.3.2. Đánh giá sản phẩm dở dang 5.3.2.1. Phương pháp chi phí nguyên vật liệu chính 5.3.2.2. Phương pháp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp 5.3.2.3. Phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương	
	5.4 Tính giá thành sản phẩm 5.4.1. Xác định đối tượng tính giá thành 5.4.2. Kỳ tính giá thành 5.4.3. Các phương pháp tính giá thành đối với doanh nghiệp có quy trình sản xuất giản đơn 5.4.3.1. Phương pháp trực tiếp 5.4.3.2. Phương pháp loại trừ sản phẩm phụ 5.4.3.3 Phương pháp hệ số 5.4.3.4. Phương pháp tỷ lệ 5.4.3.5. Phương pháp đơn đặt hàng * Lưu ý: tập trung vào mục 5.5.3.1 và 5.5.3.3 (các mục khác giới thiệu sơ nét)	
	5.5 Trình bày thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trên báo cáo tài chính	
9	Chương 6: Kế toán thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm (5 tiết)	CELO 1, 2, 4
	6.1. Những vấn đề chung 6.1.1. Khái niệm 6.1.2. Tính giá thành phẩm 6.1.2.1 Tính giá nhập 6.1.2.2 Tính giá xuất	
	6.2 Kế toán thành phẩm 6.2.1 Chứng từ kế toán 6.2.2 Tài khoản kế toán (TK 155, 157, 632) 6.2.3 Các nghiệp vụ kế toán 6.2.3.1 - Kế toán nhập kho thành phẩm	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	6.2.3.2 - Kế toán xuất kho thành phẩm (giao thành phẩm trực tiếp, chuyển hàng đi)	
	6.3 Trình bày thông tin về thành phẩm trên BCTC	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: Làm bài tập tổng ôn kiến thức Nguyên lý kế toán	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) - Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: - Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
2	Chương 2: Làm bài tập Kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
3-4	Chương 3: Làm bài tập Kế toán tài sản cố định	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
5-6	Chương 4: Làm bài tập Kế toán phải trả người lao động và các khoản trích theo lương	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ)	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
7-8	Chương 5: Làm bài tập Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	CELO 1, 2, 3, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
9	Chương 6: Làm bài tập Kế toán thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



PHÓ BỘ MÔN



GIẢNG VIÊN



TS. Trần Thanh Vũ **ThS. Lê Thị Hậu** **ThS. Mai Hoàng Hạnh**
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

41092 – KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (3; 0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 0
- Giờ tự học của sinh viên: 90

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Kế toán tài chính 1

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Không

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hậu	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0989807928

<i>Email:</i> hau.lt@kkt.edu.vn	<i>Trang web:</i>
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

Giảng viên thỉnh giảng (nếu có)

<i>Họ và tên:</i> Nguyễn Thị Trang	<i>Học hàm, học vị:</i> Thạc sĩ
<i>Địa chỉ cơ quan:</i> 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	<i>Điện thoại liên hệ:</i>
<i>Email:</i> trang.nt@kkt.edu.vn	<i>Trang web:</i>
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Học phần kế toán tài chính II bao gồm 6 chương từ là toàn bộ phần nội dung kiến thức cơ bản của kế toán. Học phần này trang bị kiến thức cho sinh viên về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, phương pháp hạch toán, các sổ kế toán, các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được áp dụng cho các nội dung như, kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản thanh toán, kế toán bất động sản đầu tư, kế toán đầu tư tài chính, kế toán vốn chủ sở hữu, Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Trình bày được chứng từ kế toán, tài khoản kế toán sử dụng trong kế toán vốn bằng tiền, kế toán các nghiệp vụ thanh toán, kế toán bất động sản đầu tư, kế toán hoạt động đầu tư tài chính, kế toán vốn chủ sở hữu, kế toán doanh thu, chi phí lợi nhuận và xác định kết quả kinh doanh, hiểu rõ một số chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

Về kỹ năng:

Biết xử lý, ghi nhận các nghiệp vụ kế toán chủ yếu trong: kế toán vốn bằng tiền, kế toán các nghiệp vụ thanh toán, kế toán bất động sản đầu tư, kế toán hoạt động đầu tư tài chính, kế toán vốn chủ sở hữu, kế toán doanh thu, chi phí lợi nhuận và xác định kết quả kinh doanh.

Về thái độ:

- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	- Vận dụng kiến thức được trang bị về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán sử dụng trong kế toán vốn bằng tiền, kế toán các nghiệp vụ thanh toán, kế toán bất động sản đầu tư, kế toán hoạt động đầu tư tài chính, kế toán vốn chủ sở hữu, kế toán doanh thu, chi phí lợi nhuận và xác định kết quả kinh doanh phản ánh được các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh tại doanh nghiệp, hiểu rõ một số chuẩn mực kế toán của Việt Nam.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	- Biết xử lý, ghi nhận các nghiệp vụ kế toán chủ yếu trong: kế toán vốn bằng tiền, kế toán các nghiệp vụ thanh toán, kế toán bất động sản đầu tư, kế toán hoạt động đầu tư tài chính, kế toán vốn chủ sở hữu, kế toán doanh thu, chi phí lợi nhuận và xác định kết quả kinh doanh.	Vận dụng
CELO3	- Biết cách trình bày trên báo cáo tài chính thông tin có liên quan đến vốn bằng tiền, các khoản phải thu, phải trả, các khoản vay, các khoản đầu tư tài chính, thành phần của vốn chủ sở hữu và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	chuẩn mực, chế độ kế toán thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật	

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng kiến thức được trang bị về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán sử dụng trong kế toán vốn bằng tiền, kế toán các nghiệp vụ thanh toán, kế toán bất động sản đầu tư, kế toán hoạt động đầu tư tài chính, kế toán vốn chủ sở hữu, kế toán doanh thu, chi phí lợi nhuận và xác định kết quả kinh doanh phản ánh được các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh tại doanh nghiệp, hiểu rõ một số chuẩn mực kế toán của Việt Nam.	4
Kỹ năng		
CELO2	Biết xử lý, ghi nhận các nghiệp vụ kế toán chủ yếu trong: kế toán vốn bằng tiền, kế toán các nghiệp vụ thanh toán, kế toán bất động sản đầu tư, kế toán hoạt động đầu tư tài chính, kế toán vốn chủ sở hữu, kế toán doanh thu, chi phí lợi nhuận và xác định kết quả kinh doanh.	5, 9
CELO3	Biết cách trình bày trên báo cáo tài chính thông tin có liên quan đến vốn bằng tiền, các khoản phải thu, phải trả, các khoản vay, các khoản đầu tư tài chính, thành phần của vốn chủ sở hữu và kết quả hoạt động kinh doanh	9

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	của doanh nghiệp.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật	10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41069	Kế toán tài chính 2	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H	N	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. PGS. TS. Võ Văn Nhị (chủ biên)(2018), Kế toán tài chính, NXB Tài chính.
2. PGS. TS. Nguyễn Xuân Hưng, (chủ biên)(2017), Giáo trình Kế toán tài chính quyển 1, NXB Kinh tế TP.HCM
3. ThS. Đặng Ngọc Vàng (chủ biên)(2016), Giáo trình Kế toán tài chính quyển 3, NXB Kinh tế TP.HCM.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

4. Bộ tài chính (2021), 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà xuất bản tài chính.
- TT 200/TT-BTC- chế độ kế toán doanh nghiệp (2014).
- TT53/TT-BTC- Sửa đổi bổ sung thông tư 200/TT-BTC (2016).

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
	Chương 1: Kế toán vốn bằng tiền (5 tiết)	CELO1,2,3,4
	<p>1.1 Kế toán tiền Việt Nam</p> <p>1.1.1 Kế toán tiền mặt VNĐ tại quỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1.1.1.Chứng từ và tài khoản kế toán 1.1.1.2.Quy trình kế toán tiền mặt 1.1.1.3. Các nghiệp vụ kế toán tiền Việt Nam. <p>1.1.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng VNĐ.</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1.2.1.Chứng từ và tài khoản kế toán 1.1.2.2.Quy trình kế toán tiền mặt 1.1.2.3. Các nghiệp vụ kế toán tiền Việt Nam <p>1.1.3. Kế toán tiền đang chuyển.</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1.3.1.Chứng từ và tài khoản kế toán 1.1.3.2.Quy trình kế toán tiền mặt 1.1.3.3. Các nghiệp vụ kế toán tiền Việt Nam <p>1.2 Kế toán ngoại tệ (đối với doanh nghiệp đang trong thời kỳ hoạt động)</p>	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	1.2.1. Một số thuật ngữ và khái niệm 1.2.2. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ 1.2.3. Tài khoản sử dụng 1.2.4. Các nghiệp vụ kế toán - Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ kế toán - Chênh lệch tỷ giá điều chỉnh cuối kỳ kế toán	
	1.3. Trình bày các khoản mục tiền trên báo cáo tài chính	
2 + 3	Chương 2: Kế toán các khoản thanh toán (10 tiết)	CELO1,2,3,4
	2.1 Kế toán các khoản ứng trước 2.1.1 Kế toán tạm ứng 2.1.1.1. Khái niệm; 2.1.1.2. Nguyên tắc kế toán; 2.1.1.3. Chứng từ, tài khoản kế toán; 2.1.1.4. Các nghiệp vụ kế toán (Nhận tạm ứng, thanh toán tạm ứng, hoàn trả tạm ứng) 2.1.2. Kế toán cầm cố, ký quỹ, ký cược 2.1.2.1. Khái niệm (phân biệt cầm cố, ký quỹ, ký cược); 2.1.2.2. Nguyên tắc kế toán; 2.1.2.3. Chứng từ, tài khoản kế toán; 2.1.2.4. Các nghiệp vụ kế toán chủ yếu 2.1.3. Kế toán chi phí trả trước 2.1.3.1 Khái niệm; 2.1.3.2 Nguyên tắc kế toán; 2.1.3.3 Chứng từ, tài khoản kế toán; 2.1.3.4. Các nghiệp vụ kế toán chủ yếu 2.1.4 Trình bày BCTC	...
	2.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với khách hàng 2.2.1. Kế toán phải thu khách hàng 2.2.1.1 Khái niệm 2.2.1.2 Nguyên tắc kế toán 2.2.1.3 Chứng từ, tài khoản kế toán 2.2.1.4 Các nghiệp vụ kế toán	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p><i>(Tập trung vào phải thu nội tệ: khách hàng mua chịu, khách hàng thanh toán tiền hàng còn nợ, khách hàng trả trước tiền mua hàng, chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán tiền trước hạn)</i></p> <p>2.2.2 Kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi</p> <p>2.2.2.1 Khái niệm</p> <p>2.2.2.2 Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi</p> <p>2.2.2.3 Tài khoản kế toán (TK 2293)</p> <p>2.2.2.4 Các nghiệp vụ kế toán (<i>Kế toán lập DP PTKĐ, sử dụng DP PTKĐ, hoàn nhập DP PTKĐ</i>)</p> <p>2.2.3 Trình bày BCTC các khoản thanh toán với khách hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải thu KH ngắn hạn, dài hạn - Người mua trả tiền trước ngắn hạn và dài hạn (theo thời hạn còn lại) - Dự phòng các khoản phải thu khó đòi 	
	<p>2.3 Kế toán phải trả nhà cung cấp</p> <p>2.3.1 Khái niệm</p> <p>2.3.2 Nguyên tắc kế toán</p> <p>2.3.3 Chứng từ và tài khoản sử dụng</p> <p>2.3.4 Các nghiệp vụ kế toán (tập trung vào các nghiệp vụ phải trả nội tệ: Mua chịu hàng hóa, dịch vụ; Thanh toán tiền mua chịu hàng hóa, dịch vụ; Chiết khấu thanh toán được hưởng khi DN thanh toán trước hạn; trả trước tiền mua hàng cho người bán)</p> <p>2.3.5 Trình bày BCTC các khoản phải trả nhà cung cấp (Thông tin tổng hợp trên bảng CĐKT, thông tin chi tiết trình bày trên bản thuyết minh BCTC)</p>	
	<p>2.4 Kế toán nghiệp vụ nhận ký cược, ký quỹ</p> <p>2.4.1 Khái niệm</p> <p>2.4.2 Nguyên tắc kế toán</p> <p>2.4.3 Chứng từ và tài khoản sử dụng</p> <p>2.4.4 Các nghiệp vụ kế toán</p> <p>2.4.5 Trình bày BCTC về khoản nhập ký cược, ký quỹ</p>	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>2.5 Kế toán chi phí phải trả</p> <p>2.5.1 Khái niệm</p> <p>2.5.2 Nguyên tắc kế toán</p> <p>2.5.3 Chứng từ và tài khoản sử dụng</p> <p>2.5.4 Các nghiệp vụ kế toán</p> <p>2.5.5 Trình bày BCTC về khoản phải trả</p>	
	<p>2.6 Kế toán dự phòng phải trả</p> <p>2.6.1 Khái niệm</p> <p>2.6.2 Các loại dự phòng phải trả</p> <p>2.6.3 Kế toán dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa</p>	
4	<p>Chương 3: Kế toán bất động sản đầu tư (5 tiết)</p> <p>3.1 Khái niệm, nguyên tắc kế toán</p> <p>3.1.1 Khái niệm</p> <p>3.1.2 Nguyên tắc kế toán</p> <p>3.1.3 Xác định nguyên giá bất động sản đầu tư</p> <p>3.1.4 Tài khoản sử dụng</p> <p>3.1.5 Phương pháp kế toán bất động sản đầu tư</p> <p>3.1.5.1 Kế toán tăng bất động sản đầu tư</p> <p>3.1.5.2 Kế toán giảm bất động sản đầu tư</p> <p>3.1.5.3 Kế toán cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư (Ghi nhận doanh thu, giá vốn)</p> <p>3.2 Trình bày thông tin bất động sản đầu tư trên BCTC</p>	CELO1,2,3,4
5 +6	<p>Chương 4: Kế toán đầu tư tài chính (10 tiết)</p> <p>4.1 Những vấn đề chung</p> <p>4.1.1 Khái niệm</p> <p>4.1.2 Phân loại đầu tư tài chính</p> <p>4.1.3 Nguyên tắc kế toán</p> <p>4.2 Kế toán các hoạt động đầu tư tài chính</p> <p>4.2.1 Kế toán chứng khoán kinh doanh</p> <p>4.2.1.1 Khái niệm, nguyên tắc kế toán</p> <p>4.2.1.2 Tài khoản sử dụng (121)</p> <p>4.2.1.3 Các nghiệp vụ kế toán (mua, chuyển nhượng, thu lãi)</p>	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>4.2.2 Kế toán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</p> <p>4.2.2.1 Khái niệm, nguyên tắc kế toán</p> <p>4.2.2.2 Tài khoản sử dụng (128)</p> <p>4.2.2.3 Các nghiệp vụ kế toán (gửi tiền có kỳ hạn, cho vay, mua các khoản đầu tư, thu hồi các khoản đầu tư, thu lãi)</p> <p>4.2.3 Kế toán đầu tư vào công ty con</p> <p>4.2.3.1 Khái niệm, nguyên tắc kế toán</p> <p>4.2.3.2 Tài khoản sử dụng (221)</p> <p>4.2.3.3 Các nghiệp vụ kế toán (đầu tư dưới hình thức góp vốn; cổ tức, lợi nhuận được chia)</p> <p>4.2.4 Kế toán đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</p> <p>4.2.4.1 Khái niệm, nguyên tắc kế toán</p> <p>4.2.4.2 Tài khoản sử dụng (222)</p> <p>4.2.4.3 Các nghiệp vụ kế toán (góp vốn LD, LK bằng tiền, tài sản phi tiền; lợi nhuận được chia, chuyển nhượng các khoản đầu tư)</p> <p>4.2.5 Kế toán đầu tư dài hạn khác</p> <p>4.2.5.1 Khái niệm, nguyên tắc kế toán</p> <p>4.2.5.2 Tài khoản sử dụng (228)</p> <p>4.2.5.3 Các nghiệp vụ kế toán</p> <p>4.2.6 Kế toán dự phòng giảm giá các khoản đầu tư</p> <p>4.2.6.1 Nguyên tắc kế toán</p> <p>4.2.6.2 Tài khoản sử dụng (229)</p> <p>4.2.6.3 Các nghiệp vụ kế toán</p> <p>4.3 Trình bày thông tin về đầu tư tài chính trên BCTC</p>	
7 + 8	<p>Chương 5: Kế toán doanh thu, thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh (10 tiết)</p>	CELO1,2,3,4
	<p>5.1 Kế toán tiêu thụ thành phẩm</p> <p>5.1.1 Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm doanh thu - Điều kiện ghi nhận doanh thu - Các khoản giảm trừ doanh thu <p>5.1.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng</p>	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>5.1.1.3 Các nghiệp vụ kế toán ghi nhận doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu</p> <p>5.1.2 Các nghiệp vụ kế toán tiêu thụ thành phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương thức tiêu thụ trực tiếp, chuyển hàng (<i>BH trong nước và xuất khẩu trực tiếp</i>)* - Phương thức tiêu thụ qua đại lý - Tiêu thụ nội bộ <p>(<i>Mỗi phương thức bán hàng trình bày 2 nghiệp vụ: Ghi nhận doanh thu và giá vốn hàng bán; lưu ý SV về nguyên tắc phù hợp</i>)</p>	
	<p>5.2 Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp</p> <p>5.2.1 Nội dung và nguyên tắc kế toán</p> <p>5.2.2 Tài khoản sử dụng</p> <p>5.2.3 Các nghiệp vụ kế toán</p>	
	<p>5.3 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế hiện hành)</p> <p>5.3.1 Nội dung và nguyên tắc kế toán</p> <p>5.3.2 Tài khoản sử dụng</p> <p>5.3.3 Các nghiệp vụ kế toán</p>	
	<p>5.4 Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính</p> <p>5.4.1 Kế toán doanh thu tài chính</p> <p>5.4.1.1 Nội dung</p> <p>5.4.1.2 Tài khoản sử dụng</p> <p>5.4.1.3 Các nghiệp vụ kế toán</p> <p>5.4.2 Kế toán chi phí tài chính</p> <p>5.4.2.1 Nội dung</p> <p>5.4.2.2 Tài khoản sử dụng</p> <p>5.4.2.3 Các nghiệp vụ kế toán</p>	
	<p>5.5 Kế toán thu nhập khác, chi phí khác</p> <p>5.5.1 Nội dung</p> <p>5.5.2 Tài khoản sử dụng</p> <p>5.5.3 Các nghiệp vụ kế toán</p>	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>5.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh</p> <p>5.6.1 Nội dung</p> <p>5.6.2 Tài khoản sử dụng</p> <p>5.6.3 Các nghiệp vụ kế toán</p>	
	<p>5.6 Báo cáo kết quả kinh doanh</p> <p>5.6.1 Nguyên tắc lập báo cáo kết quả kinh doanh</p> <p>5.6.2 Cơ sở lập báo cáo kết quả kinh doanh</p> <p>5.6.3 Phương pháp lập báo cáo kết quả kinh doanh</p>	
9	<p>Chương 6: Kế toán vốn chủ sở hữu (5 tiết)</p> <p>6.1 Vốn chủ sở hữu và nguyên tắc kế toán</p> <p>6.1.1 Nội dung</p> <p>6.1.2 Tài khoản sử dụng</p> <p>6.1.3 Kế toán vốn góp của CSH (TK 411)</p> <p>6.1.3.1 Khái niệm;</p> <p>6.1.3.2 Nguyên tắc kế toán;</p> <p>6.1.3.3 Tài khoản sử dụng;</p> <p>6.1.3.4 Các nghiệp vụ kế toán (nhận vốn góp bằng tiền, tài sản, phát hành cổ phiếu phổ thông)</p> <p>6.1.4 Kế toán cổ phiếu quỹ</p> <p>6.1.4.1 Khái niệm,</p> <p>6.1.4.2 Tài khoản sử dụng</p> <p>6.1.4.3 Các nghiệp vụ kế toán: Mua CPQ, tái phát hành CPQ, hủy bỏ CPQ</p> <p>6.1.5 Kế toán lợi nhuận chưa phân phối và phân phối lợi nhuận</p> <p>6.1.5.1 Nguyên tắc phân phối lợi nhuận</p> <p>6.1.5.2 Tài khoản sử dụng</p> <p>6.1.5.3 Các nghiệp vụ kế toán</p> <p>6.1.6 Kế toán các quỹ doanh nghiệp</p> <p>6.1.6.1 Nguyên tắc phân phối lợi nhuận</p> <p>6.1.6.2 Tài khoản sử dụng</p> <p>6.1.6.3 Các nghiệp vụ kế toán</p>	CELO1,2,3,4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	6.3 Trình bày vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính Thông tin tổng hợp trên bảng CĐKT, thông tin chi tiết trình bày trên bản thuyết minh BCTC	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: Làm bài tập Kế toán vốn bằng tiền	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (9 giờ) - Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: - Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
2 + 3	Chương 2: Làm bài tập Kế toán các khoản thanh toán	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (18 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
3-4	Chương 3: Làm bài tập Kế toán bất động sản đầu tư	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (18 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
5-6	Chương 4: Làm bài tập Kế toán đầu tư tài chính	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (18 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
7 + 8	Chương 5: Làm bài tập Kế toán doanh thu, thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	CELO 1, 2, 3, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (18 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
9	Chương 6: Làm bài tập Kế toán vốn chủ sở hữu	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (9 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Nguyễn Thị Trang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

41012 – KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (3;0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45
- Giờ học thực hành, thảo luận: 0./thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán

1.5. Học phần học trước: Kế toán tài chính 1, 2, kế toán chi phí

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Không

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hậu	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0989807928
Email: hau.lt@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

Giảng viên thỉnh giảng (nếu có)

Họ và tên: Mai Hoàng Hạnh	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:
Email: hanh.mh@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Học phần Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ trang bị kiến thức và kỹ năng kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ và kế toán kinh doanh dịch vụ.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Vận dụng được quy trình, thủ tục, phương pháp, kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin đáp ứng các nhu cầu khác nhau trong kế toán doanh nghiệp thương mại và kinh doanh dịch vụ, hiểu rõ một số chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

Về kỹ năng:

- Lập được chứng từ, ghi nhận và lập báo cáo kế toán trong các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ.
- Tính được giá vốn và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Về thái độ:

Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO1	- Vận dụng được quy trình, thủ tục, phương pháp, kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin đáp ứng các nhu cầu khác nhau trong kế toán doanh nghiệp thương mại và kinh doanh dịch vụ, hiểu rõ một số chuẩn mực kế toán của Việt Nam.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	- Lập được chứng từ, ghi nhận và lập báo cáo kế toán trong các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ.	Vận dụng
CELO3	- Tính được giá vốn và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh thương mại và dịch vụ.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng được quy trình, thủ tục, phương pháp, kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin đáp ứng các nhu cầu khác nhau trong kế toán doanh nghiệp thương mại và kinh doanh	4

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	dịch vụ, hiểu rõ một số chuẩn mực kế toán của Việt Nam.	
Kỹ năng		
CELO2	Lập được chứng từ, ghi nhận và lập báo cáo kế toán trong các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ.	5, 9
CELO3	Tính được giá vốn và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh thương mại và dịch vụ.	9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật	10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41069	Kế toán tài chính 2	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H	N	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (suppoorted)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
	tạo	sáng tạo	

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. PGS. TS. Võ Văn Nhị (chủ biên)(2018), Kế toán tài chính, NXB Tài chính
2. TS. Nguyễn Thị Kim Cúc (chủ biên)(2017), Giáo trình Kế toán tài chính quyển 2, NXB Kinh tế TP.HCM.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

3. Bộ tài chính (2021), 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà xuất bản tài chính.
- TT 200/TT-BTC- chế độ kế toán doanh nghiệp (2014).
 - TT53/TT-BTC- Sửa đổi bổ sung thông tư 200/TT-BTC (2016).

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Chương 1: Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ (5 tiết)</p> <p>1.1. Đặc điểm và nhiệm vụ 1.2. Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp thương mại và dịch vụ 1.3. Nhiệm vụ kế toán trong doanh nghiệp thương mại và dịch vụ 1.4. Tổ chức công tác hạch toán kế toán trong doanh nghiệp</p>	CELO1,2,3,4
2 + 3+4	<p>Chương 2: Kế toán nghiệp vụ mua bán hàng hoá của doanh nghiệp thương mại (15 tiết)</p> <p>2.1. Kế toán mua hàng 2.1.1 Đặc điểm mua hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại 2.1.2 Kế toán mua hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại 2.2. Kế toán bán hàng 2.2.1. Đặc điểm bán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại 2.2.2. Kế toán bán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại</p>	CELO1,2,3,4 ...
5+6	<p>Chương 3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ nhà hàng, khách sạn (10 tiết)</p> <p>3.1. Đặc điểm cơ bản và phân loại các hoạt động kinh doanh dịch vụ 3.1.1 Đặc điểm cơ bản hoạt động kinh doanh dịch vụ 3.1.2 Phân loại các hoạt động kinh doanh dịch vụ 3.2. Kế toán kinh doanh nhà hàng, khách sạn 3.2.1 Kế toán kinh doanh nhà hàng 3.2.2 Kế toán kinh doanh khách sạn</p>	CELO1,2,3,4
7 +8+9	<p>Chương 4. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành dịch vụ vận tải, du lịch và tư vấn (15 tiết)</p> <p>4.1. Kế toán dịch vụ vận tải 4.1.1 Đặc điểm dịch vụ vận tải 4.1.2 Kế toán dịch vụ vận tải 4.2. Kế toán dịch vụ du lịch 4.2.1 Đặc điểm dịch vụ du lịch 4.2.2 Kế toán dịch vụ du lịch 4.3. Kế toán dịch vụ tư vấn 4.3.1 Đặc điểm dịch vụ tư vấn</p>	CELO1,2,3,4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	4.3.2 Kế toán dịch vụ tư vấn	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: chuẩn bị bài	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) - Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới	
	Đánh giá kết quả học tập: - Tham gia trả lời các câu hỏi	
2 + 3+4	Chương 2: Làm bài tập Kế toán nghiệp vụ mua bán hàng hoá của doanh nghiệp thương mại	CELO 1, 2, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (30 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
5+6	Chương 3: Làm bài tập Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ nhà hàng, khách sạn	CELO 1, 2, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
7+8+9	Chương 4: Làm bài tập Kế toán chi phí sản xuất và giá thành dịch vụ vận tải, du lịch và tư vấn	CELO 1, 2, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (30 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Mai Hoàng Hạnh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
41020 – TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (3; 0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Số tiết học lý thuyết và các hoạt động trực tiếp trên lớp: 45 tiết.
- Số tiết tự học theo hình thức E-Learning, bài tập: 0 tiết.
- Số giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nguyên lý kế toán, Nguyên lý thống kê, Luật kinh tế.

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ thứ: 1, năm thứ 3. Khóa D22

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt
- Tài liệu giảng dạy: Giáo trình, các học liệu (video, tài liệu đọc).

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Trương Văn Cường	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:

Email: <i>cuong.tv@kkt.edu.vn</i>	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

Giảng viên thỉnh giảng (nếu có)

Họ và tên: <i>Hồ Đăng Huy</i>	Học hàm, học vị: <i>Thạc sĩ</i>
Địa chỉ cơ quan: <i>333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương</i>	Điện thoại liên hệ:
Email: <i>huy.hd@kkt.edu.vn</i>	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nền tảng về tài chính doanh nghiệp (TCDN) với các nội dung chủ yếu sau:

✓ Tổng quan về tài chính doanh nghiệp và môi trường tác động đến hoạt động tài chính doanh nghiệp; Môi trường kinh tế, tài chính tác động đến các quyết định của TCDN như thế nào.

✓ Nhận định và đánh giá điểm mạnh, yếu về tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua việc phân tích báo cáo tài chính.

Quản trị tài sản lưu động của doanh nghiệp thông qua việc quản trị tiền mặt, các khoản phải thu và hàng tồn kho.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Kiến thức về các mối quan hệ tài chính và khái niệm tài chính doanh nghiệp, phân biệt giữa tài chính và kế toán. Phân biệt các công cụ tài chính trên thị trường, hiểu và phân biệt các phương pháp khấu hao tài sản cố định

Về kỹ năng:

Khả năng đọc, hiểu báo cáo tài chính công ty và tính toán được các tỷ số tài chính cơ bản để nhận định tổng quát tình hình tài chính doanh nghiệp.

Kỹ năng dự toán nhu cầu vốn kinh doanh bằng phương pháp % trên doanh thu.

Kỹ năng quản trị tài sản lưu động của doanh nghiệp thông qua việc quản trị tiền mặt, các khoản phải thu và hàng tồn kho.

Về thái độ:

Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức về các mối quan hệ tài chính và khái niệm tài chính doanh nghiệp, phân biệt giữa tài chính và kế toán. Phân biệt các công cụ tài chính trên thị trường, hiểu và phân biệt các phương pháp khấu hao tài sản cố định.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	Khả năng đọc, hiểu báo cáo tài chính công ty và tính toán được các tỷ số tài chính cơ bản để nhận định tổng quát tình hình tài chính doanh nghiệp;	Vận dụng
CELO3	Kỹ năng dự toán nhu cầu vốn kinh doanh bằng phương pháp % trên doanh thu.	Vận dụng
CELO4	Kỹ năng quản trị tài sản lưu động của doanh nghiệp thông qua việc quản trị tiền mặt, các khoản phải thu và hàng tồn kho.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức về các mối quan hệ tài chính và khái niệm tài chính doanh nghiệp, phân biệt	ELO4

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	giữa tài chính và kế toán. Phân biệt các công cụ tài chính trên thị trường, hiểu và phân biệt các phương pháp khấu hao tài sản cố định.	
Kỹ năng		
CELO2	Khả năng đọc, hiểu báo cáo tài chính công ty và tính toán được các tỷ số tài chính cơ bản để nhận định tổng quát tình hình tài chính doanh nghiệp;	ELO4, 5, 9
CELO3	Kỹ năng dự toán nhu cầu vốn kinh doanh bằng phương pháp % trên doanh thu.	ELO4, 5, 9
CELO4	Kỹ năng quản trị tài sản lưu động của doanh nghiệp thông qua việc quản trị tiền mặt, các khoản phải thu và hàng tồn kho.	ELO4, 5, 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.	ELO10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41020	Tài chính doanh nghiệp 1	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H	N	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;

+ Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

+ Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp

+ Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi

+ Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

+ Nghe giảng và đặt câu hỏi

+ Cố gắng trả lời câu hỏi;

+ Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;

+ Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự các buổi thuyết giảng đúng giờ, đầy đủ.

- Sinh viên phải lập các nhóm học tập và cử 1 nhóm trưởng theo hướng dẫn của giảng viên (nếu giảng viên yêu cầu).

- Sinh viên phải khai thác học liệu: xem các video bài giảng, đọc các tài liệu do giảng viên cung cấp.

- Sinh viên phải làm các bài tập đúng hạn. Nếu quá hạn quy định sinh viên sẽ không được làm lại và bài đó không có điểm.

- Sinh viên phải tham dự kỳ thi cuối kỳ theo kế hoạch.

- Sinh viên đi học ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm	- Cuối mỗi chương.

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ tự luận - sinh viên không được sử dụng tài liệu	- Hàng buổi. - Cuối kỳ.
CELO 2	x	x	x	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ tự luận - sinh viên không được sử dụng tài liệu	- Cuối mỗi chương. - Hàng buổi. - Cuối kỳ.
CELO 3	x	x	x	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ tự luận - sinh viên không được sử dụng tài liệu	- Cuối mỗi chương. - Hàng buổi. - Cuối kỳ.
CELO 4	x	x	x	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ tự luận - sinh viên không được sử dụng tài liệu	- Cuối mỗi chương. - Hàng buổi. - Cuối kỳ.
CELO 5	x	x	x	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm tra thường xuyên	- Cuối mỗi chương. - Hàng buổi.

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						xuyên. - Thi cuối kỳ tự luận - sinh viên không được sử dụng tài liệu	- Cuối kỳ.

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận		
3	Bản thu hoạch	10%	
4	Thuyết trình		
5	Báo cáo		
6	Thi giữa học kỳ	20%	
7	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
	tạo	sáng tạo	

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. TS. Bùi Hữu Phước (chủ biên) (2020), Tài chính doanh nghiệp, Nhà xuất bản Tài chính.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Eugene F. Brigham & Houston(2019), *Quản trị tài chính*, NXB Cengage , Hồng Đức.

3. TS. Đặng Thị Việt Đức, ThS. Đinh Xuân Dũng(2020), Quản trị tài chính doanh nghiệp, NXB Thông Tin và Truyền Thông.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: Tổng quan tài chính doanh nghiệp (8 tiết)	CELO1
	1.1 Khái niệm về tài chính doanh nghiệp	
	1.2 Mục tiêu của tài chính doanh nghiệp	
	1.3 Tầm quan trọng của quyết định tài chính	
2	1.4 Các yếu tố tác động đến quyết định tài chính	CELO1, 2
	1.5 Cơ cấu tổ chức trong doanh nghiệp	
	1.6 Đặc điểm các loại hình doanh nghiệp	
	1.6.1. Đặc điểm các loại hình doanh nghiệp 1.6.2. Môi trường tài chính 1.6.3. Khấu hao tài sản cố định	
2, 3, 4, 5	Chương 2: Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp (15 tiết)	CELO3, 7
	2.1. Khái niệm, Mục tiêu của việc phân tích báo cáo tài chính công ty	
	2.2. Tài liệu phân tích	
	2.3. Phương pháp, nguyên tắc phân tích	
	2.3.1 Nguyên tắc kế phân tích 2.3.2. Phương pháp phân tích	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	2.4. Phân tích các tỷ số tài chính	
	2.5. Phân tích Dupont	
5 - 7	Chương 3: Dự toán tài chính (15 tiết)	CELO4, 7
	3.1 Khái niệm, ý nghĩa dự toán tài chính	
	3.2 Dự toán doanh thu	
	3.3 Dự toán báo cáo tài chính 3.3.1 Phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu 3.3.1.1 Dự toán bảng kết quả hoạt động kinh doanh 3.3.1.2 Dự toán bảng cân đối kế toán 3.3.2 Phương pháp hồi quy	
<i>Sinh viên tự học</i>	Chương 4: Khái quát về vốn lưu động 4.1. Khái niệm, đặc điểm và thành phần vốn lưu động 4.2. Nhu cầu tài sản lưu động và các chính sách đầu tư vào tài sản lưu động 4.3. Kỳ luân chuyển vốn lưu động và biện pháp rút ngắn kỳ luân chuyển vốn lưu động	
8 – 9	Chương 5: Quản trị tài sản lưu động (10 tiết)	
	5.1. Quản trị tiền mặt 5.1.1. Các động cơ nắm giữ tiền mặt 5.1.2. Mục tiêu quản trị tiền mặt 5.1.3. Các kỹ thuật quản trị tiền mặt 5.1.4. Lập bảng ngân sách tiền mặt	CELO5, 6, 7
	5.2. Quản trị khoản phải thu	
	5.3. Quản trị hàng tồn kho	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
2	Chương 1: Sinh viên giải bài tập chương 1 – Khấu hao tài sản cố định	CELO1, 2, 7
3-4	Chương 2:	CELO3,7

	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm bài tập chương 2 – Phân tích báo cáo tài chính. - Bài tập nhóm: Mỗi nhóm chọn một công ty cổ phần đang niêm yết (phi tài chính), lấy số liệu 3 năm gần nhất. Tính toán các tỷ số tài chính và phân tích khái quát về tính hình tài chính của công ty đó. 	
5-7	<p>Chương 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm bài tập chương 3 – Dự toán tài chính. - Bài tập nhóm: Các nhóm dự toán bảng cân đối kế toán và bảng kết quả kinh doanh của công ty đã chọn. 	CELO4, 7
8-9	<p>Chương 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm bài tập chương 5 - Sinh viên thực hành lập bảng ngân sách tiền mặt cho bản thân và cho gia đình. 	CELO5, 6

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHO BỘ MÔN



ThS. Trương Văn Cường

GIẢNG VIÊN



ThS. Hồ Đăng Huy

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
41071 – TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 2

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (3; 0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Số tiết học lý thuyết và các hoạt động trực tiếp trên lớp: 45 tiết.
- Số tiết tự học theo hình thức E-Learning, bài tập: 0 tiết.
- Số giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Tài chính doanh nghiệp 1.

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ thứ: 2, năm thứ 3. Khóa D22

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt
- Tài liệu giảng dạy: Giáo trình, các học liệu (video, tài liệu đọc).

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Trương Văn Cường/ Hồ Đăng Huy	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:

Email: <i>cuong.tv@kkt.edu.vn</i>	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao về quản lý tài chính doanh nghiệp như: Giá trị tiền tệ theo thời gian, định giá chứng khoán, xây dựng dòng tiền khả thi & quyết định đầu tư dài hạn.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Kiến thức cơ bản về giá trị của tiền theo thời gian, phân biệt các loại lãi suất và 4 công thức cơ bản của thời giá tiền tệ.

Về kỹ năng:

- Vận dụng được các công thức cơ bản của thời giá tiền tệ vào các tình huống tài chính trong thực tế. Tính toán được lãi suất trong các bài toán tài chính.
- Tính toán được giá lý thuyết của các loại chứng khoán cơ bản: Trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi, cổ phiếu thường.
- Phân biệt được các phương pháp thẩm định dự án đầu tư như: phương pháp thời gian hoàn vốn (PP), phương pháp thời gian hoàn vốn có chiết khấu (DPP), phương pháp hiện giá thu nhập thuần (NPV), phương pháp tỷ suất sinh lời nội bộ (IRR), phương pháp tỷ suất sinh lời nội bộ có hiệu chỉnh (MIRR), phương pháp chỉ số sinh lời (PI). Xác định được dòng tiền của dự án, thẩm định được hiệu quả của một dự án đầu tư, lựa chọn được dự án mang lại hiệu quả cao nhất..

Về thái độ:

Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp..

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức cơ bản về giá trị của tiền theo thời gian, phân biệt các loại lãi suất và 4 công thức cơ bản của thời giá tiền tệ.	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kỹ năng		
CELO2	Vận dụng được các công thức cơ bản của thời giá tiền tệ vào các tình huống tài chính trong thực tế. Tính toán được lãi suất trong các bài toán tài chính.	Vận dụng
CELO3	Tính toán được giá lý thuyết của các loại chứng khoán cơ bản: Trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi, cổ phiếu thường.	Vận dụng
CELO4	Phân biệt được các phương pháp thẩm định dự án đầu tư như: phương pháp thời gian hoàn vốn (PP), phương pháp thời gian hoàn vốn có chiết khấu (DPP), phương pháp hiện giá thu nhập thuần (NPV), phương pháp tỷ suất sinh lời nội bộ (IRR), phương pháp tỷ suất sinh lời nội bộ có hiệu chỉnh (MIRR), phương pháp chỉ số sinh lời (PI). Xác định được dòng tiền của dự án, thẩm định được hiệu quả của một dự án đầu tư, lựa chọn được dự án mang lại hiệu quả cao nhất.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức cơ bản về giá trị của tiền theo thời gian, phân biệt các loại lãi suất và 4 công thức cơ bản của thời giá tiền tệ.	ELO4, 5, 9
Kỹ năng		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
CELO2	Vận dụng được các công thức cơ bản của thời giá tiền tệ vào các tình huống tài chính trong thực tế. Tính toán được lãi suất trong các bài toán tài chính.	ELO4, 5, 9
CELO3	Tính toán được giá lý thuyết của các loại chứng khoán cơ bản: Trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi, cổ phiếu thường.	ELO4, 5, 9
CELO4	Phân biệt được các phương pháp thẩm định dự án đầu tư như: phương pháp thời gian hoàn vốn (PP), phương pháp thời gian hoàn vốn có chiết khấu (DPP), phương pháp hiện giá thu nhập thuần (NPV), phương pháp tỷ suất sinh lời nội bộ (IRR), phương pháp tỷ suất sinh lời nội bộ có hiệu chỉnh (MIRR), phương pháp chỉ số sinh lời (PI). Xác định được dòng tiền của dự án, thẩm định được hiệu quả của một dự án đầu tư, lựa chọn được dự án mang lại hiệu quả cao nhất.	ELO4, 5, 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.	ELO10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41071	Tài chính doanh nghiệp 2	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H	N	N

- N: Không đóng góp (*none supported*)
- S: Có đóng góp (*supported*)
- H: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự các buổi thuyết giảng đúng giờ, đầy đủ.
- Sinh viên phải lập các nhóm học tập và cử 1 nhóm trưởng theo hướng dẫn của giảng viên (nếu giảng viên yêu cầu).
- Sinh viên phải khai thác học liệu: xem các video bài giảng, đọc các tài liệu do giảng viên cung cấp.
- Sinh viên phải làm các bài tập đúng hạn. Nếu quá hạn quy định sinh viên sẽ không được làm lại và bài đó không có điểm.
- Sinh viên phải tham dự kỳ thi cuối kỳ theo kế hoạch.
- Sinh viên đi học ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	CÔNG CỤ	THỜI
--------------	-----------------------------	----------------	-------------

đầu ra học phần (CELOs)	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ	ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
CELO 1	x	x	x	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ tự luận - sinh viên không được sử dụng tài liệu	- Cuối mỗi chương. - Hàng buổi. - Cuối kỳ.
CELO 2	x	x	x	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ tự luận - sinh viên không được sử dụng tài liệu	- Cuối mỗi chương. - Hàng buổi. - Cuối kỳ.
CELO 3	x	x	x	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ tự luận - sinh viên không được sử dụng tài liệu	- Cuối mỗi chương. - Hàng buổi. - Cuối kỳ.
CELO 4	x	x	x	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ tự luận - sinh viên không được sử dụng tài liệu	- Cuối mỗi chương. - Hàng buổi. - Cuối kỳ.
CELO 5	x	x	x	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm	- Cuối mỗi chương.

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ tự luận - sinh viên không được sử dụng tài liệu	- Hàng buổi. - Cuối kỳ.

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	10%	
3	Bản thu hoạch		
4	Thuyết trình		
5	Báo cáo		
6	Thi giữa học kỳ	20%	
7	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề;	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
	tích và áp dụng sáng tạo	không có/ ít thể hiện sáng tạo	

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. TS. Bùi Hữu Phước (chủ biên) (2020), Tài chính doanh nghiệp, Nhà xuất bản Tài chính.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Eugene F. Brigham & Houston(2019), *Quản trị tài chính*, NXB Cengage , Hồng Đức.

3. ThS. GVC. Ngô Thị Kim Phượng, TS. Lê Hoàng Vinh (2021), Phân tích tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1 - 4	Chương 1: Thời giá tiền tệ (20 tiết)	CELO1, 2, 5
	1.1 Tại sao tiền tệ có giá trị theo thời gian	
	1.2 Lãi suất 1.2.1 Lãi đơn 1.2.2 Lãi kép 1.2.3 Lãi suất danh nghĩa và lãi suất hiệu dụng 1.2.4 Chuyển đổi lãi suất	
	1.3 Chuỗi tiền tệ 1.3.1 Khái niệm chuỗi tiền tệ 1.3.2 Phân loại chuỗi tiền tệ 1.3.3 Quy ước biểu diễn chuỗi tiền tệ	CELO1, 2, 5
1.4 Giá trị tương lai 1.4.1 Giá trị tương lai của một khoản tiền 1.4.2 Giá trị tương lai của một chuỗi tiền tệ		

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	1.5 Giá trị hiện tại 1.5.1 Giá trị hiện tại của một khoản tiền 1.5.2 Giá trị hiện tại của một chuỗi tiền tệ 1.6 Ứng dụng của thời giá tiền tệ 1.6.1 Xây dựng chính sách bán hàng trả góp 1.6.2 Xây dựng chính sách trả nợ ngân hàng 1.6.3 Định giá chứng khoán 1.6.4 Thẩm định hiệu quả dự án đầu tư	
5 - 6	Chương 2: Định giá chứng khoán (10 tiết) 2.1 Khái niệm, phân loại và đặc điểm 2.2 Nguyên tắc định giá chứng khoán 2.3 Định giá chứng khoán có thu nhập cố định (trái phiếu và cổ phiếu ưu đãi) 2.4 Định giá chứng khoán có thu nhập biến đổi (cổ phiếu thường)	CELO3, 5
7 - 9	Chương 3: Đầu tư dài hạn (15 tiết) 3.1 Tổng quan về đầu tư và dự án đầu tư 3.1.1 Khái niệm đầu tư 3.1.2 Khái niệm dự án đầu tư 3.1.3 Phân loại dự án đầu tư 3.1.4 Dòng tiền của dự án đầu tư 3.2 Thẩm định dự án đầu tư 3.2.1 Phương pháp thời gian hoàn vốn 3.2.2 Phương pháp thời gian hoàn vốn có chiết khấu 3.2.3 Phương pháp hiện giá thu nhập thuần 3.2.4 Phương pháp tỷ suất sinh lời nội bộ 3.2.5 Phương pháp tỷ suất sinh lời nội bộ có hiệu chỉnh 3.2.6 Phương pháp chỉ số sinh lời 3.3 Hoạch định dòng tiền	CELO4, 5

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1 - 4	Chương 1:	CELO1, 2, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên giải bài tập chương Thời giá tiền tệ - Bài tập nhóm: Làm tiểu luận – Lập kế hoạch vay và lập bảng lịch trình trả nợ ngân hàng. 	
5 -6	Chương 2: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm bài tập chương định giá chứng khoán - Chọn một cổ phiếu đang niêm yết, áp dụng các phương pháp định giá để xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu đó. 	CELO3, 5
7 - 9	Chương 3: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm bài tập chương Đầu tư dài hạn - Thực hành lập dòng tiền của một dự án thực tế. 	CELO4, 5

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

PHÓ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN





TS. Trần Thanh Vũ

ThS. Trương Văn Cường

ThS. Hồ Đăng Huy

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
41110 – NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (2 Lý thuyết, 1 Thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Học kỳ I năm 3 từ khóa D21.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Nguyễn Đức Hiền	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0986179005
Email: hien.nd@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh	

viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Học phần Nghiệp vụ ngân hàng thương mại cung cấp những kiến thức tổng quát làm nền tảng để tiếp thu kiến thức kỹ thuật nghiệp vụ cụ thể trong từng loại nghiệp vụ kinh doanh tiền tệ của ngân hàng thương mại. Cụ thể là những nội dung về nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng thương mại, nghiệp vụ thanh toán, các loại dịch vụ ngân hàng như dịch vụ thẻ, dịch vụ đầu tư tài chính, dịch vụ tư vấn và các dịch vụ ngân hàng hiện đại khác.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát làm nền tảng để tiếp thu kiến thức kỹ thuật nghiệp vụ cụ thể trong từng loại nghiệp vụ kinh doanh tiền tệ của ngân hàng thương mại. Từ đó giúp người học tổng hợp các kiến thức chuyên sâu về kế toán, tài chính ngân hàng và công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng vào việc quản lý vận hành, thực hiện nghiệp vụ chuyên môn và ra quyết định trên nhiều khía cạnh cho các tổ chức thuộc loại hình định chế tài chính – ngân hàng.

Về kỹ năng:

- Vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong bối cảnh hoạt động kinh doanh đa dạng và phức tạp của ngân hàng.
- Biết cách phối hợp nhóm để giải quyết các yêu cầu đặt ra trong quá trình tác nghiệp các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng thương mại.

Về thái độ:

- Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với tập thể trước các vấn đề có thể sẽ gặp phải trong quá trình thảo luận và giải quyết các yêu cầu của học phần, cần phải vận dụng các kiến thức đã học về nghiệp vụ ngân hàng thương mại để biết cách giải quyết.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO1	Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát làm nền tảng để tiếp thu kiến thức kỹ thuật nghiệp vụ cụ thể trong từng loại nghiệp vụ kinh doanh tiền tệ của ngân hàng thương mại. Từ đó giúp người học tổng hợp các kiến thức chuyên sâu về kế toán, tài chính ngân hàng và công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng vào việc quản lý vận hành, thực hiện nghiệp vụ chuyên môn và ra quyết định trên nhiều khía cạnh cho các tổ chức thuộc loại hình định chế tài chính – ngân hàng.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	Vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong bối cảnh hoạt động kinh doanh đa dạng và phức tạp của ngân hàng.	Vận dụng
CELO3	Biết cách phối hợp nhóm để giải quyết các yêu cầu đặt ra trong quá trình tác nghiệp các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng thương mại.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với tập thể trước các vấn đề có thể sẽ gặp phải trong quá trình thảo luận và giải quyết các yêu cầu của học phần, cần phải vận dụng các kiến thức đã học về nghiệp vụ ngân hàng thương mại để biết cách giải quyết.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
--------------------------------------	------------------------------------	---

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	<p>Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ chế quản lý tài chính của các đơn vị hành chính sự nghiệp có sử dụng Ngân sách nhà nước, các khái niệm của đối tượng kế toán hành chính sự nghiệp, nguyên tắc kế toán cơ bản, các phương pháp thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin phát sinh trong hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị hành chính sự nghiệp, lập BCTC đơn vị hành chính sự nghiệp, nắm được khái niệm và ý nghĩa từng mẫu báo cáo tài chính. Từ đó giúp người học tổng hợp các kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, tài chính và công nghệ vào việc quản lý vận hành, thực hiện nghiệp vụ chuyên môn kế toán và ra quyết định trên nhiều khía cạnh cho đơn vị hành chính sự nghiệp có sử dụng Ngân sách nhà nước.</p>	ELO 4
Kỹ năng		
CELO2	<p>Vận dụng tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong bối cảnh hoạt động kinh doanh đa dạng và phức tạp của ngân hàng.</p>	ELO 5
CELO3	<p>Biết cách phối hợp nhóm để giải quyết các yêu cầu đặt ra trong quá trình tác nghiệp các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng thương mại.</p>	ELO 6
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	<p>Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với tập thể trước các vấn đề có thể sẽ gặp phải trong quá trình thảo luận và giải quyết các yêu cầu của học phần, cần phải vận dụng các kiến thức đã học về nghiệp vụ ngân hàng thương mại để biết cách giải quyết.</p>	ELO 10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41110	Ngân hàng thương mại	N	N	N	H	H	H	N	N	N	N	H	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	

2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
					câu.

- Kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Làm bài kiểm tra (thi) giữa kỳ		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. PGS. TS. Nguyễn Đăng Dòn, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (2014), NXB Kinh tế TP. HCM.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Luật sư Trương Thanh Đức (2021), Cẩm nang Pháp luật ngân hàng, Chính Trị Quốc Gia Sự Thật.

- Các văn bản, quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của ngân hàng thương mại.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phân lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1	<p>Chương 1: Đại cương về ngân hàng thương mại (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Khái niệm về ngân hàng thương mại 1.2 Chức năng của ngân hàng thương mại 1.3 Vai trò của ngân hàng thương mại 1.4 Các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng thương mại trong nền kinh tế thị trường 1.5 Hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam 1.6 Cơ cấu tổ chức tổ chức của ngân hàng thương mại tại Việt Nam <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà (3 giờ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc tài liệu học tập theo yêu cầu của giảng viên. 	CELO 1, 2, 4
1	<p>Chương 2: Nghiệp vụ huy động vốn (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Tổng quan về huy động vốn <ul style="list-style-type: none"> 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Đặc điểm 2.1.3. Nguyên tắc 2.1.4. Vai trò của hoạt động huy động vốn 	CELO 1, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>2.1.5. Phân loại các hình thức huy động vốn trong ngân hàng</p> <p>2.2. Các hình thức huy động vốn chủ yếu của ngân hàng thương mại</p> <p>2.2.1. Tiền gửi không kỳ hạn</p> <p>2.2.2. Tiền gửi định kỳ (tiền gửi có kỳ hạn)</p> <p>2.2.3. Tiền gửi tiết kiệm</p> <p>2.2.4. Tiền gửi thanh toán khác</p> <p>2.2.5. Huy động thông qua phát hành chứng từ có giá</p> <p>2.2.6. Nguồn vốn đi vay</p> <p>2.3. Nguyên tắc quản lý tiền gửi của khách hàng</p> <p>2.4. Biện pháp gia tăng nguồn vốn huy động</p> <hr/> <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà (5 giờ):</p> <hr/> <p>- Làm bài tập chương 2</p>	
2	<p>Chương 3: Hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại (4 tiết)</p> <hr/> <p>3.1. Tổng quan về tín dụng ngân hàng</p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Đặc điểm</p> <p>3.1.3. Phân loại tín dụng ngân hàng thương mại</p> <p>3.1.4. Các nguyên tắc tín dụng ngân hàng</p> <p>3.2. Một số quy định về tín dụng</p> <p>3.2.1. Thời hạn cấp tín dụng</p> <p>3.2.2. Lãi suất tín dụng</p> <p>3.2.3. Hạn mức tín dụng</p> <p>3.1.7. Một số quy định khác</p> <p>3.3. Rủi ro và bảo đảm tín dụng</p> <p>3.4. Quy trình tín dụng</p> <hr/> <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà (4 giờ):</p> <hr/> <p>- Làm bài tập chương 3</p>	CELO 1, 3, 4
3	<p>Chương 4: Các nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng (10 tiết)</p>	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>4.1. Nghiệp vụ cho vay</p> <p>4.1.1. Tổng quan về nghiệp vụ cho vay</p> <p>4.1.2. Cho vay bổ sung vốn lưu động</p> <p>4.1.3. Cho vay dự án đầu tư</p> <p>4.1.4. Cho vay tiêu dùng</p> <p>4.1.5. Cho vay theo hạn mức thấu chi</p> <p>4.1.6. Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng</p> <p>4.2. Nghiệp vụ chiết khấu giấy tờ có giá</p> <p>4.3. Nghiệp vụ cho thuê tài chính</p> <p>4.4. Nghiệp vụ bảo lãnh</p> <p>4.5. Nghiệp vụ bao thanh toán</p> <hr/> <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà (10 giờ):</p> <hr/> <p>- Làm bài tập chương 4</p>	
5	<p>Chương 5: Các dịch vụ thanh toán qua ngân hàng thương mại (5 tiết)</p> <hr/> <p>5.1. Tổng quan về dịch vụ chuyển khoản và thanh toán qua ngân hàng</p> <p>5.1.1. Những vấn đề chung về dịch vụ chuyển khoản qua ngân hàng</p> <p>5.1.2. Khái niệm dịch vụ thanh toán qua ngân hàng</p> <p>5.1.2. Đặc điểm dịch vụ thanh toán</p> <p>5.1.3. Điều kiện thực hiện dịch vụ thanh toán</p> <p>5.1.4. Chứng từ thanh toán</p> <p>5.1.5. Các phương thức thanh toán qua ngân hàng</p> <p>5.2. Các phương thức thanh toán trong nước</p> <p>5.2.1. Thanh toán bằng ủy nhiệm chi</p> <p>5.2.2. Thanh toán bằng ủy nhiệm thu</p> <p>5.2.3. Thanh toán bằng Séc</p> <p>5.2.4. Thanh toán bằng thẻ ngân hàng</p> <p>5.3. Các phương thức thanh toán quốc tế:</p> <p>5.3.1. Chuyển tiền (Remittance)</p>	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	5.3.2. Nhờ thu (Collection) 5.3.3. Tín dụng chứng từ (Documentary credits) 5.3.4. Các phương thức khác (Others) Các nội dung chính SV tự học ở nhà (5 giờ): - Làm bài tập chương 5	
6	Chương 6: Các nghiệp vụ kinh doanh khác của ngân hàng thương mại (3 tiết) 6.1. Dịch vụ ngân quỹ 6.1.1. Dịch vụ thu hộ 6.1.2. Dịch vụ chi hộ 6.1.3. Dịch vụ trích nợ tự động 6.2. Dịch vụ ngân hàng điện tử 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Đặc điểm 6.2.3. Lợi ích 6.2.4. Các loại hình dịch vụ ngân hàng điện tử 6.3. Dịch vụ ngân hàng số 6.4. Dịch vụ tư vấn tài chính 6.5. Dịch vụ ủy thác và quản lý tài sản 6.6. Dịch vụ cho thuê kết sắt 6.7. Dịch vụ kiều hối 6.8. Dịch vụ ngân hàng trên thị trường chứng khoán Các nội dung chính SV tự học ở nhà (3 giờ): - Làm bài tập chương 6	CELO 1, 2, 3, 4

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
7	Chương 2: Ôn tập và thực hành nghiệp vụ huy động vốn Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 tiết) - Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	CELO 1, 2, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập. <p>Đánh giá kết quả học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm 	
8	<p>Chương 3 & 4: Ôn tập và thực hành nghiệp vụ tín dụng ngân hàng</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 15 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (30 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	CELO 1, 3, 4
11	<p>Chương 5: Ôn tập và thực hành về nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng thương mại</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	CELO 1, 3, 4
12	<p>Chương 6: Ôn tập và thực hành về các nghiệp vụ kinh doanh khác của ngân hàng thương mại</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập:</p>	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Phòng học lý thuyết và phòng mô phỏng, quy mô 50.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn,...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA




TS. Trần Thanh Vũ

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Trương Văn Cường

GIẢNG VIÊN



ThS. Nguyễn Đức Hiền

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
81096 – KHỞI TẠO DOANH NGHIỆP

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 tín chỉ (1; 1)

1.2. Số tiết và/hoặc số giờ đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 giờ
- Bài tập lớn, thảo luận trên lớp: 30 giờ
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Quản trị học

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 6

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

Giảng bằng Tiếng Việt và tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành:
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Nguyễn Đăng Quan.
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: TS. Nguyễn Tường Dũng.
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

- Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp và tổ chức của doanh nghiệp; các nguyên tắc lựa chọn

loại hình doanh nghiệp để kinh doanh và các điều kiện để trở thành nhà quản lý doanh nghiệp; các thủ tục chính cần thiết khi thành lập doanh nghiệp; kinh doanh và định hướng ngành nghề kinh doanh; các bước lập kế hoạch kinh doanh và thực thi kế hoạch kinh doanh.

- Học phần này đồng thời tạo cơ hội giúp các sinh viên đánh giá được khả năng kinh doanh của mình; có thể chọn một ý tưởng kinh doanh, biến ý tưởng của mình thành một bản kế hoạch hành động cụ thể mang tính thực tiễn cao có thể xúc tiến thành lập cơ sở kinh doanh. Yếu tố này giúp sinh viên có thể làm giàu chân chính cho bản thân, gia đình và xã hội ngay từ khi còn trên giảng đường đại học.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Có kiến thức về các nguyên tắc quản trị để biến các ý tưởng kinh doanh thành hành động cụ thể mang tính thực tiễn cao, và có thể xúc tiến thành lập cơ sở kinh doanh.

Về kỹ năng:

Có các kỹ năng về làm việc nhóm.

Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan trong quá trình khởi tạo doanh nghiệp.

Về thái độ:

Có thái độ và ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề trong doanh nghiệp.

Có tinh thần khởi nghiệp và học hỏi không ngừng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng kiến thức và nguyên tắc quản trị để biến các ý tưởng kinh doanh thành hành động cụ thể mang tính thực tiễn cao, và có thể xúc tiến thành lập cơ sở kinh doanh	3
Kỹ năng		
CELO2	Tổ chức làm việc nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra.	3
CELO3	Vận dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả với	3

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	các bên liên quan trong quá trình khởi tạo doanh nghiệp	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề trong doanh nghiệp	3
CELO5	Hình thành thói quen học tập không ngừng và tinh thần khởi nghiệp	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng kiến thức và nguyên tắc quản trị để biến các ý tưởng kinh doanh thành hành động cụ thể mang tính thực tiễn cao, và có thể xúc tiến thành lập cơ sở kinh doanh	ELO2
Kỹ năng		
CELO2	Tổ chức làm việc nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra.	ELO6
CELO3	Vận dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan trong quá trình khởi tạo doanh nghiệp	ELO7
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề trong doanh nghiệp	ELO11
CELO5	Hình thành thói quen nghiêm túc trong học tập và khả năng tự học tập	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81096	Khởi tạo doanh nghiệp	N	H	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H

- N: Không đóng góp (*none supported*)
- S: Có đóng góp (*supported*)
- H: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng trên lớp
- + Giảng online
- + Hướng dẫn làm bài tập
- + Giảng dạy theo tình huống

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.
- + Phải đi học đúng giờ theo quy định. Hạn chế tối đa việc đi trễ (Không quá 15 phút).
- + Chuẩn bị cho bài học: sinh viên phải đọc các tài liệu học tập, hoàn thành toàn bộ bài tập do giảng viên cung cấp.
- + Thái độ: tôn trọng sở hữu trí tuệ, tuân thủ nguyên tắc làm việc nhóm, qui định về thời gian nộp bài.
- + Tham gia thảo luận, giải quyết những tình huống mà giảng viên hoặc các bạn đưa ra một cách nghiêm túc
- + Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm 5 SV), cử 1 nhóm trưởng để thực hiện bài tập nhóm.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ			CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập nhóm (25%)	Kiểm tra giữa kỳ (25%)	Thi cuối kỳ (50%)		
CELO 1	x	x	x	- Tình huống nhóm	- Hàng tuần
CELO 2	x	x	x	- Kiểm tra tự luận giữa kỳ đề đóng	- Tuần 7
CELO 3	x	x	x	- Thi trắc nghiệm + tự luận cuối kỳ đề đóng	- Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Làm bài tập nhóm	25%	
2	Kiểm tra cá nhân	25%	
3	Thi cuối kỳ	50%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá bài tiểu luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
Quản lý thời gian	10	Đúng quy định				Quá thời gian cho phép
Cấu trúc	10	Rất trực	Khá trực	Tương đối	Khó theo dõi	Rất khó

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
		quan và thẩm mỹ	quan	trực quan		theo dõi
Sự phối hợp trong nhóm	10	Thực hiện theo phân công của nhóm, đạt chất lượng tốt	Thực hiện theo phân công của nhóm, còn chút sai sót	Thực hiện theo phân công của nhóm, còn sai sót nhiều	Nhóm ít phối hợp trong quá trình thực hiện dự án, chưa đạt chất lượng	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm
Nội dung	45	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn một sai sót quan trọng	Tương đối chính xác, còn nhiều sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
	5	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn theo đúng thể thức	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn nhưng chưa theo đúng thể thức	Ghi nguồn trích dẫn theo đúng thể thức nhưng còn sót 1 nguồn trích dẫn	Ghi thiếu nhiều nguồn trích dẫn hoặc không đúng thể thức	Không ghi nguồn trích dẫn
Khả năng nhìn nhận và giải quyết vấn đề	20	Nhìn nhận được vấn đề, giải quyết thỏa đáng	Nhìn nhận được vấn đề, giải quyết còn vài chỗ chưa thỏa đáng	Nhìn nhận được vấn đề, chỉ giải quyết được 1/3 yêu cầu	Nhìn nhận được vấn đề, chưa giải quyết đầy đủ	Không nhìn nhận được vấn đề, không giải quyết vấn đề

- Thi giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
	năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi trắc nghiệm & tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo
Các câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ 80% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	- Có đáp án chính xác từ 50-70% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ dưới 40% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền, TS. Ngô Thị Việt Nga đồng chủ biên (2020), Giáo trình khởi sự kinh doanh, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. TS. Ernesto Sirolli (Phạm Thị Ngọc dịch) (2020), Làm thế nào để khởi nghiệp và tỏa sáng - Ba nguyên tắc thiết yếu để biến giấc mơ khởi nghiệp của bạn thành sự thật, NXB Lao Động.

3. Donald F. Furatko(2019), Khởi nghiệp kinh doanh - Lý thuyết, quá trình, thực tiễn, NXB Hồng Đức.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1. Giới thiệu về sáng tạo khởi nghiệp	CELO 1
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 giờ) Nội dung GD lý thuyết:	CELO 2 CELO 3

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>1.1. Sáng tạo là gì?</p> <p>1.2. Sự khác nhau của sáng tạo và khởi nghiệp là gì?</p> <p>1.3. Điểm mạnh và điểm yếu của Elon Musk trong sáng tạo</p> <p>1.4. Những mảng sáng tạo nào đáng quan tâm.</p> <p>1.5. Học sáng tạo như thế nào.</p> <p>Thực hành tình huống chương 1</p> <hr/> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ)</p> <p>- Đọc chương 1</p> <hr/> <p>C. Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ</p> <p>- Thi cuối kỳ</p>	<p>CELO 4</p> <p>CELO 5</p>
2	<p>Chương 2. Vai trò của người sáng tạo</p> <hr/> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 giờ)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>2.1. Những xu hướng gì được tạo ra khi lắng nghe các nhà khởi nghiệp như Jobs (Apple), Bezos (Amazon), Zuckerberg (Facebook), Branson (Virgin), và Oprah (Oprah Network)?</p> <p>2.2. Vai trò của sự rủi ro và đảm bảo khi bắt đầu sáng tạo.</p> <p>Thực hành tình huống chương 2</p> <hr/> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ)</p> <p>Đọc Bài: chương 2</p> <hr/> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ</p> <p>- Thi cuối kỳ</p>	<p>CELO 1</p> <p>CELO 2</p> <p>CELO 3</p> <p>CELO 4</p> <p>CELO 5</p>
	<p>Chương 3. Sáng tạo: Vai trò của các loại sáng tạo phân chia và sáng tạo khác</p> <hr/> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 giờ)</p>	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
3	<p>Nội dung GD lý thuyết: 3.1. Christiansen và cách áp dụng sáng tạo phân chia</p> <p>Thực hành tình huống chương 3</p> <hr/> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ) Đọc Bài: chương 3</p> <hr/> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Thảo luận nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi cuối kỳ</p>	<p>CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5</p>
4	<p>Chương 4: Vai trò đề nghị của khách hàng và giá trị: Khuyến khích nhu cầu cho một phạm vi trong thị trường</p> <hr/> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 giờ) Nội dung GD lý thuyết: 4.1. Giá trị đề xuất là gì? 4.2. Một công việc cần phải làm được đánh giá như thế nào? 4.3. Sự khác nhau giữa đại dương xanh và đại dương đỏ là gì?</p> <p>Thực hành tình huống chương 4</p> <hr/> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ) Đọc Bài: Chương 4</p> <hr/> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Thảo luận nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi cuối kỳ</p>	<p>CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5</p>
5	<p>Chương 5: Mô hình kinh doanh</p> <hr/> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 giờ) Nội dung GD lý thuyết: 5.1. Mô hình kinh doanh là gì? 5.2 Tại sao cần có mô hình kinh doanh?</p>	<p>CELO 1 CELO 2</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>5.3. Làm thế nào để xây dựng và thử nghiệm mô hình kinh doanh?</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ) Đọc Bài: chương 5</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Thảo luận nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi cuối kỳ</p>	CELO 3 CELO 4 CELO 5
6	<p>Chương 6: Vai trò của sự tin tưởng và nhược điểm trong sáng tạo</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 giờ) Nội dung GD lý thuyết: 6.1. Vai trò của tự tin tưởng và nhược điểm trong sáng tạo có ảnh hưởng như thế nào? 6.2. Làm thế nào để quản lý các yếu tố này. Tình huống thực hành: Đánh giá sự tin tưởng trong case của Airbnb</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ) Đọc Bài: chương 6</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Thảo luận nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi cuối kỳ</p>	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5
7	<p>Chương 7: Vai trò của sự thuyết phục và mạng xã hội</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 giờ) Nội dung GD lý thuyết: 7.1. Vai trò của sự thuyết phục 7.2. Vai trò của mạng xã hội Tình huống thực hành: - Những công cụ nào thiết yếu trong sự thuyết phục người</p>	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>khác để hỗ trợ sáng tạo của mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm thế nào để sử dụng mạng xã hội để tuyên truyền sự sáng tạo. - Làm thế nào để áp dụng các công cụ trong thực tiễn <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ) Đọc Bài: chương 7</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	CELO 5
8	<p>Chương 8: Sáng tạo trong công ty lớn</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 giờ) Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>8.1. Sự sáng tạo trong công ty lớn ? 8.2. Đánh giá sự sáng tạo ở các công ty lớn như thế nào ?</p> <p>Thực hành tình huống chương 8</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc Bài: chương 8</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5
9	<p>Chương 9: Xây dựng văn hóa sáng tạo</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (3 giờ)</p> <p>9.1. Văn hóa là gì ? 9.2. Vai trò của các giá trị trong văn hóa là gì ? 9.3. Làm thế nào để thực thi văn hóa trong tổ chức và đảm bảo tính duy trì qua lãnh đạo và quản lý ?</p>	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Thực hành tình huống chương 9</p> <p><i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</i></p> <p>Đọc Bài: chương 9</p> <p><i>C/ Đánh giá kết quả học tập trong:</i></p> <p><i>Phương pháp đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	CELO 5

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bút lông, bảng, máy chiếu, loa

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

P.TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Cao Văn On

GIẢNG VIÊN



ThS. Nguyễn Đăng Quan

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

41068 – KẾ TOÁN CHI PHÍ

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (2; 0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 0
- Giờ tự học của sinh viên: 60

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán

1.5. Học phần học trước: Kế toán tài chính 1

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Không

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hậu	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0989807928
Email: hau.lt@kktk.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui

định.

2. Mô tả học phần

Học phần Kế toán chi phí cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc tổ chức hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp theo các mô hình khác nhau, các phương pháp phân bổ chi phí phục vụ cho việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý..

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, phân bổ chi phí sản xuất chung và chi phí sản phẩm phụ
- Vận dụng được các nguyên tắc và phương pháp kế toán chi phí vào các ngành sản xuất khác nhau.

Về kỹ năng:

- Thu thập, xử lý và cung cấp thông tin chi phí sản xuất cho người sử dụng.
- Kỹ năng lập báo cáo chi phí sản xuất.

Về thái độ:

- Có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các ngành sản xuất khác nhau.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	- Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, phân bổ chi phí sản xuất chung và chi phí sản phẩm phụ, vận dụng được các nguyên tắc và phương pháp kế toán chi phí vào các ngành sản xuất khác nhau.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	- Thu thập, xử lý và cung cấp thông tin chi phí sản xuất cho người sử dụng.	Vận dụng
CELO3	- Kỹ năng lập báo cáo chi phí sản xuất.	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	- Có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các ngành sản xuất khác nhau.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, phân bổ chi phí sản xuất chung và chi phí sản phẩm phụ Vận dụng được các nguyên tắc và phương pháp kế toán chi phí vào các ngành sản xuất khác nhau.	4
Kỹ năng		
CELO2	Thu thập, xử lý và cung cấp thông tin chi phí sản xuất cho người sử dụng.	5, 9
CELO3	Kỹ năng lập báo cáo chi phí sản xuất.	9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các ngành sản xuất khác nhau	10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41068	Kế toán chi phí	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H	N	N

- *N: Không đóng góp (none supported)*
- *S: Có đóng góp (suppoorted)*
- *H: Đóng góp quan trọng (highly supported)*

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	CÔNG CỤ ĐÁNH	THỜI
--------------	-----------------------------	---------------------	-------------

đầu ra học phần (CELOs)	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ	GIÁ	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. TS. Đoàn Ngọc Quế (2015) Giáo trình kế toán chi phí, NXB Kinh tế.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Bộ tài chính (2021), 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà xuất bản tài chính.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học. - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo	
	Chương 1. Tổng quan về kế toán chi phí	CELO1,2,3,4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>1.1. Tổ chức và công việc của nhà quản trị</p> <p>1.1.1. Khái niệm về tổ chức</p> <p>1.1.2. Hoạt động cơ bản của một tổ chức</p> <p>1.1.3. Chức năng của nhà quản trị</p> <p>1.1.4. Nhu cầu về thông tin của nhà quản trị (tập trung vào nhu cầu kiểm soát chi phí)</p> <p>1.2. Chi phí và phân loại chi phí</p> <p>1.2.1 Chi phí</p> <p>1.2.2 Phân loại chi phí</p>	
2 + 3	<p>Chương 2: Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm</p> <p>2.1 Kế toán các yếu tố của quá trình sản xuất</p> <p>2.1.1 Khái niệm</p> <p>2.1.2 Tập hợp và phân bổ chi phí</p> <p>2.1.3 Tính giá thành sản phẩm</p> <p>2.2 Kế toán sản xuất</p> <p>2.2.2 Chi phí trong quá trình sản xuất và tính giá thành sản phẩm</p> <p>2.2.3 Khái quát về phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang</p> <p>2.2.4 Khái quát về phương pháp tính giá thành sản phẩm</p> <p>2.3 Kế toán sản xuất theo chi phí thực tế</p> <p>2.3.2 Khái niệm</p> <p>2.3.3 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành</p> <p>2.3.4 Tập hợp và phân bổ chi phí</p> <p>2.3.5 Tính giá thành sản phẩm</p> <p>2.4 Kế toán sản xuất theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính</p> <p>2.4.2 Khái niệm</p> <p>2.4.3 Tập hợp và phân bổ chi phí</p> <p>2.4.4 Tính giá thành sản phẩm</p> <p>2.5 Kế toán sản xuất theo chi phí định mức</p>	CELO1,2,3,4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	2.5.2 Khái niệm 2.5.3 Tập hợp và phân bổ chi phí 2.5.4 Kế toán chênh lệch giữa chi phí thực tế và chi phí định mức 2.5.5 Tính giá thành sản phẩm	
4 + 5	Chương 3: Đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm 3.1 Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang 3.1.1 Đánh giá SPDD theo chi phí NVL chính 3.1.2 Đánh giá SPDD theo chi phí NVL trực tiếp 3.1.3 Đánh giá SPDD theo sản phẩm hoàn thành tương đương 3.1.4 Đánh giá SPDD theo chi phí kế hoạch 3.2 Các phương pháp tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp 3.2.1 Khái quát về tính giá thành sản phẩm 3.2.2 Tính giá thành tại các doanh nghiệp có quy trình công nghệ giản đơn 3.2.3 Tính giá thành tại các doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp 3.2.4 Tính giá thành theo phương pháp phân bước	CELO1,2,3,4
6	Chương 4: Kế toán hoạt động sản xuất phụ 4.1 Tổng quan về hoạt động sản xuất phụ 4.1.1 Khái niệm 4.1.2 Vai trò của sản xuất phụ đối với doanh nghiệp 4.2 Phương pháp tính giá thành sản xuất phụ 4.2.1 Phương pháp đại số 4.2.2 Phương pháp phân bổ lần 2 4.2.3 Phương pháp phân bổ theo giá thành kế hoạch	CELO1,2,3,4

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 2: Làm bài tập Tổng quan về kế toán chi phí	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) - Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: - Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
2 + 3	Chương 2: Làm bài tập Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
4+5	Chương 3: Làm bài tập : Đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
6	Chương 4: Làm bài tập Kế toán hoạt động sản xuất phụ	CELO 1, 2, 4
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học:
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.

- + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
- + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
- + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Nguyễn Thị Trang

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**
41115 – KẾ TOÁN QUẢN TRỊ (ACCA)**1. Thông tin về học phần**

1.1. Số tín chỉ: 3 (3 tín chỉ lý thuyết)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 giờ
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 135 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán

1.5. Học phần học trước:

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 06

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: giảng bằng tiếng Việt và tài liệu học tập chính bằng tiếng Anh

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Lê Thị Hậu.
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: TS. Phạm Hữu Phương.
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí và dự toán chi phí cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí kinh doanh. Ngoài ra, học phần cung cấp nội dung học tập tiệm cận với chuẩn mực ACCA.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Có kiến thức về quy trình quản trị chi phí phục vụ cho việc tính giá thành và ra quyết định của tổ chức.

Về kỹ năng:

Có tư duy phản biện trong việc tư vấn ra quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp.

Có kỹ năng tiếng Anh trong thực hiện công việc kế toán quản trị.

Có các kỹ năng về kỹ thuật kế toán trong quản trị chi phí.

Về thái độ:

Có thái độ tuân thủ pháp luật và chuẩn mực kế toán

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Phân tích quy trình quản trị chi phí phục vụ cho việc tính giá thành và ra quyết định của tổ chức.	4
Kỹ năng		
CELO2	Vận dụng tư duy phản biện vào tư vấn ra quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp.	3
CELO3	Áp dụng tiếng Anh trong việc quản trị chi phí.	3
CELO4	Vận dụng tư duy phân tích để thực hiện các kỹ thuật kế toán trong quản trị chi phí.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực kế toán	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
-------------------------------	-----------------------------	--

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Phân tích quy trình quản trị chi phí phục vụ cho việc tính giá thành và ra quyết định của tổ chức.	ELO4
Kỹ năng		
CELO2	Vận dụng tư duy phản biện vào tư vấn ra quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp.	ELO5
CELO3	Áp dụng tiếng Anh trong việc quản trị chi phí.	ELO8
CELO4	Vận dụng tư duy phân tích để thực hiện các kỹ thuật kế toán trong quản trị chi phí.	ELO9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực kế toán	ELO10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41115	Kế toán quản trị (ACCA)	N	N	N	H	H	N	N	H	H	H	N	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (suppoorted)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng trên lớp
- + Giảng online
- + Hướng dẫn làm bài tập
- + Giảng dạy theo tình huống

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp

+ Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi

+ Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

+ Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

+ Phải đi học đúng giờ theo quy định. Hạn chế tối đa việc đi trễ (Không quá 15 phút).

+ Chuẩn bị cho bài học: sinh viên phải đọc các tài liệu học tập, hoàn thành toàn bộ bài tập do giảng viên cung cấp.

+ Thái độ: tôn trọng sở hữu trí tuệ, tuân thủ nguyên tắc làm việc nhóm, qui định về thời gian nộp bài.

+ Tham gia thảo luận, giải quyết những tình huống mà giáo viên hoặc các bạn đưa ra một cách nghiêm túc

+ Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm 5 SV), cử 1 nhóm trưởng để thực hiện bài tập nhóm.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Bài tập nhóm (20%)	Thảo luận nhóm (10%)	Bài kiểm tra nhanh (20%)	Thi cuối kỳ (50%)		
CELO 1	X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Thảo luận nhóm - Bài kiểm tra nhanh - Thi cuối kỳ tự luận, trắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương. - Theo nội dung. - Đột xuất - Cuối kỳ

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Bài tập nhóm (20%)	Thảo luận nhóm (10%)	Bài kiểm tra nhanh (20%)	Thi cuối kỳ (50%)		
					nghiệm đề đóng	
CELO 2	X	X	X	X	- Bài tập nhóm - Thảo luận nhóm - Bài kiểm tra nhanh - Thi cuối kỳ tự luận, trắc nghiệm đề đóng	- Cuối mỗi chương. - Theo nội dung. - Đợt xuất - Cuối kỳ
CELO 3	X	X	X	X	- Bài tập nhóm - Thảo luận nhóm - Bài kiểm tra nhanh - Thi cuối kỳ tự luận, trắc nghiệm đề đóng	- Cuối mỗi chương. - Theo nội dung. - Đợt xuất - Cuối kỳ
CELO 4	X	X	X	X	- Bài tập nhóm - Thảo luận nhóm - Bài kiểm tra nhanh - Thi cuối kỳ tự luận, trắc nghiệm đề đóng	- Cuối mỗi chương. - Theo nội dung. - Đợt xuất - Cuối kỳ
CELO 5	X	X		X	- Bài tập nhóm - Thảo luận	- Cuối mỗi chương. - Theo nội

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Bài tập nhóm (20%)	Thảo luận nhóm (10%)	Bài kiểm tra nhanh (20%)	Thi cuối kỳ (50%)		
					nhóm - Bài kiểm tra nhanh - Thi cuối kỳ tự luận, trắc nghiệm đề đóng	dung. - Đợt xuất - Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Bài tập nhóm	20%	
	Thảo luận nhóm	10%	
	Kiểm tra nhanh	20%	
Thi kết thúc học phần	Tự luận và trắc nghiệm	50%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Hoàn thành công việc được phân công (do Trưởng nhóm xác nhận)	30	Hoàn thành 100% sản phẩm được giao	Hoàn thành 75% sản phẩm được giao	Hoàn thành 50% sản phẩm được giao	Hoàn thành dưới 50% sản phẩm được giao
Trình bày bài tập đầy đủ	30	Trình bày đầy đủ	Trình bày hơn 2/3 số câu hỏi	Trình bày hơn 1/2 số câu hỏi	Trình bày dưới 1/2 số câu hỏi

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Trình bày bài tập chính xác	40	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 câu hỏi

- Đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thảo luận nhóm(nhóm tự đánh giá)	30	Đóng góp ý kiến tốt	Đóng góp ý kiến khá tốt	Đóng góp ý kiến tương đối tốt	Không đóng góp ý kiến
Nội dung đầy đủ	30	Thực hiện đầy đủ yêu cầu về nội dung	Thực hiện khá đầy đủ, còn thiếu sót không quan trọng	Thực hiện tương đối đủ, còn một thiếu sót quan trọng	Thực hiện không đầy đủ, còn nhiều thiếu sót quan trọng
Chất lượng nội dung đáp ứng yêu cầu	40	Nội dung đáp ứng tốt yêu cầu	Nội dung đáp ứng khá tốt yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Nội dung đáp ứng tương đối các yêu cầu, còn một sai sót quan trọng	Không đáp ứng yêu cầu/Nhiều sai sót quan trọng

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi trắc nghiệm & tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ 80% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	- Có đáp án chính xác từ 50-70% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ dưới 40% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. Nguyễn Ngọc Quang (2021) Kế toán quản trị, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. PGS. TS. Võ Văn Nhị (2020), Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam, NXB Tài Chính.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ</p> <p>A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: (2 giờ)</p> <p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ</p> <ol style="list-style-type: none"> Thông tin Lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định. Kế toán tài chính, kế toán chi phí và kế toán quản trị. Thông tin kế toán chi phí và ra quyết định <p>Nội dung thảo luận và sửa bài tập:</p> <p>Thảo luận vấn đề liên quan đến sự khác nhau giữa Kế toán tài chính, kế toán chi phí và kế toán quản trị.</p> <p>Làm bài tập trong sách Practice & Revision kit</p>	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Đọc tài liệu (1) và (2)</p>	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> Bài tập nhóm Bài tập thảo luận Thi GK và CK bằng hình thức trắc nghiệm 	
1+2	<p>CHƯƠNG 2: CÁC NGUỒN DỮ LIỆU</p> <p>A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: (2 giờ)</p>	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Các loại dữ liệu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các nguồn dữ liệu 2. Dữ liệu thứ cấp 3. Chọn mẫu 4. Phương pháp chọn mẫu <p>Nội dung thảo luận và sửa bài tập: (1 giờ) Làm bài tập trong sách Practice & Revision kit</p> <hr/> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc tài liệu (1) và (2)</p> <hr/> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm. - Thi GK và CK bằng hình thức trắc nghiệm 	<p>CELO3 CELO4 CELO5</p>
2	<p>CHƯƠNG 3: PHÂN LOẠI CHI PHÍ</p> <p>A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: (2 giờ)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân loại chi phí <p>Nội dung thảo luận và sửa bài tập: (1 giờ) Thảo luận tình huống về chi phí của công ty sản xuất bánh trung thu. Làm bài tập trong sách Practice & Revision kit</p> <hr/> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc tài liệu (1) và (2)</p> <hr/> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài tập thảo luận nhóm - Bài kiểm tra nhanh - Thi GK và CK bằng hình thức trắc nghiệm 	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5</p>
2+3	<p>CHƯƠNG 3: PHÂN LOẠI CHI PHÍ</p> <p>A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: (2 giờ)</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Cách ứng xử của chi phí <p>Nội dung thảo luận và sửa bài tập: (1 giờ) Làm bài tập trong sách Practice & Revision kit</p> <hr/> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p>	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Đọc tài liệu (1) và (2)</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài tập thảo luận nhóm - Bài kiểm tra nhanh - Thi GK và CK bằng hình thức trắc nghiệm 	
3	<p>CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU, CHI PHÍ NHÂN CÔNG, CHI PHÍ CHUNG</p> <p>A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: (2 giờ)</p> <p>Quản trị chi phí nguyên vật liệu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Kiểm soát hàng tồn kho là gì? 1.2. Đặt hàng, nhận hàng và xuất nguyên vật liệu sử dụng 1.3. Lưu trữ nguyên vật liệu thô 1.4. Kiểm soát lượng hàng tồn kho 1.5. Kế toán chi phí nguyên vật liệu <p>Nội dung thảo luận và sửa bài tập: (1 giờ)</p> <p>Những hậu quả có thể xảy ra khi không kiểm soát được việc đặt và nhận nguyên vật liệu là gì?</p> <p>Làm bài tập trong tài liệu (2) từ trang 23->27</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Đọc tài liệu (1) và (2)</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập trên lớp - Bài kiểm tra nhanh - Bài tập thảo luận - Thi GK và CK bằng hình thức trắc nghiệm 	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p>
4	<p>CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU, CHI PHÍ NHÂN CÔNG, CHI PHÍ CHUNG</p> <p>A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: (2 giờ)</p> <p>Quản trị chi phí nguyên vật liệu (tiếp theo)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.6. Định giá hàng tồn kho 1.7. Phương pháp xuất kho FIFO 	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>1.8. Phương pháp xuất kho LIFO 1.9. Phương pháp xuất kho bình quân gia quyền</p> <p>Nội dung thảo luận và sửa bài tập: (1 giờ) Làm bài tập trong tài liệu (2) từ trang 23->27 (tt)</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc tài liệu (1) và (2)</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập trên lớp - Bài kiểm tra nhanh - Bài tập thảo luận - Thi GK và CK bằng hình thức trắc nghiệm 	
4+5	<p>CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU, CHI PHÍ NHÂN CÔNG, CHI PHÍ CHUNG</p> <p>A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: (2 giờ)</p> <p>2. Quản trị chi phí nhân công</p> <p>2.1. Đo lường mức độ hoạt động của nhân công</p> <p>2.2. Phương pháp tính thù lao (tiền lương) cho nhân công</p> <p>2.3. Ghi nhận chi phí nhân công</p> <p>2.4. Luân chuyển nhân công (lao động)</p> <p>2.5. Kế toán chi phí nhân công</p> <p>Nội dung thảo luận và sửa bài tập: (1 giờ) Thảo luận: Trách nhiệm chính của bộ phận nhân sự là gì? Làm bài tập trong tài liệu (2) từ trang 28->31</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc tài liệu (1) và (2)</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập trên lớp - Bài kiểm tra nhanh - Bài tập thảo luận - Thi GK và CK 	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5</p>
5	CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU, CHI PHÍ NHÂN CÔNG, CHI PHÍ CHUNG	CELO1

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: (2 giờ)</p> <p>3. Quản trị chi phí chung</p> <p>3.1. Chi phí chung</p> <p>3.2. Giá thành đầy đủ (toàn bộ): giới thiệu.</p> <p>3.3. Phân bổ trực tiếp chi phí chung vào các trung tâm chi phí</p> <p>3.4. Phân bổ chi phí chung gián tiếp</p> <p>Nội dung thảo luận và sửa bài tập: (1 giờ)</p> <p>Làm bài tập trong tài liệu (2) từ trang 32->38</p> <hr/> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Đọc tài liệu (1) và (2)</p> <hr/> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập trên lớp - Bài kiểm tra nhanh - Bài tập thảo luận - Thi GK và CK bằng hình thức trắc nghiệm 	<p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p>
5+6	<p>CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU, CHI PHÍ NHÂN CÔNG, CHI PHÍ CHUNG (tt)</p> <p>A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: (2 giờ)</p> <p>3. Quản trị chi phí chung</p> <p>3.5. Tỷ lệ phân bổ chi phí chung</p> <p>3.6. Tỷ lệ phân bổ chung và tỷ lệ phân bổ bộ phận</p> <p>3.7. Phân bổ chi phí chung thừa và thiếu</p> <p>3.8. Ghi sổ cái liên quan đến chi phí chung</p> <p>Nội dung thảo luận và sửa bài tập: (1 giờ)</p> <p>Làm bài tập trong tài liệu (2) từ trang 38->40</p> <hr/> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Đọc tài liệu (1) và (2)</p> <hr/> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập trên lớp - Bài kiểm tra nhanh - Bài tập thảo luận - Thi GK và CK bằng hình thức trắc nghiệm 	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
6	<p>CHƯƠNG 5: GIÁ THÀNH TOÀN BỘ (ĐẦY ĐỦ), GIÁ THÀNH KHẢ BIẾN (TRỰC TIẾP)</p> <p>A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: (2 giờ)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chi phí biên và giá thành khả biến (trực tiếp) 2. Nguyên tắc của giá thành khả biến 3. Giá thành khả biến, giá thành toàn bộ và tính toán lợi nhuận 4. Đối chiếu lợi nhuận giữa hai phương pháp giá thành toàn bộ và giá thành khả biến. 5. So sánh giá thành khả biến với giá thành toàn bộ <p>Nội dung kiểm tra nhanh và sửa bài tập: (1 giờ)</p> <p>Thảo luận: Về sự khác nhau của hai phương pháp tính giá thành khả biến và giá thành toàn bộ.</p> <p>Làm bài tập trong tài liệu (2) từ trang 41->44</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Đọc tài liệu (1) và (2)</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập trên lớp - Bài kiểm tra nhanh - Bài tập thảo luận - Thi CK bằng hình thức trắc nghiệm 	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p>
7	<p>CHƯƠNG 6: GIÁ THÀNH THEO QUÁ TRÌNH</p> <p>A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: (2 giờ)</p> <p>Chương 6</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Những vấn đề cơ bản của giá thành theo quá trình 2. Thiệt hại trong giá thành theo quá trình 3. Thiệt hại với giá trị phế liệu 4. Thiệt hại với giá trị thanh lý 5. Đánh giá chi phí dở dang cuối kỳ 6. Đánh giá chi phí dở dang đầu kỳ theo phương pháp FIFO 7. Đánh giá chi phí dở dang đầu kỳ theo phương pháp trung bình <p>Nội dung kiểm tra nhanh và sửa bài tập: (1 giờ)</p>	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Làm bài kiểm tra nhanh nội dung đã học Thảo luận về cách ghi nhận: Normal loss (no scrap value), Abnormal loss, Abnormal gain Làm bài tập trong tài liệu (2) từ trang 50->53	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc tài liệu (1) và (2)	
	C. Đánh giá kết quả học tập - Bài tập trên lớp - Bài kiểm tra nhanh - Bài tập thảo luận - Thi CK bằng hình thức trắc nghiệm	
7+8	CHƯƠNG 7: GIÁ THÀNH THEO QUÁ TRÌNH, SẢN PHẨM LIÊN KẾT VÀ SẢN PHẨM PHỤ. A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: (2 giờ) Chương 7 <ol style="list-style-type: none"> 1. Sản phẩm liên kết và sản phẩm phụ 2. Xử lý chi phí chung 3. Sản phẩm liên kết trong kế toán quá trình 4. Kế toán sản phẩm phụ Nội dung kiểm tra nhanh và sửa bài tập: (1 giờ) Làm bài tập trong tài liệu (2) từ trang 53->55 B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc tài liệu (1) và (2) C. Đánh giá kết quả học tập - Bài tập trên lớp - Bài kiểm tra nhanh - Bài tập thảo luận - Thi CK bằng hình thức trắc nghiệm	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
8	CHƯƠNG 8: GIÁ THÀNH THEO CÔNG VIỆC, GIÁ THÀNH THEO LÔ VÀ GIÁ THÀNH DỊCH VỤ A/ Các nội dung giảng dạy trên lớp: (2 giờ) <ol style="list-style-type: none"> 1. Phương pháp tính giá thành 2. Giá thành theo công việc 	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	3. Giá thành theo lô Nội dung thảo luận và sửa bài tập: (1 giờ) Làm bài tập trong tài liệu (2) từ trang 47->50 B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc tài liệu (1) và (2) C. Đánh giá kết quả học tập - Bài tập trên lớp - Thi CK bằng hình thức trắc nghiệm	CELO5
8+9	CHƯƠNG 8: GIÁ THÀNH THEO CÔNG VIỆC, GIÁ THÀNH THEO LÔ VÀ GIÁ THÀNH DỊCH VỤ A/ Các nội dung giảng dạy trên lớp: (1 giờ) 4. Giá thành dịch vụ Nội dung thảo luận và sửa bài tập: (2 giờ) Làm bài tập trong tài liệu (2) từ trang 47->50 B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc tài liệu (1) và (2) C. Đánh giá kết quả học tập - Bài tập trên lớp - Thi CK bằng hình thức trắc nghiệm	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bút lông, bảng, máy chiếu, loa

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: học phần được xây dựng mới.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Lê Thị Hậu

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
41116 – KẾ TOÁN QUỐC TẾ

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (2; 0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 0
- Giờ tự học của sinh viên: 60

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ:

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: giảng dạy bằng tiếng Việt, Slide bài giảng, bài đọc, giáo trình chính và bài tập bằng tiếng Anh

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Bộ môn kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:
Email: trang.nt@kkt.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản nhất đến cách lập Báo cáo tài chính dưới góc độ kế toán Mỹ trong một chu trình kế toán hoàn thiện của một doanh nghiệp; kế toán một số khoản mục cơ bản như: tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, kế toán nợ phải trả... trong hệ thống kế toán Mỹ; tính một số các chỉ số tài chính như ROA, ROE, ROS... Ngoài ra, môn học còn cung cấp sinh viên kỹ năng sử dụng tiếng anh chuyên ngành để phân tích và xử lý tình huống, làm việc nhóm.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Hiểu những khái niệm cơ bản nhất đến cách lập Báo cáo tài chính dưới góc độ kế toán Mỹ trong một chu trình kế toán hoàn thiện của một doanh nghiệp; kế toán một số khoản mục cơ bản như: tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, kế toán nợ phải trả... trong hệ thống kế toán Mỹ.

Về kỹ năng:

- Tính một số các chỉ số tài chính như ROA, ROE, ROS... Ngoài ra, môn học còn cung cấp sinh viên kỹ năng sử dụng tiếng anh chuyên ngành để phân tích và xử lý tình huống, làm việc nhóm.

Về thái độ:

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, trung thực, tử mĩ và chính xác.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CLO1	Phân tích các khái niệm cơ bản trong kế toán Mỹ	Vận dụng
CLO2	Phân tích các bước của chu trình kế toán trong kế toán Mỹ	Vận dụng
Kỹ năng		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CLO3	Ghi sổ một số khoản mục cơ bản trên BCTC trong kế toán Mỹ; Vận dụng tư duy phân tích và làm việc nhóm để giải quyết các tình huống trong kế toán Mỹ bằng tiếng Anh	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Ý thức tự học, tự nghiên cứu tài liệu và tuân thủ pháp luật liên quan đến công việc kế toán.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Phân tích các khái niệm cơ bản trong kế toán Mỹ	4,5
CELO2	Phân tích các bước của chu trình kế toán trong kế toán Mỹ	4,5
Kỹ năng		
CELO3	Ghi sổ một số khoản mục cơ bản trên BCTC trong kế toán Mỹ; Vận dụng tư duy phân tích và làm việc nhóm để giải quyết các tình huống trong kế toán Mỹ bằng tiếng Anh	8,10
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Ý thức tự học, tự nghiên cứu tài liệu và tuân thủ pháp luật liên quan đến công việc kế toán.	10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41116	Kế toán quốc tế	N	N	N	H	H	N	N	H	N	H	N	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp;
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra;
- + Làm bài tập và thảo luận;

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	

3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. PGS. TS. Võ Văn Nhị (chủ biên) (2018), Nguyên Lý Kế Toán, NXB Tài Chính.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. PGS. TS. Trần Văn Thuận(2021), Nguyên Lý Kế Toán Dùng Cho Các Ngành Kế Toán Kiểm Toán Ngân Hàng Tài Chính Kinh Tế Và Quản Trị Kinh Doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <p>- Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả.</p>	

	- Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo	
1	Chapter 1 Accounting in Business (3 tiết)	CELO4,5
	1. 1. Importance of Accounting 1. 2. Fundamentals of Accounting 1. 3. Transaction Analysis 1. 4. Financial Statements	
1-2	Chapter 2 Analyzing and Recording Transactions (3 tiết)	CELO4,5
	2. 1. Analyzing and Recording Process 2. 2. Analyzing and Processing Transactions 2. 3. Trial Balance	
2	CHAPTER 3: Adjusting Accounts and Preparing Financial Statements (3 tiết)	CELO4,5
	3. 1. Timing and Reporting 3. 2. Adjusting Accounts 3. 3. Preparing Financial Statements	
2-3	CHAPTER 4: Completing the Accounting Cycle (3 tiết)	CELO4,5,8,10
	4. 1. Work Sheet 4. 2. Closing Process 4. 3. Accounting Cycle 4. 4. Classified Balance sheet	
3	CHAPTER 5: Accounting for Merchandising Operations (3 tiết)	CELO4,5,8,10
	5. 1. Merchandising Activities 5. 2. Merchandising Purchases 5. 3. Merchandising Sales 5. 4. Accounting Cycle 5. 5. Financial Statement formats	
4	CHAPTER 6:	CELO4,5,8,10

	Inventories and Cost of Sales (3 tiết)	
	6. 1. Inventories basics 6. 2. Inventories Costing under a Perpetual System 6. 3. Inventories Valuation and Errors	
4	CHAPTER 7: Cash & Internal Controls (3 tiết)	CELO4,5,8,10
	7.1. Internal Control 7.2. Control of Cash 7.3. Banking Activities as Controls	
5	CHAPTER 8: Accounting for Receivables (3 tiết)	CELO4,5,8,10
	8.1. Accounts Receivable 8.2. Notes Receivable 8.3. Disposal of Receivables	
6	CHAPTER 9: Plant Assets; Natural Resources and Intangibles (3 tiết)	CELO4,5,8,10
	9.1. Analyzing and Recording Process 9.2. Analyzing and Processing Transactions 9.3. Trial Balance	
	Review from chapter 1 – chapter 9 (3 tiết)	CELO4,5,8,10

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chapter 1 Accounting in Business	CELO4,5
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc tài liệu: + Slide bài giảng chương 1 + Bài đọc tr.1-25 - Làm bài tập :	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	+ Multiple choice quiz (P.27) + QS 1-10, QS 1-11, QS 1-12 (P.29) + Problem 1- 2A (P.34) & 1- 7B, 1- 8B (P.40).	
1-2	Chapter 2 Analyzing and Recording Transactions	CELO4,5
	Thảo luận nhóm	...
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc tài liệu: + Slide bài giảng chapter 2 + tr.46 – 71 - Làm bài tập + Multiple choice quiz (P.73) + QS 2- 6, QS 2- 7(P.74) + Problem 2- 1A, 2- 3A (P.80), 2- 4B & 2-6B (P.84).	
2	CHAPTER 3: Adjusting Accounts and Preparing Financial Statements	CELO4,5
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc tài liệu + Slide bài giảng chương 3 + Bài đọc tr. 90 – 112 - Làm bài tập: + Multiple choice quiz (P.113) + QS 3- 3, QS 3- 5(P.114), QS 3- 7 (P.115). + Problem 3- 2A, 3- 3A (P.120), 3-5B & 3-6B (P.127).	
2-3	CHAPTER 4: Completing the Accounting Cycle	CELO4,5,8,10
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc tài liệu:	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	+ Slide bài giảng chapter 4 + Bài đọc tr. 133 – 153 - Làm bài tập chương 4 + Multiple choice quiz (P.154 - 155) + QS 4- 6, QS 4- 7(P.156), QS 4- 8, QS 4- 9 (P.157). + Problem 4- 2A, 4- 3A (P.163), 4- 4B & 4- 5B (P.169).	
3	CHAPTER 5: Accounting for Merchandising Operations	CELO4,5,8,10
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc tài liệu + Slide bài giảng chapter 5 + Bài đọc tr. 176 – 203 - Làm bài tập chương 5 + Multiple choice quiz (P.205) + QS 5- 2, QS 5- 3, QS 5- 4 (P.206). + Problem 5- 1A, 5- 2A (P.210), 5- 3B & 5- 4B (214).	
4	CHAPTER 6: Inventories and Cost of Sales	CELO4,5,8,10
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc tài liệu + Slide bài giảng chapter 6 + Bài đọc tr. 222 – 247 - Làm bài tập chương 6 + Multiple choice quiz (P.248) + QS 6- 3, QS 6- 5 (P.250). + Problem 6- 1A, 6- 2A, 5- 3A (P.253), 6- 3B & 6- 5B (P.267).	
	CHAPTER 7: Cash & Internal Controls	CELO4,5,8,10

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Thảo luận nhóm Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc tài liệu + Slide bài giảng chapter 7 + Bài đọc tr. 309 - 337 - Làm bài tập chapter 7 + Multiple choice quiz (P.338) + QS 8- 5, QS 8- 6 (P.340). + Problem 8- 1 & 8- 2A (P.342), 8- 3B, 8- 4B & 8- 5B(P.346).	
5	CHAPTER 8: Accounting for Receivables	CELO4,5,8,10
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc tài liệu + Slide bài giảng chapter 8 + Bài đọc tr. 351 - 371 - Làm bài tập chương 8 + Multiple choice quiz (P.373) + QS 9- 2, QS 9- 5 (P.374). + Problem 9- 1A & 9- 2A (P.376), 9-3B & 9-5B (P.377).	
6	CHAPTER 9: Plant Assets; Natural Resources and Intangibles	CELO4,5,8,10
	Thảo luận nhóm	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc tài liệu + Slide bài giảng chapter 9 + Bài đọc tr. 384 - 409 - Làm bài tập chapter 9 + Multiple choice quiz (P.411)	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	+ QS 10-3, QS 10-6, QS 10- 8 (P.412). + Problem 10- 2A & 10- 3A (P.416), 10- 4B & 10- 5B, 10-6B (P.420).	
	Review from chapter 1 – chapter 9	CELO4,5,8,10
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học có thể giúp SV tham gia làm việc nhóm
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu, loa tại các phòng học

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Nguyễn Thị Trang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
41014 – KIỂM TOÁN CĂN BẢN

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 03 (3;0)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận 15 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 tiết

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Kế toán tài chính 1, 2

1.5. Học phần học trước:

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ:

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: học phần môn kiểm toán được giảng dạy bằng tiếng Việt – Tài liệu giảng dạy theo giáo trình chính

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: khoa kế toán – tài chính- ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hậu	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:
Email: hau.lt@kkt.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

Giảng viên thỉnh giảng (nếu có)

Họ và tên: Nguyễn Vương Thành	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0983007585
Email: nguyenvlongkt@gmail.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	
Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Bản chất, chức năng, đối tượng và phương pháp của kiểm toán; Môi trường kiểm toán: đặc điểm của nghề nghiệp kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán, đạo đức nghề nghiệp; Các hình thức kiểm toán và chủ thể kiểm toán; Hệ thống kiểm soát nội bộ; Phương pháp và quy trình kiểm toán.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Nắm vững những khái niệm cơ bản: bản chất, vai trò của kiểm toán, phân biệt các loại kiểm toán;
- Hiểu rõ môi trường kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp;
- Giải thích được nhiệm vụ, các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Nắm vững phương pháp và quy trình kiểm toán.

Về kỹ năng:

- Biết đánh giá môi trường kiểm toán;
- Biết cách ứng xử trong giao tiếp đối với khách hàng đảm bảo thực hiện công việc thuận lợi và không vi phạm đạo đức nghề nghiệp;
- Biết đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Biết thiết lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán;

Về thái độ:

Có ý thức tổ chức kỷ luật, khách quan, trung thực, tỳ mỉ và chính xác

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Nắm vững những khái niệm cơ bản: bản chất, vai trò của kiểm toán, phân biệt các loại kiểm toán; phương pháp và quy trình kiểm toán.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	Biết đánh giá môi trường kiểm toán; ứng xử trong giao tiếp đối với khách hàng đảm bảo thực hiện công việc thuận lợi ; đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ; thiết lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán.	Vận dụng
CELO3	Vận dụng phương pháp, và quy trình kiểm toán để thiết lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán, vận dụng kiến thức nền tảng để tiếp tục nghiên cứu về kiểm toán nâng cao.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
CELO1	Nắm vững những khái niệm cơ bản: bản chất, vai trò của kiểm toán, phân biệt các loại kiểm toán; phương pháp và quy trình kiểm toán.	4
Kỹ năng		
CELO2	Biết đánh giá môi trường kiểm toán; ứng xử trong giao tiếp đối với khách hàng đảm bảo thực hiện công việc thuận lợi ; đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ; thiết lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán;	5,6,9
CELO3	Vận dụng phương pháp, và quy trình kiểm toán để thiết lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán.	9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán, vận dụng kiến thức nền tảng để tiếp tục nghiên cứu về kiểm toán nâng cao.	10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41014	Kiểm toán căn bản	N	H	N	N	N	N	N	N	H	H	N	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (suppoorted)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;

- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						Thi cuối kỳ	Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ	Mức chất lượng
----------	----	----------------

	lệ (%)	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (câu hỏi tự luận)

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. Nhiều tác giả(2017), Kiểm toán, NXB Lao Động.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Tăng Bình, Ái Phương(2020), Luật Kiểm toán nhà nước và hướng dẫn kiểm toán nội bộ, NXB Tài Chính.

3. Bộ tài chính (2021), 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam, NXB Tài Chính.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>Chương 1: Tổng quan về kiểm toán (5 tiết)</p> <p>1.1 Khái niệm kiểm toán</p> <p>1.2 Phân loại kiểm toán</p> <p>1.2.1 Phân loại theo chức năng</p> <p>1.2.2 Phân loại theo chủ thể kiểm toán</p> <p>1.3 Vai trò của kiểm toán</p> <p>1.4. Tổ chức và hoạt động của công ty kiểm toán độc lập</p>	CELO 1, 2, 4
2	<p>Chương 2: Môi trường kiểm toán (5 tiết)</p> <p>2.1 Khái quát về môi trường kiểm toán</p> <p>2.1.2 Những đặc điểm của nghề nghiệp kiểm toán</p> <p>2.1.3 Các nhân tố và các định chế chi phối nghề nghiệp kiểm toán</p> <p>2.2 Chuẩn mực kiểm toán</p> <p>2.2.1 Khái niệm</p> <p>2.2.3 Sự cần thiết của chuẩn mực kiểm toán</p> <p>2.3 Tổ chức lập quy</p> <p>2.4 Giới thiệu hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt nam</p> <p>2.5 Đạo đức nghề nghiệp</p> <p>2.5.1 Tính độc lập</p> <p>2.5.2 Tính chính trực, tính khách quan</p> <p>2.5.3 Bảo mật</p> <p>2.5.6 Chấp hành pháp luật</p> <p>2.5.7 Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp</p> <p>2.5.8 Đảm bảo về trình độ nghiệp vụ</p> <p>2.6 Trách nhiệm pháp lý của kiểm toán viên và công ty kiểm toán</p> <p>2.6.1 Trách nhiệm pháp lý của kiểm toán viên</p> <p>2.6.2 Trách nhiệm pháp lý của công ty kiểm toán</p>	CELO 1, 2, 4
3,4,5	<p>Chương 3: Hệ thống kiểm soát nội bộ (HTKSNB) (15 tiết)</p> <p>3.1 Khái niệm - nhiệm vụ của HTKSNB</p> <p>3.1.1 Khái niệm</p> <p>3.1.2 Nhiệm vụ</p>	CELO 1, 2, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>3.2 Các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ</p> <p>3.2.1 Môi trường kiểm soát</p> <p>3.2.2 Thông tin và truyền thông</p> <p>3.2.3 Đánh giá rủi ro</p> <p>3.2.4 Các thể thức kiểm soát</p> <p>3.2.5 Hoạt động giám sát</p> <p>3.3 Những phương pháp mô tả HTKSNB</p> <p>3.3.1 Bảng tường thuật</p> <p>3.3.2 Câu hỏi</p> <p>3.3.3 Lưu đồ</p> <p>3.4 Tìm hiểu về kiểm soát nội bộ và đánh giá rủi ro kiểm soát của kiểm toán viên</p>	
6,7,8,9	<p>Chương 4: Phương pháp và quy trình kiểm toán (20 tiết)</p> <p>4.1 Một số khái niệm cơ bản sử dụng trong quá trình kiểm toán</p> <p>4.1.1 Gian lận và sai sót</p> <p>4.1.2 Tính trọng yếu trong kiểm toán</p> <p>4.1.3 Rủi ro và kiểm soát nội bộ</p> <p>4.1.4 Bảng chứng kiểm toán</p> <p>4.1.5 Hồ sơ kiểm toán</p> <p>4.1.6 Báo cáo kiểm toán</p> <p>4.2 Quy trình kiểm toán</p> <p>4.3 Các phương pháp tiếp cận đối tượng kiểm toán</p> <p>4.4 Quy trình kiểm toán</p> <p>4.5 Các sự kiện xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính</p>	CELO 1, 2, 4

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>Chương 1: Tổng quan về kiểm toán Làm bài tập tổng ôn kiến thức Kế toán tài chính</p> <p>Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ)</p>	CELO 1, 2, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>- Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>- Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	
2	<p>Chương 2: Môi trường kiểm toán Làm bài tập thảo luận phân tích chuẩn mực kế toán và tìm hiểu trách nhiệm tránh lý kiểm toán.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	CELO 1, 2, 4
3,4,5	<p>Chương 3: Làm bài tập Hệ thống kiểm soát nội bộ</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	CELO 1, 2, 4
6,7,8,9	<p>Chương 4: Làm bài tập Phương pháp và quy trình kiểm toán</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (50 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	CELO 1, 2, 4

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: trang bị đủ số lượng bàn ghế, đèn, quạt phù hợp với từng qui mô lớp học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng, máy chiếu, Micro, hệ thống loa – âm thanh, wifi

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.

- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Lê Thị Hương

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

41094 – THỰC HÀNH SỔ SÁCH VÀ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (1: 2)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15
- Giờ học thực hành: 60
- Giờ tự học của sinh viên: 90

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1, 2, kế toán chi phí

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Không

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hương	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0989807928
Email: huong.lt@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

- Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng liên quan đến tổ chức kế toán trong các doanh nghiệp và các đơn vị kế toán khác. Các phương pháp sửa sai trong kế toán. Sổ và các hình thức kế toán
- Lấy số liệu của một doanh nghiệp SX thực tế, Thực hiện ghi sổ các phần việc kế toán : Vốn bằng tiền và các khoản ứng trước, kho NVL, CCDC, Thành phẩm, tài sản cố định, lương và trích theo lương, tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm, phải thu, phải trả, kế toán tổng hợp theo hình thức ghi sổ nhật ký chung hàng ngày, ra sổ cái, sổ chi tiết một số TK, lập bảng cân đối tài khoản, lập báo cáo tài chính, lập báo cáo thuế. (giới thiệu ghi thêm 2 hình thức ghi sổ là: Nhật ký sổ cái, chứng từ ghi sổ, giới thiệu thêm cách ghi sổ nhật ký chung theo nội dung kinh tế :(nhật ký chung kèm theo nhật ký đặc biệt)

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Vận dụng được hệ thống kế toán bao gồm: Quy trình kế toán; chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, các báo cáo kế toán chi tiết và tổng hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Về kỹ năng:

- Tổ chức hệ thống kế toán bao gồm: tổ chức các quy trình kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán nhằm đáp ứng thông tin theo yêu cầu quản lý của đơn vị.
- Vận dụng tốt các quy định về kế toán trong tổ chức công tác công tác kế toán.

Về thái độ:

- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO1	- Vận dụng được hệ thống kế toán bao gồm: Quy trình kế toán; chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, các báo cáo kế toán chi tiết và tổng hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	- Tổ chức hệ thống kế toán bao gồm: tổ chức các quy trình kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán nhằm đáp ứng thông tin theo yêu cầu quản lý của đơn vị.	Vận dụng
CELO3	- Vận dụng tốt các quy định về kế toán trong tổ chức công tác công tác kế toán.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng được hệ thống kế toán bao gồm: Quy trình kế toán; chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, các báo cáo kế toán chi tiết và tổng hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.	4

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kỹ năng		
CELO2	Kỹ năng tổ chức hệ thống kế toán bao gồm: tổ chức các quy trình kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán nhằm đáp ứng thông tin theo yêu cầu quản lý của đơn vị	5, 9
CELO3	Vận dụng tốt các quy định về kế toán trong tổ chức công tác công tác kế toán.	9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.	10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41092	Kế toán tài chính 1	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H	N	N

- N: Không đóng góp (*none supported*)
- S: Có đóng góp (*supported*)
- H: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp

- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						Thi cuối kỳ	Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận.

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
	tạo	sáng tạo	

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận.

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. Thomas R. Ittelson (2018), Báo cáo tài chính: Hướng dẫn từng bước hiệu và lập báo cáo tài chính, NXB. Hồng Đức.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. TS. Đặng Văn Sáng (2020), Hướng Dẫn Thực Hành Lập Sổ Sách Kế Toán, Báo Cáo Tài Chính Và Báo Cáo Thuế Gtgt Trên Excel, NXB. Tài Chính.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	

Tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>Chương 1: Tổ chức bộ máy kế toán</p> <p>1.1. Khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ của tổ chức bộ máy kế toán</p> <p>1.1.1 Khái niệm</p> <p>1.1.2 Ý nghĩa tổ chức bộ máy kế toán</p> <p>1.1.3 Nhiệm vụ của tổ chức bộ máy kế toán</p> <p>1.2 Căn cứ, yêu cầu và nguyên tắc của tổ chức bộ máy kế toán</p> <p>1.2.1 Căn cứ tổ chức bộ máy kế toán</p> <p>1.2.2 Yêu cầu của tổ chức bộ máy kế toán</p> <p>1.2.3 Nguyên tắc của tổ chức bộ máy kế toán</p> <p>1.3. Nội dung tổ chức bộ máy kế toán</p> <p>1.3.1. Lựa chọn mô hình tổ chức bộ máy</p> <p>1.3.2. Xây dựng quy chế hoạt động của bộ máy</p> <p>1.3.3. Phân công lao động kế toán</p>	CELO 1, 2, 4
2	<p>Chương 2: Lựa chọn hình thức sổ kế toán</p> <p>3.1. Yêu cầu cung cấp thông tin của hệ thống kế toán và yêu cầu, nguyên tắc tổ chức hệ thống sổ kế toán</p> <p>3.1.1. Yêu cầu cung cấp thông tin của hệ thống kế toán</p> <p>3.1.2. Yêu cầu tổ chức hệ thống sổ kế toán</p> <p>3.1.3. Nguyên tắc lựa chọn hình thức sổ kế toán</p> <p>3.2. Nội dung tổ chức sổ kế toán</p> <p>3.2.1. Lựa chọn danh mục các loại sổ kế toán</p> <p>3.2.2. Thiết kế nội dung, hình thức, kết cấu của từng loại sổ</p> <p>3.2.3. Xây dựng các quy định hạch toán trên sổ</p> <p>3.2.4. Xây dựng mô hình ghi chép của hệ thống sổ</p> <p>3.2.5. Các phương pháp sửa sai trong kế toán</p> <p>3.2.6. Tổ chức bảo quản và lưu trữ sổ kế toán</p> <p>3.3. Các hình thức sổ kế toán phổ biến</p> <p>3.3.1. Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung</p> <p>3.3.2. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Sổ cái</p>	

Tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	3.3.3. Hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ 3.3.4. Hình thức sổ kế toán trên máy vi tính	
3	Chương 3: Thực hành kế toán tiền và quy trình kiểm soát nội bộ tiền mặt 3.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ của tổ chức kế toán tiền và quy trình kiểm soát nội bộ tiền mặt 3.2. Tổ chức chứng từ kế toán tiền mặt và xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ 3.3. Tổ chức tài khoản kế toán 3.4. Thực hành sổ kế toán chi tiết và báo cáo kế toán	CELO 1, 2, 4
4+5	Chương 4: Thực hành kế toán hàng tồn kho 4.1. Đặc điểm, yêu cầu và nhiệm vụ tổ chức kế toán hàng tồn kho 4.2. Nội dung tổ chức kế toán hàng tồn kho 4.3. Tổ chức chứng từ kế toán tăng, giảm hàng tồn kho 4.4. Tổ chức tài khoản kế toán tăng, giảm hàng tồn kho 4.5. Thực hành kế toán chi tiết hàng tồn kho và báo cáo hàng tồn kho	
6+7	Chương 5: Thực hành kế toán TSCĐ 5.1. Yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức kế toán TSCĐ 5.1.1. Đặc điểm của TSCĐ và yêu cầu tổ chức kế toán TSCĐ 5.1.2. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán TSCĐ 5.2. Tổ chức kế toán tăng, giảm tài sản cố định 5.2.1. Tổ chức chứng từ kế toán tăng, giảm TSCĐ 5.2.2. Tổ chức tài khoản kế toán 5.2.3. Tổ chức sổ kế toán TSCĐ 5.3. Tổ chức kế toán khấu hao TSCĐ 5.4. Thực hành kế toán sửa chữa, nâng cấp TSCĐ và báo cáo TSCĐ	CELO 1, 2, 4
8+9	Chương 6: Thực hành kế toán chi phí nhân công và các khoản thanh toán với người lao động	CELO 1, 2, 3, 4

Tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	6.1. Nguyên tắc tổ chức kế toán chi phí nhân công và các khoản thanh toán với người lao động 6.2. Nội dung tổ chức kế toán chi phí nhân công và các khoản thanh toán với người lao động 6.3. Tổ chức chứng từ kế toán chi phí nhân công và các khoản thanh toán với người lao động 6.4. Tổ chức tài khoản kế toán 6.5. Thực hành kế toán chi tiết và báo cáo chi phí nhân công và các khoản thanh toán với người lao động	
10 +11 +12	Chương 7: Thực hành kế toán quá trình sản xuất 7.1. Tổ chức chứng từ kế toán chi phí sản xuất 7.2. Lựa chọn đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm 7.3. Tổ chức tài khoản kế toán 7.4. Lựa chọn quy trình kế toán 7.5. Lựa chọn phương pháp tính giá thành 7.6. Thực hành kế toán chi tiết và báo cáo chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	
13+14+15	Chương 8: Thực hành kế toán bán hàng và lập báo cáo tài chính. 8.1. Đặc điểm, yêu cầu và nhiệm vụ tổ chức kế toán bán hàng 8.2. Nội dung tổ chức kế toán bán hàng 8.3. Tổ chức chứng từ kế toán bán hàng và quy trình luân chuyển chứng từ 8.4. Tổ chức tài khoản kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh 8.5. Thực hành kế toán chi tiết bán hàng và xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính	CELO 1, 2, 4
Lưu ý: Sử dụng bộ chứng từ thực tế tại một doanh nghiệp cụ thể, kèm mẫu biểu chứng từ, sổ sách báo cáo liên quan.		

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: Tổ chức bộ máy kế toán	CELO 1, 2, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 4 giờ) - Trả lời các câu hỏi trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (6 giờ) - Làm bài tập ở nhà đọc trước nội dung bài mới	
	Đánh giá kết quả học tập: - Quá trình tham gia phát biểu trong giờ học	
2	Chương 2: Lựa chọn hình thức sổ kế toán	CELO 1, 2, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 4 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (6 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
3	Chương 3: Làm bài tập thực hành kế toán tiền	CELO 1, 2, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 4 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (6 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
4+5	Chương 4: Làm bài tập thực hành Thực hành kế toán hàng tồn kho	CELO 1, 2, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 8 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (12 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
6+7	Chương 5: Làm bài tập Thực hành kế toán TSCĐ	CELO 1, 2, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 8 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (12 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
8+9	Chương 6: Làm bài tập Thực hành kế toán chi phí nhân công và các khoản thanh toán với người lao động	CELO 1, 2, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 8 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (12 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
10 +11 +12	Chương 7: Làm bài tập Thực hành kế toán quá trình sản xuất	
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 12 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (18 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
13+14+15	Chương 8: Làm bài tập Thực hành kế toán bán hàng và	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	lập báo cáo tài chính.	
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 12 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học:
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

PHÓ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN





TS. Trần Thanh Vũ

ThS. Lê Thị Hậu

ThS. Lê Thị Hương

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

41117 – KẾ TOÁN THUẾ VÀ THỰC HÀNH KHAI BÁO VÀ QUYẾT TOÁN
THUẾ

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (2; 1)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30
- Giờ học thực hành: 30
- Giờ tự học của sinh viên: 90

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán

1.5. Học phần học trước: Kế toán tài chính 1, kế toán tài chính 2

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Không

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hậu	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0989807928
Email: hau.lt@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Học phần kế toán thuế trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu để sinh viên hiểu và biết cách tính và kế toán và báo cáo các nghĩa vụ thuế phát sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Nội dung chủ yếu về kế toán thuế trong các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam, nguyên tắc và phương pháp kế toán đối với các đối tượng kế toán thuộc hoạt động kinh doanh (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu...) Lập và trình bày báo cáo thuế nhằm cung cấp thông tin kinh tế, tài chính, thực hiện nghĩa vụ đối với cơ quan thuế.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Vận dụng quy định của các luật thuế, chuẩn mực kế toán của Việt Nam, các phương pháp tính thuế, hạch toán kế toán liên quan, thu thập và xử lý thông tin đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người sử dụng thông tin ở trong và ngoài doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực kế toán và yêu cầu của pháp luật về thuế.

Về kỹ năng:

- Phân loại chứng từ, sổ kế toán và kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với các quy định của các luật thuế đến kế toán thuế và báo cáo, quyết toán thuế.
- Kê khai, lập báo cáo và quyết toán các loại thuế và vận dụng linh hoạt trong tình huống thực tế.

Về thái độ:

- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của quy định về luật thuế, chế độ kế toán, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi.
- Luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO1	- Vận dụng quy định của các luật thuế, chuẩn mực kế toán của Việt Nam, các phương pháp tính thuế, hạch toán kế toán liên quan, thu thập và xử lý thông tin đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người sử dụng thông tin ở trong và ngoài doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực kế toán và yêu cầu của pháp luật về thuế.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	- Phân loại chứng từ, sổ kế toán và kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với các quy định của các luật thuế đến kế toán thuế và báo cáo, quyết toán thuế.	Vận dụng
CELO3	- Kê khai, lập báo cáo và quyết toán các loại thuế và vận dụng linh hoạt trong tình huống thực tế.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của quy định về luật thuế, chế độ kế toán, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi.	Vận dụng
CELO5	- Luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
CELO1	Vận dụng quy định của các luật thuế, chuẩn mực kế toán của Việt Nam, các phương pháp tính thuế, hạch toán kế toán liên quan, thu thập và xử lý thông tin đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người sử dụng thông tin ở trong và ngoài doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực kế toán và yêu cầu của pháp luật về thuế.	4
Kỹ năng		
CELO2	Phân loại chứng từ, sổ kế toán và kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với các quy định của các luật thuế đến kế toán thuế và báo cáo, quyết toán thuế	5, 9
CELO3	Kỹ năng kê khai, lập báo cáo và quyết toán các loại thuế và vận dụng linh hoạt trong tình huống thực tế;	9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của quy định về luật thuế, chế độ kế toán, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi.	10
CELO5	Luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.	11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41117	Kế toán thuế và thực hành khai báo thuế	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H	H	N

- N: Không đóng góp (none supported)

- S: Có đóng góp (supported)

- H: *Đóng góp quan trọng (highly supported)*

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	CÔNG CỤ ĐÁNH	THỜI
-------	----------------------	--------------	------

đầu ra học phần (CELOs)	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ	GIÁ	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 5	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. PGS. TS. Phạm Đức Cường, PGS. TS. Trần Mạnh Dũng (2019), Thuế Và Kế Toán Thuế Trong Doanh Nghiệp, NXB. Tài Chính.

- Luật thuế XNK, TTĐB, GTGT, TNDN, TNCN theo quy định hiện hành

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Bộ tài chính (2021), 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà xuất bản tài chính.

- TT 200/TT-BTC- chế độ kế toán doanh nghiệp (2014).

- TT53/TT-BTC- Sửa đổi bổ sung thông tư 200/TT-BTC (2016).

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1+0,5	<p>Chương 1: Kế toán thuế xuất nhập khẩu</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Bản chất, vai trò của thuế XNK <ul style="list-style-type: none"> 1.1.1. Bản chất của thuế XNK 1.1.2. Vai trò của thuế XNK 1.2. Nội dung cơ bản của thuế XNK <ul style="list-style-type: none"> 1.2.1. Đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế 1.2.2. Phương pháp tính thuế XNK 1.2.3. Miễn, giảm, hoàn thuế XNK 1.2.4. kê khai và nộp thuế XNK 1.3. Kế toán thuế XNK trong doanh nghiệp <ul style="list-style-type: none"> 1.3.1. Kế toán thuế nhập khẩu 1.3.2. Kế toán thuế xuất khẩu 1.3.3. Kế toán thuế của hàng tạm nhập khẩu, tái xuất 	CELO 1, 2, 3, 4, 5
0,5+3	<p>Chương 2: Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Bản chất, vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt <ul style="list-style-type: none"> 2.1.1. Bản chất của thuế TTĐB 2.1.2. Vai trò của thuế TTĐB 2.2. Nội dung cơ bản của thuế tiêu thụ đặc biệt <ul style="list-style-type: none"> 2.2.1. Đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế và đối tượng không thuộc diện chịu thuế 2.2.2. Phương pháp tính thuế TTĐB 2.2.3. kê khai, hoàn thuế TTĐB 2.3. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt trong doanh nghiệp <ul style="list-style-type: none"> 2.3.1. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu 2.3.2. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt hàng tiêu thụ trong nước 	CELO 1, 2, 3, 4, 5
4+5+6	<p>Chương 3: Kế toán thuế giá trị gia tăng</p> <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Bản chất, vai trò của thuế GTGT <ul style="list-style-type: none"> 3.1.1. Bản chất của thuế GTGT 	CELO 1, 2, 3, 4, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	3.1.2. Vai trò của thuế GTGT 3.2. Nội dung cơ bản của thuế GTGT 3.2.1. Đối tượng nộp thuế 3.2.2. Đối tượng chịu thuế 3.2.3. Đối tượng không chịu thuế 3.2.4. Căn cứ và phương pháp tính thuế 3.3. kê khai và hoàn thuế GTGT 3.3.1. Hóa đơn chứng từ 3.3.2. kê khai thuế GTGT 3.3.3. Hoàn thuế 3.4. Kế toán thuế GTGT 3.4.1. Kế toán thuế GTGT tính thuế theo phương pháp khấu trừ 3.4.2. Kế toán thuế GTGT tính thuế theo phương pháp trực tiếp	
7+8+9	Chương 4: Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp 4.1. Bản chất, vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp 4.1.1. Bản chất của thuế TNDN 4.1.2. Vai trò của thuế TNDN 4.1.3. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập và chi phí 4.2. Nội dung cơ bản của thuế thu nhập doanh nghiệp 4.2.1. Đối tượng nộp thuế 4.2.2. Đối tượng chịu thuế 4.2.3. Kỳ tính thuế 4.2.4. Căn cứ và phương pháp tính thuế 4.3. kê khai, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp 4.3.1. kê khai thuế TNDN 4.3.2. Quyết toán thuế TNDN 4.4. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp 4.4.1. Chứng từ hạch toán 4.4.2. Tài khoản hạch toán 4.4.3. Phương pháp hạch toán	CELO 1, 2, 3, 4, 5
10+11+12	Chương 5: Kế toán thuế thu nhập cá nhân 5.1. Bản chất, vai trò của thuế thu nhập cá nhân 5.1.1. Bản chất của thuế TNCN	CELO 1, 2, 3, 4, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	5.1.2. Vai trò của thuế TNCN 5.2. Nội dung cơ bản của thuế TNCN 5.2.1 Đối tượng nộp thuế 5.2.2 Thu nhập chịu thuế 5.2.3 Giảm thuế 5.2.4 Cách tính thuế 5.3. kê khai, quyết toán, hoàn thuế TNCN 5.3.1 kê khai thuế TNCN 5.3.2 Quyết toán thuế 5.3.3 Hoàn thuế 5.4. Kế toán thuế TNCN 5.4.1. Chứng từ hạch toán 5.4.2. Tài khoản hạch toán 5.4.3. Phương pháp hạch toán khấu trừ thuế TNCN	
Lưu ý: Sử dụng bộ chứng từ thực tế tại một doanh nghiệp cụ thể, kèm mẫu biểu chứng từ, sổ sách báo cáo liên quan.		

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1+0,5	Chương 1: Làm bài tập thực hành kế toán thuế xuất nhập khẩu	CELO 1, 2, 3, 4, 5
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 3,75 giờ) - Trả lời các câu hỏi trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (11,25 giờ) - Làm bài tập ở nhà đọc trước nội dung bài mới	
	Đánh giá kết quả học tập: - Kết quả các bài tập và tờ khai cô yêu cầu về nhà thực hiện	
0,5+3	Chương 2: Làm bài tập thực hành Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt	CELO 1, 2, 3, 4, 5
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 3,75 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (11,25 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập và tờ khai cô yêu cầu về nhà thực hiện	
4+5+6	Chương 3: Làm bài tập thực hành Kế toán thuế giá trị gia tăng Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 7,5 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết Các nội dung cần tư học ở nhà: (22,5 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	CELO 1, 2, 3, 4, 5
7+8+9	Chương 4: Làm bài tập thực hành Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 7,5 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết. Các nội dung cần tư học ở nhà: (22,5 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	CELO 1, 2, 3, 4, 5
10+11+12	Chương 5: Làm bài tập Kế toán thuế thu nhập cá nhân Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 7,5 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết. Các nội dung cần tư học ở nhà: (22, 5 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	CELO 1, 2, 3, 4, 5
	Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập và tờ khai cô yêu cầu về nhà thực hiện	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học:

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới và bổ sung thêm phần kế toán thuế và tăng số tín chỉ từ 2 lên 3 tín chỉ./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Lê Thị Hậu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
41118 – HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (2;1)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30
- Giờ học thực hành: 30
- Giờ tự học của sinh viên: 90

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Tin học đại cương

1.5. Học phần học trước: Kế toán tài chính 1, 2, kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ.

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ:

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Hồ Đăng Huy	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:
Email: huy.hd@kkt.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

- Học phần trang bị kiến thức căn bản cho sinh viên về hệ thống thống quản trị cơ sở dữ liệu và tổ chức dữ liệu kế toán tổ chức dữ liệu và xử lý công tác kế toán trên phần mềm MS Excel, giúp cho sinh viên tiếp cận công tác kế toán trên thực tế trong điều kiện giả định doanh nghiệp đã tin học hóa công tác kế toán

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Vận dụng được hệ thống thống quản trị cơ sở dữ liệu và tổ chức dữ liệu kế toán, tổ chức dữ liệu và xử lý công tác kế toán trên phần mềm MS Excel.

Về kỹ năng:

- Tạo lập được hệ thống thông tin kế toán trên Excel.
- Lập chứng từ, sổ kế toán và báo cáo tài chính trên Excel.

Về thái độ:

- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	- Vận dụng được hệ thống thống quản trị cơ sở dữ liệu và tổ chức dữ liệu kế toán, tổ chức dữ liệu và xử lý công tác kế toán trên phần mềm MS Excel.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	- Tạo lập được hệ thống thông tin kế toán trên Excel.	Vận dụng
CELO3	- Lập chứng từ, sổ kế toán và báo cáo	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	tài chính trên Excel.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng được hệ thống thống quản trị cơ sở dữ liệu và tổ chức dữ liệu kế toán, tổ chức dữ liệu và xử lý công tác kế toán trên phần mềm MS Excel..	3
Kỹ năng		
CELO2	Tạo lập được hệ thống thông tin kế toán trên Excel.	9
CELO3	Lập chứng từ, sổ kế toán và báo cáo tài chính trên Excel.	9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp	10, 11

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	luật	

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
41118	Hệ thống thông tin kế toán	N	N	H	N	N	N	N	N	N	H	H	H	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;

- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
----	------------	--------------	---------

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. PGS. TS. Nguyễn Hữu Ánh, PGS. TS. Trần Trung Tuấn (2021), Hệ Thống Thông Tin Kế Toán, Hệ Thống Thông Tin Kế Toán

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Khoa Kế toán - Kiểm Toán (2012), Hệ Thống Thông Tin Kế Toán (Tập 3), NXB Phương Đông.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1	<p>Chương 1: Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Khái niệm hệ thống và hệ thống thông tin doanh nghiệp <ul style="list-style-type: none"> 1.1.1. Khái niệm hệ thống thông tin doanh nghiệp 1.1.2 Hệ thống thông tin doanh nghiệp 1.2 Hệ thống thông tin kế toán <ul style="list-style-type: none"> 1.2.1 Bản chất hệ thống thông tin kế toán 1.2.2 Phân loại hệ thống thông tin kế toán 1.2.3 Các nhiệm vụ của hệ thống thông tin kế toán 1.2.4 Các hệ thống con của hệ thống thông tin kế toán 1.3 Vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong gia tăng giá trị của doanh nghiệp và chuỗi giá trị. 	CELO 1, 2,3, 4
2	<p>Chương 2: Cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Một số khái niệm <ul style="list-style-type: none"> 1.1.1 Cơ sở dữ liệu 1.1.2 Các mô hình cơ sở dữ liệu 1.2 Các bước tiến hành tổ chức cơ sở dữ liệu 1.3 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 	CELO 1, 2,3,4
3+4	<p>Chương 3: Tổ chức dữ liệu kế toán trong điều kiện ứng dụng Excel</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Tổng ôn tập và bổ sung một số kiến thức căn bản về Excel <ul style="list-style-type: none"> 1.1.1 Nhóm hàm số 	CELO 1, 2,3,4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<ul style="list-style-type: none"> 1.1.2 Nhóm hàm logic 1.1.3 Nhóm hàm thống kê 1.1.4 Nhóm hàm xử lý chuỗi 1.1.5 Nhóm hàm tìm kiếm 1.1.6 Nhóm hàm về thời gian 1.1.7 Nhóm hàm khác 1.1.8 Công thức mảng 1.2 Hình thức sổ kế toán <ul style="list-style-type: none"> 1.2.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung 1.2.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung 1.3 Tổ chức dữ liệu kế toán <ul style="list-style-type: none"> 1.3.1 Tổ chức tập tin dữ liệu 1.3.2 Tổ chức bảng tính 1.3.3 Đặc điểm xử lý dữ liệu kế toán bằng Excel 1.3.4 Tạo thông tin về vùng dữ liệu lưu trữ 	
5+6	<p>Chương 4: Lập bảng cân đối tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết</p> <ul style="list-style-type: none"> 4.1 Lập bảng cân đối tài khoản chi tiết <ul style="list-style-type: none"> 4.1.1 Kết cấu và nguồn dữ liệu 4.1.2 Sơ đồ lập 4.1.3 Cách lập 4.1.4 Thao tác khi con số trong ô CB hiển thị màu đỏ 4.2 Lập bảng cân đối tài khoản cấp 1 <ul style="list-style-type: none"> 4.2.1 Kết cấu và nguồn dữ liệu 4.2.2 Sơ đồ lập 4.2.3 Cách lập 4.2.4 Thao tác khi con số trong ô CB hiển thị màu đỏ 4.3 Lập bảng tổng hợp chi tiết <ul style="list-style-type: none"> 4.3.1 Kết cấu và nguồn dữ liệu 4.3.2 Sơ đồ lập 4.3.3 Cách lập 4.3.4 Thao tác khi con số trong ô CB hiển thị màu đỏ 	CELO 1, 2,3,4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
7+8	<p>Chương 5: Lập sổ nhật kí</p> <p>5.1 Lập sổ nhật kí thu tiền</p> <p>5.1.1 Kết cấu và nguồn dữ liệu</p> <p>5.1.2 Sơ đồ lập</p> <p>5.1.3 Cách lập</p> <p>5.1.4 Thao tác khi con số trong ô CB hiển thị màu đỏ</p> <p>5.2 Lập sổ nhật kí chi tiền</p> <p>5.2.1 Kết cấu và nguồn dữ liệu</p> <p>5.2.2 Sơ đồ lập</p> <p>5.2.3 Cách lập</p> <p>5.2.4 Thao tác khi con số trong ô CB hiển thị màu đỏ</p> <p>5.3 Lập sổ nhật kí chung 2 dòng</p> <p>5.3.1 Kết cấu và nguồn dữ liệu</p> <p>5.3.2 Sơ đồ lập</p> <p>5.3.3 Cách lập</p> <p>5.3.4 Thao tác khi con số trong ô CB hiển thị màu đỏ</p> <p>5.4 Lập sổ nhật kí chung với định khoản phức tạp</p>	CELO 1, 2,3,4
9+10	<p>Chương 6: Lập sổ chi tiết, sổ cái</p> <p>6.1 Lập sổ chi tiết</p> <p>6.1.1 Kết cấu và nguồn dữ liệu</p> <p>6.1.2 Sơ đồ lập</p> <p>6.1.3 Cách lập</p> <p>6.1.4 Thao tác khi con số trong ô CB hiển thị màu đỏ</p> <p>6.2 Lập sổ cái</p> <p>6.2.1 Kết cấu và nguồn dữ liệu</p> <p>6.2.2 Sơ đồ lập</p> <p>6.2.3 Cách lập</p> <p>6.2.4 Thao tác khi con số trong ô CB hiển thị màu đỏ</p>	CELO 1, 2, 3, 4
11 +12	<p>Chương 7: Lập báo cáo tài chính</p> <p>7.1 Lập bảng cân đối kế toán</p> <p>7.1.1 Kết cấu và nguồn dữ liệu</p>	CELO 1, 2,3,4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	7.1.2 Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán 7.1.3 Sơ đồ lập 7.1.4 Cách lập 7.2 Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 7.2.1 Mẫu báo biểu 7.2.2 Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 7.2.3 Sơ đồ lập 7.2.4 Cách lập 7.3 Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ 7.3.1 Mẫu báo biểu 7.3.2 Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ 7.3.3 Sơ đồ lập 7.3.4 Cách lập 7.4 Mở sổ cho kỳ kế toán sau	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán	CELO 1,2,3,4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 2,5 giờ) - Trả lời các câu hỏi trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 giờ) - Làm bài tập ở nhà đọc trước nội dung bài mới	
	Đánh giá kết quả học tập: - Quá trình tham gia phát biểu trong giờ học	
2	Chương 2: Cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán	CELO 1,2,3,4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 2,5 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	bài tập trong tài liệu học tập. Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
3+4	Chương 3: Làm bài tập thực hành Tổ chức dữ liệu kế toán trong điều kiện ứng dụng Excel	CELO 1,2,3,4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (15 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
5+6	Chương 4: Làm bài tập thực hành Lập bảng cân đối tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết	CELO 1,2,3,4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (15 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
7+8	Chương 5: Làm bài tập Lập sổ nhật kí	CELO 1,2,3,4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (15 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
9+10	Chương 6: Làm bài tập Lập sổ chi tiết, sổ cái	CELO 1,2,3,4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (15 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	
11 +12	Chương 7: Làm bài tập Lập báo cáo tài chính	
	<p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.</p>	
	<p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (15 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p>	
	<p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bút lông, bảng, máy chiếu, loa

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới, bổ sung nội dung và thay đổi tên học phần./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

PHÓ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN


TS. Trần Thanh Vũ


ThS. Lê Thị Hậu


ThS. Hồ Đăng Huy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
41093 – THỰC HÀNH PHẦN MỀM KẾ TOÁN

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (1 Lý thuyết, 2 Thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 60 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Học kỳ III năm 3, khóa D22.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hương	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:
Email: huong.lt@kkt.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

- Học phần mang tính thực tiễn, với những số liệu thực tế kết hợp với việc sử dụng phần mềm Kế toán để thực hiện công việc Kế toán tại doanh nghiệp.

- Với hệ thống kiến thức được trang bị về phần mềm Kế toán Misa và thông qua việc thực hành trên phần mềm kế toán, sinh viên có thể tham gia công tác Kế toán trong môi trường ứng dụng công nghệ thông tin. Phần mềm Kế toán chính được sử dụng thực hành là Misa SME.NET.2017 (Phiên bản Misa được cập nhật lại khi có bản mới)

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Kiến thức chuyên môn về hệ thống thông tin Kế toán thông qua các thao tác tiếp cận phần mềm Kế toán nhằm đáp ứng được công việc thông thường của người làm Kế toán - Kiểm toán sau khi ra trường. Từ đó phát triển kiến thức về công nghệ thông tin, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu vào việc tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Về kỹ năng:

- Kỹ năng làm việc nhóm dựa trên các tình huống kế toán được giao, nhờ đó phối hợp tốt với nhóm cả trong vai trò trưởng nhóm hay một thành viên trong nhóm.
- Khả năng tổ chức, xử lý, hạch toán các nghiệp vụ Kế toán trên phần mềm liên quan đến các phân hệ nghiệp vụ.

Về thái độ:

- Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp khi xử lý tác nghiệp các nghiệp vụ kế toán trên phần mềm.
- Thể hiện ý thức trách nhiệm trước các vấn đề đã gặp phải trong doanh nghiệp đòi hỏi cần phải áp dụng các kiến thức về phần mềm kế toán để giải quyết.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO1	Kiến thức chuyên môn về hệ thống thông tin Kế toán thông qua các thao tác tiếp cận phần mềm Kế toán nhằm đáp ứng được công việc thông thường của người làm Kế toán - Kiểm toán sau khi ra trường. Từ đó phát triển kiến thức về công nghệ thông tin, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu vào việc tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	Kỹ năng làm việc nhóm dựa trên các tình huống kế toán được giao, nhờ đó phối hợp tốt với nhóm cả trong vai trò trưởng nhóm hay một thành viên trong nhóm.	Vận dụng
CELO3	Khả năng tổ chức, xử lý, hạch toán các nghiệp vụ Kế toán trên phần mềm liên quan đến các phân hệ nghiệp vụ.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp khi xử lý tác nghiệp các nghiệp vụ kế toán trên phần mềm.	Vận dụng
CELO5	Thể hiện ý thức trách nhiệm trước các vấn đề đã gặp phải trong doanh nghiệp đòi hỏi cần phải áp dụng các kiến thức về phần mềm kế toán để giải quyết.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức chuyên môn về hệ thống thông tin	ELO 3

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	Kế toán thông qua các thao tác tiếp cận phần mềm Kế toán nhằm đáp ứng được công việc thông thường của người làm Kế toán - Kiểm toán sau khi ra trường. Từ đó phát triển kiến thức về công nghệ thông tin, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu vào việc tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp.	
Kỹ năng		
CELO2	Kỹ năng làm việc nhóm dựa trên các tình huống kế toán được giao, nhờ đó phối hợp tốt với nhóm cả trong vai trò trưởng nhóm hay một thành viên trong nhóm.	ELO 6
CELO3	Khả năng tổ chức, xử lý, hạch toán các nghiệp vụ Kế toán trên phần mềm liên quan đến các phân hệ nghiệp vụ.	ELO 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp khi xử lý tác nghiệp các nghiệp vụ kế toán trên phần mềm.	ELO 10
CELO5	Thể hiện ý thức trách nhiệm trước các vấn đề đã gặp phải trong doanh nghiệp đòi hỏi cần phải áp dụng các kiến thức về phần mềm kế toán để giải quyết.	ELO 11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41093	Thực hành phần mềm kế toán	N	N	H	N	N	H	N	N	H	H	H	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 5	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
					câu.

- Kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Làm bài kiểm tra (thi) giữa kỳ		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. Công ty cổ phần MiSa (2017), Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017, NXB Văn hóa Thông tin

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Bộ tài chính (2021), 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà xuất bản Tài chính

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1	<p>Phần I: Tổng quan môn học (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Khái niệm phần mềm Kế toán và cơ sở dữ liệu 1.2 Mô hình hoạt động trên phần mềm kế toán 1.3 So sánh giữa Kế toán thủ công và Kế toán trên phần mềm 1.4 Giới thiệu một số phần mềm kế toán 1.5 Thao tác ban đầu trên phần mềm Kế toán <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà (10 giờ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên cài đặt chương trình Misa vào máy tính 	CELO 1, 4, 5
2	<p>Phần 2: Khởi tạo cơ sở dữ liệu trên phần mềm kế toán (2,5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1 Các bước tiến hành mở sổ kế toán 2.2 Tạo tập tin dữ liệu/mở sổ kế toán 2.3 Quy trình xử lý trên hệ thống <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà (5 giờ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành bài tập về nhà phần tạo CSDL/mở sổ kế toán. 	CELO 1, 3, 5
2	<p>Phần 3: Khai báo thông tin ban đầu và nhập số dư đầu kỳ (2,5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Các bước tiến hành khai báo danh mục 	CELO 1, 3, 4, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	3.2. Nhập số dư đầu kỳ 3.3. Phân công quyền hạn trên hệ thống Các nội dung chính SV tự học ở nhà (5 giờ): - Thực hành bài tập về nhà phân khai báo danh mục và nhập số dư	
3	Phần 4: Kế toán chi tiết các phân hệ nghiệp vụ (5 tiết) 4.1. Phân hệ mua hàng – Bán hàng 4.2. Phân hệ kho 4.3. Phân hệ quỹ, ngân hàng 4.4. Phân hệ TSCĐ 4.5. Phân hệ Thuế 4.6. Phân hệ Tiền lương Các nội dung chính SV tự học ở nhà (10 giờ): - Thực hành bài tập về nhà phân nhập nghiệp vụ phát sinh	CELO 1, 2, 3, 5

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
4	Phần 2: Khởi tạo cơ sở dữ liệu trên phần mềm kế toán Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 6 tiết) - Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn. Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ) - Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập. Đánh giá kết quả học tập: - Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	CELO 1, 2, 3, 4, 5
5	Phần 3: Làm bài tập thực hành về Khai báo thông tin ban đầu và nhập số dư đầu kỳ Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 6 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	CELO 1, 2, 3, 4, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	
6-7	<p>Phần 4: Làm bài tập thực hành về Kế toán chi tiết các phân hệ nghiệp vụ</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 8 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	CELO 1, 2, 3, 4, 5
8-11	<p>Phần 5: Kế toán tổng hợp</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 20 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết như sau: 5.1. Nhiệm vụ kế toán tổng hợp 5.2. Mô hình hóa kế toán tổng hợp 5.3. Kế toán tổng hợp trên phần mềm 5.4. Khóa sổ lập BCTC</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	CELO 1, 2, 3, 4, 5
12-15	<p>Phần 6: Làm bài tập thực hành về Chỉ số và Điều tra chọn mẫu</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 20 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết như sau: 6.1. Xem và kết xuất báo cáo thuế</p>	CELO 1, 2, 3, 4, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>6.2. Xem và kết xuất bộ báo cáo tài chính</p> <p>Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Phòng mô phỏng, quy mô 50 sinh viên.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, Laptop cá nhân, máy chủ, phần mềm kế toán MISA...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ:
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới..

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Lê Thị Hương

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

41066 – PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (1; 2)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Số tiết học lý thuyết và các hoạt động trực tiếp trên lớp: 75 tiết.
- Số tiết tự học theo hình thức E-Learning, bài tập: 0 tiết.
- Số giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2, Tài chính doanh nghiệp 1, Tài chính doanh nghiệp 2.

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ thứ: 2, năm thứ 3, từ khóa D21.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt
- Tài liệu giảng dạy: Giáo trình, các học liệu (video, tài liệu đọc).

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: <i>Trương Văn Cường/ Hồ Đăng Huy</i>	Học hàm, học vị: <i>Thạc sĩ</i>
Địa chỉ cơ quan: <i>333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương</i>	Điện thoại liên hệ:

Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	
Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức để phân tích các báo cáo tài chính như: bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ qua đó đánh giá kết quả kinh doanh, cơ cấu tài sản, nguồn vốn, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời, cơ cấu tài chính của doanh nghiệp...

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Kiến thức về các phương pháp phân tích báo cáo tài chính, đọc hiểu được các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính. Lập được bảng số liệu và phân tích dựa trên số liệu đó..

Về kỹ năng:

- Lập được bảng phân tích và đánh giá kết quả kinh doanh qua các chỉ tiêu: doanh thu bán hàng, lợi nhuận gộp, lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính, lợi nhuận hoạt động tài chính.

- Lập được bảng phân tích và đánh giá tình hình biến động tài sản, nguồn vốn của công ty, qua đó đánh giá cơ cấu tài chính của doanh nghiệp.

- Tính toán được các tỷ số tài chính và phân tích tình hình tài chính dựa vào các tỷ số tài chính đó..

Về thái độ:

Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức về các phương pháp phân tích báo cáo tài chính, đọc hiểu được các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính. Lập được bảng số liệu và phân tích dựa trên số liệu đó.	Phân tích
Kỹ năng		

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO2	Lập được bảng phân tích và đánh giá kết quả kinh doanh qua các chỉ tiêu: doanh thu bán hàng, lợi nhuận gộp, lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính, lợi nhuận hoạt động tài chính.	Phân tích
CELO3	Lập được bảng phân tích và đánh giá tình hình biến động tài sản, nguồn vốn của công ty, qua đó đánh giá cơ cấu tài chính của doanh nghiệp	Phân tích
CELO4	Tính toán được các tỷ số tài chính và phân tích tình hình tài chính dựa vào các tỷ số tài chính đó.	Phân tích
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức về các phương pháp phân tích báo cáo tài chính, đọc hiểu được các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính. Lập được bảng số liệu và phân tích dựa trên số liệu đó.	ELO4, 9, 11
Kỹ năng		
CELO2	Lập được bảng phân tích và đánh giá kết quả kinh doanh qua các chỉ tiêu: doanh thu bán hàng, lợi nhuận gộp, lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính, lợi nhuận hoạt động tài chính.	ELO4, 9
CELO3	Lập được bảng phân tích và đánh giá tình	ELO4, 9

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	hình biến động tài sản, nguồn vốn của công ty, qua đó đánh giá cơ cấu tài chính của doanh nghiệp	
CELO4	Tính toán được các tỷ số tài chính và phân tích tình hình tài chính dựa vào các tỷ số tài chính đó.	ELO4, 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.	ELO10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41066	Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp	N	N	N	H	N	N	N	N	H	H	N	N

- *N*: Không đóng góp (*none supported*)
- *S*: Có đóng góp (*supported*)
- *H*: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự các buổi thuyết giảng đúng giờ, đầy đủ.
- Sinh viên phải lập các nhóm học tập và cử 1 nhóm trưởng theo hướng dẫn của giảng viên (nếu giảng viên yêu cầu).
- Sinh viên phải khai thác học liệu: xem các video bài giảng, đọc các tài liệu do giảng viên cung cấp.
- Sinh viên phải làm các bài tập đúng hạn. Nếu quá hạn quy định sinh viên sẽ không được làm lại và bài đó không có điểm.
- Sinh viên phải tham dự kỳ thi cuối kỳ theo kế hoạch.
- Sinh viên đi học ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ tự luận - sinh viên không được sử dụng tài liệu	- Cuối mỗi chương. - Hàng buổi. - Cuối kỳ.
CELO 2	x	x	x	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm	- Cuối mỗi chương.

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ tự luận - sinh viên không được sử dụng tài liệu	- Hàng buổi. - Cuối kỳ.
CELO 3	x	x	x	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ tự luận - sinh viên không được sử dụng tài liệu	- Cuối mỗi chương. - Hàng buổi. - Cuối kỳ.
CELO 4	x	x	x	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ tự luận - sinh viên không được sử dụng tài liệu	- Cuối mỗi chương. - Hàng buổi. - Cuối kỳ.
CELO 5	x	x	x	x	x	- Bài tập nhóm. - Bài tập kiểm tra thường xuyên. - Thi cuối kỳ tự luận - sinh viên không được sử dụng tài liệu	- Cuối mỗi chương. - Hàng buổi. - Cuối kỳ.

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
----	------------	--------------	---------

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận		
3	Bản thu hoạch		
4	Thuyết trình	10%	
5	Báo cáo		
6	Thi giữa học kỳ	20%	
7	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
		đẹp			
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. ThS. GVC. Ngô Thị Kim Phượng, TS. Lê Hoàng Vinh (2021), Phân tích tài chính doanh nghiệp, NXB. Tài Chính.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. TS. Phan Đức Dũng(2015), *Phân tích báo cáo tài chính*, NXB. Thống kê.

3. Martin Fridson Fernando Alvarez(2013), Phân tích báo cáo tài chính, Nhà xuất bản Kinh tế TP HCM.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1 - 2	Chương 1: Những vấn đề cơ bản của phân tích báo cáo tài chính	CELO1, 5
	1.1 Tổng quan về phân tích BCTC	
	1.2 Tài liệu phân tích	
	1.3 Nhiệm vụ phân tích	
	1.4 Phương pháp, nguyên tắc phân tích	
	1.4.1. nguyên tắc kế phân tích 1.4.2 Phương pháp phân tích	
3 - 7	Chương 2: Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	CELO2, 5
	2.1 Mục tiêu phân tích	
	2.2. Tài liệu phân tích	
	2.3. Phân tích khái quát báo cáo kết quả kinh doanh	
	2.4 Phân tích các chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh	
	2.4.1. Phân tích doanh thu bán hàng 2.4.2. Phân tích lợi nhuận gộp 2.4.3. Phân tích lợi nhuận hoạt động kinh doanh chức năng (chính)	
8 - 12	Chương 3: Phân tích bảng cân đối kế toán	CELO3, 5
	3.1 Mục tiêu và tài liệu phân tích	
	3.2 Phân tích cơ cấu và biến động của tài sản, nguồn vốn	
	3.3 Phân tích nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn	
	3.4. Phân tích vốn lưu động	
13 -	Chương 4: Phân tích các tỷ số tài chính	CELO4, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
15	4.1. Nhóm tỷ số thanh toán	
	4.2. Nhóm tỷ số cơ cấu tài chính	
	4.3. Nhóm tỷ số hoạt động	
	4.4. Nhóm tỷ số sinh lời	
	4.5. Nhóm tỷ số giá thị trường	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1 - 2	<p>Chương 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sinh viên giải bài tập chương 1 <p>Thực hành (8 tiết):</p> <ul style="list-style-type: none"> Sinh viên thực hành lấy số liệu 03 năm gần nhất của một công ty niêm yết, lĩnh vực phi tài chính. Đọc hiểu các báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, nghị quyết,... 	CELO1, 5
3 - 7	<p>Chương 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sinh viên làm bài tập Phân tích báo cáo kết quả kinh doanh <p>Thực hành (20 tiết):</p> <ul style="list-style-type: none"> Lập bảng phân tích khái quát kết quả kinh doanh, phân tích chi tiết hoạt động chức năng, hoạt động tài chính, hoạt động khác. Phân tích doanh thu bán hàng dưới tác động của sản lượng và giá bán. Phân tích tỷ lệ lãi gộp, tỷ lệ lợi nhuận hoạt động chức năng. Thuyết trình nhóm phân tích bảng kết quả kinh doanh. 	CELO2, 5
8 - 12	<p>Chương 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sinh viên làm bài tập lớn <p>Thực hành (20 tiết):</p> <ul style="list-style-type: none"> Lập bảng phân tích cơ cấu và biến động của tài sản, nguồn vốn Lập bảng phân tích nguồn và sử dụng nguồn Lập bảng phân tích vốn lưu động Thuyết trình nhóm phân tích bảng cân đối kế toán 	CELO3, 5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
13 - 15	Chương 4: Sinh viên làm bài tập Phân tích các tỷ số tài chính. Thực hành (12 tiết): - Tính toán và phân tích các tỷ số tài chính như: Tỷ số thanh toán, tỷ số cơ cấu tài chính, tỷ số hoạt động, tỷ số sinh lời. - Thu thập dữ liệu, tính toán và phân tích các tỷ số giá thị trường. - Thuyết trình nhóm phân tích các tỷ số tài chính	CELO4, 5

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Trương Văn Cường

GIẢNG VIÊN



ThS. Trương Văn Cường

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

41119 – QUẢN TRỊ CHI PHÍ

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (1;1)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15
- Giờ học thực hành: 30
- Giờ tự học của sinh viên: 60

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước:

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Không

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hậu	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:
Email: hau.lt@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.	

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về công cụ hỗ trợ cho các nhà quản trị trong việc ra quyết định về điểm hoà vốn, sản lượng để đạt lợi nhuận mục tiêu thông qua phân tích mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận, phương pháp định giá bán, giá chuyển giao, và phân biệt thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định trong từng trường hợp cụ thể. Đồng thời, thông qua thảo luận và bài tập nhóm môn học còn rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và có ý thức học tập suốt đời.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Vận dụng mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- lợi nhuận vào từng trường hợp cụ thể, lý giải phương pháp tính giá thành trong doanh nghiệp phục vụ cho việc ra quyết định cho doanh nghiệp.

Về kỹ năng:

- Tính giá thành một cách độc lập và thành thạo.
- Vận dụng tư duy phản biện vào lựa chọn thông tin thích hợp tư vấn ra quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp.

Về thái độ:

- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	- Vận dụng mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- lợi nhuận vào từng trường hợp cụ thể, lý giải phương pháp tính giá thành trong doanh nghiệp phục vụ cho việc ra quyết định cho doanh nghiệp	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	- Tính giá thành một cách độc lập và thành thạo.	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO3	- Vận dụng tư duy phản biện vào lựa chọn thông tin thích hợp tư vấn ra quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- lợi nhuận vào từng trường hợp cụ thể, lý giải phương pháp tính giá thành trong doanh nghiệp phục vụ cho việc ra quyết định cho doanh nghiệp	4
Kỹ năng		
CELO2	Tính giá thành một cách độc lập và thành thạo.	5, 9
CELO3	Vận dụng tư duy phản biện vào lựa chọn thông tin thích hợp tư vấn ra quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp	9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi, thích	10

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.	

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41119	Quản trị chi phí	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H	N	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;

- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ	Mức chất lượng
----------	----	----------------

	lệ (%)	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. TS. Huỳnh Lợi (2021), Kế toán quản trị 1, NXB Kinh tế TP.HCM.

2. TS. Huỳnh Lợi (2021), Kế toán quản trị 2, NXB Kinh tế TP.HCM.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

3. Chu Vân (2021), Kiểm Soát Chi Phí Mua Hàng Và Quản Lý Nhà Cung Cấp, , NXB Thanh niên.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1 + 2	<p>Chương 1: Phân tích mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Một số khái niệm cơ bản sử dụng trong phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận 1.2. Một số ví dụ ứng dụng 1.3. Phân tích điểm hòa vốn 1.4. Phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận trong trường hợp kinh doanh nhiều loại sản phẩm 1.5. Ứng dụng phân tích độ nhạy trong phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận 1.6. Hạn chế của mô hình phân tích mối quan hệ chi phí –Khối lượng – lợi nhuận 	CELO 1, 2, 3, 4
3+4	<p>Chương 2: Giá thành khả biến và báo cáo bộ phận</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1 Tổng quan về giá thành khả biến và giá thành đầy đủ 2.2 Ví dụ về giá thành khả biến và giá thành đầy đủ 2.3 Điều chỉnh lợi nhuận theo giá thành khả biến thành lợi nhuận theo giá thành đầy đủ 2.4 Những ưu điểm của giá thành khả biến và cách tiếp cận số dư đảm phí 2.5 Báo cáo bộ phận và cách tiếp cận số dư đảm phí 2.6 Ví dụ về báo cáo bộ phận 2.7 Những lỗi phổ biến khi lập báo cáo bộ phận 	CELO 1, 2, 3, 4
5+6	<p>Chương 3: Tính giá thành trên cơ sở hoạt động</p>	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	3.1 Tổng quan về tính giá thành trên cơ sở hoạt động (ABC) 3.2 Thiết kế hệ thống tính giá thành trên cơ sở hoạt động 3.3 Kỹ thuật tính giá thành trên cơ sở hoạt động 3.4 So sánh giá thành sản phẩm truyền thống và giá thành sản phẩm ABC 3.5 Xác định mục tiêu để cải thiện quá trình hoạt động 3.6 ABC và báo cáo cho bên ngoài 3.7 Các hạn chế của ABC 3.8 Phụ lục A: Phân tích hoạt động ABC 3.9 Phụ lục B: Sử dụng ABC sửa đổi để xác định giá thành sản phẩm cho báo cáo bên ngoài.	
7+8	Chương 4: Định giá chuyển giao	CELO 1, 2, 3, 4
	4.1 Khái niệm về giá chuyển giao 4.2 Giá chuyển giao được thương lượng 4.3 Giá chuyển giao theo chi phí của bộ phận bán 4.4 Giá chuyển giao theo giá thị trường	
9	Chương 5: Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định	CELO 1, 2, 3, 4
	5.1 Nhận diện thông tin thích hợp 5.2 Ứng dụng thông tin thích hợp trong việc ra quyết định	

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1+2	Chương 1: Làm bài tập Phân tích mối quan hệ chi phí-khối lượng- lợi nhuận	CELO 1, 2, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 7 giờ) - Trả lời các câu hỏi trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (14 giờ) - Làm bài tập ở nhà đọc trước nội dung bài mới	
	Đánh giá kết quả học tập: - Kết quả các bài tập	
3+4	Chương 2: Làm bài tập Giá thành khả biến và báo cáo bộ phận	CELO 1, 2, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 7 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (14 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập	
5+6	Chương 3: Làm bài tập Tính giá thành trên cơ sở hoạt động	CELO 1, 2, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 7 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (14 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập	
	Chương 4: Làm bài tập Định giá chuyển giao	CELO 1, 2, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 7 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
7+8	Các nội dung cần tư học ở nhà: (14 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập	
	Chương 5: Làm bài tập Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định	CELO 1, 2, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 3 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
9	Các nội dung cần tư học ở nhà: (7 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học:
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Lê Thị Hậu

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
41120 – KẾ TOÁN CÔNG

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (2 Lý thuyết, 1 Thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Học kỳ I năm 4.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hương	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:
Email: huong.lt@ktkt.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Để đạt được mục tiêu và kết quả học tập mong đợi, học phần Kế Toán Công được thiết kế gồm 8 chương, trình bày các kiến thức về các quy định nhà nước trong việc quản lý theo dõi: Vốn bằng tiền, các khoản thanh toán, tài sản cố định, Nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ, Các khoản thu – chi hoạt động HCSN, Các khoản thu – chi khác, Xác định và phân phối kết quả của các hoạt động, báo cáo trong bộ báo cáo tài chính của đơn vị HCSN, báo cáo quyết toán ngân sách. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng vận dụng tư duy phân tích và kỹ năng thảo luận nhóm.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ chế quản lý tài chính của các đơn vị hành chính sự nghiệp có sử dụng Ngân sách nhà nước, các khái niệm của đối tượng kế toán hành chính sự nghiệp, nguyên tắc kế toán cơ bản, các phương pháp thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin phát sinh trong hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị hành chính sự nghiệp, lập BCTC đơn vị hành chính sự nghiệp, nắm được khái niệm và ý nghĩa từng mẫu báo cáo tài chính. Từ đó giúp người học tổng hợp các kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, tài chính và công nghệ vào việc quản lý vận hành, thực hiện nghiệp vụ chuyên môn kế toán và ra quyết định trên nhiều khía cạnh cho đơn vị hành chính sự nghiệp có sử dụng Ngân sách nhà nước.

Về kỹ năng:

- Vận dụng tư duy phản biện để phân tích các nghiệp vụ liên quan đến: tiền, vật tư, tài sản cố định, xây dựng cơ bản, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu, phải trả, kinh phí, nguồn vốn, các quỹ, các khoản thu, chi ngân sách; Đạt được kỹ năng lập BCTC đơn vị HCSN; lập báo cáo quyết toán ngân sách.
- Biết cách sử dụng công nghệ, kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán công một cách phù hợp để thực hiện các chức năng kế toán đối với đơn vị hành chính sự nghiệp.

Về thái độ:

- Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp khi xử lý tác nghiệp các nghiệp vụ kế toán đối với đơn vị hành chính sự nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	<p>Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ chế quản lý tài chính của các đơn vị hành chính sự nghiệp có sử dụng Ngân sách nhà nước, các khái niệm của đối tượng kế toán hành chính sự nghiệp, nguyên tắc kế toán cơ bản, các phương pháp thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin phát sinh trong hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị hành chính sự nghiệp, lập BCTC đơn vị hành chính sự nghiệp, nắm được khái niệm và ý nghĩa từng mẫu báo cáo tài chính. Từ đó giúp người học tổng hợp các kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, tài chính và công nghệ vào việc quản lý vận hành, thực hiện nghiệp vụ chuyên môn kế toán và ra quyết định trên nhiều khía cạnh cho đơn vị hành chính sự nghiệp có sử dụng Ngân sách nhà nước.</p>	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	<p>Vận dụng tư duy phản biện để phân tích các nghiệp vụ liên quan đến: tiền, vật tư, tài sản cố định, xây dựng cơ bản, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu, phải trả, kinh phí, nguồn vốn, các quỹ, các khoản thu, chi ngân sách; Đạt được kỹ năng lập BCTC đơn vị HCSN; lập báo cáo quyết toán ngân sách.</p>	Vận dụng
CELO3	<p>Biết cách sử dụng công nghệ, kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán công một cách phù hợp để thực hiện các chức năng kế toán đối với đơn vị hành chính sự nghiệp.</p>	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	<p>Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp khi xử lý tác</p>	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
	nghiệp các nghiệp vụ kế toán đối với đơn vị hành chính sự nghiệp.	

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ chế quản lý tài chính của các đơn vị hành chính sự nghiệp có sử dụng Ngân sách nhà nước, các khái niệm của đối tượng kế toán hành chính sự nghiệp, nguyên tắc kế toán cơ bản, các phương pháp thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin phát sinh trong hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị hành chính sự nghiệp, lập BCTC đơn vị hành chính sự nghiệp, nắm được khái niệm và ý nghĩa từng mẫu báo cáo tài chính. Từ đó giúp người học tổng hợp các kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, tài chính và công nghệ vào việc quản lý vận hành, thực hiện nghiệp vụ chuyên môn kế toán và ra quyết định trên nhiều khía cạnh cho đơn vị hành chính sự nghiệp có sử dụng Ngân sách nhà nước.	ELO 4
Kỹ năng		
CELO2	Vận dụng tư duy phản biện để phân tích các nghiệp vụ liên quan đến: tiền, vật tư, tài sản cố định, xây dựng cơ bản, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu, phải trả, kinh phí, nguồn vốn, các quỹ, các khoản thu, chi ngân sách; Đạt được kỹ năng lập BCTC đơn vị HCSN; lập báo cáo quyết toán ngân sách.	ELO 5

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
CELO3	Biết cách sử dụng công nghệ, kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán công một cách phù hợp để thực hiện các chức năng kế toán đối với đơn vị hành chính sự nghiệp.	ELO 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp khi xử lý tác nghiệp các nghiệp vụ kế toán đối với đơn vị hành chính sự nghiệp.	ELO 10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41120	Kế toán công	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H	N	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						Thi cuối kỳ	Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Làm bài kiểm tra (thi) giữa kỳ		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
----------	---------	-------------	-----------------

hỏi	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. Bộ tài chính (2020), Chế Độ Kế Toán Hành Chính, Sự Nghiệp; NXB Tài chính.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Thông tư 107/2017/TT-BTC Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành ngày 10/10/2017.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1	<p>Chương 1: Tổng quan Kế toán hành chính sự nghiệp (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Một số vấn đề chung về đơn vị hành chính sự nghiệp 1.2. Đối tượng kế toán, nguyên tắc kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp 1.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp <p>Các nội dung chính SV tự học ở nhà (3 giờ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc tài liệu học tập tại trang 12 – 41. 	CELO 1, 2, 4
2	<p>Chương 2: Kế toán tiền, đầu tư tài chính, các khoản phải thu & hàng tồn kho (7 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Kế toán tiền <ul style="list-style-type: none"> 2.1.1. Kế toán tiền mặt 2.1.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng 	CELO 1, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	2.1.3. Kế toán tiền đang chuyển 2.2. Kế toán đầu tư tài chính 2.2.1. Khái niệm, Nguyên tắc hạch toán 2.2.2. Chứng từ kế toán 2.2.3. Ứng dụng vào hệ thống tài khoản kế toán 2.3. Kế toán các khoản phải thu 2.3.1. Kế toán phải thu khách hàng 2.3.2. Kế toán phải thu nội bộ 2.3.3. Kế toán các khoản tạm chi 2.3.4. Kế toán các khoản phải thu khác 2.3.5. Kế toán các khoản tạm ứng 2.3.6. Kế toán chi phí trả trước 2.3.7. Kế toán đặt cọc, ký quỹ, ký cược 2.4. Kế toán hàng tồn kho 2.4.1. Kế toán nguyên vật liệu 2.4.2. Kế toán công cụ dụng cụ 2.4.3. Kế toán sản phẩm hàng hóa Các nội dung chính SV tự học ở nhà (7 giờ): - Làm bài tập chương 2	
3	Chương 3: Kế toán tài sản cố định và xây dựng cơ bản (3 tiết) 3.1. Kế toán tài sản cố định 3.2. Kế toán hao mòn và khấu hao tài sản cố định 3.3. Kế toán sửa chữa tài sản cố định Các nội dung chính SV tự học ở nhà (3 giờ): - Làm bài tập chương 3	CELO 1, 3, 4
4	Chương 4: Kế toán các khoản phải trả (4 tiết) 4.1. Kế toán phải trả người bán 4.2. Kế toán các khoản phải nộp Nhà nước 4.3. Kế toán các khoản phải trả người lao động & khoản nộp theo lương 4.4. Kế toán phải trả nội bộ 4.5. Kế toán tạm thu 4.6. Kế toán phải trả khác 4.7. Kế toán phải nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược 4.8. Kế toán các quỹ đặc thù	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	4.9. Kế toán khoản nhận trước chưa ghi thu Các nội dung chính SV tự học ở nhà (4 giờ): - Làm bài tập chương 4	
5	Chương 5: Kế toán các nguồn kinh phí (3 tiết) 5.1. Kế toán nguồn vốn kinh doanh 5.2. Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái 5.3. Kế toán thặng dư (thâm hụt) lũy kế 5.4. Kế toán các quỹ 5.5. Kế toán nguồn cải cách tiền lương Các nội dung chính SV tự học ở nhà (3 giờ): - Làm bài tập chương 5	CELO 1, 2, 3, 4
6	Chương 6: Kế toán các khoản thu – chi và xác định kết quả các hoạt động (4 tiết) 6.1. Kế toán các khoản thu 6.2. Kế toán các khoản chi 6.3. Kế toán xác định kết quả các hoạt động 6.4. Kế toán phải trả nội bộ 6.5. Kế toán tạm thu 6.6. Kế toán phải trả khác 6.7. Kế toán phải nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược 6.8. Kế toán các quỹ đặc thù 6.9. Kế toán khoản nhận trước chưa ghi thu Các nội dung chính SV tự học ở nhà (4 giờ): - Làm bài tập chương 6	CELO 1, 2, 3, 4
7	Chương 7: Kế toán tài khoản ngoài bảng (3 tiết) 7.1. Kế toán tài sản thuê ngoài 7.2. Kế toán tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công 7.3. Kế toán kinh phí viện trợ không hoàn lại 7.4. Kế toán dự toán vay nợ nước ngoài 7.5. Kế toán ngoại tệ các loại Các nội dung chính SV tự học ở nhà (3 giờ): - Làm bài tập chương 7	CELO 1, 2, 3, 4

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
8	Chương 2: Ôn tập và thực hành kế toán tiền, đầu tư tài chính, các khoản phải thu & hàng tồn kho	CELO 1, 2, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 8 tiết) - Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) - Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: - Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
9	Chương 3: Ôn tập và thực hành Kế toán tài sản cố định và xây dựng cơ bản	CELO 1, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 4 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
10	Chương 4: Làm bài thực hành về Kế toán chi tiết các phân hệ nghiệp vụ	CELO 1, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 4 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm	
11	Chương 5: Làm bài thực hành về Kế toán các nguồn kinh phí	CELO 1, 2, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 4 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Các nội dung cần tu học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	
12	<p>Chương 6: Làm bài thực hành về Kế toán các khoản thu – chi và xác định kết quả các hoạt động</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 6 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.</p> <p>Các nội dung cần tu học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	CELO 1, 2, 3, 4
13	<p>Chương 7: Làm bài thực hành về Kế toán tài khoản ngoài bảng</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 4 tiết) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết đã tổng ôn.</p> <p>Các nội dung cần tu học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	CELO 1, 2, 3, 4

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Phòng học lý thuyết, quy mô 50-80 sinh viên.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn,...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được viết mới vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Lê Thị Hương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
41121 – KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 50
- Giờ học thực hành, thảo luận: 10
- Giờ tự học của sinh viên: 120

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán

1.5. Học phần học trước: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ:

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: học phần môn kiểm toán được giảng dạy bằng tiếng Việt – Tài liệu giảng dạy theo giáo trình chính

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hương	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:
Email: huong.lt@ktkt.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về nội dung và phương pháp hạch toán các hoạt động kinh doanh chủ yếu tại các ngân hàng thương mại và của các tổ chức tín dụng Việt Nam nói chung (kế toán nghiệp vụ huy động vốn, kế toán dịch vụ thanh toán qua ngân hàng, kế toán nghiệp vụ huy tín dụng).

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Hiểu được nguyên tắc và đặc điểm tổ chức kế toán ngân hàng;
- Hiểu được nguyên tắc kế toán quy trình kế toán: nghiệp vụ huy động vốn, dịch vụ thanh toán qua ngân hàng, nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ ngoại tệ;
- Hiểu được nguyên tắc kế toán và quy trình kế toán thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh ngân hàng.

Về kỹ năng:

- Biết thực hiện nghiệp vụ kế toán nghiệp vụ huy động vốn, dịch vụ thanh toán qua ngân hàng, nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ ngoại tệ;
- Biết thực hiện nghiệp vụ kế toán thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh ngân hàng.

Về thái độ:

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, trung thực, tở mĩ và chính xác.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng nguyên tắc, đặc điểm tổ chức kế toán ngân hàng; quy trình kế toán: nghiệp vụ huy động vốn, dịch vụ thanh toán qua ngân hàng, nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ ngoại tệ để xử lý các nghiệp vụ phát sinh .	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kỹ năng		
CELO2	Biết xử lý nghiệp vụ kế toán nghiệp vụ huy động vốn, dịch vụ thanh toán qua ngân hàng, nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ ngoại tệ; chi phí và kết quả kinh doanh ngân hàng.	Vận dụng
CELO3	Vận dụng được công thức xác định các khoản thu chi và kết quả kinh doanh ngân hàng thương mại.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	- Rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán, vận dụng kiến thức nền tảng để tiếp tục nghiên cứu về kế toán ngân hàng nâng cao.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng nguyên tắc, đặc điểm tổ chức kế toán ngân hàng; quy trình kế toán: nghiệp vụ huy động vốn, dịch vụ thanh toán qua ngân hàng, nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ ngoại tệ để xử lý các nghiệp vụ phát sinh .	4
Kỹ năng		
CELO2	Biết xử lý nghiệp vụ kế toán nghiệp vụ huy động vốn, dịch vụ thanh toán qua ngân hàng, nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ ngoại tệ; chi phí và kết quả kinh doanh ngân hàng.	9

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
CELO3	Vận dụng được công thức xác định các khoản thu chi và kết quả kinh doanh ngân hàng thương mại.	9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán, vận dụng kiến thức nền tảng để tiếp tục nghiên cứu về kế toán ngân hàng nâng cao.	10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7340301	Kế toán ngân hàng	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H	N	N

- *N: Không đóng góp (none supported)*
- *S: Có đóng góp (supported)*
- *H: Đóng góp quan trọng (highly supported)*

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;

+ Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề;	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
	tích và áp dụng sáng tạo	không có/ ít thể hiện sáng tạo	

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. TS. Nguyễn Thị Loan, TS. Lâm Thị Hồng Hoa (2020), Kế toán Ngân hàng, NXB Kinh tế TP.HCM.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. PGS. TS. Nguyễn Thị Loan (chủ biên)(2017), Kế toán Ngân hàng - Lý thuyết, bài tập, bài giải, Nhà xuất bản Kinh tế TPHCM.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1	<p>Chương 1: Tổng quan về kế toán ngân hàng (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Giới thiệu về ngân hàng và kế toán ngân hàng 1.2. Nguyên tắc và chuẩn mực kế toán 1.3. Tổ chức kế toán ngân hàng (Tài khoản kế toán ngân hàng, chứng từ kế toán) 	CELO 1, 2, 4
2,3	<p>Chương 2: Kế toán nghiệp vụ huy động vốn (10 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1 Những vấn đề chung về nghiệp vụ huy động vốn (nghiệp vụ tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) 2.2 Nguyên tắc kế toán 2.3 Quy trình kế toán <p>(Giảng viên trình bày các nghiệp vụ kế toán chủ yếu)</p>	CELO 1, 2, 4
4,5	<p>Chương 3: Kế toán dịch vụ thanh toán qua ngân hàng (10</p>	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>tiết)</p> <p>3.1. Các thể thức thanh toán qua ngân hàng.</p> <p>a. Ủy nhiệm chi</p> <p>b. Ủy nhiệm thu</p> <p>c. Séc và thẻ thanh toán</p> <p>3.2. Nguyên tắc kế toán</p> <p>3.3. Quy trình kế toán</p> <p>(Giảng viên trình bày các nghiệp vụ kế toán chủ yếu)</p>	CELO 1, 2, 4
6,7,8	<p>Chương 4: Kế toán nghiệp vụ tín dụng (15 tiết)</p> <p>4.1 Những vấn đề chung về tín dụng ngân hàng</p> <p>4.2 Nguyên tắc kế toán</p> <p>4.3 Quy trình kế toán nghiệp vụ tín dụng (cho vay, bảo lãnh, chiết khấu, cho thuê tài chính)</p> <p>4.4 Kế toán dự phòng rủi ro tín dụng và kế toán xử lý tài sản đảm bảo</p> <p>(Giảng viên trình bày các nghiệp vụ kế toán chủ yếu)</p>	CELO 1, 2, 4
9,10	<p>Chương 5: Kế toán nghiệp vụ ngoại tệ (10 tiết)</p> <p>5.1 Những vấn đề chung về các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ trong ngân hàng</p> <p>5.1.1. Nghiệp vụ tiền gửi, nghiệp vụ cho vay</p> <p>5.1.2. Nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ</p> <p>5.1.3. Nghiệp vụ thanh toán quốc tế</p> <p>5.2 Nguyên tắc kế toán nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ</p> <p>5.3 Quy trình kế toán nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ</p> <p>5.4 Quy trình kế toán thanh toán quốc tế</p> <p>(Giảng viên trình bày các nghiệp vụ kế toán chủ yếu)</p>	CELO 1, 2, 4
11	<p>Chương 6: Kế toán thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh ngân hàng (5 tiết)</p> <p>6.1 Những vấn đề chung về thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận trong ngân hàng</p> <p>6.2 Nguyên tắc kế toán</p> <p>6.3 Quy trình kế toán</p> <p>(Giảng viên trình bày các nghiệp vụ kế toán chủ yếu)</p>	CELO 1, 2, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
12	<p>Chương 7: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh (5 tiết)</p> <p>7.1 Những vấn đề chung về thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận trong ngân hàng</p> <p>7.2 Nguyên tắc kế toán</p> <p>7.3 Phương pháp kế toán</p>	CELO 1, 2, 4

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: Làm bài tập tổng ôn kiến thức Nguyên lý kế toán và nghiệp vụ ngân hàng thương mại.	CELO 1, 2, 4
	<p>Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ)</p> <p>- Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p>	
	<p>Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>- Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	
2,3	Chương 2: Làm bài tập Kế toán nghiệp vụ huy động vốn	CELO 1, 2, 4
	<p>Các nội dung cần tự học ở nhà: (20 giờ)</p> <p>Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p>	
	<p>Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	
4,5	Chương 3: Làm bài tập Kế toán dịch vụ thanh toán qua ngân hàng	CELO 1, 2, 4
	<p>Các nội dung cần tự học ở nhà: (20 giờ)</p> <p>Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p>	
	<p>Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	
6,7,8	Chương 4: Làm bài tập Kế toán nghiệp vụ tín dụng	CELO 1, 2, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (25 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Bài tập về nhà và bài tập trên lớp: chấm điểm</p>	
9,10	<p>Chương 5: Làm bài tập Kế toán nghiệp vụ ngoại tệ</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (20 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p>	CELO 1, 2, 3, 4
11	<p>Chương 6: Làm bài tập Kế toán thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh ngân hàng</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (10 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p>	CELO 1, 2, 4
12	<p>Chương 7: Làm bài tập Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (15 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p>	CELO 1, 2, 4

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: trang bị đủ số lượng bàn ghế, đèn, quạt phù hợp với từng qui mô lớp học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi nội dung.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi theo mẫu mới.

- + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi rà soát lại nội dung.
- + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Lê Thị Hương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
41122 – KẾ TOÁN XUẤT NHẬP KHẨU

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2(1;1)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15
- Giờ học thực hành: 30
- Giờ tự học của sinh viên: 60

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán

1.5. Học phần học trước: Kế toán tài chính 1, kế toán tài chính 2

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Không

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hậu	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0989807928
Email: hau.lt@kttk.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Học phần Kế toán xuất nhập khẩu trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về kế toán xuất nhập khẩu như: tổng quan chung về thương mại quốc tế và xuất nhập khẩu, các chứng từ và phương thức thanh toán, điều kiện trong thanh toán quốc tế, kế toán nhập khẩu và xuất khẩu trực tiếp và uỷ thác.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Vận dụng được các quy định làm thủ tục, sử dụng chứng từ, ghi sổ, lập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, quy trình kế toán các nghiệp vụ xuất nhập khẩu và công tác kế toán xuất nhập khẩu.

Về kỹ năng:

- Xử lý bộ chứng từ xuất nhập khẩu.
- Lập chứng từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính liên quan tới hoạt động xuất nhập khẩu.

Về thái độ:

- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của quy định về luật thuế, chế độ kế toán, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	- Vận dụng được các quy định làm thủ tục, sử dụng chứng từ, ghi sổ, lập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, quy trình kế toán các nghiệp vụ xuất nhập khẩu và công tác kế toán xuất nhập khẩu.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	- Xử lý bộ chứng từ xuất nhập khẩu.	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO3	- Lập chứng từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính liên quan tới hoạt động xuất nhập khẩu	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của quy định về luật thuế, chế độ kế toán, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng được các quy định làm thủ tục, sử dụng chứng từ, ghi sổ, lập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, quy trình kế toán các nghiệp vụ xuất nhập khẩu và công tác kế toán xuất nhập khẩu.	4
Kỹ năng		
CELO2	Xử lý bộ chứng từ xuất nhập khẩu.	5, 9
CELO3	Lập chứng từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính liên quan tới hoạt động xuất nhập khẩu.	9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của quy định về luật thuế, chế độ kế toán, thích nghi	10

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.	

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41092	Kế toán tài chính 1	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H	H	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;

- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ	Mức chất lượng
----------	----	----------------

	lệ (%)	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận.

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. TS. Nguyễn Thị Kim Cúc (2020), Kế toán tài chính 2, Nhà xuất bản kinh tế TP. HCM.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Vũ Tươi (chủ biên) (2020), Hướng Dẫn Kế Toán Nghiệp Vụ Thuế Quy Định Mới Đối Với Hàng Hóa Xuất Khẩu, Nhập Khẩu & Giải Đáp Tình Huống Về Khai Báo Hải Quan, NXB. Tài Chính.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1	<p>Chương 1: Tổng quan về thương mại quốc tế và xuất nhập khẩu</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Thương mại quốc tế <ul style="list-style-type: none"> 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đặc điểm 1.2. Kinh doanh xuất nhập khẩu <ul style="list-style-type: none"> 1.2.1. Xuất khẩu 1.2.2. Nhập khẩu 1.3. Thanh toán quốc tế <ul style="list-style-type: none"> 1.3.1. Phương tiện thanh toán quốc tế 1.3.2. Chứng từ thanh toán quốc tế 	CELO 1, 2, 3, 4
2+3+4	<p>Chương 2: Kế toán nhập khẩu</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Kế toán nhập khẩu trực tiếp <ul style="list-style-type: none"> 2.1.1. Đặc điểm nhập khẩu trực tiếp 2.1.2. Kế toán nhập khẩu trực tiếp 2.2. Kế toán nhập khẩu ủy thác <ul style="list-style-type: none"> 2.2.1. Đặc điểm nhập khẩu ủy thác 2.1.2. Kế toán nhập khẩu ủy thác 	CELO 1, 2, 3, 4
5+6+7	Chương 3: Kế toán xuất khẩu	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	3.1. Kế toán xuất khẩu trực tiếp 3.1.1. Đặc điểm xuất khẩu trực tiếp 3.1.2. Kế toán xuất khẩu trực tiếp 3.2. Kế toán xuất khẩu ủy thác 3.2.1. Đặc điểm xuất khẩu ủy thác 3.2.2. Kế toán xuất khẩu ủy thác	
8+9	Chương 4: Báo cáo tài chính của doanh nghiệp xuất nhập khẩu 4.1. Bảng cân đối số phát sinh 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Phương pháp lập 4.2. Bảng cân đối kế toán 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Phương pháp lập 4.3. Báo cáo kết quả kinh doanh 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Phương pháp lập 4.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Phương pháp lập	CELO 1, 2, 3, 4
Lưu ý: Sử dụng bộ chứng từ xuất nhập khẩu thực tế tại một doanh nghiệp cụ thể, kèm mẫu biểu chứng từ, sổ sách báo cáo liên quan.		

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: Tổng quan về thương mại quốc tế và xuất nhập khẩu	CELO 1, 2, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 3,3 giờ) - Trả lời các câu hỏi trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (7 giờ)	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>- Làm bài tập ở nhà đọc trước nội dung bài mới</p> <p>Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>- Kết quả các bài tập về bộ qui tắc thương mại quốc tế</p>	
2+3+4	Chương 2: Làm bài tập Kế toán nhập khẩu	CELO 1, 2, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 10 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (21 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập về bộ chứng từ nhập khẩu cô yêu cầu về nhà thực hiện	
4+5+6	Chương 3: Làm bài tập Kế toán xuất khẩu	CELO 1, 2, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 10 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (21 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập về bộ chứng từ xuất khẩu cô yêu cầu về nhà thực hiện	
8+9	Chương 4: Làm bài tập Báo cáo tài chính của doanh nghiệp xuất nhập khẩu	CELO 1, 2, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 7 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (14 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập về lập báo cáo tài chính	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: trang bị đủ số lượng bàn ghế, đèn, quạt phù hợp với từng qui mô lớp học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được viết mới vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

ThS. Trần Thanh Vũ**PHÓ BỘ MÔN**

ThS. Lê Thị Hậu**GIẢNG VIÊN**

ThS. Lê Thị Hậu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
41123 – KẾ TOÁN XÂY DỰNG

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 (1;1)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15
- Giờ học thực hành: 30
- Giờ tự học của sinh viên: 60

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán

1.5. Học phần học trước: Kế toán tài chính 1, kế toán tài chính 2

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Không

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hậu	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0989807928
Email: hau.lt@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị kiến thức cho sinh viên biết cách tập hợp chứng từ, xử lý các nghiệp vụ kinh tế tài chính của hoạt động xây dựng. Nội dung tập trung vào kế toán chi phí, tính giá thành công trình xây dựng, thanh quyết toán, xác định doanh thu và kết quả kinh doanh của công ty xây dựng.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Vận dụng được các quy định, quy trình sử dụng chứng từ, ghi sổ, lập báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp xây dựng, bao gồm chủ đầu tư và nhà thầu, thủ tục, phương pháp kế toán tại đơn vị chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu thi công, nhà thầu tư vấn.

Về kỹ năng:

- Lập các chứng từ kế toán, kỹ năng ghi sổ và lập báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp xây dựng.
- Xử lý các tình huống kế toán trong xây dựng

Về thái độ:

Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của quy định về luật thuế, chế độ kế toán, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các quy định, quy trình sử dụng chứng từ, ghi sổ, lập báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp xây dựng, bao gồm chủ đầu tư và nhà thầu, thủ tục, phương pháp kế toán tại đơn vị chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu thi công, nhà thầu tư vấn. 	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kỹ năng		
CELO2	- Lập các chứng từ kế toán, kỹ năng ghi sổ và lập báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp xây dựng.	Vận dụng
CELO3	- Xử lý các tình huống kế toán trong xây dựng.	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của quy định về luật thuế, chế độ kế toán, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Vận dụng được các quy định, quy trình sử dụng chứng từ, ghi sổ, lập báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp xây dựng, bao gồm chủ đầu tư và nhà thầu, thủ tục, phương pháp kế toán tại đơn vị chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu thi công, nhà thầu tư vấn.	4
Kỹ năng		
CELO2	Lập các chứng từ kế toán, kỹ năng ghi sổ và lập báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp xây dựng.	5, 9
CELO3	Xử lý các tình huống kế toán trong xây	9

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	dựng.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của quy định về luật thuế, chế độ kế toán, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật	10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41123	Kế toán xây dựng	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H	H	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;
- + Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;
- + Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận.

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận.

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
	tạo	sáng tạo	

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. TS Nguyễn Thị Kim Cúc (chủ biên) và các tác giả (2020) Tài liệu học tập kế toán tài chính quyển 2, NXB Kinh tế TP.HCM.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Bộ tài chính (2021), 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà xuất bản tài chính.

- TT 200/TT-BTC- chế độ kế toán doanh nghiệp (2014).

- TT53/TT-BTC- Sửa đổi bổ sung thông tư 200/TT-BTC (2016).

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1	<p>Chương 1: Tổng quan về kế toán doanh nghiệp xây lắp</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Hợp đồng trong xây dựng cơ bản <ul style="list-style-type: none"> 1.1.1. Hợp đồng trong xây dựng 1.1.2. Ảnh hưởng tới công tác kế toán 1.2 Dự toán xây dựng <ul style="list-style-type: none"> 1.2.1. Dự toán xây dựng 1.2.2. Ảnh hưởng tới công tác kế toán 1.3 Định mức xây dựng <ul style="list-style-type: none"> 1.3.1. Dự toán xây dựng 1.3.2. Ảnh hưởng tới công tác kế toán 1.4 Ảnh hưởng của hoạt động xây lắp tới công tác kế toán 	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	1.4.1. Đặc điểm chung hoạt động xây lắp 1.4.1. Ảnh hưởng tới công tác kế toán	
2+3	Chương 2: Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp 2.1 Những vấn đề chung về chủ đầu tư và dự án đầu tư xây dựng cơ bản 2.1.1. Chủ đầu tư 2.1.2. Dự án đầu tư xây dựng cơ bản 2.2. Tổ chức công tác kế toán chủ đầu tư, ban quản lý dự án 2.2.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán 2.2.2. Tổ chức công tác kế toán chủ đầu tư và ban quản lý dự án 2.3. Kế toán quá trình đầu tư XD CB và thanh quyết toán vốn đầu tư XD CB 2.3.1. Kế toán quá trình đầu tư XD CB 2.3.2. Thanh quyết toán vốn đầu tư XD CB	CELO 1, 2, 3, 4
4+5	Chương 3: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp 3.1. Các vấn đề chung về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp. 3.1.1. Các loại giá thành trong sản xuất xây lắp. 3.1.2. Nội dung các khoản mục chi phí cấu thành sản phẩm xây lắp. 3.1.3. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành. 3.1.4. Phương pháp quy nạp chi phí sản xuất trong sản xuất XD CB. 3.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp 3.2.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất 3.2.2. Kế toán tổng hợp, phân bổ và kết chuyển chi phí. 3.2.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ và tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành.	CELO 1, 2, 3, 4
6+7	Chương 4: Kế toán tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả sản xuất kinh doanh 4.1. Các hình thức thầu 4.1.1. Khái niệm về thầu	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	4.1.2. Các hình thức thầu 4.2. Kế toán doanh thu 4.2.1. Doanh thu của hợp đồng xây dựng. 4.2.2. Tài khoản sử dụng. 4.2.3. Nội dung và phương pháp kế toán doanh thu 4.3. Kế toán dự phòng về chi phí bảo hành công trình xây lắp 4.3.1. Tài khoản sử dụng 4.3.2. Nội dung và phương pháp phản ánh 4.4. Kết toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp. 4.4.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh của hoạt động kinh doanh. 4.4.2. Kế toán xác định lợi nhuận sau thuế TNDN	
8+9	Chương 5: Báo cáo tài chính tại đơn vị chủ đầu tư và doanh nghiệp thi công, tư vấn xây dựng	
	5.1 Cân đối số phát sinh 5.1.1. Nguyên tắc chung 5.1.2. Phương pháp lập 5.2 Bảng cân đối kế toán 5.2.1. Nguyên tắc chung 5.2.2. Phương pháp lập 5.3 Báo cáo kết quả kinh doanh 5.3.1. Nguyên tắc chung 5.3.2. Phương pháp lập 5.4 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 5.4.1. Nguyên tắc chung 5.4.2. Phương pháp lập	
<p>Lưu ý: Sử dụng bộ chứng từ xuất nhập khẩu thực tế tại một doanh nghiệp cụ thể, kèm mẫu biểu chứng từ, sổ sách báo cáo liên quan.</p>		

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: Tổng quan về kế toán doanh nghiệp xây lắp Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 3,3 giờ)	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>- Trả lời các câu hỏi trên lớp ứng dụng lý thuyết.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (7 giờ)</p> <p>- Làm bài tập ở nhà đọc trước nội dung bài mới</p> <p>Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>- Kết quả các bài tập</p>	
2+3	<p>Chương 2: Làm bài tập Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 7 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (14 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập</p>	CELO 1, 2, 3, 4
4+5	<p>Chương 3: Làm bài tập Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 10 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (21 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập</p>	CELO 1, 2, 3, 4
6+7	<p>Chương 4: Làm bài tập Kế toán tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả sản xuất kinh doanh</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 7 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (14 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập</p>	CELO 1, 2, 3, 4
8+9	Chương 5: Làm bài tập Báo cáo tài chính tại đơn vị chủ đầu tư và doanh nghiệp thi công, tư vấn xây dựng	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 7 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (14 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập về lập báo cáo tài chính	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: trang bị đủ số lượng bàn ghế, đèn, quạt phù hợp với từng qui mô lớp học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
 - + Đề cương được viết mới vào 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Lê Thị Hậu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
91013 – THỰC TẬP CUỐI KHÓA

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (0 lý thuyết, 3 thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 0
- Giờ học thực hành: 135
- Giờ tự học của sinh viên: 90

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết:

1.5. Học phần học trước:

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ:

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hậu	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0989807928
Email: hau.lt@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Thực tập tốt nghiệp là học phần quan trọng trong CTĐT ngành Kế toán. Học phần giúp SV vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đơn vị thực tập giúp củng cố và nâng cao kiến thức đã học, nâng cao kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp và bước đầu làm quen với nghề nghiệp trong tương lai. Đồng thời, Thực tập tốt nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên phát huy khả năng tư duy sáng tạo trong thực tiễn rèn luyện những kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp, quản lý thời gian, xử lý tình huống...), đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của những nghiệp vụ, những công việc cụ thể tại đơn vị thực tập. Ngoài ra, Thực tập tốt nghiệp còn rèn luyện sinh viên tác phong làm việc, tiếp cận thực tiễn để hiểu sâu hơn về quy trình, tìm hiểu sâu về những nghiệp vụ, những công tác cụ thể thuộc về chuyên ngành đào tạo trong đơn vị thực tập, củng cố lập trường, nêu cao ý thức trách nhiệm trong công việc.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Sinh viên vận dụng củng cố được kiến thức chuyên môn về kế toán, vận dụng được kiến thức chuyên môn, pháp luật để hiểu được cách xử lý thực tế các hoạt động diễn ra tại doanh nghiệp.

Về kỹ năng:

- Rèn luyện cách nhìn bao quát, phân tích được hoạt động của doanh nghiệp về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại doanh nghiệp thực tập.
- Biết cách giao tiếp và ứng xử chuyên nghiệp, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực tập để thu thập chứng từ, thống kê số liệu phục vụ đề tài nghiên cứu.
- Phân tích, tổng hợp và nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu liên quan đến tổ chức bộ máy kế toán, kế toán các hoạt động và các vấn đề liên quan đến kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán thuế, tài chính trong đơn vị thực tập.

Về thái độ:

- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của pháp luật thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi.
- Luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên vận dụng có được kiến thức chuyên môn về kế toán, vận dụng được kiến thức chuyên môn, pháp luật để hiểu được cách xử lý thực tế các hoạt động diễn ra tại doanh nghiệp. 	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện cách nhìn bao quát, phân tích được hoạt động của doanh nghiệp về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại doanh nghiệp thực tập 	Vận dụng
CELO3	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách giao tiếp và ứng xử chuyên nghiệp, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực tập để thu thập chứng từ, thống kê số liệu phục vụ đề tài nghiên cứu. 	Vận dụng
CELO4	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, tổng hợp và nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu liên quan đến tổ chức bộ máy kế toán, kế toán các hoạt động và các vấn đề liên quan đến kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán thuế, tài chính trong đơn vị thực tập 	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của pháp luật thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi. 	Vận dụng
CELO6	<ul style="list-style-type: none"> - Luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật. 	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Sinh viên vận dụng kiến thức chuyên môn về kế toán, vận dụng được kiến thức chuyên môn, pháp luật để hiểu được cách xử lý thực tế các hoạt động diễn ra tại doanh nghiệp.	4
Kỹ năng		
CELO2	Rèn luyện cách nhìn bao quát, phân tích được hoạt động của doanh nghiệp về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại doanh nghiệp thực tập	5, 7, 9
CELO3	Biết cách giao tiếp và ứng xử chuyên nghiệp, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực tập để thu thập chứng từ, thống kê số liệu phục vụ đề tài nghiên cứu.	5, 7, 9
CELO4	Phân tích, tổng hợp và nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu liên quan đến tổ chức bộ máy kế toán, kế toán các hoạt động và các vấn đề liên quan đến kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán thuế, tài chính trong đơn vị thực tập	5, 7, 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của pháp luật thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi.	10
CELO6	Luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.	11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
91013	Thực tập cuối khóa	N	N	N	H	H	N	H	N	H	H	H	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thảo luận các tình huống
- Hướng dẫn SV nghiên cứu, vận dụng kiến thức chuyên môn đã học để xử lý các tình huống thực tiễn, gợi ý các chủ đề nghiên cứu

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Sinh viên tự đọc tài liệu, làm bài ở nhà
- Sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp
- Sinh viên tìm hiểu vấn đề của doanh nghiệp và thực hiện nghiên cứu, viết báo cáo thực tập

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tự liên hệ chỗ thực tập
- Lập nhật ký thực tập (NKTT)
- Thực hiện đúng tiến độ nhật ký thực tập cá nhân xây dựng theo hướng dẫn của Khoa và phù hợp với đơn vị thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn (GVHD) và người hướng dẫn tại đơn vị thực tập.
- Tuân thủ qui định của đơn vị thực tập, có ý thức lao động như một nhân viên của đơn vị
- Phát huy tinh thần học tập trong công việc; rèn luyện phong cách làm việc và ứng xử công việc trong môi trường văn hóa của đơn vị thực tập.
- Giữ gìn, quảng bá thương hiệu và văn hóa VLU.
- Hoàn thành NKTT& Báo cáo thực tập tốt nghiệp (BCTTTN) theo đúng về nội dung, hình thức quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn (GVHD) và có xác nhận của cơ quan thực tập và GVHD.
- Thái độ: tinh thần hợp tác, sẵn sàng làm việc;

9. Đánh giá và cho điểm

Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	- Nhật ký thực tập - Báo cáo thực tập - Phiếu đánh giá đơn vị thực tập	Kết thúc thực tập
CELO 2	x	x	x	x	x	- Nhật ký thực tập - Báo cáo thực tập - Phiếu đánh giá đơn vị thực tập	Kết thúc thực tập
CELO 3	x	x	x	x	x	- Nhật ký thực tập - Báo cáo thực tập - Phiếu đánh giá đơn vị thực tập	Kết thúc thực tập
CELO 4	x	x	x	x	x	- Nhật ký thực tập - Báo cáo thực tập - Phiếu đánh giá đơn vị thực tập	Kết thúc thực tập
CELO 5	x	x	x	x	x	- Nhật ký thực tập - Báo cáo thực tập - Phiếu đánh giá đơn vị thực tập	Kết thúc thực tập
CELO 6	x	x	x	x	x	- Nhật ký thực tập - Báo cáo thực tập - Phiếu đánh giá đơn vị thực tập	Kết thúc thực tập

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Cuối kỳ: - Bài báo cáo thực tập 80% - Phiếu đánh giá đơn vị thực tập 20%	100%	

10. Giáo trình và tài liệu học tập**10.1 Tài liệu học tập****10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác****11. Nội dung chi tiết của học phần****11.1 Phần lý thuyết**

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Chương 1: Giới thiệu tóm tắt về đơn vị thực tập</p> <p>1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty</p> <p>1.1.1 Ngành nghề lĩnh vực kinh doanh của đơn vị</p> <p>1.2 Tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận của đơn vị thực tập trong 3 năm trở lại (có bảng, có nhận xét, đánh giá)</p> <p>1.3 Thuận lợi và khó khăn hiện tại.</p> <p>2. Cơ cấu tổ chức tại đơn vị thực tập</p> <p>2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị thực tập</p> <p>2.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị thực tập</p> <p>3. Tổ chức kế toán tại đơn vị thực tập</p> <p>3.1 Hệ thống thông tin kế toán tại đơn vị thực tập</p> <p>3.2 Hình thức sổ kế toán</p> <p>3.3 Hệ thống tài khoản áp dụng tại Công ty</p> <p>3.4 Phương pháp kế toán hàng tồn kho</p> <p>3.5 Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng</p> <p>3.6 Phương pháp khấu hao tài sản cố định</p>	CELO 1, 2, 3, 4, 5, 6
	<p>Chương 2: Thực trạng kế toán ...tại đơn vị...</p> <p style="text-align: center;">Tháng...năm...</p> <p>Nội dung:</p> <p>Chứng từ và luân chuyển chứng từ</p>	CELO 1, 2, 3, 4, 5, 6

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p><i>Mô tả chi tiết chứng từ thực tế sử dụng tại doanh nghiệp liên quan đến thực tập “ quy trình luân chuyển chứng từ, bao gồm những chứng từ nào, mẫu biểu, cách thức ghi chép và cách phản ánh của doanh nghiệp”. cho ví dụ về chứng từ thực tế phát sinh tại doanh nghiệp</i></p> <p>Tài khoản sử dụng</p> <p><i>Mô tả những tài khoản sử dụng của doanh nghiệp, để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh liên quan đến thực tập, thông qua tài khoản chi tiết, tài khoản tổng hợp và tài khoản liên quan.</i></p> <p><i>2.2.3.3 Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh thực tế tại doanh nghiệp (Sinh viên mô tả tối thiểu 5 nghiệp vụ và có chứng từ minh chứng, phải mô tả, mô phỏng được thực tế doanh nghiệp xử lý nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trên hệ thống kế toán doanh nghiệp đang sử dụng vd: Excel, phần mềm kế toán đối với nghiệp vụ 1, các nghiệp vụ còn lại không khác biệt thì không mô tả, mô phỏng lại)</i></p> <p><i>2.2.3.4 Sổ sách và báo cáo kế toán</i></p> <p><i>Sinh viên mô tả, mô phỏng được các bước mở sổ, ghi sổ, khóa sổ, xem sổ, lấy sổ trên hệ thống kế toán doanh nghiệp đang sử dụng.</i></p>	
	<p>Phần III: Nhận xét, kiến nghị</p> <p>3.1 Nhận xét</p> <p>3.2 Kiến nghị</p>	<p>CELO 1, 2, 3, 4, 5, 6</p>

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: lý thuyết.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, phòng máy, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi kết cấu báo cáo.
 - + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi thay đổi kết cấu báo cáo.
 - + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi viết lại theo mẫu mới.
 - + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới và thay đổi nội dung kết cấu của báo cáo./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Lê Thị Hậu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
91010 – KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 9 (0;9)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 0
- Giờ học thực hành: 405
- Giờ tự học của sinh viên: 270

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết:

1.5. Học phần học trước:

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ:

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hậu	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ: 0989807928
Email: hau.lt@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức mở rộng và chuyên sâu trong mỗi lĩnh vực kế toán đã chọn thông qua việc tiếp cận thực tiễn và tự nghiên cứu vấn đề thực tiễn. Đồng thời, môn học còn trang bị cho sinh viên kỹ năng và phương pháp nghiên cứu trong kế toán, giúp nâng cao năng lực phân tích và tư vấn cho sinh viên bằng cách phân tích vấn đề thực tiễn và đưa ra các giải pháp giải quyết vấn đề thực tiễn. Ngoài ra, môn học còn tạo điều kiện để sinh viên nâng cao trình độ tiếng Anh thông qua việc nghiên cứu các tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, rèn luyện kỹ năng tư duy, cũng như ý thức tự học, tự nghiên cứu.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Sinh viên vận dụng cố được kiến thức chuyên môn về kế toán, vận dụng được kiến thức chuyên môn, pháp luật để hiểu được cách xử lý thực tế các hoạt động diễn ra tại doanh nghiệp.

Về kỹ năng:

- Rèn luyện cách nhìn bao quát, phân tích được hoạt động của doanh nghiệp về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại doanh nghiệp thực tập.
- Biết cách giao tiếp và ứng xử chuyên nghiệp, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực tập để thu thập chứng từ, thống kê số liệu phục vụ đề tài nghiên cứu.
- Phân tích, tổng hợp và nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu liên quan đến tổ chức bộ máy kế toán, kế toán các hoạt động và các vấn đề liên quan đến kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán thuế, tài chính trong đơn vị thực tập.

Về thái độ:

- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của pháp luật thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi.
- Luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
-------------------------------	-----------------------------	------------------------------------

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Sinh viên vận dụng được kiến thức chuyên môn về kế toán, vận dụng được kiến thức chuyên môn, pháp luật để hiểu được cách xử lý thực tế các hoạt động diễn ra tại doanh nghiệp.	Vận dụng
Kỹ năng		
CELO2	Rèn luyện cách nhìn bao quát, phân tích được hoạt động của doanh nghiệp về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại doanh nghiệp thực tập	Vận dụng
CELO3	Biết cách giao tiếp và ứng xử chuyên nghiệp, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực tập để thu thập chứng từ, thống kê số liệu phục vụ đề tài nghiên cứu.	Vận dụng
CELO4	Phân tích, tổng hợp và nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu liên quan đến tổ chức bộ máy kế toán, kế toán các hoạt động và các vấn đề liên quan đến kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán thuế, tài chính trong đơn vị thực tập	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của pháp luật thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi.	Vận dụng
CELO6	Luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Sinh viên vận dụng được kiến thức chuyên môn về kế toán, vận dụng được kiến thức chuyên môn, pháp luật để hiểu được cách xử lý thực tế các hoạt động diễn ra tại doanh nghiệp.	4
Kỹ năng		
CELO2	Rèn luyện cách nhìn bao quát, phân tích được hoạt động của doanh nghiệp về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại doanh nghiệp thực tập	5, 7, 9
CELO3	Biết cách giao tiếp và ứng xử chuyên nghiệp, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực tập để thu thập chứng từ, thống kê số liệu phục vụ đề tài nghiên cứu.	5, 7, 9
CELO4	Phân tích, tổng hợp và nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu liên quan đến tổ chức bộ máy kế toán, kế toán các hoạt động và các vấn đề liên quan đến kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán thuế, tài chính trong đơn vị thực tập	5, 7, 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của pháp luật thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi.	10
CELO6	Luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.	11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
-----------	---------------	---

HP		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
91010	Khóa luận tốt nghiệp	N	N	N	H	H	N	H	N	H	H	H	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thảo luận các tình huống
- Hướng dẫn SV nghiên cứu, vận dụng kiến thức chuyên môn đã học để xử lý các tình huống thực tiễn, gợi ý các chủ đề nghiên cứu

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Sinh viên tự đọc tài liệu, làm bài ở nhà
- Sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp
- Sinh viên tìm hiểu vấn đề của doanh nghiệp và thực hiện nghiên cứu, viết báo cáo thực tập

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tự liên hệ chỗ thực tập
- Lập nhật ký thực tập (NKTT)
- Thực hiện đúng tiến độ nhật ký thực tập cá nhân xây dựng theo hướng dẫn của Khoa và phù hợp với đơn vị thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn (GVHD) và người hướng dẫn tại đơn vị thực tập.
- Tuân thủ qui định của đơn vị thực tập, có ý thức lao động như một nhân viên của đơn vị
- Phát huy tinh thần học tập trong công việc; rèn luyện phong cách làm việc và ứng xử công việc trong môi trường văn hóa của đơn vị thực tập.
- Giữ gìn, quảng bá thương hiệu và văn hóa VLU.
- Hoàn thành NKTT& Báo cáo thực tập tốt nghiệp (BCTTTN) theo đúng về nội dung, hình thức quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn (GVHD) và có xác nhận của cơ quan thực tập và GVHD.
- Thái độ: tinh thần hợp tác, sẵn sàng làm việc;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	- Nhật ký thực tập - Báo cáo thực tập - Phiếu đánh giá đơn vị thực tập	Kết thúc thực tập
CELO 2	x	x	x	x	x	- Nhật ký thực tập - Báo cáo thực tập - Phiếu đánh giá đơn vị thực tập	Kết thúc thực tập
CELO 3	x	x	x	x	x	- Nhật ký thực tập - Báo cáo thực tập - Phiếu đánh giá đơn vị thực tập	Kết thúc thực tập
CELO 4	x	x	x	x	x	- Nhật ký thực tập - Báo cáo thực tập - Phiếu đánh giá đơn vị thực tập	Kết thúc thực tập
CELO 5	x	x	x	x	x	- Nhật ký thực tập - Báo cáo thực tập - Phiếu đánh giá đơn vị thực tập	Kết thúc thực tập
CELO 6	x	x	x	x	x	- Nhật ký thực tập - Báo cáo thực tập - Phiếu đánh giá đơn vị thực tập	Kết thúc thực tập

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Cuối kỳ: - Bài báo cáo thực tập 80%	100%	

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
	- Phiếu đánh giá đơn vị thực tập 20%		

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Chương 1: Cơ sở lý luận về đề tài nghiên cứu	CELO 1, 2, 3, 4, 5, 6
	Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm - Nguyên tắc kế toán - Chứng từ sử dụng - Phương pháp hạch toán 	
	Chương 2: Giới thiệu tóm tắt về đơn vị thực tập Tháng...năm...	CELO 1, 2, 3, 4, 5, 6
	2.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty <p>2.1.1 Ngành nghề lĩnh vực kinh doanh của đơn vị</p> <p>2.1.2 Tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận của đơn vị thực tập trong 3 năm trở lại (có bảng, có nhận xét, đánh giá)</p> <p>2.1.3 Thuận lợi và khó khăn hiện tại.</p> <p>2.1.4 Cơ cấu tổ chức tại đơn vị thực tập</p> <p>2.1.4.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị thực tập</p> <p>2.1.4.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị thực tập</p> <p>2.1.5 Tổ chức kế toán tại đơn vị thực tập</p> <p>2.1.5.1 Hệ thống thông tin kế toán tại đơn vị thực tập</p> <p>2.1.5.2 Hình thức sổ kế toán</p> <p>2.1.5.3 Hệ thống tài khoản áp dụng tại Công ty</p> <p>2.1.5.4 Phương pháp kế toán hàng tồn kho</p> <p>2.1.5.5 Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng</p> <p>2.1.5.6 Phương pháp khấu hao tài sản cố định</p> <p>2.2 Thực trạng kế toán ... tại đơn vị ...</p> Nội dung:	

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Chứng từ và luân chuyển chứng từ</p> <p><i>Mô tả chi tiết chứng từ thực tế sử dụng tại doanh nghiệp liên quan đến thực tập “quy trình luân chuyển chứng từ, bao gồm những chứng từ nào, mẫu biểu, cách thức ghi chép và cách phản ánh của doanh nghiệp”. cho ví dụ về chứng từ thực tế phát sinh tại doanh nghiệp</i></p> <p>Tài khoản sử dụng</p> <p><i>Mô tả những tài khoản sử dụng của doanh nghiệp, để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh liên quan đến thực tập, thông qua tài khoản chi tiết, tài khoản tổng hợp và tài khoản liên quan.</i></p> <p><i>2.2.3.3 Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh thực tế tại doanh nghiệp (Sinh viên mô tả tối thiểu 5 nghiệp vụ và có chứng từ minh chứng, phải mô tả, mô phỏng được thực tế doanh nghiệp xử lý nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trên hệ thống kế toán doanh nghiệp đang sử dụng vd: Excel, phần mềm kế toán đối với nghiệp vụ 1, các nghiệp vụ còn lại không khác biệt thì không mô tả, mô phỏng lại)</i></p> <p><i>2.2.3.4 Sổ sách và báo cáo kế toán</i></p> <p><i>Sinh viên mô tả, mô phỏng được các bước mở sổ, ghi sổ, khóa sổ, xem sổ, lấy sổ trên hệ thống kế toán doanh nghiệp đang sử dụng.</i></p>	
	<p>Phần III: Nhận xét, kiến nghị</p> <p>3.1 Nhận xét</p> <p>3.2 Kiến nghị</p>	CELO 1, 2, 3, 4, 5, 6

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học:
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, phòng máy, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
 - + Đề cương được cập nhật lần 1 vào năm 2016 theo chương trình đào tạo của khóa 16, thay đổi kết cấu báo cáo.

- + Đề cương được cập nhật lần 2 vào năm 2018 theo chương trình đào tạo của khóa 18, thay đổi thay đổi kết cấu báo cáo.
- + Đề cương được cập nhật lần 3 vào năm 2019 theo chương trình đào tạo của khóa 19, thay đổi viết lại theo mẫu mới.
- + Đề cương được cập nhật lần 4 vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết lại theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Lê Thị Hậu

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

41124 – QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

3. Thông tin về học phần

3.1. Số tín chỉ: 3 tín chỉ (2 tín chỉ lý thuyết + 1 tín chỉ thực hành)

3.2. Số tiết và/hoặc số giờ đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 giờ
- Bài tập lớn, thảo luận trên lớp: 30 giờ
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

3.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

3.4. Học phần tiên quyết: Tài chính – Tiền tệ

3.5. Học phần học trước:

3.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 9

3.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

Giảng bằng Tiếng Việt và tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng Tiếng Việt

3.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Tài chính doanh nghiệp
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

3.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: TS. Phạm Tuấn Anh.
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy:
- Giảng viên thỉnh giảng:

4. Mô tả học phần

Học phần trình bày kiến thức và kỹ năng cần thiết để đưa ra quyết định sáng suốt về các vấn đề tài chính trong cuộc sống. Người học sẽ học cách áp dụng các kỹ

năng ra quyết định để đánh giá các lựa chọn nghề nghiệp và đặt ra các mục tiêu cá nhân. Nội dung khóa học được thiết kế để giúp người học thực hiện các quyết định chi tiêu, tiết kiệm, tín dụng khôn ngoan và sử dụng thu nhập hiệu quả để đạt được thành công trong quản lý tài chính cá nhân. Khóa học bao gồm các nguyên tắc cơ bản cần thiết để quản lý tài chính cá nhân hiệu quả, các ứng dụng thực tế về quản lý tiền, ngân sách, thuế, tín dụng, bảo hiểm, nhà ở, đầu tư và kế hoạch nghỉ hưu.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Có kiến thức về quản trị tài chính cá nhân

Về kỹ năng:

Có tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề tài chính cá nhân

Có các kỹ năng về làm việc nhóm.

Về thái độ:

Có thái độ và ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề trong doanh nghiệp.

Có tinh thần khởi nghiệp và học hỏi không ngừng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Đánh giá các cơ hội và rủi ro trong quyết định tài chính cá nhân, để đưa ra các quyết định tài chính nhằm tối ưu hóa nguồn lực của cá nhân.	5
Kỹ năng		
CELO2	Vận dụng tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề tài chính cá nhân	3
CELO3	Tổ chức làm việc nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề trong doanh nghiệp	3

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO5	Hình thành thói quen học tập không ngừng và tinh thần khởi nghiệp	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Đánh giá các cơ hội và rủi ro trong quyết định tài chính cá nhân, để đưa ra các quyết định tài chính nhằm tối ưu hóa nguồn lực của cá nhân.	ELO4
Kỹ năng		
CELO2	Vận dụng tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề tài chính cá nhân	ELO5
CELO3	Tổ chức làm việc nhóm nhằm đạt được mục tiêu đề ra.	ELO6
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề trong doanh nghiệp	ELO11
CELO5	Hình thành thói quen nghiêm túc trong học tập và khả năng tự học tập	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41124	Quản trị tài chính cá nhân	N	N	N	H	H	H	N	N	N	N	H	H

- N: Không đóng góp (none supported)

- S: Có đóng góp (supported)

- H: *Đóng góp quan trọng (highly supported)*

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng trên lớp
- + Giảng online
- + Hướng dẫn làm bài tập
- + Giảng dạy theo tình huống

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

+ Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

+ Phải đi học đúng giờ theo quy định. Hạn chế tối đa việc đi trễ (Không quá 15 phút).

+ Chuẩn bị cho bài học: sinh viên phải đọc các tài liệu học tập, hoàn thành toàn bộ bài tập do giảng viên cung cấp.

+ Thái độ: tôn trọng sở hữu trí tuệ, tuân thủ nguyên tắc làm việc nhóm, qui định về thời gian nộp bài.

+ Tham gia thảo luận, giải quyết những tình huống mà giáo viên hoặc các bạn đưa ra một cách nghiêm túc

+ Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm 5 SV), cử 1 nhóm trưởng để thực hiện bài tập nhóm.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	CÔNG CỤ	THỜI
-------	----------------------	---------	------

đầu ra học phần (CELOs)	Làm bài tập nhóm (25%)	Kiểm tra giữa kỳ (25%)	Thi cuối kỳ (50%)	ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
CELO 1	x	x	x	- Tình huống nhóm - Kiểm tra tự luận giữa kỳ đề đóng - Thi trắc nghiệm + tự luận cuối kỳ đề đóng	- Hàng tuần
CELO 2	x	x	x		- Tuần 7
CELO 3	x				- Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x		
CELO 5	x	x	x		

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Làm bài tập nhóm	25%	
2	Kiểm tra cá nhân	25%	
3	Thi cuối kỳ	50%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá bài tiểu luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
Quản lý thời gian	10	Đúng quy định				Quá thời gian cho phép
Cấu trúc	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan	Tương đối trực quan	Khó theo dõi	Rất khó theo dõi
Sự phối hợp trong	10	Thực hiện theo phân công của	Thực hiện theo phân công của	Thực hiện theo phân công của	Nhóm ít phối hợp trong quá trình thực hiện	Không thể hiện sự kết nối trong

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
nhóm		nhóm, đạt chất lượng tốt	nhóm, còn chút sai sót	nhóm, còn sai sót nhiều	dự án, chưa đạt chất lượng	nhóm
Nội dung	45	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn một sai sót quan trọng	Tương đối chính xác, còn nhiều sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
	5	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn theo đúng thể thức	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn nhưng chưa theo đúng thể thức	Ghi nguồn trích dẫn theo đúng thể thức nhưng còn sót 1 nguồn trích dẫn	Ghi thiếu nhiều nguồn trích dẫn hoặc không đúng thể thức	Không ghi nguồn trích dẫn
Khả năng nhìn nhận và giải quyết vấn đề	20	Nhìn nhận được vấn đề, giải quyết thỏa đáng	Nhìn nhận được vấn đề, giải quyết còn vài chỗ chưa thỏa đáng	Nhìn nhận được vấn đề, chỉ giải quyết được 1/3 yêu cầu	Nhìn nhận được vấn đề, chưa giải quyết đầy đủ	Không nhìn nhận được vấn đề, không giải quyết vấn đề

- Thi giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi trắc nghiệm & tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo
Các câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ 80% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	- Có đáp án chính xác từ 50-70% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ dưới 40% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

(1) Lâm Minh Chánh(2020), Tài chính cá nhân dành cho người Việt Nam, NXB Văn hóa văn nghệ TP. Hồ Chí Minh.

10.2 Tài liệu học tập

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

11. Nội dung chi tiết của học phần

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1,2,3	PHẦN 1: TÀI CHÍNH CÁ NHÂN	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	A. Các nội dung chính trên lớp: (12 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (6 giờ) Chương 1 Các vấn đề cơ bản của tài chính cá nhân 1.17 Giới thiệu về kiến thức tài chính 1.18 Quản lý tài chính cá nhân 1.19 Vai trò của quản trị tài chính cá nhân Chương 2: Kế hoạch tài chính cá nhân 2.1. Toàn cảnh bức tranh tài chính cá nhân 2.2. Tài chính cá nhân cho người trưởng thành và hộ gia đình Chương 3: Thu nhập và thuế 3.1 Thu nhập 3.2. Thuế 3.3. chi tiêu của chính phủ	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Thực hành tình huống chương 1, 2 và 3 (6 giờ)</p> <hr/> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (24 giờ) Đọc [1] Chương 1,2,3</p> <hr/> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: <i>Phương pháp đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Thi giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi. 	
3, 4,5	<p>PHẦN 2: BẢO VỆ NGUỒN TÀI CHÍNH CÁ NHÂN</p> <hr/> <p>A. Các nội dung chính trên lớp: (12 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (6 giờ)</p> <p>Chương 4: Ngân hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> 4.1 Cung cấp các dịch vụ tài chính 4.2 Kiểm tra tài khoản <p>Chương 5: Tiết kiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> 5.1 Kế hoạch tiết kiệm 5.2. Định mức tiết kiệm tối đa <p>Chương 6: Đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> 6.1 Đầu tư 6.2 Các loại hình đầu tư 6.3 Nguồn đầu tư <p>Chương 7: Bất động sản và kế hoạch hưu trí</p> <ul style="list-style-type: none"> 7.1 Các loại kế hoạch hưu trí 7.2 Xây dựng bản kế hoạch hưu trí <p>Thực hành tình huống chương 4, 5, 6 và 7 (6 giờ)</p> <hr/> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (24 giờ) Đọc [1] chương 4,5,6,7</p> <hr/> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: <i>Phương pháp đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Thi giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa 	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	vào câu hỏi trong bài thi.	
6,7,8	<p>PHẦN 3: QUẢN LÝ CHI TIÊU</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp: (12 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (6 giờ) Chương 8: Quản lý chi tiêu 8.1 Tín dụng tiêu dùng 8.2 Sử dụng thẻ tín dụng Chương 9: Quản lý tín dụng 9.1 Sử dụng tín dụng thông minh 9.2 Sự dối trá và phòng thủ của người tiêu dùng Chương 10: Tiêu dùng 10.1 Thị trường 10.2 Chiến lược tiêu dùng Chương 11: Sức mạnh của chi tiêu 11.1 Chi tiêu đúng 11.2 Bảo vệ người tiêu dùng Thực hành tình huống chương 8, 9, 10 và 11 (6 giờ)</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (24 giờ) Đọc [1] Chương 8 ,9,10,11</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Thi giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi.</p>	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
8,9,10	<p>PHẦN 4: MUA VÀ BẢO VỆ TÀI SẢN</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp: (12 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (6 giờ) Chương 12: Các quyết định về nhà ở 12.1 Thuê nhà 12.2 Mua nhà Chương 13: Mua xe 13.1 Mua xe 13.2 Quyết định liên quan đến mua xe</p>	CELO1 CELO2

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Chương 14: Quản trị rủi ro và bảo hiểm cho nhà ở và ô tô 14.1 Quản trị rủi ro 14.2 Bảo hiểm nhà ở và ô tô</p> <p>Chương 15: Bảo hiểm sức khỏe, tai nạn và nhân thọ 15.1 Bảo hiểm sức khỏe 15.2 Bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm nhân thọ</p> <p>Thực hành tình huống chương 12, 13, 14 và 15 (6 giờ)</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ) Đọc [1] (tr.162-241)</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Thi giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi.</p>	CELO3 CELO4 CELO5
10,11,12	<p>PHẦN 5: TÌM HIỂU VỀ NỀN KINH TẾ</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp: (12 giờ) Nội dung GD lý thuyết: (6 giờ) Chương 16: Các vấn đề cơ bản của kinh tế 16.1 Kinh tế là gì 16.2 Nền kinh tế vận hành như thế nào</p> <p>Chương 17: Chức năng của kinh tế. 17.1 Các khái niệm cơ bản của nền kinh tế 17.2 Chính phủ và nền kinh tế</p> <p>Chương 18: Vấn đề tự kinh doanh 18.1 Kinh doanh trong khu vực tư nhân 18.2 Khởi nghiệp</p> <p>Chương 19: Giao thương toàn cầu và nền kinh tế 19.1 Nền kinh tế toàn cầu hóa 19.2 Hệ thống tiền tệ quốc tế</p> <p>Thực hành tình huống chương 16, 17, 18 và 19 (6 giờ)</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 giờ) Đọc [1] chương 16, 17, 18 và 19</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương:</p>	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p><i>Phương pháp đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra quá trình: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài kiểm tra cá nhân của sinh viên. - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Thi giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi. 	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: lý thuyết.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, phòng máy, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: 4.
- + Đề cương được viết mới vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

PHÓ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN





TS. Trần Thanh Vũ

ThS. Lê Thị Hậu

TS. Phạm Tuấn Anh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

41126 – CƠ SỞ DỮ LIỆU

5. Thông tin về học phần

5.1. Số tín chỉ: 3 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết + 2 tín chỉ thực hành)

5.2. Số tiết và/hoặc số giờ đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15 giờ
- Bài tập lớn, thảo luận trên lớp: 60 giờ
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

5.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

5.4. Học phần tiên quyết: Hệ thống thông tin kế toán

5.5. Học phần học trước:

5.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 9

5.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

Giảng bằng Tiếng Việt và tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng Tiếng Việt

5.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

5.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: TS. Phạm Tuấn Anh.
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy:
- Giảng viên thỉnh giảng:

6. Mô tả học phần

Học phần được giảng dạy cho sinh viên khối không chuyên về Công nghệ thông tin, nhằm mục đích đem đến cho sinh viên các khái niệm cơ bản về Công nghệ

thông tin, vai trò của Công nghệ thông tin trong việc số hóa dữ liệu ngày nay. Đồng thời giúp sinh viên hiểu rõ các khái niệm nền tảng liên quan đến Dữ liệu, Thông tin, Dữ liệu lớn và Trí tuệ nhân tạo, cũng như nắm được các nguyên tắc cơ bản về việc quản lý và phân tích dữ liệu số ngày nay. Với phương pháp giảng dạy theo dự án (project-based), bằng việc đưa ra các ngữ cảnh và bài toán thực tế linh hoạt theo từng khối ngành đào tạo, sẽ giúp sinh viên nâng cao kỹ năng tự tìm kiếm và đánh giá được các dữ liệu nào cần thiết để hỗ trợ quá trình ra quyết định và tìm ra giải pháp giải quyết vấn đề.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Có kiến thức về phân tích và khai thác cơ sở dữ liệu

Về kỹ năng:

Có tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề trong khai thác cơ sở dữ liệu

Có các kỹ năng về phân tích cơ sở dữ liệu

Về thái độ:

Có thái độ tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp

Có thái độ và ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề trong doanh nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Phối hợp các dữ liệu định tính và định lượng thu thập được để xác định được các công cụ cần sử dụng cho quá trình phân tích dữ liệu đã có.	4
Kỹ năng		
CELO2	Vận dụng tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề trong phân tích cơ sở dữ liệu	3
CELO3	Vận dụng tư duy phân tích để thực hiện các kỹ thuật trong khai thác cơ sở dữ liệu	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp	3

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
CELO5	Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề trong doanh nghiệp	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Đánh giá phối hợp các dữ liệu định tính và định lượng thu thập được để xác định được các công cụ cần sử dụng cho quá trình phân tích dữ liệu đã có.	ELO3
Kỹ năng		
CELO2	Vận dụng tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề trong phân tích cơ sở dữ liệu	ELO5
CELO3	Vận dụng tư duy phân tích để thực hiện các kỹ thuật trong khai thác cơ sở dữ liệu	ELO9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp	ELO10
CELO5	Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng trước các vấn đề trong doanh nghiệp	ELO11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41126	Cơ sở dữ liệu	N	N	H	N	H	N	N	N	H	H	H	N

- N: Không đóng góp (none supported)

- S: Có đóng góp (supported)

- H: *Đóng góp quan trọng (highly supported)*

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng trên lớp
- + Giảng online
- + Hướng dẫn làm bài tập
- + Giảng dạy theo tình huống

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

+ Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

+ Phải đi học đúng giờ theo quy định. Hạn chế tối đa việc đi trễ (Không quá 15 phút).

+ Chuẩn bị cho bài học: sinh viên phải đọc các tài liệu học tập, hoàn thành toàn bộ bài tập do giảng viên cung cấp.

+ Thái độ: tôn trọng sở hữu trí tuệ, tuân thủ nguyên tắc làm việc nhóm, qui định về thời gian nộp bài.

+ Tham gia thảo luận, giải quyết những tình huống mà giáo viên hoặc các bạn đưa ra một cách nghiêm túc

+ Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm 5 SV), cử 1 nhóm trưởng để thực hiện bài tập nhóm.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	CÔNG CỤ	THỜI
-------	----------------------	---------	------

đầu ra học phần (CELOs)	Làm bài tập nhóm (25%)	Kiểm tra giữa kỳ (25%)	Thi cuối kỳ (50%)	ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
CELO 1	x	x	x	- Tình huống nhóm - Kiểm tra tự luận giữa kỳ đề đóng - Thi trắc nghiệm + tự luận cuối kỳ đề đóng	- Hàng tuần
CELO 2	x	x	x		- Tuần 7
CELO 3	x				- Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x		
CELO 5	x	x	x		

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Làm bài tập nhóm	25%	
2	Kiểm tra cá nhân	25%	
3	Thi cuối kỳ	50%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá bài tiểu luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
Quản lý thời gian	10	Đúng quy định				Quá thời gian cho phép
Cấu trúc	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan	Tương đối trực quan	Khó theo dõi	Rất khó theo dõi
Sự phối hợp trong nhóm	10	Thực hiện theo phân công của nhóm, đạt	Thực hiện theo phân công của nhóm, còn	Thực hiện theo phân công của nhóm, còn	Nhóm ít phối hợp trong quá trình thực hiện dự án, chưa	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình khá 50%	Trung bình kém 25%	Kém 0%
		chất lượng tốt	chút sai sót	sai sót nhiều	đạt chất lượng	
Nội dung	45	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn một sai sót quan trọng	Tương đối chính xác, còn nhiều sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
	5	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn theo đúng thể thức	Ghi đầy đủ các nguồn trích dẫn nhưng chưa theo đúng thể thức	Ghi nguồn trích dẫn theo đúng thể thức nhưng còn sót 1 nguồn trích dẫn	Ghi thiếu nhiều nguồn trích dẫn hoặc không đúng thể thức	Không ghi nguồn trích dẫn
Khả năng nhìn nhận và giải quyết vấn đề	20	Nhìn nhận được vấn đề, giải quyết thỏa đáng	Nhìn nhận được vấn đề, giải quyết còn vài chỗ chưa thỏa đáng	Nhìn nhận được vấn đề, chỉ giải quyết được 1/3 yêu cầu	Nhìn nhận được vấn đề, chưa giải quyết đầy đủ	Không nhìn nhận được vấn đề, không giải quyết vấn đề

- Thi giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi trắc nghiệm & tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
--------------	---------	-------------	-----------------

	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo
Các câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ 80% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	- Có đáp án chính xác từ 50-70% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm	-Có đáp án chính xác từ dưới 40% trở lên trên số câu hỏi trắc nghiệm

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

1. Nguyễn Bá Tường (2018), Cơ sở dữ liệu quan hệ và ứng dụng, NXB Thông tin và Truyền thông.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. TS. Lê Văn Phùng(2018), Cơ sở dữ liệu quan hệ và công nghệ phân tích - thiết kế, NXB Thông Tin và Truyền Thông.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1. Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Giới thiệu môn học và Chương 1	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (1 Tiết) - Giới thiệu về Phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh - Giới thiệu các công cụ xử lý và phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh: STATA phiên bản 2016 - Giới thiệu về các thuật ngữ cơ bản trong phân tích dữ liệu như AI, machine learning, robot trong ngành kế toán và tài chính	
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc bài nghiên cứu Big data opportunities for accounting and finance practice and research. - Đọc trước slide bài giảng. - Tìm hiểu trước những thuật ngữ cơ bản và tầm quan trọng	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>của phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ 	
2	<p>Chương 2: Kỹ thuật thống kê mô tả (phần 1)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại biến và các dạng thang đo - Thống kê mô tả dùng cho tất cả các loại biến – Thống kê tần suất và mô hình tần suất - Thống kê mô tả dùng cho thang đo hạng, thang đo khoảng, và thang đo tỷ lệ - median and percentiles - Thống kê mô tả dùng cho biến liên tục - mean, variance, standard deviation, and coefficient of variation. <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo Chapter 6: Descriptive statistics của giáo trình chính <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ 	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5</p>
3	<p>Chương 2: Kỹ thuật thống kê mô tả (phần 2)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê mô tả dành cho dữ liệu dạng phân loại đo lường bằng thang đo định danh hoặc thang đo hạng - cross tabulation - Áp dụng lấy mẫu trọng số (Applying sampling weights) - Định dạng dữ liệu đầu ra sử dụng trong một văn bản - Sử dụng bảng biểu để mô tả dữ liệu <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo Chapter 6: Descriptive statistics của giáo trình chính <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p>	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ 	
4	<p>Chương 3: Phân phối chuẩn</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân phối chuẩn và thang đo chuẩn - Phân phối mẫu và sai số chuẩn - Kiểm tra ý nghĩa thống kê - Chấp nhận và loại bỏ các giả thuyết - Trình bày và phân tích kết quả nghiên cứu - Giới thiệu về định lý giới hạn trung tâm <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo Chapter 7: The normal distribution của giáo trình chính <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ 	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
5	<p>Chương 4: Phân tích giả thuyết chuyên sâu-Diagnostic Analytics</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về bản chất của phân tích giả thuyết chuyên sâu - Quy trình thực hiện phân tích giả thuyết chuyên sâu - Giới thiệu về các thuật ngữ data discovery, data mining, and drill down and drill through trong phân tích giả thuyết chuyên sâu. - Phân tích kết quả phân tích giả thuyết chuyên sâu - Trình bày kết quả phân tích giả thuyết chuyên sâu <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo Whitney, D., & Juras, P. (2017). CMA: THE VALUE CREATOR: accounting robots are coming. Are you ready?. Strategic Finance, 99(6), 23-25. <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm 	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	- Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ	
6	<p>Chương 5: Phân tích biến thiên</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về phân tích biến thiên và cách sử dụng - Tính toán F ratio - Tiến hành phân tích biến thiên - Phân tích kết quả phân tích biến thiên - Cách trình bày phân tích biến thiên <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo Chapter 10: Analysis of variance của giáo trình chính <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ 	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p>
7	<p>Chương 6: Phân tích dự báo tương lai-Predictive analytics</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về bản chất của phân tích dự báo tương lai - Quy trình thực hiện phân tích dự báo tương lai - Giới thiệu về machine learning trong phân tích dự báo tương lai - Phân tích kết quả phân tích dự báo tương lai - Trình bày kết quả phân tích dự báo tương lai <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo bài đọc Richardson, V., Terrell, K., & Teeter, R. (2021). Data Analytics for Accountants. <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ 	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p>
8	Chương 7: Phân tích hiệu quả hoạt động-Prescriptive analytics	CELO1

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về bản chất của phân tích hiệu quả hoạt động - Quy trình thực hiện phân tích hiệu quả hoạt động - Giới thiệu về một số case study sử dụng phân tích hiệu quả hoạt động - Phân tích kết quả phân tích hiệu quả hoạt động - Trình bày kết quả phân tích hiệu quả hoạt động <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo bài đọc Richardson, V., Terrell, K., & Teeter, R. (2021). Data Analytics for Accountants. <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ 	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
9	<p>Chương 8: Tổng ôn kiến thức và kiểm tra giữa kỳ</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp lại kiến thức của môn học - Chữa bài tập và giới thiệu một số case study cần vận dụng kiến thức về môn học trong kinh tế và kinh doanh <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm cần thảo luận và tự hoàn thành các case study trước buổi học - Đọc lại các slide và các bài giảng trong môn học - Tham khảo bài đọc Richardson, V., Terrell, K., & Teeter, R. (2021). Data Analytics for Accountants <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ 	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

- Đối với học phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Bài 1: Giới thiệu về STATA	CELO1

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (6 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cài đặt và sử dụng STATA, làm quen với STATA - Làm quen với các loại dữ liệu trong STATA - Nhập liệu vào STATA - Sử dụng log files và lưu dữ liệu vào STATA - Sử dụng hướng dẫn trong STATA - Tổng hợp các câu lệnh trong chương <p>B. Các nội dung cần tự học: (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo Chapter 4: An introduction to STATA của giáo trình chính <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ 	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
2	<p>Bài 2: Chuẩn bị và biến đổi dữ liệu</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (6 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra phần ngoại biên - Tạo ra biến mới - Xử lý với trường hợp mất dữ liệu - Tổng hợp lại các câu lệnh sử dụng trong chương 4 <p>B. Các nội dung cần tự học: (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo Chapter 5: Preparing and transforming your data của giáo trình chính <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ 	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
3	<p>Bài 3: Giới thiệu về t-test</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (6 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chất và cách sử dụng t-test - Cách tính t-test - Phân tích kết quả t-test - Trình bày kết quả t-test 	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>B. Các nội dung cần tự học: (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo Chapter 8: Testing a hypothesis about a single mean của giáo trình chính <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ 	
4	<p>Bài 4: Thực hành với phân tích bảng chéo Cross tabulations và Chi-squared test</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (6 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về nội dung của phân tích bảng chéo - Giới thiệu về nội dung của phân tích Chi-squared test - Tính toán Chi-squared test - Thực hành phân tích bảng chéo và Chi-squared test - Trình bày và phân tích kết quả từ phân tích bảng chéo và Chi-squared test <p>B. Các nội dung cần tự học: (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo Chapter 11: Cross-tabulation and the chi-squared test của giáo trình chính <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ 	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5</p>
5	<p>Bài 5: Thực hành phân tích hồi quy tương quan đơn</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (6 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về nội dung của phân tích hồi quy tương quan - Giới thiệu về sự tương quan đơn - Thực hành hồi quy tương quan đơn - Trình bày và phân tích hồi quy tương quan đơn <p>B. Các nội dung cần tự học: (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo Chapter 12: Linear regression analysis của giáo trình chính <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p>	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Phương pháp đánh giá: - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ	
6	Bài 6: Thực hành phân tích hồi quy tương quan bội	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (6 Tiết) - Giới thiệu về nội dung của phân tích hồi quy tương quan bội - Thực hành hồi quy tương quan bội - Trình bày và phân tích hồi quy tương quan bội	
	B. Các nội dung cần tự học: (3 giờ) - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo Chapter 12: Linear regression analysis của giáo trình chính	
7	Bài 7: Thực hành với phân tích chẩn đoán hồi quy- Regression Diagnostics (phần 1)	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (6 Tiết) - Xử lý các lỗi đo lường trong chẩn đoán hồi quy - Xử lý các lỗi kỹ thuật trong chẩn đoán hồi quy - Xử lý hiện tượng đa cộng tuyến trong hồi quy tương quan - Xử lý hiện tượng phương sai sai số thay đổi trong hồi quy tương quan	
	B. Các nội dung cần tự học: (3 giờ) - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo Chapter 13: Regression Diagnostics của giáo trình chính	
8	Bài 8: Thực hành với phân tích chẩn đoán hồi quy- Regression Diagnostics (phần 2)	CELO1

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (6 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xử lý hiện tượng nội sinh trong hồi quy tương quan - Xử lý hiện tượng phân phối không chuẩn - Trình bày kết quả hồi quy - Tổng hợp các câu lệnh sử dụng trong STATA với phân tích chẩn đoán hồi quy <p>B. Các nội dung cần tự học: (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo Chapter 13: Regression Diagnostics của giáo trình chính <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ 	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
9	<p>Bài 9: Thực hành với phân tích hồi quy với biến phụ thuộc phân loại (categorical dependent variables) – Hàm logit</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (6 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu phân tích logit trong STATA - Giới thiệu về hàm và mô hình logit - Thực hành phân tích logit trong STATA - Trình bày và phân tích kết quả từ phân tích logit với STATA <p>B. Các nội dung cần tự học: (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo Chapter 14: Regression analysis with categorical dependent variables của giáo trình chính <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ 	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
10	<p>Bài 10: Thực hành với phân tích hồi quy với biến phụ thuộc phân loại (categorical dependent variables) – Hàm probit</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (6 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu phân tích probit trong STATA 	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về hàm và mô hình probit - Thực hành phân tích probit trong STATA - Trình bày và phân tích kết quả từ phân tích probit với STATA <p>B. Các nội dung cần tự học: (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước slide bài giảng - Tham khảo Chapter 14: Regression analysis with categorical dependent variables của giáo trình chính <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ 	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: lý thuyết.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, phòng máy, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

PHÓ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN





TS. Trần Thanh Vũ

ThS. Lê Thị Hậu

TS. Phạm Tuấn Anh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
41125 – KIỂM TOÁN NỘI BỘ

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (2;1)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30
- Giờ học thực hành: 30
- Giờ tự học của sinh viên: 90

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán, Kiểm toán căn bản

1.5. Học phần học trước: Kế toán tài chính 1, kế toán tài chính 2

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Không

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Kế toán
- Khoa: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

Giảng viên cơ hữu

Họ và tên: Lê Thị Hương	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 333 Thuận Giao 16, Thuận An, Thuận Giao, Bình Dương	Điện thoại liên hệ:
Email: huong.lt@kkt.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	

Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên trước, trong và sau giờ học hoặc sinh viên có thể hẹn gặp giảng viên ngoài giờ học tại trường, thời gian, địa điểm do GV qui định.

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị những kiến thức tổng quan về kiểm toán nội bộ, làm nổi bật tầm quan trọng của kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp cũng như trong nền kinh tế. Đồng thời làm rõ quy trình và những kiến thức nghề nghiệp của kiểm soát nội bộ để người học có thể nắm được công việc của kiểm toán viên nội bộ cũng như sự hiệu quả của chức năng kiểm toán nội bộ trong một doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Kiến thức cơ bản về kiểm toán nội bộ, kiến thức chuyên sâu về các phương pháp, thủ tục kiểm toán nội bộ trong các giai đoạn kiểm toán, về hệ thống kiểm soát nội bộ, về luật pháp và chuẩn mực kiểm toán nội bộ.

Về kỹ năng:

- Kỹ năng xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp, kỹ năng thiết lập các chỉ tiêu đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp có đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau.
- Kỹ năng thu thập, đánh giá bằng chứng kiểm toán.

Về thái độ:

Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của quy định về kiểm toán, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức cơ bản về kiểm toán nội bộ, kiến thức chuyên sâu về các phương pháp, thủ tục kiểm toán nội bộ trong các giai đoạn kiểm toán, về hệ thống kiểm soát nội bộ, về luật pháp và chuẩn mực kiểm toán nội bộ. 	Vận dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kỹ năng		
CELO2	- Kỹ năng xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp, kỹ năng thiết lập các chỉ tiêu đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp có đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau	Vận dụng
CELO3	- Kỹ năng thu thập, đánh giá bằng chứng kiểm toán .	Vận dụng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của quy định về kiểm toán, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.	Vận dụng

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức cơ bản về kiểm toán nội bộ, kiến thức chuyên sâu về các phương pháp, thủ tục kiểm toán nội bộ trong các giai đoạn kiểm toán, về hệ thống kiểm soát nội bộ, về luật pháp và chuẩn mực kiểm toán nội bộ	4
Kỹ năng		
CELO2	Kỹ năng xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp, kỹ năng thiết lập các chỉ tiêu đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của hệ	5, 9

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
	thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp có đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau	
CELO3	Kỹ năng thu thập, đánh giá bằng chứng kiểm toán.	9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO4	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của quy định về kiểm toán, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.	10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41125	Kiểm toán nội bộ	N	N	N	H	H	N	N	N	H	H	H	N

- *N*: Không đóng góp (*none supported*)
- *S*: Có đóng góp (*supported*)
- *H*: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng;
- + Thảo luận và trình bày;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập;
- + Dạy học theo tình huống.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên chủ động đọc tài liệu
- + Nghe giảng và đặt câu hỏi
- + Cố gắng trả lời câu hỏi;

+ Cố gắng trả lời câu hỏi gợi ý giảng viên;

+ Làm bài tập và thảo luận

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên cần chuẩn bị bài (xem lại kiến thức buổi học trước, đọc sách, làm bài tập, ôn lại kiến thức môn học trước) trước khi đến lớp;
- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, đúng giờ và chủ động tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp;
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các bài tập/ bài tình huống và bài thi cuối kì. Sinh viên vắng học buổi nào, bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được giải quyết theo quy định chung;
- Sinh viên nộp bài tập theo đúng quy định;
- Trong tất cả các buổi học và buổi thi, sinh viên cần mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện cho việc giải bài tập;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh Tế Kỹ Thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu	Hàng tuần Hàng tuần

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
						Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	x	Làm bài tập Thảo luận, phát biểu Chuyên cần Thi giữa kỳ Thi cuối kỳ	Hàng tuần Hàng tuần Từng buổi Định kỳ Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Làm bài tập	5%	
4	Thi giữa học kỳ	20%	
5	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
				định	

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Tài liệu học tập

1. TS. Phan Trung Kiên(2015), Kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp, NXB Tài Chính.

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

2. Thomas R Ittelson(2019), Báo Cáo Tài Chính - Hướng Dẫn Từng Bước Hiểu Và Lập Báo Cáo Tài Chính, NXB Hồng Đức.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Giới thiệu đề cương học phần và các quy định của lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả. - Cung cấp bài giảng, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo 	
1	<p>Chương 1: Khái quát về Kiểm toán nội bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Bản chất của kiểm toán nội bộ <ul style="list-style-type: none"> 1.1.1 Sự hình thành và phát triển của Kiểm toán nội bộ 1.1.2. Định nghĩa kiểm toán nội bộ 1.2. Qui trình kiểm toán nội bộ <ul style="list-style-type: none"> 1.2.1. Khái quát các giai đoạn của một cuộc kiểm toán nội bộ 1.2.2. Quan hệ giữa kiểm toán hoạt động, tài chính và kiểm toán hệ thống thông tin trong kiểm toán nội bộ 	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	1.3. Cơ sở cho cuộc kiểm toán nội bộ 1.3.1. Bản chất của Cơ sở cho cuộc kiểm toán nội bộ 1.3.2. Những yêu cầu đối với một cuộc kiểm toán nội bộ	
2	Chương 2: Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ 2.1. Kiểm soát nội bộ 2.1.1. Bản chất của kiểm soát nội bộ 2.1.2. Phân loại kiểm soát nội bộ 2.2. Vai trò của kiểm soát nội bộ với kiểm toán nội bộ 2.2.1. Sử dụng kiểm soát nội bộ trong kiểm toán nội bộ 2.2.2. Ảnh hưởng của hiểu biết về rủi ro tới thực hiện kiểm toán nội bộ hiệu lực.	CELO 1, 2, 3, 4
3+4	Chương 3: Quản lý hoạt động kiểm toán nội bộ 3. 1. Lập kế hoạch cho hoạt động kiểm toán nội bộ 3.1.1. Chiến lược kiểm toán cho bộ phận kiểm toán nội bộ 3.1.2. Kế hoạch kiểm toán hàng năm cho kiểm toán nội bộ 3.2. Tổ chức chức năng kiểm toán nội bộ 3.2.1. Mô hình chung tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ 3.2.2. Mô hình hoạt động của kiểm toán nội bộ và cơ chế báo cáo kết quả kiểm toán 3.2.3. Tổ chức nhóm kiểm toán 3.2.4. Chỉ đạo và kiểm soát thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ 3.3. Quản lý kiểm toán viên nội bộ 3.2.1. Yêu cầu và lựa chọn kiểm toán viên nội bộ trong doanh nghiệp 3.2.2. Tuyển dụng và đào tạo nhân viên 3.2.3. Đánh giá và khuyến khích nhân viên	CELO 1, 2, 3, 4
5+6	Chương 4: Phương pháp tiếp cận kiểm toán 4.1. Nhu cầu của quản trị và khả năng đáp ứng của kiểm toán nội bộ 4.1.1. Quan hệ giữa nhà quản trị và kiểm toán viên nội bộ 4.1.2. Trọng tâm của kiểm toán nội bộ - Đáp ứng yêu cầu của quản lý 4.1.3. Phân loại những dịch vụ của kiểm toán nội bộ	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	4.2. Phương pháp tiếp cận kiểm toán của kiểm toán nội bộ 4.2.1. Tiếp cận theo các hệ thống 4.2.2. Tiếp cận theo mô hình tự đánh giá rủi ro kiểm soát – CRSA 4.3. Phương pháp tiếp cận thực hiện hoạt động tư vấn 4.3.1. Hoạt động tư vấn và phương pháp tiếp cận thực hiện của kiểm toán nội bộ 4.3.2. Trình tự chung thực hiện hoạt động tư vấn	
7+8	Chương 5: Lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán nội bộ 5.1. Thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ 5.1.1. Lập kế hoạch kiểm toán 5.1.2. Thiết kế chương trình kiểm toán 5.1.3. Thực hiện các chương trình kiểm toán 5.2. Kiểm soát thực hiện dự án kiểm toán nội bộ 5.2.1. Kiểm soát theo lĩnh vực kiểm toán 5.2.2. Kiểm soát các dự án kiểm toán và đảm bảo chất lượng kiểm toán 5.3. Sử dụng Giấy làm việc trong kiểm toán nội bộ 5.3.1. Vai trò của giấy làm việc trong kiểm toán nội bộ 5.3.2. Kết cấu và ghi chép giấy làm việc 5.3.3. Tổ chức lưu trữ giấy làm việc 5.3.4. Kiểm soát và đánh giá giấy làm việc của kiểm toán viên	CELO 1, 2, 3, 4
9+10	Chương 6: Thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán nội bộ 6.1. Thu thập bằng chứng kiểm toán thích hợp trong kiểm toán nội bộ 6.1.1. Phân loại bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán nội bộ 6.1.2. Kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán 6.2. Giới thiệu về kỹ thuật chọn mẫu trong kiểm toán nội bộ 6.2.1. Quyết định chọn mẫu trong kiểm toán nội bộ 6.2.2. Những kỹ thuật chọn mẫu kiểm toán phổ biến 6.3. Vận dụng phương pháp chọn mẫu trong kiểm toán nội	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	bộ 6.3.1. Chọn mẫu thuộc tính 6.3.2. Chọn mẫu theo đơn vị tiền tệ 6.3.3. Những kỹ thuật chọn mẫu khác trong kiểm toán nội bộ 6.3.4. Cải thiện hiệu quả và hiệu lực kiểm toán từ chọn mẫu kiểm toán	
11+ 12	Chương 7: Lập báo cáo kiểm toán nội bộ 7.1. Khái quát về báo cáo kiểm toán nội bộ 7.1.1. Mục đích của báo cáo kiểm toán nội bộ 7.1.2. Phân loại báo cáo kiểm toán nội bộ 7.1.3. Phương pháp tiếp cận viết báo cáo kiểm toán nội bộ 7.1.4. Nguyên tắc lập báo cáo kiểm toán nội bộ 7.2. Lập báo cáo kiểm toán nội bộ 7.2.1. Trình bày nội dung của báo cáo kiểm toán nội bộ 7.2.2. Trình tự viết báo cáo kiểm toán nội bộ 7.3. Cải thiện hiệu quả quá trình lập báo cáo kiểm toán nội bộ 7.3.1. Giải quyết những vấn đề phát sinh trong lập báo cáo kiểm toán nội bộ 7.3.2. Truyền thông hiệu quả đối với kiểm toán nội bộ 7.3.3. Cải thiện tác động của kết quả kiểm toán tới sự thay đổi trong tổ chức	CELO 1, 2, 3, 4

11.2 Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: Khái quát về Kiểm toán nội bộ	CELO 1, 2, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 2,5 giờ) - Trả lời các câu hỏi trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 giờ) - Làm bài tập ở nhà đọc trước nội dung bài mới	
	Đánh giá kết quả học tập:	

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	- Kết quả các bài tập	
2	Chương 2: Làm bài tập Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ	CELO 1, 2, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 2,5 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (7,5 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập	
3+4	Chương 3: Làm bài tập Quản lý hoạt động kiểm toán nội bộ	CELO 1, 2, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (15 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập	
5+6	Chương 4: Làm bài tập Phương pháp tiếp cận kiểm toán	CELO 1, 2, 3, 4
	Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.	
	Các nội dung cần tư học ở nhà: (15 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.	
	Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập	
7+8	Chương 5: Làm bài tập Lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán nội bộ	CELO 1, 2, 3, 4

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (15 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập</p>	
9+10	<p>Chương 6: Làm bài tập Thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán nội bộ</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (15 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập</p>	
11+12	<p>Chương 7: Làm bài tập Lập báo cáo kiểm toán nội bộ</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp: (thực hành – 5 giờ) Bài tập trên lớp ứng dụng lý thuyết.</p> <p>Các nội dung cần tư học ở nhà: (15 giờ) Làm bài tập ở nhà, đọc trước nội dung bài mới và qua các bài tập trong tài liệu học tập.</p> <p>Đánh giá kết quả học tập: Kết quả các bài tập</p>	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: lý thuyết.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, Ti vi, máy chiếu, Micro, bảng, phấn, phòng máy, ...

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021

- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ:

- + Đề cương được viết mới vào năm 2021 theo chương trình đào tạo của khóa 2021, viết theo mẫu mới./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Vũ

PHÓ BỘ MÔN



ThS. Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN



ThS. Lê Thị Hương